



U. C.

HÀ VĨ
23.12.2012

VE TUYÊN ĐOẠT VE ĐÌNH
HÀ VĨ TÔI MỜI



Tô Hoài

Những Gương Mặt - Chân Dung Văn Học

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>



Nhà văn Tô Hoài

Thông tin ebook

Tên truyện : Những Gương Mặt - Chân Dung Văn Học

Tác giả : Tô Hoài

Thể loại : Hồi ký

Nhà xuất bản : Hội nhà văn

Năm xuất bản : 1997

Mục Lục

- [1. Một lớp người](#)
- [2. Nguyễn Huy Tưởng](#)
- [3. Người bạn đọc ấy](#)
- [4. Nguyễn Công Hoan](#)
- [5. Nguyên Hồng](#)
- [6. Như Phong](#)

- [7. Trúc Đường](#)
- [8. Nguyễn Bính](#)
- [9. Trần Huyền Trân](#)
- [10. Vũ Ngọc Phan](#)
- [11. Vũ Bằng](#)
- [12. Vân Đài](#)
- [13. Trọng Hứa](#)
- [14. Võ Huy Tâm](#)

1. Một lớp người

Những điều ấy khác nhau như mưa với nắng hoàn cảnh người cầm bút hôm nay với người cầm bút chúng tôi ở lứa tuổi thanh niên. Chúng tôi những cánh bèo vật vờ. Có thể phơi phới ra biển khơi mệnh mông. Có thể giạt lên khô héo trên bờ cát.

Ngày nay, lớp lớp các bạn lớn lên, phát triển giữa cuộc sống không phải chỉ bằng vào mong ước, mà ở ngay trong tổ chức, trong đội ngũ.

Ví dụ đơn giản, một nét lớn nét chung về cuộc đời một cây bút ở lớp người cầm bút trẻ. Bạn ấy tốt nghiệp nhà trường phổ thông, trường trung cấp hay trường đại học. Rồi vào thực tế đời sống: đi bộ đội. Vừa qua chiến đấu chiến trường B, chiến trường C, bây giờ trên biên giới hải đảo, hoặc đi làm nhiệm vụ quốc tế bên Lào, bên Căm-pu-chia. Hoặc bạn ấy làm công nhân ở nhà máy, ở xưởng, ở cơ quan, ở công tác nào mà xã hội đòi hỏi và bạn có chuyên môn. Trong khi ấy, bạn thích viết văn, làm thơ, tự rèn luyện rồi viết thử, rồi ham mê dần và viết ngày một khá hơn. Đã lác đác có bài in trên báo, đã có lúc phẩm xuất bản. Rồi thì vẫn cảm thấy chưa đủ tri thức cho người viết, bạn đi học lớp báo chí, lớp chính trị, lớp viết văn, những việc cần để bổ túc cho nghề mà bạn say mê.

Nét chung ấy đang thấy ở những người cầm bút có triển vọng hôm nay. Chế độ tạo ra điều kiện, không phải chỉ cho một ai, mà cho cả một lớp người, một thế hệ. Thật khác chúng tôi ở tuổi ấy trước kia. Không biết có phải người có tuổi thường hay vui buồn nặng về kỷ niệm, nhưng nhìn lại đời văn của một lớp người không bao giờ tôi quên được những hiu hắt, những chua xót, những nỗi niềm những mong chờ dường như vu vơ.

Tôi có biết ít nhiều về nhà văn Nam Cao, từ quãng 1940 cho tới 1951: ngay trước ngày anh hy sinh năm 33 tuổi trên đồng bằng sông Hồng, thì khi đó Nghĩa Đô làng tôi, khi ở Đại Hoàng quê anh khi Hà Nội hay trên Việt Bắc, chúng tôi thường ở cùng nhau.

Chúng tôi cũng mang khá đủ tính nết và tâm tư thường thấy trong lớp người túng bấn mà có chút chữ nghĩa ở xã hội ấy. Dân nghèo ở chợ không coi chúng tôi là những người khổ rách áo ôm như họ. Mà cũng không muốn bị khinh rẻ thế, chúng tôi cũng không có tính nết của những người khốn cùng ấy. Những nghĩ ngợi trong đầu óc chúng tôi khó động lại một cái gì là khẳng định. Tầng lớp trên nhìn chúng tôi là những kẻ mà họ xía tiền ra, có thể gọi dạ bảo vâng được. Mặc dầu, có khi âm thầm vắt tay lên trán mà nghĩ nước đời đến nông nổi ấy chúng xấu hổ, tủi

nhục. Đối với xã hội cứ vừa nhìn ra cái bất công lại vừa loạng quạng mơ hồ. Lẫn lộn thấy và không thấy. Rồi thì tâm trạng vẫn vờ, quần quanh và cúi mặt. Rồi thì vừa bức bối, vừa buồn thương. Ở những người nào đó có được đôi chút niềm tin và mong ước, có thể anh ta đã biết bức bối và chán chường không phải chỉ đối với thời thế, mà cả với chính mình.

Nam Cao lớn lên trong một gia đình khá giả bị sa sút. Nhà anh gốc quê, nhưng ra làm ăn ngoài tỉnh khấm khá nên dọn cả ra tỉnh. Bố anh buôn gỗ và có cửa hàng đồ gỗ tiện ở thành phố Nam Định. Nhưng rồi ông rượu chè, cờ bạc. Tiền kiếm được không lại với ăn tiêu, cơ nghiệp cứ xuống dần. Rồi qua một vài chuyến buôn bán thua lỗ, bị mối lái lừa đảo, đâm khánh kiệt.

Bố anh phải bán cả cửa hiệu, trở về làng, nghèo khó hơn trước và tất nhiên trong nhà lục đục hơn trước. Cứ trông cuộc đời mấy anh em nhà Nam Cao cũng có thể thấy vẽ ra quang cảnh nhà anh và xã hội đổi thay thế nào. Nam Cao, anh lớn nhất, được học đến tốt nghiệp tiểu học lên bậc thành chung, mười một năm. Các em trai anh không biết cửa trường học ở đâu. Người thì gồng thuê gánh mướn, sống đời cố nông. Người đến tuổi, đi sở mộ vào Nam Kỳ làm phu cao su. Riêng có người em trai út, năm 1945 mới là thiếu nhi, đến 1954. khi hoà bình lập lại, được đi học thành kỹ sư.

Nam Cao kể với tôi khi anh đã lớn, biết rõ việc nhà, anh rất ghét bố anh. Tất nhiên ghét theo cách lặng lẽ của Nam Cao. Bây giờ ông cụ mất đã lâu.

Nhưng tôi tưởng ngay cá lúc sinh thời, cũng không bao giờ cụ biết được có lúc người con cả của cụ lại nghĩ về mình như thế. Ghét bố, bởi chỉ vì bố mà gia đình phải tay không về làng. Vì bố mà các em anh không đứa nào biết mặt chữ. Vì bố mà... bao nhiêu tội lỗi ở cái nhà này đều vì ông ấy cả. Có lúc anh đương cười to, chợt nhận thấy hình như mình có cái dáng vừa cười vừa gờ tay, bố anh cũng hay cười và gờ tay thế. Nam Cao cố chữa cho không cười và gờ tay giống vậy. Nam Cao cực ghét người đánh bạc và không biết cờ bạc là gì. Nam Cao kiếm lại những cử chỉ, các sinh sống, cái gì có thể giống bố, nhất định làm khác. Nhưng ngầm nghĩ, rồi lại thương. Ông ấy phá, ông ấy làm ra, rồi ông ấy phá, công của ông ấy chứ nhà này ai để được đồng tiền nào mà căm ghét gì ông ấy. Thế là lại thương, thương bố, thương mẹ, thương bà nội, cụ ngoại sống lâu quá, thương vợ, thương thân, thương những người đã cùng túng lại cứ cần nhằn cấu xé làm khổ nhau trong cái bế khổ đầy vui khắp thế gian này.

Cứ giận dỗi lại xót xa, lại hối hận như thế.

Nam Cao lấy vợ được chưa đầy một năm thì anh đi Sài Gòn. Cũng chẳng có mục đích gì mà đi. Duyên do vì ông Lễ, một người cậu họ có cửa hàng may đo Tây ở trong ấy. Ông cậu muốn có một người nhà vừa sổ sách, vừa tay hòm chìa khoá, thế là ông về mang cháu đi.

Cũng không phải chàng thanh niên này thất tình, thất chí gì đâu. Vợ chồng lấy nhau do cha mẹ gả bán từ khi còn ít tuổi, theo phong tục thông thường thời ấy. Cũng khó khăn đôi chút, vì chị ấy người bên lương, nhà anh đi đạo, nhưng họ đạo xoi đổ mà anh thì tự nhiên đã nhậ đạo nên rồi cũng nên vợ chồng. Năm ấy, anh ốm, không thi hết bậc học thành chung ngoài Nam Định được đến năm ở Sài Gòn về, anh thi mới đỗ. Vợ anh thì chỉ như đứa con gái được mua bán đem về nhà để cha mẹ anh sai bảo. Với anh, mọi ràng buộc riêng tư chẳng thành vấn đề cản bước anh đi. Làm đời trai thử bay nhảy xem sao. Thế là đi.

Hơn hai năm trời ở Sài Gòn anh làm việc chí thú như mong muốn của người cậu: sổ sách, xuống tàu Tây cảng Nhà Rồng đo quần áo cho khách hàng và trông nhà. Nhưng cũng không phải anh chỉ bằng lòng và yên ổn sống như thế, anh cũng chút ít tìm ra ngoài xã hội.

Anh vào tráng đoàn hướng đạo. Một hôm, đoàn anh đi cắm trại ở Lái Thiêu. Mỗi tốp chia nhau ra chơi trò thả rùa, bịt mắt bắt dê... Sau đó về, từ đấy, anh không đến với đoàn nữa. Bao nhiêu năm rồi kể lại mà anh vẫn không nín được cười: thằng con trai to đầu đến độ có vợ rồi mà lại

còn đi chơi trò trẻ trâu ấy làm gì! Anh cũng đến báo *Kịch Bóng*, xin được cái thẻ làm phóng viên. Rồi có lần phóng viên *Kịch Bóng* chưa viết được bài nào, cũng đi Nha Trang bằng tiền túi của mình dành dụm được.

Những hoạt động của phong trào Bình dân hồi 1935, 37 sôi nổi khắp thành phố và ngay cả quanh mình anh ở hiệu may Tây trong ngõ hẻm Chợ Cũ. Đêm đêm và buổi trưa anh nằm ngủ trên mảnh ván ghép kê dưới gầm chiếc bàn cắt to đặt giữa nhà. Quanh bàn và cả trên mặt bàn, những câu chuyện hào hứng về đình công, về biểu tình, về hội ái hữu, về nghiệp đoàn Đồng Dương miên man đêm ngày không lúc nào ngớt. Ông Ngôn, cậu ruột anh khác ông Lễ cũng là tay hoạt động hăng hái trong ái hữu thợ may.

Nam Cao ngủ dưới gầm bàn, anh không để ý và cũng không ai để ý anh. Có thể có bạn nào nghiên cứu về Nam Cao sẽ nghĩ ra đại loại những câu hỏi: thế thì vì động cơ gì mà Nam Cao lại không tham gia phong trào chính trị lúc ấy rầm rộ đến thế. Tôi thì tôi chịu không cắt nghĩa được. Bởi tôi không thể nào tìm được vì cái gì cả. Nhưng, nếu thế, tôi xin hỏi ngược lại: vậy sao anh lại đứng dưng trước tài hùng biện của tờ-rốt-kít Tạ Thu Thâu, hầu như chủ nhật nào cũng diễn thuyết ở "bùng binh" chợ Bến Thành náo nức Sài Gòn.

Vâng, chỉ có điều dễ hiểu là lúc ấy anh chưa để ý, vậy thôi. Thời cơ chưa đến với tâm tư con người ta.

Mấy năm sau, khi cậu Ngôn bị mật thám Pháp truy lùng và ông ấy phải trục xuất về nguyên quán vì những hoạt động dính líu đến Nam Kỳ khởi nghĩa. Tôi được làm quen với ông Ngôn ở Đại Hoàng. Hồi ấy, những câu chuyện ông kể cho chúng tôi nghe về Tây đốt làng, Tây xâu dây thép vào tay người ném xuống biển, Tây bắt ông ấy... Hình ảnh ông Ngôn tham gia "cuộc phiến loạn ở Nam Kỳ" rồi bị xích tay giải về làng, lại đi làm thuê làm mướn như những ngày nghèo khó năm xưa, hình ảnh ấy đã xúc động Nam Cao nhiều. Nam Cao rất phục ông Ngôn. Trong cuộc đời và trong sáng tác của Nam Cao, tôi nhận thấy qua trò chuyện và ao ước của anh, cậu Ngôn là một hình ảnh sâu sắc mà chưa khi nào anh viết tới, tôi tin có những ảnh hưởng quyết định tới công việc tham gia hoạt động sau này của Nam Cao. Nhưng Nam Cao đã mất sớm, không biết, kháng chiến ở vùng giải phóng khu du kích Đại Hoàng, ông Ngôn bị bắt trong chỉnh đốn tổ chức và bị chết oan.

Hoàn cảnh và tâm sự con người ta thường éo le, khúc khuỷu, nổi chìm như thế.

Rồi cái hào hứng đi cho biết đó biết đây của Nam Cao bỗng biến thành một ân hận suốt đời. Ở Sài Gòn, anh ốm đến phù nề chân tay và phải trở về Bắc.

Một hôm, ngồi ăn cơm ở nhà, anh chợt để ý thấy bàn tay vợ rám nắng. Tôi nghĩ có khi bàn tay người làm đồng nắng mưa vất vả, dù ở tuổi con gái cũng bị rám nắng như thế từ đời thuở nào rồi, nhưng mà cái bệnh lo nghĩ của anh, anh rất căm lo, lan man lo, đã khiến lúc ấy anh thương vợ và anh giận anh đến thế.

Anh ân hận làm sao anh lại ngu dại đến bỏ đi Sài Gòn để đến nỗi bây giờ hai bàn tay người vợ yêu thương của anh đã nhăn nheo cả rồi anh mới về - tuổi thanh xuân và tình yêu đã qua đi, đã mất rồi, không bao giờ trở lại, không bao giờ vợ anh lại có được bàn tay của người đương xuân.

Bàn tay đẹp không bao giờ anh được thấy đã từ ám ảnh trở thành ước mơ. Cái đầu đề truyện ngắn *Bàn tay đẹp ấy* của Nam Cao in báo *Quân du kích* ở Việt Bắc viết về một cô du kích ở hậu địch đồng bằng sông Hồng có hai bàn tay đẹp cầm súng không có gì khác là ở nơi xa xôi nói được một câu về nỗi ao ước ngày trước của mình.

Trong sáng tác, Nam Cao thường viết rất thật - sự thật thông qua sức mạnh sáng tạo của anh. Đọc sáng tác nào của anh, tôi cũng có thể tìm ra và đoán được chuyện này anh thấy ở đâu, anh

nghe ai kể, nhân vật ấy là ai. Khi viết xong tiểu thuyết *Chết mòn* [1] Nam Cao hay nói đùa: "Bao giờ những người trong tiểu thuyết này chết đi, mình mới đem in được sách. In bây giờ thì không dám nhìn mặt ai nữa!". Nói huếch thế chứ tiểu thuyết *Chết mòn* dài mấy trăm trang, vào thời buổi khó khăn 1943, 1944, cũng chẳng nhà xuất bản nào hỏi đến.

Chỉ có mỗi nhân vật hay trở đi trở lại trong các tác phẩm của anh, thì hoàn toàn anh tưởng tượng. Mà tưởng tượng cũng đơn giản thôi: chỉ việc làm ngược lại Đó là vai "vợ" của các nhân vật thường xưng "tôi" trong truyện ngắn của Nam Cao. Khi nào người vợ ấy cũng nanh ác, lắm điều, luôn miệng rìn rít chữi con, dọa đánh chồng, còn chồng thì sợ vợ một phép. Trong cuộc đời vợ chồng, chị ấy đối với anh, hiền như bóng.

Nhưng sáng tác, anh tưởng tượng nghịch ngợm khác đi, "vợ" tác giả thành dữ, thành ác. Có phải có vợ quá hiền cũng buồn, cũng muốn vợ lắm điều đôi chút, cuộc sống hằng ngày đỡ tẻ hơn chẳng. Nhưng nghĩ cho cùng thì lúc nào con người và tình cảm anh cũng đượm buồn thương và một tấm lòng chân thành, thực như đếm được Chúng tôi thường túng chuyện viết. Tháng nào cũng phải có truyện ngắn, truyện dài nộp cho báo và nhà xuất bản thì mới được người ta chi tiền. Khan cái để viết đến nỗi chúng tôi phải đi bói thầy bói Kể đương có tiếng ở Nam Định rồi về Nam Cao viết lại thành truyện ngắn tả quang cảnh và lời thầy bói đã nói tốt thế nào cho anh và người xem bói, anh chỉ sáng tạo ra có cái đuôi khi viết thành truyện ngắn: thầy bói vừa nói tốt số xong, ra khỏi vỉa hè, người xem bói bị ô tô chẹt chết. Túng đến nỗi có lần anh phải lấy chuyện Kinh Thánh ra viết phỏng theo thành truyện cho trẻ em đọc. Như truyện *Bảy bông lúa lép* [2]. Tôi cũng đã tìm báo *Nam Phong* xem bài của người ta nghiên cứu về đình chùa rồi đem viết lại thành truyện cho thiếu nhi.

Cả đến trong những cuộc chơi, anh cũng chỉ biết thương người. Hồi ấy, cuối năm lại cuối tháng rồi mà chẳng có gì để viết, một đêm chúng tôi cố tình đi chơi bơ vơ một chuyến hổng cái viết. Nghe còi tàu hoả trong đêm, tưởng như đã gọi hứng rồi. Nửa đêm, từ Hà Nội xuống Nam Định. Không phải về quê, nhà Nam Cao chỉ cách thành phố khoảng chục cây số. Chúng tôi đương giang hồ vật mà. Tìm chỗ ngủ, sục vào nhà trọ, nhà nào cũng chật khách. Chúng tôi đến nhà sấm [3] Đông Phương gần Bến Cửi. Nhà này cũng chẳng còn phòng trống. Đã trở ra cửa, nghe có tiếng người gọi lại: "Các anh ở tạm phòng em vậy. Em đi ngủ nhờ nhà bạn cũng được". Trông mặt cô em và câu mời với cùng cách bả lả nói cười trong đêm hôm khuya khoắt như thế, ả này ắt gái làm tiền loại thuê tháng nhà trọ rồi đi kiếm khách hoặc có người bao.

Chúng tôi bằng lòng ngay. Rồi thì cô ấy cũng chẳng đi ngủ nhờ nhà ai cả. Cô ấy cứ mở chăn leo vào nằm giữa hai chúng tôi. Đến nửa đêm tôi nghe tiếng khóc rì rỉ bên cạnh đầu rồi tiếng Nam Cao rì rầm khuyen, can gì đó, tôi cũng không thủng được câu chuyện đầu đuôi ra sao. Sáng ra, Nam Cao kể lại.

Giọng anh rất xúc động, anh hỏi chuyện tình cờ mà được biết hoá ra trước kia cô ấy là em một người bạn anh ở Sài Gòn. Chẳng may yêu đương lỡ dở rồi cuộc đời chồng con mấy phen đau đớn, rồi giận đời đen bạc, cô cắt tóc đi tu, rồi sa chân lỡ bước đến đây...

Tôi thì tôi không tin. Bởi vì trong đêm tối có một lúc cô điếm ấy đã quay sang cắn tai tôi. Nhưng trông nét mặt cảm động về sùng đạo của anh, tôi không dám nói. Trở về nhà tôi ở Nghĩa Đô, anh hì hục ngồi viết. Hồi ấy, chúng tôi viết khá khoẻ. Thường một truyện ngắn chỉ lia một mạch từ đầu chí cuối. Một truyện dài trên trăm trang cũng dăm bữa nửa tháng thì xong.

Nam Cao viết được một truyện vừa lấy tên là *Một đời người*, theo câu chuyện cô gái điếm đã kể đêm ấy ở nhà sấm Đông Phương. Chỉ có một việc bịa: anh đặt cho nhân vật chính một cái tên "đầm", là cô Suy-gian.

Rồi đem truyện *Một đời người* bán cho nhà xuất bản *Cộng Lực*, được chủ xuất bản ứng trước cho tám mươi đồng. Cuốn truyện này rồi nhà xuất bản đưa kiểm duyệt, bị bỏ. Lão kiểm duyệt Nguyễn Văn Chính vốn là giáo học, nhẩn tôi - như tôi đã có dịp viết trong *Tự truyện* [4]: "Ông, bảo hộ tôi là cái ông Nam Cao thâm lắm, ông chửi Tây bằng cách đặt tên Tây cho nhân vật rồi bắt nó đi làm đĩ. Không được đâu!".

Tám mươi đồng bạc hồi ấy không phải nhỏ đối với những người giặt gấu vá vai quanh năm như bọn tôi. Huống chi, Nam Cao còn vợ con nheo nhóc ở quê, tháng tháng đợi chồng gửi tiền về đỡ dằn.

Chiều hôm ấy, Nam Cao rủ tôi đáp tàu xuống Nam Định. Nhưng cũng không phải anh về nhà. Tám mươi đồng bạc tiền bản quyền anh đếm ra năm mươi đồng.

Anh đem năm mươi đồng về biếu cô gái điểm, cái cô mà anh cho là em người bạn cũ của anh ở Sài Gòn - mà tôi nghi ngờ chỉ là câu chuyện làm quà của cô điểm với khách làng chơi, mà anh thì thương xót, và anh nói nếu anh sẵn tiền, anh sẽ đưa cả tám chục cho cô ấy.

Nhưng không gặp lại cô gái điểm. Tìm mấy nhà xăm nữa cũng không thấy. Nam Cao ân hận mãi về lần không gặp lại này.

Còn biết bao nhiêu chuyện tương tự như thế.

Những con người chúng tôi trôi giạt lúc ấy. Chúng tôi cũng mang đủ thói hư tật xấu của kiểu người như chúng tôi trong xã hội, những ích kỷ, ganh ghét nhỏ nhen, mọi thứ. Hỏi chúng tôi thích giàu có không.

Thèm đấy, mà không biết làm thế nào giàu được. Cũng bon chen, bon chen chứ, có khi chỉ vì không ngóc lên được thì đâm ra chán chường, nhưng chúng tôi cũng thấy được xã hội bất công. Những mơ hồ cứ dần dần bị bao nhiêu khủng khiếp của tình hình đất nước và thế giới thời kỳ chiến tranh thế giới lần thứ hai và những hoạt động quyết liệt của cả nước sửa soạn đứng lên - những sự kiện lớn lao ấy đã xoá đi cho chúng tôi biết bao mịt mù. Chúng tôi đến được với cách mạng bởi phán tốt đẹp còn có trong con người.

Những năm trước tháng tám 1945 cách mạng chưa trở thành không khí bao trùm đất nước một cách tất nhiên, như làn khí quyển bao quanh trái đất, như ngàn nay. Những người viết văn ở Hà nội có thể chia thành từng loại:

1) Những người không biết thế nào là cách mạng, hoặc nếu biết cũng ngoảnh mặt đi. Các bạn ấy muốn sống cho đã, chơi cho đã. Các bạn ấy muốn yên thân, bởi làm cách mạng chẳng biết thế nào, dễ bị tội

2) Những người cũng muốn thay đổi, nhưng theo đuổi những con đường khác, anh tò-rốt-kít, anh Đại Việt, anh Phật tử, anh Tin lành...

3) Có người được bè bạn thuyết phục, đọc sách báo bí mật giác ngộ đường lối của Đảng cộng sản và gia nhập các đoàn thể Việt Minh.

Nam Cao là một trong những bạn vào loại thứ ba ấy của tôi.

Nhưng đó mới chỉ là bắt đầu. Chúng tôi mới chỉ bước tới, mà trong mình vẫn mang theo vô khối thứ hành lý cũ lồi thối. Từ đây về sau, trong tinh thần, cuộc đời tư tưởng và ngòi bút của chúng tôi mới bắt đầu và mãi mãi đẩy lên cuộc chiến tranh đưa công cuộc sáng tạo kịp với thời đại, đòi hỏi cao hơn, mạnh hơn trong đời người cầm bút, khác trước kia.

Con đường đi tới của mỗi người không mấy may mắn dễ dàng. Tôi không biết nhiều về Trần Đăng như tôi đã biết Nam Cao trước kia. Tôi chỉ biết Trần Đăng trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, anh quê ở Đăm (xã Tây Tựu, huyện Từ Liêm) là sinh viên. Những ngày khởi nghĩa lớp sinh viên các ngành này đã hồn nhiên hăng hái đến với cách mạng và văn học cách mạng.

Các bác sĩ Nguyễn Trinh Cơ (Tri Chơn), Nguyễn Sĩ Quốc (Minh Đạo), Từ Giấy. Hồi ấy hành động biểu lộ tinh thần mạnh mẽ nhất là gia nhập Vệ quốc đoàn. Rồi các anh dần dần đi sâu vào các ngành chuyên môn khác. Riêng có Trần Đăng làm nghề cầm bút. Năm 1950, Trần Đăng hy sinh ở Bản Trại trên biên giới phía Bắc. Đơn vị có phóng viên mặt trận Trần Đăng đi theo đã mắc mưu quân Quốc dân đảng Tưởng Giới Thạch, trên đường bộ đội ta tiến lên đón Hồng quân Trung Hoa xuống phía nam. Một số đồng chí trong ban chỉ huy tiểu đoàn và Trần Đăng đã hy sinh.

Tôi còn giữ được một tập sổ tay của Trần Đăng gửi. Cuốn sổ bằng bàn tay sổ tay trong ba lô chúng tôi đeo lưng thời kháng chiến không thể nào to hơn thế.

Trần Đăng đã ghi đủ thứ trên đường đi, vào quãng từ tháng 8-1948 tới tháng giêng 1949 - mới chỉ năm tháng, mà rất rõ nét, những đấu tranh trong tư tưởng và phong cách làm việc trong con người Trần Đăng. Cuộc đấu tranh bằng hành động, ý thức rõ ràng dứt khoát của nhà văn chiến sĩ.

Có thể tóm tắt nhật ký ghi chép tài liệu của Trần Đăng thành bốn phần như sau:

1. Trần Đăng luôn đi với các đơn vị chiến đấu- Mùa xuân 1948, theo bộ đội vào hậu địch Đông Bắc - vùng Ba Chẽ - Tiên Yên, anh bị phi bắn bị thương một ngón chân. Nhưng khi trở về căn cứ, gặp một đơn vị lên biên giới phía bắc, lại đi luôn.

Trần Đăng có thói quen vừa đi vừa viết trên đường. Trong chiến dịch biên giới thu đông 1950, anh viết bài về chiến dịch Sông Thao 1949 (bút ký *Trận Phố Ràng*), trong những ngày sắp đi hậu địch Đông Bắc, Trần Đăng viết bút ký *Một cuộc chuẩn bị* (cũng về chiến dịch Sông Thao).

Trong quãng năm tháng, Trần Đăng đã đi các mặt trận, tháng tám đến Phủ Thông và Đào Lâm, mặt trận Bắc Cạn. Tháng mười từ Việt Bắc về vùng địch Sơn Tây, qua miền tạm chiếm ở Bến Rau rồi xuống đồng bằng khu Ba - vùng hậu địch Ba Thá rồi vào Gián - Khuất.

Sống cuộc sống chiến đấu mãnh liệt, dũng cảm của người chiến sĩ cầm bút.

2. Trần Đăng đọc rất nhiều - Đọc và ghi chép cẩn thận. Mỗi lần Trần Đăng ghé về cơ quan, trước khi đi một chuyến mới, hoặc có lần bị sốt rét phải nghỉ lại, Trần Đăng vẫn mê mải đọc.

Trong có 5 tháng, Trần Đăng ở cơ quan báo Vệ quốc quân hơn một tháng, đã đọc và ghi vào sổ tay: Sách báo ở chiến khu: báo Độc Lập, báo Văn Nghệ. Phóng sự Chặt gọng kìm đường số 4. Chép bài thơ Viếng mộ của Hoàng Lộc. Ghi những ca dao về Đồng Tháp Mười của Bảo Định Giang, ghi các phong tục và bài hát của dân tộc Tày trong tập truyện ngắn Núi Cứu quốc của Tô Hoài.

Sách báo Pháp: báo *Ngã tư* tháng 12-47, bài của Barjavel viết về các nhân vật của E. Mauriac. Báo Khoa học và Văn nghệ Xô-viết bài của Benjamin Goriely viết về chủ nghĩa nhân văn mới. Báo Nước Pháp trước đã, nhật ký của A. Gide. Đọc các tiểu thuyết của W Walenska (Ba Lan), Jozep Pot (Đức), Ernest Renau, J. Stinbeck (Mỹ), Curzio Malaparte (Ý), Jean Louis Curtis, Gabrielle Roy, Piene Damino. Ngoài ra, không biết lấy ở sách báo nào, còn thấy ghi nhiều câu của Jean Paul Sartre nói về chủ nghĩa hiện sinh. Một đoạn tin về giá vàng, tính theo đồng franc, giá ở Paris, Hồng Kông, Sài Gòn.

3. Trần Đăng thường xuyên chép bích báo các đơn vị- Trần Đăng chịu khó chép bích báo. Sổ tay có trên một trăm trang, thì 72 trang ghi các bài bích báo đơn vị có thể lấy ra in hẳn một bài về các bích báo này. Phản ánh sinh động được thời kỳ đầu chiến đấu và sinh hoạt của quân đội. Trần Đăng chép tỉ mỉ, kỹ lưỡng, đơn vị nào, ở đâu. Ngoài ra, còn những đoạn tóm tắt tổng kết trận đánh các chiến dịch ở Trị Thiên, ở Nam Trung Bộ và Nam Bộ năm 1948.

4. Trần Đăng luôn luôn chuẩn bị sáng tác - Trong tập sổ tay nhỏ bé thế mà cũng đủ những ghi chép cho chuẩn bị sáng tác và suy nghĩ của nhà văn. Trần Đăng ghi những chi tiết có đặc điểm quan sát được ở mặt trận, ở chiến sĩ, ở những nơi đã đi qua, anh chép những từ lạ, từ mới đã nghe được hoặc đọc thấy, anh ghi ý những bài dự định viết, có chỗ viết hẳn dàn bài một truyện ngắn.

Đôi chỗ, Trần Đăng ghi suy nghĩ và việc mình làm. Có chỗ rất ngắn, nhưng thật nhiều ý nghĩa và tâm sự

Ngày 15 tháng 10, Trần Đăng ghi một kế hoạch:

Phát động thi đua 300 trang, à commencer (bắt đầu) tháng hai 1949.

Ngày 11 tháng 11, viết chữ to nửa trang, hai dòng giống nhau: Hôm nay 11 tháng 11, 27 tuổi chẵn.

- Có một đoạn không đề ngày tháng, Trần Đăng viết:

Đêm nay đọc một cuốn phóng sự dự thi Việt Bắc kháng chiến. Một đêm nổi gió. Vẫn là tiếng gọi đi. Đi, trông, thấy. Đã bỏ qua những điều rất tầm thường, nhưng rất sống. Không thể được. Không có tình cảm, không có xúc động, không có tư tưởng chủ quan.

Trong rừng Yên Thế, Lúa mới [5] là những cái xác chết chủ quan. Chỉ có sống, sống cái khách quan và kể lại.

Hãy khoan một tấm sơn mài. Hãy làm nhiều croquis cho thật đúng hệt. Giản dị, thành thực và thật".

(Một câu viết bằng tiếng Pháp): "Những tưởng tượng hoang đường, những ám ảnh ma quái, những mơ tưởng nhân đạo hư không, những xúc cảm cá nhân kiêu ngạo và đạo đức giả, những tro tàn ấy hãy tan biến hết đi".

Tình cờ, lần ấy tôi đã gặp Trần Đăng ở Đông Bắc về, trước khi anh lên biên giới và hy sinh ở Bản Trại trên đường Thất Khê ra. Kế hoạch sáng tác của Trần Đăng mà anh đã phác vào sổ tay thành một công trình của cả một giai đoạn như sau:

- Tập truyện ngắn tên là *Bạn mới*.

- Tập tiểu luận tên là *Thư cho Tô Hữu* (kinh nghiệm cách mạng tư tưởng và sinh hoạt quần chúng).

Tập bút ký lấy tên chung là *Tiền tuyến* gồm ba phần:

Phần một: *Xuân chiến thắng*, có 3 bài: 1 - Tất cả cho tiền tuyến. 2- Nhật ký của Phan Phú. 3- Một trận vui lớn trên đường số 4.

Phần hai: *Sông Thao hè 1949*, có 6 bài: 1- Đường đi Tây Bắc. 2- Dóm I. [6] 3- Một cuộc chuẩn bị

4- Phố Ràng. 5- Khe Pịa. 6- Tàn cuộc, Dóm II.

Phần ba: Đông Bắc với chiến dịch, có 5 bài: 1- Vào sâu Đông Bắc, 2- Vân Ca, 3- An Châu, 4- Đình Lập chờ chiến dịch 5- Đoàn quân tiếp tế.

Trong chương trình trên có những sáng tác Trần Đăng đã viết (Một cuộc chuẩn bị, Phố Ràng). Đọc nhật ký Trần Đăng, biết chương trình sáng tác của Trần Đăng, hiểu được công phu lao động sáng tạo của nhà văn từ gốc tới thành hình một sáng tác đã công phu đến như thế nào. Ở đây, nổi lên tinh thần và tư tưởng của một người cầm bút luôn luôn khắc phục nhược điểm con người của mình bằng cách lao mạnh mẽ vào những nhiệm vụ đang đặt ra cho người cầm bút. Chẳng những chỉ là một phương hướng, một kế hoạch, mà là những hành động cụ thể, chi tiết, chịu thương, chịu khó, từ bài bích báo đơn vị được ghi lại đến một chi tiết hay quan sát được, đến những suy nghĩ thúc giục mình đi sâu nữa, làm việc nhiều nữa, lúc nào cũng cảnh giác và quyết tâm thay đổi nữa, bỏ đi, dìm đi những tàn dư tiểu tư sản thường còn lảng vảng ve vuốt mình.

Cũng như với Trần Đăng, đọc tác phẩm Nam Cao viết trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp - kết quả sau cùng của một lao động sáng tác, thấy được rất rõ bước đường phát triển của con người và nhà văn Nam Cao - từ truyện ngắn *Đôi mắt* cho đến nhật ký *Ở rừng*.

Trong các nhà văn nước ngoài mà Nam Cao đã từng đọc, Nam Cao mê nhất Sê-khốp. Tôi nhớ anh cũng chỉ phục có một mình tài năng Sê-khốp, với một số phận cùng cực và mong manh của những con người những nhân vật cón con của ông: người công chức già, cô gái ế, cậu bé mồ côi, những luẩn quẩn vụn vặt đến nhức đầu trong gia đình nghèo và những cái rơm đời của những người có máu mặt.

Ấy thế nhưng những lúc cao hứng lên, anh cũng chẳng coi ai ra gì. Nhưng chỉ từng lúc hứng chí mênh mông thế thôi. Rồi lại bần thần nghĩ lại, anh không cải chính và hối hận mình đã lỡ lời, đã bốc tếu, nhưng những việc anh cặm cụi hàng ngày làm đã trả lời rành rõ hộ anh, anh sửa mô-rát, anh viết tin, từng tin vặt trên báo Cứu Quốc - tờ báo hàng ngày mà chúng tôi làm phóng viên. Chủ nhiệm Xuân Thủy bảo anh viết cuốn sách giải thích về nhiệm vụ người công giáo kháng chiến (cuốn sách này chưa được xuất bản), anh cộng tác với Văn Tân soạn in những tập Địa lý thể giới cho học sinh phổ thông, anh viết bích báo cho cơ quan, mỗi tuần một tờ dán ở vách bếp ăn, anh viết ca dao, ký tên Suối Trong, khi chúng tôi làm tờ báo hàng ngày Cứu Quốc Việt Bắc. Nghĩa là việc gì thấy có ích, anh đều làm, không nề hà việc to việc nhỏ. Trong khi ấy anh mơ tưởng và thực sự anh đã bắt tay vào cuốn tiểu thuyết dài về làng Đại Hoàng kháng chiến. Cuối năm 1950, mấy chương đầu anh đã viết lại mấy lần, Nguyễn Huy Tưởng và tôi đã đọc những chương đó, rồi anh bỏ, anh chưa vừa lòng...

Nam Cao vốn không phải là người xông xáo, mạnh dạn. Tính anh trầm lặng, hay nhường nhịn và dường như nhút nhát. Nhưng tất cả những trường hợp không cần phải thế, đều tỏ rõ khí phách ở anh. Chiến dịch thu đông 1950, chúng tôi ghé lại Bắc Sơn rồi về ở Vũ Lăng. Máy bay địch bắn phá Vũ Lăng. Ba lô quần áo chúng tôi cháy hết. Sổ tay của anh bị đạn đâm nát.

Nhưng mặc đấy, anh đi cứu thương. Máy bay quay lại ném bom, anh vẫn cùng dân quân dọn dẹp các đám cháy cho tới tối mịt. Khi chiến dịch giải phóng biên giới sắp mở, chúng tôi vượt đường số 4 quãng Lạng Sơn sang với cánh quân của ta đóng bên kia huyện Thoát Lãng. Đường số 4 bị địch chiếm đóng, canh gác và tuần tra suốt ngày đêm. Chúng tôi đến trạm liên lạc, chờ giao thông vào báo lúc nào vượt đường được.

Người đợi ở các trạm giao thông không phải người của một tổ chức, một đơn vị, nên rất tạp. Không ai biết ai và hiểu ai như thế nào. Cách thức vượt qua đường: theo giao thông và đi hàng một, ai cũng trù trù, không ai muốn là người thứ nhất đi sau người giao thông vượt qua đường. Bỗng dưng, Nam Cao lưng đeo ba lô, bước xuống đứng xếp hàng vào chỗ người đầu tiên sau

người giao thông. Tính anh là vậy.

Tôi được nghe kể lại chuyện anh hy sinh [7] ở vùng đồng chiêm Hoàng Đan dưới khu ba, khi vào vùng địch chiếm, cũng tương tự như chuyện vượt đường số 4 mà tôi đã được chứng kiến. Có bảy chiếc thuyền nan lúc chập tối bơi vào vùng địch. Bảy chiếc đi cách quãng thành một hàng dài. Nam Cao ngồi ngay trong thuyền đầu. Hai thuyền đi đầu đã bị địch vây bắt. Nam Cao như thế đấy. Nó biểu hiện mạnh mẽ con người và cuộc sống của anh. Trước sau như thế, khi cần thì tất cả vì nhiệm vụ.

Tôi vẫn trở lại cắt nghĩa con người chúng tôi từng bước biến đổi. Cuối cùng- sự chân thành trở thành niềm tin, đã đưa bước ta đi.

Chúng ta khẳng định sự hình thành những nhà văn thời đại, có nhiều người xưa kia đã góp sức thành lớp nhà văn kiểu mới trong lực lượng văn học to lớn hiện giờ. Những người ấy đã dự phần tạo nên thành quả của văn học Việt Nam ba mươi lăm năm qua. Đó là một nét trong đặc điểm văn học ta.

Những chuyện mà tôi vừa kể có thể xa lạ với bạn cầm bút ở các lứa tuổi đang lớn lên hôm nay.

2. Nguyễn Huy Tưởng

Năm 1942, tôi quen Nguyễn Huy Tưởng trong một hội nghị ban dạy học hội *Truyền bá Quốc ngữ*.

Tôi làm giáo viên dạy buổi tối các lớp *Truyền bá Quốc ngữ* vùng Bưởi. Nguyễn Huy Tưởng có chân trong ban trị sự của Trung ương Hội.

Ở Hà Nội, phong trào chống nạn mù chữ đã nhen nhóm từ 1938, khi hội *Truyền bá Quốc ngữ* được thành lập, nhưng dần dần phải cho đến những năm 1940 mới phát triển ra khắp thành phố và ngoại thành, cùng nhiều tỉnh. Những người không biết chữ - phần đông là thợ thủ công, người, đi ăn đi ở các nhà giàu và thanh niên trong các làng nghề chịu khó đi học.

Nhưng cả người dạy học và người đi học đều không trong một tình hình bình thường. Hội *Truyền bá Quốc ngữ* phải công phu hơ hào quyên góp thế nào cho có được sách bút mực phát không và kêu gọi đến thế nào cho có được người có tâm huyết sẵn sàng đêm đêm đi dạy học.

Trong những năm ấy, phong trào cách mạng đương lan rộng, tổ chức Việt Minh đã phát triển vào lực lượng giáo viên, học viên ở nội ngoại thành. Bởi vậy, những người có tinh thần tối nào cũng đi dạy học, đã nghiêm nhiên coi đấy là một công tác có ý nghĩa to lớn. Điều đó đã được chứng thực ở Hà Nội ngay những ngày đầu cách mạng, tổ chức chống nạn mù chữ trở thành nha Bình dân Học vụ, và hầu hết những anh chị em hội *Truyền bá Quốc ngữ* đều là cán bộ Bình dân Học vụ và các ngành văn hoá khác.

Với những người đi học, lại ở một cảnh khó khăn khác. Trong chiến tranh, bao nhiêu khắt khe trói buộc của thực dân Pháp, lại thêm Pháp-Nhật ủng oảng, người ta phải hứng lấy đủ mọi tai bay vạ gió. Khủng khiếp nhất, nạn đói ập đến, như một cơn lốc, trời đất mịt mù. Thế mà những người cùng khổ ấy vẫn cắp sách đi học. *O tròn như quả trứng gà, Ô là đội mũ, Ở là thêm râu...* Người ta linh cảm những chữ i, chữ t, những lớp học toàn người nghèo, những thầy giáo tận tụy chỉ bảo, có điều gì khác thường. Không phải chỉ cố cho biết chữ, mà rồi còn có thể biết được

một cái gì lớn lao đưa con người ta thoát ra ngoài những ngột ngạt khốn cùng của cuộc sống. Ở vùng tôi, cứ tối tối, các lớp học dưới Nghĩa Đô, trên Yên Thái quanh chợ Bưởi, trong ánh đèn le lói, đông nghịt người.

Tình cờ, Nguyễn Huy Tưởng ngồi cạnh tôi ở hội nghị, chúng tôi quen với nhau, anh bắt tay rồi cầm tay rất lâu, anh hơn tuổi tôi, người tầm thước, đỉnh đặc, đôn hậu. Bộ râu được cạo kỹ, chân râu xanh lên lặn má. Tôi kính trọng, khấp nép trước vẻ đạo mạo của anh. Nhưng Nguyễn Huy Tưởng lại cười cười và nói: "Nhà văn, nhà văn trẻ quá, tôi rất phục, rất phục". Đôi mắt một mí của anh nhìn người ta một cách triu mến từ lúc thoát gặp. Đôi mắt ấy cũng bộc lộ nét riêng đức tính vốn quý người của anh. Và sự say mê cái đẹp cao cả thiêng liêng mà về sau, tôi càng hiểu rõ hơn. Đến với anh, người ta thương dễ có cảm tình ngay. Cũng như tình tình anh, con mắt đầu tiên nhìn người không lạnh nhạt, ơ hờ, mà độ lượng và sẵn sàng thân thiết.

Anh thường thấy ở người ta những cái đáng mến trước mắt.

Hồi ấy, tôi mới in được vài truyện ngắn đầu tay trên báo, cùng với truyện *Con đẽ mèn, Đẽ mèn phiêu lưu ký*. Nguyễn Huy Tưởng cũng có truyện dài lịch sử *Đêm hội Long Trì* đăng từng kỳ trên tuần báo Tri Tân.

Báo này chuyên về lịch sử hoặc khảo cổ, ít người đọc.

Rồi, tôi còn biết không phải đây là những sáng tác đầu tiên của anh. Yêu cái đẹp, đôi khi anh lại thiên về sùng bái. Nguyễn Huy Tưởng đã từng thích thú, thần tượng "triết lý sức mạnh" kiểu Phạm Ngọc Khuê. Để biểu hiện cái tư tưởng "siêu nhân" ấy, anh đã viết lý luận và sáng tác bằng tiếng Pháp. Tất nhiên, rồi cũng vứt đi hết những trang chữ viển vông, và cũng là câu chuyện tự cười mình, mỗi khi kể lại những ngông cuồng chốc lát của tuổi trẻ. Nghĩa là, Nguyễn Huy Tưởng đã có tước muốn cầm hút hần hoi mà chưa tới được đâu. Cho nên, Nguyễn Huy Tưởng mới bảo tôi: Đẳng ấy mới là nhà văn. Còn tớ, cũng múa may đấy, nhưng chỉ là thằng "sớm vác ô đi, tối vác về".

Ấy là anh nói theo một cách tính giản dị, vừa đúng mà cũng vừa nực cười chua chát, anh đã ước muốn cuộc đời của tôi, một người thất nghiệp dở, sống còm côi bằng vài đồng nhuận bút. Nhà văn Vũ Ngọc Phan có lòng tốt, đã trả nhuận bút, mỗi khi tuần báo *Hà Nội tân văn* của anh ấy đăng cho tôi một cái truyện ngắn.

Có lẽ cả Hà Nội chỉ có Vũ Ngọc Phan làm cái việc phúc đức ấy. Báo khác, kể cả những tờ tuần báo *Ngày nay*, báo *Chủ Nhật* của văn đoàn Tự Lực nổi tiếng đã in truyện ngắn *Mê gái* (Con gà mái ri) của tôi lên trang nhất, nhà văn Khái Hưng ra tiếp tôi, bắt tay thật chặt mà cũng không trả tôi xu nào và không cho tác giả được một tờ báo biếu! Bởi vì, không có thể lệ thế. Lý do: tự dưng ông gửi bài cho tôi chứ không phải tôi mời ông viết. Tôi chỉ trả tiền người tôi mời viết. Thế là ông cần tôi, thì không lẽ gì tôi lại phải trả tiền ông. Dẫu cho cả năm ông gửi bài đến và tôi in, cũng vẫn là ông phải cảm ơn tôi. Luật rừng của nghề báo thời ấy.

Những hoạt động chống nạn mù chữ cứ đi vào giữa những trớ trêu, những khủng khiếp của tình thế. Nhưng mà phong trào vẫn lan rộng. Chúng tôi xuống Nam Định. Cùng đi với đội kích ban tuyên truyền của Hội.

Tôi nhớ đại khái ban kịch có một vở vui nhộn, cổ động đi học. Câu chuyện vợ chồng Vua Bếp và các thần đất, thần thổ tả hăng hái học quốc ngữ. Bấy giờ diễn kịch còn là một việc rất mới. Nhưng vở kịch này đến đâu cũng được người ta cười ngặt nghẹo. Chúng tôi góp nhặt anh em lại, đã đi các lĩnh, lần này xuống Nam Định.

Những đêm kịch cổ động *Truyền bá Quốc ngữ* ở thành phố Nam Định thế nào, không còn nhớ. Chỉ nhớ trong số người đi với đoàn kịch có Nguyễn Hữu Đang, Nguyễn Huy Tưởng, Trần Kim

Xuyến[8] - một công chức trẻ hăng hái. Tôi nhớ nhất những hôm ở Nam Định, anh Sắc bạn của Nguyễn Hữu Đang. Ông bầu Sắc của chi nhánh hội *Truyền bá Quốc ngữ* dưới ấy chúng tôi đã ăn no kênh bụng và sao mà ăn khoẻ, ăn ngon miệng đến thế. Khốn khổ, ở Hà Nội, nếu không cả lũ, thì ít nhất có Nam Cao và tôi đương đói vêu, ngày có một bữa. Bây giờ được chén cơm thoải thuê, đến đói chỉ ở Nam Định vài hôm mà có cảm tưởng trong người phồng phao hẳn lên.

Trên chuyến tàu thuỷ trở về, chúng tôi nằm dõn vào một góc boong tàu áp cái guồng quay rào rào đình tai. Chao ôi, những cái tàu thuỷ sông Hồng đường Nam Định, Thái Bình hồi ấy. Tàu Long Môn, tàu Bắc Kinh, và còn bao nhiêu con tàu, chủ tàu. Đã có lần tôi, viết về những chuyến tàu thảm hại này mà vẫn như chưa viết.

Con sông sống, con sông chết. Người vùng đói không thấy có cái tàu cứu mình bỏ xứ đi nơi nào đấy, họa may bới đất lật cỏ ở đâu mới ra cái ăn. Mỗi khi nghĩ lại, vẫn thấy lù lù những con tàu nằm đói hiện ra những ghê rợn này. Cái tàu cô độc xịch xịch giữa sông. Đêm cũng như ngày, trên bờ, đoàn người rách rưới nháo nhác nhìn theo chạy theo, tàu màn xế, người xô ra, ai ngã xuống sông cũng mặc, ai chưa lên được lại đuổi theo. Cái tàu nghiêng đi hất người xuống nước vì người ta trèo lên đông quá. Cái tàu lại đắm vì bị máy bay Đồng Minh đuổi đánh, máy bay Mỹ ném bom tất cả những cái di chuyển trên sông.

Chiếc tàu đem chúng tôi trở về Hà Nội cũng là cái tàu chở người đói như thế. Màn xế vào bến nào, người lao xuống, tàu chòng chành chênh cả chân vịt, cả guồng lên. Tàu không dám vào bến nào nữa. Cứ thế, chạy về Phà Đen.

Trời tờ mờ sáng, trong cảnh bối rối người tranh nhau lên. Không hiểu thế nào, hối há đi tìm cái ăn, không lên nhanh thì chết hay sao. Một tấm ván bắc chênh vênh. Mỗi lán lườn tàu nghiêng đi, tấm ván bập bênh rúm lại, người ngã lộn bộp xuống nước, tiếng rú thất thanh cũng rơi theo. Người cứ chen ra, cứ rơi...

Chúng tôi đứng chụm vào trong boong, rã rời cả người. Đêm qua ời quá. Cái guồng máy lại quay ào ào suốt đêm dưới gáy, ai nấy cởi trần nằm xếp quần áo gối đầu. Thế nào mà sáng ra Trần Kim Xuyến rờ thấy mất cái quần. Cũng chẳng có gì khó hiểu. Chắc là sức trai đương tuổi ăn tuổi ngủ, người nào đi qua đã rút mất.

Ngoài cầu, chốc lại tiếng rú, tiếng khóc. Nguyễn Huy Tưởng thở dài.

- Có khi cái quần của thằng Xuyến cũng ngã xuống nước rồi.

Câu nói đến lạnh rợn. Chúng tôi không ai nghĩ đến chuyện thế nào là ăn trộm, ăn cắp. Nạn đói ghê gớm đương trùm lên tất cả. Rồi Nguyễn Huy Tưởng bàn:

- Nhà máy ở trên dốc Hàng Than gần đây, hay là máy mặc cái quần của tao về rồi lại đem ra cho tao.

Mọi người đương dăm chiêu mà cũng phải cười gượng. Trần Kim Xuyến nói to:

- Có gì mà phái phiền nhiễu. Tớ chỉ lột cái sơ mi ra là chẳng khác gì cu-li xe cởi trần quần đùi đi làm đêm về. Rét bỏ mẹ mà kìa lên đê khối người ở trần.

Trần Kim Xuyến cởi phăng áo cầm tay, và chúng tôi lên bờ. Chúng tôi bước im lặng.

Nguyễn Huy Tưởng nói một câu, như đương nghĩ dờ:

- Đến thế này thì dạy người ta biết chữ để làm gì!

- Phải làm thế nào?

- Những người chúng ta dạy chữ đương chết đói.

Tôi nói:

- Rồi đến chết cả chúng ta.

Nguyễn Huy Tưởng dăm dăm nhìn tôi.

- Chỉ có đoàn thể...

Tôi nhìn lại Nguyễn Huy Tưởng. Nguyễn Huy Tưởng đã có hoạt động bí mật. Hai chữ “đoàn thể” rất thiêng liêng đối với chúng tôi.

Ít lâu sau, một cuộc họp của một tổ *Văn hoá Cứu quốc* địa điểm được hẹn ở phố Giắc-can (Jacquin), một phố khuất sau Chợ Hôm. Đến nơi, mới biết đây là nhà Nguyễn Huy Tưởng. Chúng tôi, như vồ lấy nhau. Điều bất ngờ, điều bất ngờ mà chúng tôi cảm thấy và mừng tượng ra, đã lâu.

Từ đây, Nguyễn Huy Tưởng là người liên lạc giữa mấy tổ, bí mật khác nhau...

Một điều, đặc biệt là mật thám Pháp đến cả những ngày cuối cùng đời thực dân ở Đông Dương, vẫn ráo riết khủng bố công sản. Một số anh em chúng tôi bị bắt năm 1944. Thế mà sau đảo chính Nhật 9 tháng ba 1945, đoàn thể cứu quốc các giới ở Hà Nội gần như công khai hoạt động. Tín phiếu của Việt Minh được rộng rãi mua ủng hộ, có người không làm Việt Minh cũng muốn có tờ tín phiếu. Nhiều tay sai mật thám Pháp còn lại, đã bị những đội trừ gian của Việt Minh tiêu trừ. Tên Sinh, mục Thiên Nga và bọn Cai Long, Bà Lự ở Bưởi đã phải đền nợ máu. Nhật càng điên cuồng, khát máu, chúng bắt và bắn tức khắc. Trên đường từ Phùng lên Sơn Tây vốn nhiều cướp đường, Nhật vào làng lôi người ra, chém đầu, treo lên cây. Phát xít Nhật cùng quần, hỗn loạn.

Trước thời cơ ấy, các đoàn thể cứu quốc trong thành phố đã rộ hẳn lên và ra mặt thị uy. Treo cờ nóc tàu điện. Rải truyền đơn giữa phố Pôn Be. Rạp Tố Như, Hàng Bạc đương buổi diễn, đèn phụt tắt, cán bộ Việt Minh lên nói chuyện hô hào tổng khởi nghĩa và tung truyền đơn. Kho thóc của Pháp, của Nhật ở làng Mọc ngoại ô bị phá chia cho người đói. Cả đến các kho ở phố Bắc Ninh và dưới Phà Đen cũng bị tan tành. Chợ Canh, chợ Diễn, phiên nào Việt Minh cũng mít tinh tuyên truyền võ trang. Người ta thì tháo súng ống đã được đưa từ chiến khu về: suốt đêm tải sang sông.

Những cán bộ nữ Việt Minh, chít khăn vuông, đeo kính đen, tay cầm súng lục, vừa đứng trên bàn diễn thuyết giữa cầu chợ, lại biến ngay đấy. Tiếng đồn càng dậy lên.

Chúng tôi gặp nhau luôn. Không phải còn giữ bí mật nghiêm ngặt như mọi khi chỉ tổ ba người biết với nhau. Chị Tưởng đem các con đi tránh bom Mỹ về quê đã lâu. Một mình Nguyễn Huy Tưởng ở lại. Chẳng biết cái sở Đoan anh làm có còn ở Hà Nội hay đã đi trốn bom, chỉ thấy anh mặt quần soóc, với cái xe đạp trần trụi không phanh không chuông đi khắp nơi. Chẳng mấy ngày không lên Nghĩa Đô gặp Nam Cao và tôi.

Khi thúc bài cho báo Cứu Quốc, khi đem lên báo *Cờ Giải phóng*, tạp chí Công sản. Căn gác nhà Nguyễn Huy Tưởng có cửa khoá chữ, anh để số 1789, năm cách mạng Pháp, chúng tôi đều biết, ai đến cứ việc mở vào, lúc ngủ nhờ, lúc hội họp. Nguyên Hồng không còn ở dưới bãi Phúc Xá, anh đã đưa gia đình tránh bom về Thuận Thành bên Bắc Ninh. Thỉnh thoảng, hai vợ chồng đi một chuyến buôn nón và áo tơi. Cả cái xe bò nón lá của Nguyên Hồng cũng được đẩy đến để

trước cửa, có khi tá túc mấy hôm rồi lại chồng cầm cang vợ ẩn xe qua cầu Long Biên về bên Bắc.

Những cuộc họp nghiên cứu tài liệu Việt Minh đọc các báo bí mật, có khi chúng tôi ở cùng nhau liền mấy ngày. Hồi này, Lê Quang Đạo, bí thư ban cán sự đảng ở Hà Nội, sau lần bị mật thám bắt hốt ở nhà Vũ Quốc Uy, phố Phó Đức Chính bây giờ, đã lên chiến khu Việt Bắc. Nhưng các tổ *Văn hoá Cứu quốc* vừa được sự chỉ đạo trực tiếp của trung ương chặt chẽ và liên tục mà sau này tôi mới được biết cơ quan của thường vụ đóng ở Xuân Đình, Phú Gia, Phú Thượng và các làng ven hai bờ sông Hồng. Trần Độ, Trần Quốc Hương và Văn to đầu (Khuất Duy Tiến), các cán bộ phái viên của Trung ương thường đến với chúng tôi. Lúc thì ở nhà Nguyễn Huy Tưởng, khi vào làng Vạn Phúc trong Hà Đông, nhiều hôm ở nhà tôi trên Nghĩa Đô, có lần ở cái nhà nghỉ hè của nhà Như Phong xóm Cung bên Tây Hồ.

Trong những cuộc họp mở rộng ở nhà Nguyễn Huy Tưởng, ngoài các anh em, như Trần Huyền Trân, Nguyên Hồng. Nam Cao, thêm Hồng (Thép Mới) là sinh viên. Lưu Văn Lợi cùng làm sở Doan với Nguyễn Huy Tưởng và Nguyễn Cộng Mỹ, nhà giáo dạy dưới Hải Phòng cũng lên bắt liên lạc.

Chúng tôi đương sửa soạn in bí mật số 1 báo Tiên Phong, cơ quan của hội *Văn hoá Cứu quốc* Việt Nam.

Tình hình chuyển biến hết sức khẩn trương. Trong một cuộc họp ở Vạn Phúc trong Hà Đông, *Văn hoá Cứu quốc* được cử đại biểu trong đoàn trí thức Hà nội đi dự Quốc dân Đại hội ở Tân Trào: Nguyễn Hữu Đang: Nguyễn Huy Tưởng.

Bút ký *Lên chiến khu* của Nguyễn Huy Tưởng in nhiều kỳ trên tạp chí Tiên Phong sau Tổng khởi nghĩa đã kể lại chuyển đi với những kỷ niệm không bao giờ quên của anh về những ngày lên vùng trung tâm cuộc tổng Khởi nghĩa.

Trong những tưởng lượng hào hứng của chúng tôi ngày ấy, cả nước đã thành chiến khu, và thiêng liêng, bí ẩn vô cùng là các chiến khu biên giới phía bắc. Hình ảnh gương chiến sĩ dũng cảm, hy sinh được đọc trên báo bí mật *Cờ Giải phóng*, Kèn gọi lính, Cứu Quốc đã tường thuật những trận quân giải phóng phục kích Nhật ở châu Tự Do (Sơn Dương), ở Bắc Cạn: rồi trận tiêu diệt đồn Nhật trên núi Tranh Đấu (Tam Đảo) giải phóng một trại tù binh Pháp ở Hà Nội, chỉ đứng trên đê sông Hồng đã trông thấy núi Tam Đảo xanh biếc.

Tin tức các nơi rầm rộ. Khắp nước, đã thành chiến khu, các Chiến khu Hoàng Hoa Thám. Lê Lợi, Quang Trung, Trần Hưng Đạo, Phan Đình Phùng, Trưng Trắc, Nguyễn Tri Phương, Hà Nội cũng được bí danh là thành Hoàng Diệu. Như đã trông thấy trên núi rừng phía bắc, các dân tộc Kinh, Thái, Nùng, Mán đoàn kết đương sôi sục chuẩn bị khởi nghĩa, cuộc khởi nghĩa sắp bùng nổ, tràn như nước cuốn về đây rồi.

Chiến khu! Chiến khu bí mật, hấp dẫn, mong ước, chờ đợi, tất cả ở hình ảnh chiến khu.

Nguyễn Huy Tưởng và tôi đương đi tàu điện Bưởi xuống Bờ Hồ.

Những cái hầm xây gạch nổi để nấp máy bay, lỗ chỗ, vắn vèo lượn xung quanh hồ Hoàn Kiếm đã bị người đói các nơi về chiếm ở chỉ chút như tổ mối đùn.

Ngày nào cũng có báo động: Máy bay Mỹ đã ném bom xuống nhiều chỗ đông người trong thành phố, chợ Hàng Da, ngõ hàng Dừa sau ga Hàng Cỏ, các phố khu Đấu Xảo và vùng Bưởi, Quán Ngựa... Tôi làm chân "phòng thủ thụ động" đi khiêng người chết không biết bao nhiêu mà kể, từ dưới Bờ Hồ lên dốc vào hàng Đào xe bò chất những bao gạo đóng tải trắng nổi đuôi nhau, người đẩy xe cúi rạp mãi miết. Đây là kho gạo dờ ra hay đây là gạo Sài Gòn mà những

chuyến tàu hoả, tàu thuỷ của nhà binh Nhật mới thoát bom đêm trước, lọt vào ga Hàng Cỏ hay bến Phà Đen. Không biết tải đi đâu.

Nhưng chắc không phải gạo phát chẩn. Lính Nhật đeo súng cưỡi xe đạp canh hai bên hàng xe.

Tiếng còi trên nóc Nhà Hát lớn bỗng rú từng hồi.

Báo động! Những chiếc xe bò gạo thành linh chững lại giữa dốc. Người cầm còng quỳ xuống. Không biết tại đối quá nặng quá hay hết hoảng quá, không uren lên nổi nữa. Đoàn xe uren lại. Người tứ phía nhao nhao ra: Bọn Nhật đã nằm ghếch súng nấp sau những chiếc xe đạp quảng chổng gọng giữa đường. Mặc, người cứ xô đến cướp gạo, như sóng đen nghịt...

Máy bay ầm ầm tới, những chiếc phóng pháo hai thân hiện ra phía lông Hồng, rồi một đoàn trắng xoá ba cái một, lừ lừ đến tiếng rú rền ngay trên đầu. Đạn cao xạ nổ uren ục vào nền trời xanh nhể nhại: người ta đã phân biệt được súng phòng không Nhật khói trắng khác súng Pháp khói đen sì ở pháo đài Láng và Xuân Tảo. Tiếng bom rơi nổ từng chập, dậy đất, nghe như... lại nhà xe lửa Gia Lâm... lại ở Sét, ở Giáp Bát...

Máy bay vẫn rền trên đỉnh đầu, bom xuống đây rồi, bom đến nơi rồi...

Bọn Nhật bỏ cả xe đạp, chạy chết. Những chiếc xe bò gạo đã được đám người đến xúm xít đẩy biến về phía phố Bắc Ninh. Trong chốc lát, giữa dốc chỉ còn lại xác người cầm còng ngã lúc nầy, đã bị lính Nhật đâm chết, máu loang khắp mặt đường. Chiếc xe bò trống không, cái trục gãy rời ra, hai bánh nằm úp như hai cái nong, mấy chổ gạo lẫn máu - cái gạo máy Sài Gòn hạt tấm hạt gầy trắng nõn như vôi bột bắt đầu khô đen lại.

Đây là những cánh Hà Nội đau thương cuối cùng, khi chúng tôi chia tay.

Nguyễn Huy Tưởng thì thảo:

- Cậu có biết trên chiến khu bây giờ, một lão đồng chí quốc tế về lãnh đạo cách mạng? Có nghe đồn Nguyễn Ái Quốc đã về chiến khu không? Tổng khởi nghĩa đến nơi rồi.

Rồi Nguyễn Huy Tưởng ghé sát tai tôi:

- Thôi, mình đi nhé.

Tôi cầm tay bạn sắp đi. Tôi không biết đi đâu, nhưng chắc đi xa. Cảm động, bùi ngùi, đau xót. Cái quang cảnh người chết, người cướp gạo vừa rồi đã lấy đi hết cả những câu nói của chúng tôi. Mỗi người không biết ngày mai thế nào. Chúng tôi chỉ nhìn nhau.

Rồi Cách mạng tháng Tám thành công. Trong cuộc họp đầu tiên gặp lại Nguyễn Huy Tưởng, ở nhà Trần Kim Xuyến trên Hàng Than, Tổng bí thư Trường Chinh đã phân công chúng tôi vào mọi công tác báo chí, tuyên truyền, thông tấn, phát thanh, bình dân học vụ...

Bề bọn những công việc mới. Nguyễn Huy Tưởng ở trong ban phụ trách hội *Văn hoá Cứu quốc*, lại biên tập báo *Cờ Giải phóng*, cơ quan đảng Cộng sản Đông dương.

Một hôm, Nguyễn Huy Tưởng đến báo Cứu Quốc tìm tôi. Chúng tôi đạp xe lên ô Yên Phụ rồi ra Phú Gia.

Tôi cũng không hỏi đi đâu. Vẫn còn thói quen giữ bí mật công tác như dạo trước. Thì ra, Nguyễn Huy Tưởng rủ tôi đến một nhà cơ sở ở dưới bãi làng Gạ.

Trước khi lên chiến khu, Nguyễn Huy Tưởng đã được giao thông đưa đến đọi liên lạc ở đây. Rồi, anh để lại áo sơ mi, quần tây thường mặc. Ở trạm anh em đưa cho Nguyễn Huy Tưởng bộ quần áo nâu cũ và cái nón mê.

Anh sang sông, lên châu Sơn Dương. Đò sang ngang chỗ bến Hối.

Chúng tôi lên mặt đê, trông sang Hối. Chỉ thấy một làn dâu xanh mờ. Nước sông Hồng đương cỡ lớn, mênh mông đỏ rực. Nguyễn Huy Tưởng nhìn xa xôi, nghẹn ngào:

- Những ngày lên chiến khu, mình nhớ...

Nguyễn Huy Tưởng vốn người trầm mặc, dẫu gặp việc vồ vập, bồn chồn, anh vẫn thường giữ điềm nhiên.

Nay anh lại sa nước mắt. Cái vui của con người, dẫu cho bề ngoài âm thầm, không phải bao giờ cũng lặng.

*

* *

Nguyễn Huy Tưởng người làng Dục Tú. Dục Tú cạnh Lộc Hà, quê nhà văn Ngô Tất Tố. Những làng ven nội xinh đẹp, cổ kính ở bờ sông Hồng.

Tôi bỗng nhớ một chuyện thật sự thiết tha và tự nhiên của một ngòi bút với đất quê. Nguyễn Huy Tưởng, con người và tình cảm cùng trang giấy trắng trước quê hương.

Những lần về Dục Tú với Nguyễn Huy Tưởng.

Thường những ngày giáp tết hoặc tháng hai, tháng ba, vào buổi xuân sang hội hè, tết nhất ở các làng ngoài thành. Nguyễn Huy Tưởng hay rủ bạn về Dục Tú.

Mưa bụi vùn vùn trên cánh đồng màu. Có những đoàn người trẩy hội đi qua cửa đình. Không phải chỉ loàn những tiếng cười ròn của đám con trai quần phăng áo trấn thủ ô trám và những cô gái sơ mi hoa đào. Mà còn thiết tha nền nã các bà áo bông ngắn mặc ngoài tấm áo the nâu, miệng nhai trầu bồm bồm. Trong làn mưa nhẹ như sương, xa kia, sừng sững mờ mờ không nhìn rõ là chân tường thành cổ hay những dãy nhà máy đương lên móng phía Đông Anh. Những gọi cảm thật lạ lùng. Trong cái vui xuân trên miền đất phát tích của dân tộc không phải chỉ có một bề hoài cổ, mà còn những nỗi niềm, những khát khao của mỗi người cầm bút hôm nay.

Về Dục Tú, lần nào cũng sang Cổ Loa. Tất nhiên, Nguyễn Huy Tưởng là người thuộc Cổ Loa nhất trong bọn, anh chỉ cho biết nên để ý, nên xem Cổ Loa những gì, như thế nào. Một điều dị thường mà lại bình thường, mỗi khi ta thăm những nơi có di tích từ truyền thuyết đến hôm nay. Làm sao mà được cảm thông từ hồng hoang đến một lúc bây giờ. Vậy mà Nguyễn Huy Tưởng đã có những say sưa ấy. Đi trên những gò cổ, những bờ thành đất, dưới cây đa cổ thụ, bước thẩn thờ trong đường quanh bờ tre những bãi mía xanh tốt và những làng xóm lá mít xum xuê mà trông ra nghìn xưa.

Nguyễn Huy Tưởng hằng hái làm cho mọi người thấy được bên trong làng xóm, đồng ruộng ấy, xưa kia đã nguy nga những thành quách có một không hai ở phương nam từ thuở ban sơ của đất nước với bạt ngàn chiến trận của vua Hùng, vua Thục, của Ngô Quyền.

Làm cho chúng tôi phải thấy được cả một trung du giáp núi giáp đồng bằng với những kẻ Nhồi,

kẻ Vang, kẻ Chủ, đất nước của những con người mở đầu hiển hách thế nào. Nguyễn Huy Tưởng lúc nào cũng mê mải, suýt xoa, mỗi lần kể những điều anh mới biết thêm, mới nghĩ ra.

Vết tích của chợ Sa ở Cổ Loa. Chợ Sa là xa gần, chợ Sa là cái sa xe chỉ hay chợ Sa là tên người, tên họ, hoặc cái gì khác. Địa điểm chợ Sa chỗ nào tụ hội giữa thành hay đầu bến, chợ giữa thành và chợ đầu bến, tính chất khác nhau đấy. Những lúc ấy, Nguyễn Tuân - mà nơi sinh và quê gốc anh ở Mọc Thượng Đình huyện Từ Liêm, hào hứng vào chuyện: các anh chắc biết đường tiến quân của Đô đốc Bảo [9] sau khi đánh tan cả vạn quân Thanh ở Đầm Mực rồi tiến ra Đống Đa. Thế thì, cánh quân Đô đốc Bảo phải vu hồi lên Kim Giang, Kim Lũ rồi lập kết ở bốn làng kẻ Mọc chúng tôi chứ?

Chuyện đấy những đoạn ấy bao giờ cũng sáng khoải quanh truyền thống và lịch sử Hà Nội hôm qua hôm nay. Hiểu biết đến thế nào, bàn bạc đến bao giờ cũng không đến đâu cùng. Ý thức và tình cảm đó đã như tự nhiên trong Nguyễn Huy Tưởng. Cả mỗi khi viết cho các cháu đọc. Những tích lũy về vùng quê cổ kính nghìn đời của anh, Nguyễn Huy Tưởng mới chỉ cho lứa tuổi bạn đọc thiếu nhi được thưởng thức chút ít ở một áng văn xuôi như thơ, truyện *An Dương vương xây thành Ốc*.

Hai mươi năm cầm bút, Nguyễn Huy Tưởng đã sáng tác nhiều thể loại văn xuôi nhiều đề tài khác nhau. Nhưng, với anh, đề tài Hà Nội là tiềm lực sức sống liên tục trong tất cả các giai đoạn và là những tác phẩm chính của Nguyễn Huy Tưởng. Ở mỗi trang Nguyễn Huy Tưởng đều có thể gặp được bóng dáng của Cổ Loa, của Thăng Long, của Hà Nội. Trong đó, cuộc sống và con người, từ truyền thuyết tới ngày nay, qua mọi giai đoạn lịch sử, vẫn là một con người Việt Nam nhằn lại, kiên cường đương đầu với mọi thử thách, mọi biến thiên và đứng vững. Là cây bút sử thi hùng tráng, Hà Nội của Nguyễn Huy Tưởng bao giờ cũng lồng lộng và hùng vĩ, ngay từ những tác phẩm ban đầu Có nghĩa là từ khi Người cầm bút chưa hẳn đã có một ý trí và đường hướng rõ rệt, nhưng lăm lăm đối với lịch sử và quê hương từ tiềm thức đã gắn bó và thôi thúc.

Thực tế tình cảm ấy là bộ phận quan thiết xương máu trong cơ thể vốn sống người viết. Một nhà văn phải tạo ra, phải rèn luyện cho có được những vùng quê của sáng tác. Hai chữ "vùng quê" ở đây có ý nghĩa nhắc nhở người cầm bút không được lơ đãng một phút đắm mình trong thực tế để có được những kỷ niệm thiết tha trong đời. Vùng quê sáng tác của nhà văn có thể bất cứ ở đâu, mà những nguyên quán, sinh quán của người cầm bút chỉ là một trong những trường hợp - trường hợp tự nhiên, nhưng có giá trị to lớn đối với người cầm bút. Nguyễn Huy Tưởng với Hà Nội là như vậy Nguyễn Huy Tưởng viết hai tác phẩm đầu tay trong những năm 1940, tiểu thuyết *Đêm hội Long Trì* và kịch *Vũ Như Tô*.

Đêm hội Long Trì, những sinh hoạt xưa ở kinh kỳ mà trong đó, huyền ảo những cảnh lộng hành bạo ngược của chị em bà Chúa Chè người Kinh Bắc. Những đau khổ của người dân phải chịu đựng mọi thói ăn chơi vô độ của các triều đại vua chúa. Nhưng chông chênh giữa những oan khiên này vẫn thấy được đời sống người Kẻ Chợ cùng mọi quang cảnh phố phường sinh sôi Đây là sức sống âm thầm mà mãnh liệt của "bách tính" đã làm nên bao đời Kẻ Chợ. Thăng Long nhộn nhịp suốt sáng không biết có đêm trong những đêm hội Long Trì quanh hồ Gươm, hồ Tây. Những hội vật đua tài của đô các lò ở Kẻ Chợ đã có nói. Những đám rối cạn, rối nước, những cuộc đánh roi rất hiệp sĩ của kinh thành vốn đất thương võ. Rồi chơi gà, thả chim, đu tiên, chợ thi cây cảnh và những đám rước kỳ ảo, thần tiên. Thôi thì mặc sức, từ ngoài ô vào đến phố phường quanh hồ, đêm ngày nô nức người về hội. Những quang cảnh bộc lộ và biểu hiện sức mạnh truyền thống của dân tộc, các triều đại cứ thay đổi, ân oán và giết chóc cứ lay chuyển tất cả các cung vua phủ chúa, Kẻ Chợ ngày một sầm uất.

Ở kịch lịch sử *Vũ Như Tô*, Nguyễn Huy Tưởng đã miêu tả một nghệ sĩ lớn thời Lê. Công trình vĩ đại của Vũ Như Tô chỉ còn được một dòng chữ trong sử sách, những muôn đời người Kẻ Chợ ngược trông lên vẫn thấy trên trời nước hồ Tây ẩn hiện bóng cao trăm trượng toà lâu đài cực kỳ tráng lệ. Công trình của Vũ Như Tô - kết tinh tinh hoa đất nước, mơ ước xây Cửu Trùng đài,

cũng là khát vọng của người cầm bút làm sống lại nhà kiến trúc thiên tài trong đau khổ sáng tạo.

Một tác phẩm suốt đời xây dựng, không biết bao giờ xong, mãi mãi là một khắc khoải, là niềm tin. Khi mà một người viết lại chùng gân bằng lòng cái đã làm được, thì ngòi bút ấy chẳng còn gì phải nghĩ thêm. Đài Cửu Trùng và Vũ Như Tô cũng chính là quan niệm về tác phẩm của Nguyễn Huy Tưởng. Suốt đời viết đã mơ ước, đã thất vọng, lại mơ ước... Sức lực của Nguyễn Huy Tưởng tập trung vào công phu sáng tác, cùng lúc với mọi công việc ngổn ngang những ngày đầu của cách mạng, mà anh đam mê. Tuy nhiên, Nguyễn Huy Tưởng vẫn có ý thức sâu sắc được trách nhiệm nhà văn, không thể có gì mạnh mẽ hơn vũ khí ngòi bút.

Nguyễn Huy Tưởng miệt mài viết báo, viết sách. Ở báo *Cờ Giải phóng*, nhiều bài xã luận tiểu luận ký Điều Tử. Ở tạp chí *Tiên phong* ký Thao Trường. Viết cho thiếu nhi Nguyễn Huy Tưởng lấy bút danh Vương Như Trang. Chuyên gương chiến đấu *Ba anh hàng thịt ở chợ Cái Răng* (Nhà xuất bản *Văn hoá Cứu quốc*, 1946), Bắc Sơn, vở kịch dài Nguyễn Huy Tưởng đã viết liền trong hai ngày hai đêm.

Đề tài truyền thông, đề tài lịch sử trong thời kỳ chuyển biến vốn là sở trường của Nguyễn Huy Tưởng.

Cuộc trường kỳ kháng chiến trên toàn quốc vừa bắt đầu, Nguyễn Huy Tưởng viết *Những người ở lại*. Kịch dài *Những người ở lại* miêu tả thái độ và cuộc đấu tranh của các tầng lớp trí thức đối với kháng chiến trong Hà Nội bị chiếm.

Tiểu thuyết *Sống mãi với Thủ đô*, "đài Cửu Trùng của Vũ Như Tô" Nguyễn Huy Tưởng đã được nghiền ngẫm ngay từ những ngày đầu tiên Trung đoàn Thủ đô chiến đấu trong vòng vây của địch.

Sự tích một sáng tác không biết đâu bờ đâu mốc mà tính được thời gian và công phu sức lực bỏ ra.

Ngày tháng ghi kỷ niệm ở trang cuối chỉ là ước lệ.

Trung đoàn Thủ đô đã ra đời trong những ngày đêm ác liệt giữa Hà Nội. Rồi suốt chín năm kháng chiến, Trung đoàn Thủ đô đã tham gia tất cả các chiến dịch lớn, sau cùng, từ chiến thắng Điện Biên Phủ về Hà Nội giải phóng. Tấm lòng vẫn nguyên như đêm ra đi: các chiến sĩ Hà Nội đã cất lời thề hẹn ngày về, khi ngoảnh lại nhìn thành phố rừng rực trong lửa cháy.

Một ngày đầu xuân năm 1947, chúng tôi đi đón Trung đoàn Thủ đô, vừa từ giữa lòng thành phố ra. Các chiến sĩ đã bí mật hành quân lườn dưới cầu Long Biên, qua sông Hồng, vào chân núi Tam Đảo. Rồi bất thần, nửa đêm lại trở sang bên này sông. Liền mấy ngày, máy bay địch lùng khắp từng làng, từng cánh đồng phía bắc thành phố. Trong khi đó, Trung đoàn đã lại sang sông về đóng quân ở vùng Gối.

Lễ đón mừng các chiến sĩ Thủ đô ở Thượng Hội.

Hồi này, địch trong thành phố đã nống ra tới cầu Diễn, trên đường Sơn Tây. Ở cánh đồng làng Thượng Hội trông ra Diễn, đốt lửa to còn thấy vàng sáng, moóc-chê địch thường bắn qua trên đầu. Nhưng địch chẳng thể ngờ lại có cuộc hội quân lớn như thế này ở trận tuyến trước mặt chúng.

Những ngày ấy, tôi làm phóng viên báo Cứu Quốc trên mặt trận Hà Nội. Tôi thường cùng ở với Thôi Hữu tại chùa làng Ân Thọ ở Sổng - nơi cơ quan báo Thủ đô do Thôi Hữu phụ trách. Nguyễn Huy Tưởng đến rủ và ba chúng tôi đã ra Canh, rồi sang Thượng Hội đón các chiến sĩ

Thủ đô.

Cả vùng các làng Kẻ Gối náo nức. Hai tháng trời ác liệt trong vòng vây địch đã in dấu xám ngắt trong tưởng tượng của mọi người đến dự lễ mừng? Nhưng không, các chiến sĩ thật nhanh nhẹn, rất Hà Nội. Trong hàng quân, có nữ chiến sĩ, ở cả cấp chỉ huy, nữ chính trị viên tiểu đoàn Tuyết Minh. Những cô gái Hà Nội, trong mọi tình huống thật đã tài đảm, thao lược. Các chiến sĩ, hôm qua còn là sinh viên, nữ sinh, là công chức, là thợ đóng giày, đóng thùng, nghề bồi bếp, thợ nguội, thợ điện. Giờ đây như nhau, chiếc mũ ca lô dạ tím, đôi giày có cổ, chiếc thắt lưng trề tràng một điệu kiêu cách cố ý với bên hông khẩu súng lục, con dao găm, - kể cả những khẩu trung liên, đại liên đặt cảnh giới trên các gò cao ở đầu đồng, hầu hết đều là quân dụng, quân trang, vũ khí nhân hiệu Mỹ mà các chiến sĩ đã đoạt được.

Không có thể nghĩ những con người thợ thối đáng yêu vừa trải những trận đánh sống còn liền hai tháng qua. Cảm tưởng cứ chập chờn, lung linh hư hư thực thực. Khác nào, đứng đây, vừa nãy hoàng hôn xuống còn trông thấy trong bóng chiều vàng mờ lạnh buốt cuối đông ánh lửa của người chiến sĩ rút sau cùng đã đốt lên cháy cả kinh thành, báo cho hàng quân đi đầu biết thế là tất cả đã ra khỏi, các phố. Câu chuyện thần kỳ ngoài tưởng tượng.

Trên cánh đồng đầu làng, những đồng sười được nhóm lên. Các chiến sĩ vào Cuộc lửa trại. Nguyễn Huy Tưởng ngồi im. Suốt đêm, anh lặng lẽ chăm chú nhìn mọi người, nhìn lửa, nét mặt hân hoan.

- Vĩ đại quá! Vĩ đại quá! Cái gì cho xứng được.

Câu nói và diện mạo ấy cũng là tư tưởng triết lý, chủ đề và đề tài về Hà Nội của Nguyễn Huy Tưởng quán triệt cho tới các tác phẩm sau cùng. Đức tính đó ở Nguyễn Huy Tưởng đã có ngay ở bước đầu tiên của công việc sáng tác. Phân tích vấn đề, sự việc con người, thường Nguyễn Huy Tưởng phát hiện từ khía cạnh tích cực. Cả mỗi chữ, mỗi câu, Nguyễn Huy Tưởng cũng đậm đà ở phương pháp trước tác và tình cảm ấy. Văn phong Nguyễn Huy Tưởng âm áp, đôn hậu, hùng tráng.

Trong kháng chiến chống Pháp, Trung đoàn Thủ đô mà đặc biệt là tiểu đoàn 54, tiểu đoàn chủ công của trung đoàn đã kết nghĩa làm em nuôi hội Văn nghệ

Có được niềm vui đó không phải tình cờ, mà sự gắn bó quân dân đẹp dễ này có trách nhiệm và công lao Nguyễn Huy Tưởng. Nhiều người trong chúng tôi đi tham dự cùng đơn vị em nuôi hầu hết các chiến dịch, lớn trên chiến trường miền bắc, từ các mặt trận quanh Hà Nội lúc khởi chiến đến chiến dịch sông Thao 1949, chiến dịch Trung du và chiến dịch Biên giới 1950, cùng với các chiến dịch Đông Bắc, Tây Bắc, Thượng Lào rồi Điện Biên Phủ.

Thực tế lớn lao của người chiến sĩ Hà Nội, cũng như của chúng tôi, cuộc sống thành phố đã trải rộng khắp đất nước, qua vô vãn thử thách gian lao. Không những là người chứng kiến, mà chúng tôi đã là những con người góp phần làm nên giai đoạn lịch sử ấy.

Khi Trung đoàn Thủ đô tiến vào Hà Nội, Nguyễn Huy Tưởng đã ở trong đoàn cán bộ tiếp quản thành phố. Cả thành phố xưa tan cơn chìm đắm chín năm và suốt thế kỷ. Bao nhiêu sự kiện lớn lao của đất nước, của đời người. Phải viết, phải viết cái gì cho xứng đáng tầm vóc thành phố. Như vậy đây những trải biết của Nguyễn Huy Tưởng tiến lên một bước sáng tạo, đã dần dần rõ nét. Sự ra đời của mỗi chân móng tiểu thuyết Sống mãi với Thủ đô của Nguyễn Huy Tưởng đã nối tiếp thời gian, không gian từ thật xa như thế.

Nguyễn Huy Tưởng thường kể về những chắt chiu, góp nhặt, những dự định cho cuốn tiểu thuyết ước mơ này. Mỗi khi bàn luận về nền văn xuôi Việt Nam đương phát triển anh thích thú hình dung ra hình ảnh cuộc kháng chiến của nhân dân ta. "Tôi thì tôi không thể viết nổi" - anh

nói. Nhưng Nguyễn Huy Tưởng ao ước đến một phút đầy cảm thông thiêng liêng đến thế nào đó, ở thế kỷ nào đó, xuất hiện những tác giả dựng lên được cuộc trường kỳ kháng chiến từ nam chí bắc thành những bộ, những pho sử thi biên niên hết sức hấp dẫn, trong đó, mỗi vùng đất nước, mỗi dân tộc anh em, mỗi chiến dịch, mỗi trận đánh, mỗi chiến sĩ, mỗi vị tướng cầm quân, tất cả trở thành một lập thể nhân vật anh hùng, tính cách mỗi con người khác nhau mà lại giống nhau, tiêu biểu cho con người Việt Nam trước thế giới. Và, thế nào và bao giờ Nguyễn Huy Tưởng cũng kết luận: Tất nhiên, trong những trường sử thi hào hùng ấy của dân tộc Việt Nam có người Hà Nội. Đời nay chưa có nhà văn giỏi đến thế, thì đời sau, đời sau nữa phải có tài năng làm được, phải làm được.

Nguyễn Huy Tưởng đã công phu, cẩn trọng cho tiểu thuyết *Sống mãi với Thủ đô*. Mấy năm đầu trở về, Nguyễn Huy Tưởng đã viết xong tập 1. Những trang bản thảo chữ đẹp rõ nét, đều đặn, được chép ra, đánh máy cẩn thận. Nguyễn Huy Tưởng vẫn để đấy. Hình như ở anh, vẫn còn băn khoăn, lưỡng lự những điều chưa thoả đáng, chưa nghĩ ra được hết xung quanh công trình lớn. Hãy để đấy, rồi Nguyễn Huy Tưởng đi Tây Bắc. Mấy tháng ở nông trường Điện Biên về, Nguyễn Huy Tưởng cho xuất bản tiểu thuyết Bốn năm sau, bốn năm Điện Biên Phủ sau chiến thắng. Nhưng bản thảo *Sống mãi với Thủ đô* thì vẫn chưa đụng chạm đến. Một mùa luyện quân, Nguyễn Huy Tưởng lại đến với các chiến sĩ Hà Nội thân thiết của chúng tôi. Trung đoàn Thủ đô đã qua ngót mười năm chiến đấu không còn như những ngày mới tập hợp trong Chiến khu 1 ra.

Hàng loạt gương mặt chiến sĩ mới trong đội ngũ, qua mỗi thu đông chiến dịch, mỗi mùa luyện quân. Những ban chỉ huy đại đội, tiểu đoàn đã vắng nhiều người ở đêm liên hoan Thượng Hội. Nhưng truyền thống chiến thắng nhanh vẫn là nền nếp ngày một phát huy phong cách đánh nhanh của chiến sĩ Hà Nội, từ trận kỳ tập vị trí Bồng Lai ngay bên sông Cái trước mặt Hà Nội đến các trận thần tốc ở chiến dịch sông Thao, ở Nghĩa Lộ đồi, ở Bản Hoa châu Mộc trên Tây Bắc và các trận diệt viện gọn như cắt ở Thượng Lào, ở Điện Biên.

Nguyễn Huy Tưởng ra Lai Xá, lại có dịp đến ở lâu với các chiến sĩ của đơn vị đầu tiên đã chiến đấu trong Liên khu 1. Những người còn sống vẫn tinh anh phong độ ngày ấy, và ai cũng đã dày dạn trận mạc. Cái nhìn lại những ngày non trẻ và hào hùng của các chiến sĩ đã cho Nguyễn Huy Tưởng những hiểu biết, những khám phá mới, khác lạ, vẽ lên những nét sâu sắc riêng, anh hùng có, trúng nước có, hoang dã có. Nguyễn Huy Tưởng được cơ hội hiểu nguồn gốc tính chất người chiến sĩ của các tầng lớp nhân dân Hà Nội trong một giai đoạn lịch sử đất nước. Nguyễn Huy Tưởng cảm kích đến sửng sốt, bàng hoàng. Nguyễn Huy Tưởng rất hào hứng và thấy ra những cái anh đã mô tả về chiến sĩ Hà Nội chưa thể như ý.

Phải viết cho thật xứng với cuộc chiến đấu cực kỳ anh dũng mọi mặt vừa khốc liệt vừa quyết liệt đúng với hiện thực thời ấy. Mười năm trước, ở cánh đồng Gối, khi đón Trung đoàn Thủ đô, Nguyễn Huy Tưởng vẫn lo lắng với câu nói: Vĩ đại quá! Cái gì cho xứng!

Nguyễn Huy Tưởng quyết, định viết lại. Tiểu thuyết *Sống mãi với Thủ đô* mà chúng ta được đọc, chỉ là cái bản thảo cần phải viết lại ấy của Nguyễn Huy Tưởng.

Thói quen làm việc của Nguyễn Huy Tưởng cũng khá khác thường. Sự cần mẫn, chịu khó bao giờ cũng sẵn sàng ở anh. Và thường để suy nghĩ, để chuẩn bị, đôi khi là việc đổi tay viết một cái khác, Nguyễn Huy Tưởng đã dùng khoảng cách nghỉ ngơi có ích như thế, trong khi sửa soạn viết lại *Sống mãi với Thủ đô*, anh viết cho thiếu nhi chuyện Trần Quốc Toản ra quân: Lá cờ thêu sáu chữ vàng. Rồi lại sáng tác kịch bản phim Luỹ Hoa (chữ của Nguyễn Tuân đặt), dựa trên sườn tiểu thuyết *Sống mãi với Thủ đô*.

Như tay đô vật vào gióng còn đương múa vờn.

*
* *

Những năm đầu, nhà xuất bản Kim Đồng ở phố Triệu Việt Vương.

Xưa kia đây là nơi bờ bụi lầy lội lau sậy làng Đức Viên, làng Thổ Giao, làng Vân Hồ. Phố xá, những nếp nhà một hai tầng so le, không có cửa hàng buôn bán, chỉ mới mọc lên quanh chợ Hôm khoảng trong ngoài năm sáu mươi năm trước. Vĩa hè còn nền đất và vắng vẻ đến độ người đi dưới lòng đường hay trên vĩa hè cũng như nhau. Phố của các công chức ngày ngày đi làm. Nhà khá giả máu mặt đôi chút có cái cửa nách, lấy lối ra vào cho người culi và chiếc xe tay nhà.

Trong kháng chiến chống Pháp, ở Việt Bắc, công việc xuất bản sách cho thiếu nhi tập trung vào Tủ sách Kim Đồng Nhà xuất bản Văn Nghệ. Về hoà bình, "Tủ sách Kim Đồng" là một bộ phận của nhà xuất bản Thanh Niên. Nguyễn Huy Tưởng cùng một số anh em chúng tôi đề nghị với Trung ương Đoàn đứng ra xin phép thành lập một nhà xuất bản riêng cho thiếu nhi.

Và giám đốc đầu tiên của Nhà xuất bản là Nguyễn Huy Tưởng.

Hồi này, Nguyễn Huy Tưởng chuyên lo công việc cho nhà xuất bản mới khai trương. Cái ham mê bé nhỏ cũng thật sự hồn nhiên trong sự bận rộn, từ biên tập đến trị sự, lại đọc bản thảo gửi đến, lại sáng tác. Chúng tôi thường nói vui về Lê-ôn Tôn-xtôi khi về già mới sáng tác cho thiếu nhi và ông lấy làm tự hào đã viết cho tuổi thơ những câu trong sáng nhất đời văn. Ông Tôn-xtôi Việt nam của chúng tôi vốn phục luôn Tôn- tôi, lấy chuyện đó làm một sự thú vị.

Những tình cờ của thời gian không gian trở đi trở về, hay là của đời người! Ở vùng chợ Hôm, hầu như mỗi góc đường, anh lại gặp lại những năm tháng đã qua. Căn gác, phố Ngõ Thời Nhiệm bấy giờ là tổ ấm ngày ấy của đôi vợ chồng trẻ, của những sáng tác sôi nổi, chỉ hai ngày hai đêm viết xong vở kịch dài Bắc Sơn. Và chúng tôi vẫn thuộc số 1789 ở cái khoá chữ một thời say mê, say sưa với những "thế giới đại đồng" trong những ước mơ cao xa.

Nguyễn Huy Tưởng nói:

- Mới đây, mà như từ bao giờ. Mà cũng hay. Chúng mình làm việc cho văn học thiếu nhi. Những kỷ niệm trong sáng, những nhớ lại đẹp như tuổi thơ, biết đâu chẳng gọi ra những sáng kiến lớn.

Câu nói của một người lo toan công tác, nhưng cũng là những ý nghĩ, những chờ đợi bất chợt lạ lùng day dứt về những suy nghĩ chưa xong. Tiểu thuyết Sống mãi với Thủ đô lúc nào cũng dày vò anh.

Nguyễn Huy Tưởng không coi đây chỉ là việc sửa, chữa bản thảo. Một người viết luôn luôn có trạng thái tin, lại chưa tin sức mạnh sáng tạo của mình là biểu lộ một sức bật, một đổi mới. Nguyễn Huy Tưởng đang có những khát vọng lớn, anh muốn thay đổi hết. Mỗi nhân vật, từng tình huống soi trong bóng lồng lộng cửu trùng dài của sáng tạo, cuộc sống chiến sĩ từ hoang sơ Liên khu 1 đến tinh thần một binh đoàn thiện chiến hiện đại, xưa kia và mai sau hội tụ trong một phút giây, tất cả đương là những thực tế uy nghiêm, bắt người viết phải kiểm tra, phải lục soát lại từ quan niệm đến phương pháp, đến việc đưa từng chữ xuống trang giấy.

Mỗi quãng đường, mỗi lúc gặp những năm tháng đã qua, lại thôi thúc.

Buổi sáng ấy trên bờ hè gốc cây nhồi cạnh cửa viện Mắt, có những toán bộ đội cặm cũi đào hố. Rồi nhặt lên từng chiếc xương sườn, xương ống, một sọ người. Trong suốt phố, nhiều đám người đương nhặt xương trong hố lên như thế. Các nhà hai bên đã đem ra thau nước trầm bốc

khói ngào ngạt. Từng đốt xương được rửa nước trầm cẩn thận rồi bỏ vào tiểu, trên phủ quốc kỳ sao vàng. Thành đội đương tổ chức đào tìm hài cốt các chiến sĩ đã chiến đấu ở Thủ đô những ngày đầu. Mỗi hôm, hoa viếng của những người trong phố đưa đến, khói hương bay toả trên màu cờ đỏ suốt bờ hè. Đằng kia, vẫn còn những đám người đi nhận dấu tích gốc cây, hòn gạch, hướng nhà và các chiến sĩ lại đào Nguyễn Huy Tưởng chôn những nén hương chúng tôi vừa mua ở chợ Hôm về, cắm lên trước chiếc tiểu bên gốc cây nhồi cổ thụ.

- Vĩ đại quá, làm thế nào cho xứng được!

Ngày trước, đón các chiến sĩ ở Thượng Hội, Nguyễn Huy Tưởng đã nói thế. Năm nọ, ở Trung đoàn Thủ đô về bây giờ anh lại đương nghĩ về cuốn tiểu thuyết phải viết lại.

3. Người bạn đọc ấy

Ngày 6 tháng ba năm nay[10], Nguyễn Công Hoan sáu mươi tuổi.

Cũng tới năm nay, tập truyện ngắn đầu tiên của anh, quyển *Kiếp hồng nhan* đã ra đời được bốn mươi năm.

Những con số ngày tháng đơn sơ mà xiết bao cảm động. Tuổi của văn xuôi hiện đại chưa mấy. Tuổi văn Nguyễn Công Hoan, mới tính đến giờ, đã có thể đo được với tuổi đúng của nền văn xuôi hiện đại.

Nếu ta nhầm từ cái hồi mà lời văn bỗng trầm khốc đứng khốc ngồi, đến thời kỳ văn chương sạch sẽ kiểu “Tự Lực”, thì, lực lưỡng như một tay đô vật không có địch thủ, từ *Kiếp hồng nhan* tới nay, truyện ngắn truyện dài Nguyễn Công Hoan từng từng tạo thành một thế tam đảo ba vì hùng vĩ vượt qua cả hai thời kỳ tiền ngày nay.

*

* *

Tôi ghi lại những ý trên khi lồi nhớ tới hai ngày sinh của người bạn kính mến thân yêu của tôi.

Tôi đương có công tác về thôn Vân ở Đan Phượng.

Từ cầu Phùng vào Vân, còn hơn mười cây số, mà bóng chiều đã ngả: Ông, mặt trời mùa xuân hiếm hoi lừ đừ màu đỏ ngọt ngào đã xế trên chỏm núi Ba Vì. Đê sông Đáy kẻ sọc chỉ mờ trắng tấp nập nhô những lũy tre xanh nhạt, đôi chỗ chấm tròn một lùm cây vải đen thẫm. Tất cả quen quen như đã gặp nhiều ở đâu.

Cách đây hai mươi năm trước, bước chân trôi giạt của một người làm công nhà buôn đã đưa tôi đến Móng Cáy. Tôi đi tính sổ bán hàng cho đại lý hiệu giày Ba-ta ngoài ấy. Trên bãi bể Trà Cổ, anh bạn nọ trở cho tôi một người và bảo:

- Ông Nguyễn Công Hoan đấy!

Lần đầu tiên tôi trông thấy anh. Không phải như những kẻ phong lưu đi nghỉ mát Trà Cổ mà là anh đương làm công chức "gỗ đầu trẻ" ở ngay làng Trà Cổ.

Một người đàn ông đứng tuổi đặt tay một cô bé gầy gò lưng thưng đi đôi guốc lê trên cát còn hầm hập nóng. Bãi Trà Cổ đã vắng lại càng vắng. (Ngày ấy không phải ai cũng háo hức nghỉ mát Trà Cổ như bây giờ).

Chỉ có mấy cái nhà tây của các quan binh Móng Cáy, Đằng kia, nhà thờ Trà Lộ nhòm xuống bãi biển càng hiu hắt lạ lùng.

Tôi vẫn còn nhớ mãi cái đêm sáng trăng, trên tàu Tây Diệc từ Mũi Ngọc về Hải Phòng, anh đứng trên boong nhìn vào Hà Cối. Tôi vừa đọc truyện ngắn Nghĩ người ăn gió nằm mưa của anh ở báo *Tiểu thuyết thứ bảy*. Tôi không cố ý giữ một hình ảnh tượng trưng.

Nhưng làm sao mỗi khi nhớ lại, tôi vẫn lạc về bãi bể Trà Cổ xa vắng và đêm trăng một mình qua Bái Tử Long ấy. Sự sáng tạo chân chính ở thời kỳ đen tối này, sao mà lớn lao, cũng sao mà cô đơn.

Hai cha con cứ lúi lũi đi về cuối bãi. Vài chiếc vỏ sò, vỏ ngao, vỏ ngán, vỏ hà và bọt biển giạt từ Bắc Hải bên kia tới. Những vật nhỏ bé phương xa đó làm tò mò cô gái. Nhưng đôi mắt người cha đắm đắm theo những đàn chim gì không biết, đương lặng lẽ bay xa, thật xa.

Có lẽ không thể tới Vân được. Trời muốn tối đến nơi. Những tiếng ban ngày ộn ẫ trên cánh đồng giờ nghe mơ hồ vời vợi. Và người đi đường cảm thấy quanh quẽ hơn, âm thầm hơn.

Nhưng, đằng sau lưng bỗng trỗi lên một liếng xoang xoảng nhộn nhịp. Như trâu bồng, như tiếng quăng lưới gõ cá trên mặt hồ chưa tan sương. Tôi quay lại. Từ trong làn sương đục phủ mặt đê cao, một chiếc xe ngựa rong ruổi hiện ra, nghe rõ tiếng cười nói xôn xao của những người ngồi trên xe. Xe càng gần tới.

Trước nhất, thấy hai vành bánh cao su đặc to thô lỗ. Ở giữa chất lù lù toàn những mạ, lấp cả hai hàng người ngồi dưới. Đằng trước đánh xe, là một cô gái. Cô lừ lừ nét mặt. Vành khăn nâu non lộ sau mũi khăn vuông cao chót vót, lối chít khăn của con gái Sơn Tây bờ sông Đáy.

Chiếc xe vừa lướt tới, tôi thấy cô đánh xe cười. Thì ra, có cái dáng mặt nghiêm lừ lừ kia là vì con ngựa. Cô đương giơ ngọn roi tre lên dứ cho ngựa chạy nhanh hơn.

Cô ngoái ra, nhanh nhẩu hỏi:

- Về đâu tối thế?

Câu hỏi cộc lốc, nhưng giọng hồn nhiên và táo tợn.

Xung quanh tôi chỉ còn có cánh đồng và một mình, càng cảm thấy đường xa.

- Về Vân đây.

Mấy cái đầu lấp ló nhìn ra.

- Về Vân à?

Tôi gạ:

- Cho đi nhờ với.

Cô đánh xe nói:

- Được thôi.

- Chứ đi bộ thì sang năm mới đến Vân?

- Ngồi nhích một tý nào, các vị ơi!

Anh Nguyễn Công Hoan à, anh có thể tưởng tượng như thế này không, khi tôi ngồi trên cái xe ngựa lắc lư chạy, trong tôi cứ bập bồng rồi lại thiết tha theo đuổi những ý nghĩ lúc này về anh. Điều đó không phải nhiên và không có lý. Những tưởng tượng về anh ngày sinh của tuổi đời và tuổi tác phẩm nhà văn những bóng xa xa, mờ mờ về Trà Cổ với đêm Bái Tử Long qua Hà Cối. Ý nghĩ tôi khắp khểnh theo vòng bánh trong khi tôi trầm ngâm nhìn cô gái đánh xe.

Cái dáng quen, ừ rất quen. Cách đây nhiều năm rồi, gặp năm nước lớn, hương lý làng Nghĩa Đô đốc thúc người đi đê. Trai tráng làng tôi suốt lượt phải hộ đê từ Tứ Tổng lên tận vùng này. Chúng tôi cơm nắm cơm đùm kéo bộ cả đêm đến sáng mới tới điểm canh đê hàng tổng. Nhớ làm sao buổi sáng hải hùng ấy, cái cảnh tôi trông thấy đoàn người chạy nước từ dưới bãi lên lấm vùi như đàn chuột trong hang đang bị ộc nước. (Về sau, một trong những truyện ngắn đầu tiên tôi viết, là truyện ngắn *Nước lên* in trên báo *Hà Nội tân văn* của anh Vũ Ngọc Phan, trong đó đã chép lại nhiều hình ảnh đau thương hôm ấy).

Bao nhiêu năm, bây giờ tôi trở về đây. Trở về những làng Vân đất bãi điều tàn năm nào. Phải, tôi cố nhớ ra cái dáng. Vẫn dáng người con gái xốc vác của những cô thợ đấu tỉnh Sơn, vai chắc lẳn, cổ cứng, đội đất rất khỏe. Chỉ khác, không phải người lam lũ từ nước lụt chạy lên. Đây là cô gái làng Vân, bảnh choẹ giọng chiếc xe ngựa

Cái xe lắc lắc đều đều qua cánh đồng. Tay cô ấy dứ roi, mắt nghiêm, rất sắc, rất tươi. Tôi nghĩ đến lớp nhóm trưởng nhóm cấy? Là tổ phó tổ kỹ thuật? Hay đội phó, đội trưởng phụ trách sản xuất, tổ cô ấy vượt diện tích, hết mạ dự trữ, phải đi mua mạ chợ xa?

Trong xe, đang râm ran chuyện. Những chuyện chống hạn, đào giếng chống hạn và linh tinh... Người kẻ Cốc ăn khỏe, con gái Hạ trêu anh cán bộ đến phải bỏ xe đạp mà chạy; trên huyện vừa mở thêm hiệu bào chế đông y, lớp ngô sớm phải hạn khéo đến hồng ăn.

Nhưng chuyện ồn ào nhất là việc cấy phải xong giữa tháng...

- Xong thế cóc nào. Nước đâu kịp!

- Cũng chẳng cần. Năm nay nhuận tháng tư thì tháng hai cũng như tháng giêng, cấy sớm cho nó cong cây à?

- Ấy, còn tính thời tiết trông giời thì không phải "nông dân cải tiến 63" đâu nhé!

Người ngồi cuối cùng hàng ghế mặt lên khỏi đồng mạ, gọi ra:

- Cô Ninh Bình ơi...

Cô đánh xe quay lại:

- Gì thế?

- Đội cô nhất định cấy xong giữa tháng này a?

Cô đánh xe trả lời bằng miệng cười nhớn rồi lạt dư chiếc roi lên cho ngựa chạy.

Sương lam đã vắn vù cả quanh xe rồi. Tôi chợt có cảm giác hồi hộp như trẻ con. Một cái gì xa xôi mà thấm thiết. Không phải vì câu chuyện phong phú và miên man trong xe. Cũng không phải vì làng Vân trước mắt kia đương phảng phất những kỷ niệm thời thanh niên, khi tôi mới cầm bút tập viết văn. Không, chính vì cái tiếng ai ngồi đằng kia vừa gọi “Cô Ninh Bình ơi! Cô Ninh Bình...”. Cô Ninh Bình Cái tên hiền hoà nghe mà như trông thấy hoa nở và yên lành, vừa lạ vừa quen làm sao. Trong tiếng bánh xe, tiếng vó ngựa lộc cộc là lạ trên nền đất mỡ gà ẩm đỏ, giữa làn sương buông mỗi lúc một dày, tôi văng nghe chen nhau những tiếng gọi, tiếng đùa cợt, tiếng cười, cô Ninh Bình cô Ninh Bình ơi, tôi nghĩ đến anh.

*
* *

Từ ngày anh kể cho tôi nghe chuyện ấy, mỗi khi qua Ninh Bình, hoặc chợt nghe ai nói đến hai tiếng Ninh Bình, tôi không thể nào không trạnh nhớ.

Bấy giờ là mùa hè 1938, anh nhỉ? Hơn hai mươi năm trước, ở Nam Định.

Những truyện ngắn anh viết lúc ấy đăng trên các báo Hà Nội quả thực là những con dao bầu mổ phanh cái bụng giới quan trường và bọn nhà giàu. Cái giàu sang kệch cỡm và bất nhân của chúng, dưới ngòi bút vạch toạc sự thật giễu cợt đắng cay của anh, thành những bãi ối thối tha mĩa mai trước mắt bạn đọc.

Thế những cuộc đời kẻ cầm bút bấy giờ chỉ những mưa gió. Chẳng những bởi cái nghề dạy học ăn gửi nằm nhờ lẫn lóc từ Hải Dương, Nam Sách, Kinh Môn, Nam Định, lên Lào Cai, ra Trà Cổ, đã cho anh trải anh thấy. Chẳng những chỉ vì khi tấm bé anh đã ở cái cửa phủ, cửa huyện ở Thanh Oai ở Phù Ninh. Ở Thái Bình, cậu bé Nguyễn Công Hoan đã chứng kiến và bắn khoăn vì không thể cắt nghĩa được biết bao nhiêu khốn khổ xám trời, xám đất cứ từ các làng, các xóm ngày đêm lũ lượt kéo lên "công môn".

Và thời ấy, ngay ở thị xã Nam Định này, những hồi còi tầm hút người và nhả người ra chẳng kể gì đầu hôm gà gáy qua những bức tường cổng toà Nhà Máy sợi đen kịt một góc thành phố. Những người nông dân ngày đêm đội rơm, đội gạo đội con cái vượt cánh đồng chiêm trắng nước từ bốn phía cống tỉnh vào ngồi chổng đống ở chợ Ròng ngay dưới mắt anh, trong suy nghĩ của anh. Không thể một cái gì, một chỗ nào phoir ra nhiều vẻ hơn, trái ngược hơn ở cái chợ thời trước, xã hội thế nào nó bày thế ấy ở chợ. Thôi thì bát nháo kẻ cười người khóc, người đói, người chết đói, nơi kia hàng hà của cải, nơi này núi rác núi ruồi, cái gác nhà ông giáo Hoan thuê ở trông xuống những khổ ải nhất đời ấy. Cửa nhà anh ngổ xuống nóc cái địa ngục người và nắng. Hàng ngày, hàng năm anh đi qua, anh lặn lội giữa cái chợ chìm nổi quặn quại những người là người, lẽ nào anh không viết, anh không viết không được, anh phải viết, anh đã viết. Có lần anh nói "để trả ơn những cộng sản" đã bồi đắp cho suy nghĩ của anh hồi Mặt trận dân chủ Đông Dương, anh viết tiểu thuyết Bước đường cùng. Tôi muốn nói rằng tiểu thuyết Bước đường cùng của anh đã bắt đầu từ những khổ ải đời người và đời mình mà ra.

Vâng, thân phận anh, một nhà giáo khổ, khổ mọi cảnh. Người đứng bết cùng ở cái hàng người có tên là tiểu tư sản trí thức ấy chưa bao giờ ngớt đi vay nợ. (Tôi không hiểu sao, cho tới giờ, anh chưa viết về cái thảm cảnh âm thầm mà khốc liệt, là nạn vay nợ lãi), anh nợ suốt đời. Anh lo suốt đời. Trong nhà, các em các con lần lượt ra đi hoạt động. Không mấy khi tết đến, đủ người về. Nhà lúc nào cũng có người tù ở Hoả Lò, ở Côn Đảo, có người đi bí mật - kể cả cô gái út mảnh khảnh năm nào anh dắt đi trên bãi Trà Cổ. Và anh, anh theo nghề nay đây mai đó, sống đời lưu lạc bất đắc dĩ.

Lúc này, chính quyền thực dân lại sắp đoi anh ra Trà Cổ dù anh đã ở tỉnh đường ngược Lào Cai về. (Theo luật lệ của Tây lúc ấy, công chức đã làm việc ba năm ở miền núi, được về xuôi hẳn). Cái hiu hắt kéo lê bóng cha con trên bãi Trà Cổ hoang vắng kia, tôi đã thấy rồi.

Thế nhưng, nhà văn Nguyễn Công Hoan đã cất tiếng. Tiếng nói nhà văn thống thiết nêu lên những khổ ải quanh mình. Không hiu hắt, không tuyệt vọng.

Bạn đọc đã thấm thía với tiểu thuyết *Bước đường cùng*.

Trong cánh cửa nhìn xuống những mái lợp tôn chợ Rừng, ngòi bút viết ra những nỗi đau đón đời người.

Buổi trưa nắng hầm hập hơi nước đồng chiêm ngọt ngạt tràn qua cái thành phố ủ ê, lử lả. Cầu chợ Rừng dưới kia, những cái chảo hầm người.

Bỗng có tiếng đập cửa.

Khi mở cửa anh đã nghĩ sẵn điều để ngửa trước.

Bọn mật thám thường đến nhà người ta thỉnh linh.

Nhưng không phải.

Người gõ cửa là một người "nhà quê" - anh không quen biết. Người ấy trạc bốn mươi tuổi. Khuôn mặt to hơn hẳn so với khổ người thấp bé lại gồ ghề, khắc khổ, vừa rám nắng, vừa vàng nghệ, thành màu đất thó xám, không thể đoán được người ốm hay người khỏe.

Người ấy chít khăn lượt, mặc áo the lưng, tay cầm cái ô vải trắng lơ, đi đất.

Khách nói:

- Thưa ông, tôi ở huyện Yên Mô trong Ninh Bình ra.

Anh chưa hiểu thế nào.

- Tôi muốn thưa với ông một việc.

Anh càng lúng túng nhìn người lạ.

- Ông ơi, đời tôi rất khổ.

Chỉ một câu ấy, nét mặt tàn ngần dăm chiêu ấy, anh đã hiểu. Một câu nói, một câu nói vào một cánh một tình, có thể mở ra cho nhà văn nhìn thấu suốt trước sau. Thế rồi người ấy đều đều kể ra nỗi khổ chồng chất nghìn đời.

Người ấy nức lên. Khuôn mặt to lớn sầm lại, nhòa nước mắt. Rõ ràng là một người không hề khóc bao giờ: Nhưng người ấy đã khóc, rồi nói:

- Tôi đã thắt cổ mà không chết được. Tôi mới biết thì ra số kiếp tôi còn phải chịu khổ lâu, muốn "đi" cũng không "đi" được. Đã thế, bọn lý dịch còn cho là thắt cổ vờ. Nó lại kiện tôi thắt cổ để dọa quan trên.

Người ấy thở dài:

- Tôi biết làm thế nào...

Rồi im một lúc lâu. Nắng trưa càng nặng nề.

- Bây giờ tôi trông cậy vào ông.

Anh nhìn người ấy. Không ngạc nhiên, con mắt và trái tim nhà văn hiểu ngay sự tin cậy ấy. Nhưng chẳng hay người ấy tin cậy gì ở anh? Anh là thế nào? Những câu tự hỏi và có thể tự trả lời ngay được, tuy nhiên, trong hoàn cảnh xã hội ba đào như thế, anh đã viết một loạt truyện "xã hội ba đào ký" mà - cũng lắm khi con người không biết mình là ai nữa. Số phận khủng khiếp của người nông dân kia và của người cầm bút viết văn âu cũng đương là một. Hai con người cùng khổ ở đời.

Anh vẫn im lặng nhìn người bạn mới.

Người ấy nói:

- Không, tôi không đến nhờ ông làm hộ cái đơn để kêu oan cho tôi. Tôi chỉ thấy khổ như cảnh tôi là khổ đến tuyệt trần đời rồi, cho nên tôi phải kể cho ông viết, ông phải viết thành sách, nếu không thì chẳng ai biết được dân đen chúng tôi cực nhục đến như thế nào, bọn hào lý quan trên độc ác đến như thế nào.

Người ấy tin cậy anh thế đấy. Bỗng nhiên, trong cơn nung nấu đến ngạt thở trên cái chợ người giữa trưa, nhà văn cảm thấy được sức mạnh ngòi bút mình không sóng gió nào vùi dập được, không thế lực nào địch được. Trước mắt, chỉ có anh và người nông dân khốn khổ.

Tiểu thuyết Bước đường cùng anh viết mùa hè 1938, khi anh còn ở rốn lại Nam Định. Song, từ ngày ấy tôi cũng chưa hỏi xem anh đã gặp người nông dân ở Ninh Bình kia khi nào, có phải lúc anh viết Bước đường cùng không. Nhưng tôi có một yên trí đặc biệt, tôi tin rằng Bước đường cùng có anh ta. Bước đường cùng là người ấy.

Rồi khách không nói gì nữa. Khách đứng dậy. Đến lúc ấy, anh mới bàng hoàng, như chợt tỉnh, anh hốt hoảng hỏi:

- Ông đi à?

- Vâng, xin chào ông.

- Ông về Yên Mô bây giờ?

- Không.

- Thế ông đi đâu?

Người ấy cười nhạt:

- Tôi đi cùng trời cuối đất này, cái số tôi không chết được mà.

Rồi người ấy quay, đi.

Anh không hề biết tên, anh kể chuyện cho tôi nghe đến đấy, chúng tôi im lặng một lúc thật lâu.

Vâng, đấy là người bạn đọc thân thiết, bạn đọc chân chính, nhà phê bình đúng nhất, nguồn sáng

tạo và sức mạnh cổ vũ to lớn, mạnh mẽ cho nhà văn.

*
* *

Tôi chỉ nghe anh kể lại mà cũng không thể quên được. Cả mỗi khi qua Ninh Bình, mỗi khi nghe ai nói hai tiếng Ninh Bình, tôi lại sức nhớ người bạn đọc thiết yếu ấy của anh. Người viết văn trong lúc đen tối như ông này, đã gặp người bạn đọc vĩ đại người bạn đọc và sức mạnh cảm hứng chân chính, quả là một điều mà trước nay trong văn chương không mấy ai đã được niềm ao ước ấy, chiếc xe ngựa về Vân vẫn lóc cóc đi. Con đường đất đỏ trên đê cao mờ dân dưới làn sương.

Tôi ngồi đầu hàng ghế trong khoang xe: Những bó mạ lắc lư dần dần nghiêng xuống muốn đè lên người.

Vì thế, mở một khoảng cách, nhìn sang cô Ninh Bình, một cảm tưởng man mác, tôi trông cô đội trưởng đánh xe ngựa, và nhận ra người con gái ấy mỗi lúc một đẹp hơn. Mặt cô đỏ ửng vì chiều muộn đã tắt nắng, mà chân trời Sơn Tây trong sương sa trước xe còn phơn phớt ánh hồng lại. Cô Ninh Bình ơi!

Câu chuyện trong xe cứ càng hoang hôn càng rôm rả. Mọi người đương chế giễu cô đánh xe.

Một thanh niên nhìn ra cánh đồng rồi kêu lên:

- Không về kịp thôi. Tối mất rồi.

Câu nói băng quơ, nhưng hình như cô đánh xe chạnh lòng, đối đáp ngay.

Cô quay lại, cười cười, bướng bỉnh.

- Tối thì ngủ lại?

Người ta lao xao:

- Hoan hô cô Ninh Bình! Hoan hô!

Một người khác nói to:

- Tối ở đâu mà chú rể không mò đi đón được, đừng có là ba chục ki-lô-mếch cũng bằng.

Mọi người lại cười rầm. Tôi cứ nghe, đoán, rồi cũng thủng câu chuyện. Câu chuyện bình thường, chuyện trai lấy vợ gái lấy chồng bình thường. Đối với lớp tuổi ấy thì như cơm ăn áo mặc tự nhiên, nhưng câu chuyện này đã xôn xao tuổi trẻ làng Vân đấy.

Nguyên là tối thứ bảy tới thì "tiệc trà" cưới cô Ninh Bình, đội phó sản xuất làng Vân. Cô đội phó lấy chồng. Nếu câu chuyện yêu nhau rồi lấy nhau của lứa đôi ngày một tốt đẹp, cuộc sống tình cảm hai người cứ đầm thắm lên, thì vụ đông xuân này lại đương qua bước thử thách nặng nề. Hơn hai tháng nay trời không mưa. Những bãi ngô sớm úa rồi vàng quăn hết lá, chằm cái lửa đốt cháy được. Đâu đâu cũng khổ công chống hạn, đổ một lúc hàng nghìn người ra đồng.

Trên huyện cho ba máy bơm xuống. Thế là, nước về trắng đồng. Các đội đua nhau cày trâu theo nước về, lên quá mức khoán. Tổ kỹ thuật cắt công đi các làng, các chợ lũng mua thêm mạ. Cô đội phó Ninh Bình phụ trách kỹ thuật phải tất bật vào công việc ấy.

Nhưng cái khó không phải việc đi lòng mạ, mà điều “rắc rối” là "tiệc trà" đã định ngày trước rồi, mà ngày nào cũng phải đi thế này.

Chúng ta đã thấy cô Ninh Bình rong ruổi chiếc xe mạ đó.

Tối làng Vân thì trời vừa tối. Chiếc xe vào tận cái sân phơi rộng đầu làng. Mạ được xếp cả xuống đấy.

Cô Ninh Bình bảo tôi:

- Bây giờ sang xóm chủ tịch thì tối quá rồi, anh ạ. Mời anh về nhà tôi nghỉ, mai sớm hãy sang.

May quá! Không phải vì chỉ có tôi đang tò mò cuộc gặp gỡ có thể, mà thật ra, đêm hôm đèn đóm lại không có, lại còn lục đục tìm nhà. Vả chăng, việc tôi không gặp.

Nhà cô Ninh Bình ở bên một bờ ao dài. Những cây chuối xoắn lá toả bóng mặt nước trắng suông im lặng. Lui vào trong một căn nhà nhỏ giữa nền sân đất phẳng. Ở đây, có cái tĩnh mặc vẻ chùa chiền, tường bao đời nay vẫn thế.

Ông cụ - vâng, bố cô Ninh Bình, anh ạ. Ông cụ đã cơm chiều, uống rượu xong, vừa đi ngủ. Cụ đắp chiếu tùm hụp nằm gian bên, ngáy khò khò - dễ chẳng biết có người lạ đến nhà - ít thấy cụ già ngủ khoẻ thế. Một lát sau mới trời dậy.

Ông cụ có ba người con, anh lớn đi bộ đội: người thứ hai làm du kích đã hy sinh trong trận giặc càn làng. Cô Ninh Bình là út. Cụ vẫn khoẻ. Những buổi đội cần cày gấp cho kịp thời vụ, cụ vẫn đi cày. Hàng ngày, cụ trông một chuồng trâu cho đội.

Cuối xuân trời ấm, gió nồm giật mạnh. Nằm nghe tưởng như từng cơn gió dào dạt giải trên cánh đồng nước chống hạn nhõn vào tận chân tre đầu xóm quanh đây Gần sáng, tôi thức. Trông sang gian bên, le lói ánh đèn. Nghe viêng nõ điệu nổ tanh tách. Bóng ông cụ gật gù lung lay in trên lườn nhà. Tôi trở dậy.

Ông cụ vồn vã:

- Anh dậy à? Có nước sớm, anh sang đây.

Nồi nước chè xanh vò đặc bốc khói thơm ngạt mũi đã đặt sẵn đấy. Vả lại, cứ trông cung cách đóm điệu thông thả lúc gà gáy như thế, tôi hiểu: ông lão dậy sớm đã thành lệ. Tôi đương ngồi trước mặt một cụ già quắc thước. Người vạm vỡ, mặt to chân tay xương đầu gối chắc chắn, thố lố, nhưng những chuôi vồ, những lưỡi cày 58, những cuốc bàn còn tốt. Chiu không đoán được tuổi. Bảo sáu bảy mươi hay bảy, tám mươi cũng thế - thường khó đoán được tuổi các cụ già khoẻ mạnh.

Ông cụ nói:

- Tôi thì quanh năm, gà gáy tan canh, làm xong tuần nước, là đi lo trâu được no sớm, ngày mùa không kịp cho trâu ăn trước buổi cày sáng. Tôi không ngủ được hết đêm, anh ạ. Tôi không ngủ nổi hết cái đêm, có lẽ thành tật từ lúc còn trẻ kia.

Tôi có cảm tưởng thật khác lạ, nhưng tôi lúng túng chưa biết hỏi thế nào.

- Cụ ở quê ta...

Ông cụ đáp ngay:

- Tôi gốc người trong Ninh Bình. Đấy, tên các em nó tôi cứ đặt lung tung, gọi là nhớ quê cha đất tổ, con Ninh Bình, thằng Yên Mô...

Tôi thông thả thở một hơi dài. Như vừa suy nghĩ được một điều hệ trọng. Ông cụ lại nói với theo câu vừa rồi:

- Từ ngày còn trẻ, tôi chẳng tài nào chợp mắt được đầy đêm. Cái đời người ngắn lắm, phải thức mà lo liệu chứ. Đời tôi xưa kia cùng cực quá, ông ạ. Thất cổ mà cũng không chết được...

Rồi ông cụ cười, trống hốc cả hai hàm móm.

*

* *

Tôi nén xúc động, cúi uống bát nước chè vò đặc sánh. Ngoài trời còn đầm sương. Tiếng bánh xe lẫn tiếng vỗ ngựa lọc cọc qua. Xe ống bơm chống hạn, xe mạ ra đồng cấy. Những tiếng ban ngày lại bắt đầu.

Anh Nguyễn Công Hoan, anh đoán cũng có thể biết sung sướng đến thế nào, tôi được gặp người bạn đọc của anh. Người bạn đọc trong những bạn đọc cực kỳ đông đảo, nguồn sáng tác suốt đời của chúng ta.

4. Nguyễn Công Hoan

Năm 1963, trong dịp anh Nguyễn Công Hoan lên lão sáu mươi, tôi có viết một bài mừng thọ. Bài bút ký Người bạn đọc ấy, anh Hoan nói vui:

- Tôi đọc bài anh mà rơm rớm nước mắt, khỉ thế!

Anh bảo tôi như vậy. Cách nói rất Nguyễn Công Hoan!

Tôi xiết bao bàng khuâng với nguồn cảm thông của anh trước tâm sự tôi đã giải bày trong bài ký đó.

Anh đã cho in cả bài Người bạn đọc ấy vào tập hồi ký của anh: *Đời viết văn của tôi* [11]. Và cảm động, tự hào khó tả bao nhiêu cho tôi, bài Người bạn đọc ấy, của tôi còn khơi gợi để anh viết thành tiểu thuyết Con trai người bạn đọc ấy.

Bao nhiêu năm nay, những gì anh viết, tôi đều đọc, có thể nói, không sót một chữ. Tưởng như từ tập truyện Kiếp hồng nhan đến giờ, anh viết bài nào ở báo nào, sách nào, người học trò chăm chỉ của anh đều tìm đọc.

Tôi đã nghe anh kể anh cũng chú ý đọc tôi từ những truyện ngắn đầu tay của tôi đăng báo *Hà Nội tân văn*. Đến bây giờ anh vẫn đọc và thường cho tôi nhiều ý kiến về mọi cái tôi viết ra.

Có lẽ từ hơn nửa thế kỷ làm nghề văn, tới nay, lúc nào anh cũng viết. Những truyện ngắn trong Kiếp hồng nhan anh viết cái năm tôi mới được sinh ra, năm 1920, thế mà tới nay, anh vẫn là người viết hăng hái, siêng năng như vẫn siêng năng, cần mẫn từ bao lâu nay, anh bảy mươi lăm tuổi rồi mà bạn bè không ai hề nghĩ tuổi anh đã cao. Người ta chỉ thấy anh cũng đang viết như chúng tôi, và như chúng tôi. Một nhà văn lúc nào cũng đang viết thì không bao giờ biết già và không bao giờ ai cho là già. Những người lớp tuổi sau kính trọng tuổi anh, ao ước được thân thiết với lao động sáng tác của anh.

Tháng trước, anh phải nằm bệnh viện. Cũng tháng trước, báo Văn nghệ ngày 21 tháng năm 1977, in bài bàn vấn đề Về chữ "*nhà*" của anh. Bài anh đề viết tháng 5, viết cả khi ốm nặng. Tôi đọc bài ấy, ghi mấy chữ vào sổ tay để nhớ và tôi nghĩ thêm được những chữ: nhà bàn, nhà tàu... Vắn định, rồi lúc nào gặp nói đùa "biểu anh thêm mấy chữ này".

Trong bài Người bạn đọc ấy tôi có kể lần đầu tôi gặp anh Nguyễn Công Hoan ở bãi biển Trà Cổ, quãng một năm trước năm 1940.

Hồi ấy, anh dạy học ở làng Trà Cổ. Còn tôi đang làm phụ kế toán cho nhà giày Ba-ta ở Hà Nội. Tôi ra Móng Cái tính sổ hàng của đại lý. Thấy anh ở Trà Cổ rồi tình cờ cùng đáp chuyến tàu thủy chở khách của hãng Tây Đức từ Mũi Ngọc về Phòng. Tôi làm quen với anh. Tất nhiên, anh chẳng biết tôi là ai. Tôi chưa viết văn. Cũng chưa có cái tên như tên tôi bây giờ.

Nhớ hôm ấy anh mặc quần soóc trắng, đội mũ cát dẹt vẹt, hút tẩu thuốc lá, đứng tựa lan can tàu trông ra biển. Tôi mon men đến. Tàu qua Hà Cối, anh trở hòn đảo mà tàu vừa rời xa, nói Tây gọi đảo ấy là Chapeau Chinois. Tôi trông hình đảo nổi trên mặt biển cũng giống núp cái mũ cói rộng vành của người lao động Trung Quốc thường đội. Trên tàu có Trần Trọng Kim hồi ấy là đốc học Hà Nội ra nghỉ mát Trà Cổ. Về đến Quảng Yên thì ông Trần xuống, anh bảo tôi là ông ta xuống chơi với tuần phủ Quảng Yên. Trên tàu có đoàn chị em ái hữu tiêu thương chợ Đồng Xuân đi chơi Móng Cái, sang cả Đông Hưng bên Trung Quốc. Tôi cũng có sang Đông Hưng. Sau chuyến ấy, tôi viết một bài phóng sự về quang cảnh thị trấn Đông Hưng chuẩn bị chống Nhật. Tôi gửi bài vào báo Mới, một cơ quan công khai, của phong trào Mặt trận Dân chủ Đông Dương ở Sài Gòn. Chỉ thấy ở mục hộp thư báo đăng tin có nhận được bài mà thôi.

Ngót bốn mươi năm rồi, mà vẫn nhớ nguyên chuyến tàu. Cái tàu thủy cũ kỹ chạy ven biển - hai ngày, hai đêm mới từ Mũi Ngọc về tới bến Bính, guồng tàu quay ầm ầm, sỏi bọt trắng xóa ngày đêm đằng đuôi tàu Nhưng phải nói là biết anh Nguyễn Công Hoan, tôi biết từ khi học, lớp cấp ba tiểu học, khi bắt đầu biết đọc sách và đọc truyện ngắn trong tuần báo *Tiểu thuyết thứ bảy*, số 1, in năm 1933...

Đến hồi đương tuổi thanh niên tôi lại "biết" anh vào dịp anh em ái hữu thợ dệt quê tôi diễn vở kịch Tấm lòng vàng của anh. Kịch kể chuyện một nhà giáo, từ tâm giúp một học trò nghèo. Sau anh học trò ấy làm nên, kín đáo đền ơn tạ thày. Tôi đóng vai người học trò nghèo trong kịch Tấm lòng vàng. Thầy là Thịnh, thầy giáo dạy tôi lớp 1 ngày trước, lại đóng vai thầy giáo. Con gái thầy giáo là cô Mỹ Anh, một cô đào tuồng rạp Quảng Lạc. Chúng tôi đã xuống Hà Nội thuê cô ấy về đóng, ngày ấy chơi kịch nghiệp dư, khó kiếm được vai nữ thật.

Hồi này, anh đã được đổi về dạy ở Nam Định.

Tôi viết thư xin phép tác giả. Thật ra, tôi ao ước được thấy mặt chữ một nhà văn nổi tiếng hơn là việc xin phép. Tôi đã được như ý. Chữ ký trong thư anh không chân phương như bây giờ, mà loằng ngoằng búi tròn lại thành một đám như con nhện rồi buông một nét sa xuống dài thòng, anh Nguyễn Công Hoan vốn tinh nghịch, hay làm ngược. Có phải vì ngày ấy các nhà thơ Xuân Diệu, Huy Cận, Đoàn Phú Tứ ký tên thường phất những nét cao ngất dài mây lên trời mà nhiều người đã bắt chước, thì anh ký thành một cục chữ rồi cho chọc một nét xuống đất.

Tôi giữ cẩn thận cái thư ấy, tới sau tháng tám 1945, đã đưa anh xem.

*
* *

Thật thì cũng chẳng mấy khi tôi có dịp gần hoặc làm việc lâu với anh, nhưng tôi nhận thấy ở anh lúc nào cũng lạc quan hay nói đùa. Cái vui của một người có nhiều nỗi buồn, không biết có phải thế không.

Trước những khó khăn, những đau khổ, trong mọi hoàn cảnh, anh vẫn tìm ra cách nghĩ, và làm việc tạo niềm tin.

Xin kể đôi ba kỷ niệm nhỏ.

Năm ấy, cuộc kháng chiến chống Pháp mới bắt đầu. Tôi làm phóng viên báo Cứu Quốc mặt trận Hà Nội, anh Nguyễn Công Hoan đã vào bộ đội, ở ban biên tập báo Vệ quốc quân, anh Lê Tất Đắc phụ trách. Báo đóng trong một xóm trên đồi Đồng Lư vùng So Sả giữa chùa Thầy và chùa Trầm. Cùng làm tuần báo Vệ quốc quân lúc ấy có Thôi Hữu và Thâm Tâm. Thấy tôi đến chơi, anh Nguyễn Công Hoan giữ lại bảo "ở lại đây làm báo với chúng tớ cho vui". Thế là thủ trưởng Lê Tất Đắc ký giấy xuất kho cho tôi bộ quần áo bộ đội xanh lá cây, cái mũ cứng, thêm chiếc mũ ca-lô. Tôi ở lại có đến mấy tháng, cho đến hôm cơ quan Vệ quốc quân chạy Tây rời lên Lâm Thao.

Có một chuyện buồn cười, buồn cười khi anh nói lại chứ thật ra, đây là chuyện gay go, suýt chết. Hôm ấy anh Nguyễn Công Hoan cùng Thôi Hữu lên Sơn Tây. Không nhớ đi việc gì, tôi mang máng như cũng là các anh đi chơi thôi, anh Nguyễn Công Hoan mặc quân phục, mũ ca-lô sĩ quan dạ tím có sao vành tròn.

Lưng anh dắt gồ gồ bao súng lục anh Lê Tất Đắc cho mượn - mà tôi chắc anh cũng không biết bắn. Người anh cao lớn, mặt bộ đội, trông oai lẫm.

Chẳng may, đúng hôm ấy, Tây ở Hà Nội tấn công nống lên tận huyện Phúc Thọ. Một đảng thì Tây đã lố nhố lên mặt đê, bắn loạn xạ vào trong làng. Một đảng thì người ta chạy giặc đương gồng gánh xô xuống bãi.

Anh chạy với mọi người.

Anh bị dân quân hỏi, rồi giữ giấy. Người ta, nghi anh là Việt gian, trói anh lại. Ở ngay mặt trận, địch đang đuổi sau lưng mà bị dân quân bắt, nghi là Việt gian thì chết đến nơi rồi.

Nửa đêm, anh mới mò được về đến Đông Lư. Bùn lấm lên tận mặt, mất cả mũ ca-lô, cả súng lục. Vết thương còn lằn đỏ hai cô tay.

Chúng tôi theo lệnh chuyển lên Lâm Thao, anh đi theo luôn. Dọc đường, lúc ngồi nghỉ, anh Nguyễn Công Hoan thông thả vui vẻ kể lại chuyện "nguy hiểm chết người" ấy. Rồi anh cười:

- Từ giờ thì khách không dám đeo súng!

Một chuyện mới đây. Cục địch vận của Quân đội tổ chức cuộc gặp mặt văn nghệ sĩ bàn việc sáng tác cho địch vận. Các vùng bị chiếm ở miền Nam dường ngập ngựa sách vở, ta cần tìm cách thổi luồng gió mới vào.

Các anh ấy đề nghị chúng tôi viết những truyện - viết theo lối sách chường, tình báo, lãng mạn

đương thịnh hành nhưng nội dung lành mạnh, khơi gợi tình yêu nước. Và ký tên khác. Để in công khai trong thành hoặc in ngoài chiến khu, đem lồng bìa giả, bí mật đưa vào các đô thị.

Chưa ai làm được gì thì anh Nguyễn Công Hoan đã xong một tiểu thuyết trên một trăm trang bản thảo. Hồi kháng chiến chống Pháp, anh đã viết một truyện như thế, do quân đội in, quyển *Sống cũ*, ký tên là Nguyễn Văn Lung (Anh cắt nghĩa: là lung tung thiên ấy mà).

Tôi đọc, rồi nói với anh:

- Những đoạn tả tình yêu chưa được.

- Sao?

- Anh cho trai gái Sài Gòn bây giờ viết thư tình như thư tình trong truyện của anh từ hồi "*mìn-nốp-săng-cà-cô*". Có cả *sợi tơ lòng*, *đài gương*, *dấu bèo*, *nhạn én thoi đưa*, *tháng ngày thấm thoát*...

Anh im. Rồi vỗ đùi, cười to:

- Ở nhĩ, lâu nay cái việc ấy mình không có thực tế. Toàn viết theo xú-vơ-lia[12]. Hông!

Anh bằng lòng với nhận xét ấy, của tôi và tự giải thích theo cách hài hước riêng. Rồi anh bỏ cả cuốn tiểu thuyết Một kiếp người. Chịu nghe, Nguyễn Công Hoan vẫn trẻ trung như thường.

Năm trước, anh khoe:

- Mình mới nghĩ ra một truyện dài cái truyện dài này thì dài vô tận.

- Truyện gì ạ?

- Truyện "*Nhớ gì ghi nấy*".

Tôi vẫn chưa hiểu, anh cắt nghĩa: ở tuổi anh ấy bây giờ, những từng trải buổi giao thời, những mắt thấy tai nghe qua mấy chế độ, biết bao chuyện, phải ghi lại cho lớp người sau biết.

Thế là anh đóng từng tập giấy khoảng trăm trang mỗi khi nhớ một việc, anh suy nghĩ thấy nên ghi lại, anh ghi. Hết tập giấy ấy, anh đóng tập khác.

Anh cười, giơ tay, vẽ đặc chí:

- Ở hay, chẳng phải là chuyện dài vô cùng tận thì là cái gì. Từ nay đến ngày mình chết, chết thì thôi chứ những điều đáng nhớ đáng ghi thì cái bộ đại trường thiên tiểu thuyết này của Nguyễn Công Hoan cũng chưa xong cơ mà!

Những ghi chép ấy của Nguyễn Công Hoan đã có dịp ra mắt bạn đọc một vài đoạn trên tạp chí Tác Phẩm Mới. Có ý kiến cho là anh ghi nhiều điều quý. Có ý kiến cho là có cái không hay, không nên ghi, không nên cứ nhớ gì ghi nấy.

Anh chỉ cười:

- Tất nhiên, phải nghĩ rồi mới ghi chứ, tay mình viết chứ có phải là cái máy viết đâu, nhưng mà đợi người ta bàn xong xem mình ghi hay hay dở thì không còn thì giờ, cứ phải làm việc thôi. Từ khi tôi nghĩ ra cái nhớ gì ghi nấy này, thấy lúc nào cũng bận.

Luôn luôn anh tìm ra nguồn vui, cả trong lúc sáng tác khó nhọc, anh hay pha trò, nhưng công việc anh làm thì không đùa. Lúc nào anh cũng tập trung trí tuệ và nghị lực. Chúng tôi thường nghe anh kể và đã biết về cách anh làm việc, nơi anh làm việc, trước kia cũng như bây giờ. Thật giản dị: một cái bàn, cái ghế, lọ mực tím, lọ mực đỏ, cái kéo, lọ hồ, tập giấy. Mỗi tối thường anh viết xong một chương truyện trên mười trang bản thảo giấy khổ nhỏ. Hôm sau, chữa lại chương ấy bằng mực đỏ. Chỗ nào hỏng, hoặc xê xích câu văn trên dưới thì cắt dán. Đến bữa, đứng dậy đi ăn cơm, ăn thật no.

Anh bảo: Mình ăn khoẻ, quà bánh chẳng tham vào đâu. Phở cứ hai bát mới lửng.

Có lần đi Hải Phòng, tôi thấy anh ăn một lúc hai bát phở. Không bao giờ ăn quà vặt, thỉnh thoảng, dăm bữa nửa tháng, cao hứng mới uống chén rượu chơi. Viết liền sáu hôm được sáu chương, chủ nhật nghỉ, viết hai tuần lễ mười hai chương, cứ thế làm tiếp cả tháng, cho đến khi xong.

Sức mạnh tập trung và thói quen làm việc dữ đến thế là cùng, anh đã kể trong hồi ký Đời viết văn của tôi, anh viết liên tiếp xong tiểu thuyết Bước đường cùng thì bị đau bại một bên vai phải, anh làm liền một loạt truyện ngắn, in báo rồi in thành lập Đào kép mới.

Viết xong, đứt kẻ mắt, bị sung húp lên.

Đến khi có tuổi, cách thức làm việc của anh vẫn khỏe tương tự, mặc dầu bệnh nghề nghiệp của một người thực sự lao động nghệ văn, đã khiến những năm sau này, anh đau bả vai bên phải như tê thấp, không ngồi cầm bút được lâu hơn một tiếng và bên chân trái anh đi thường bị run.

Đời anh từ nhỏ, biết bao ngậm ngùi. Người đọc đã thấy trong Đời viết văn của tôi những chuyện cười cợt về thầy ký rượu phố phủ, về anh nho khúm núm cửa huyện hoặc về tác giả tự giấu mình là cậu bé nghịch tình, nhưng người đọc đã thấy đằng sau những truyện cười đến giàn giụa nước mắt ấy là nỗi buồn của cậu bé sớm phải xa cha mẹ, là cái lo nhà mình cứ nghèo mãi, bố mẹ lại đông anh em, mà đi thi mấy lần đều hỏng, tốn lên, đau nỗi đau mất nước, anh không thờ ơ với thời cuộc, anh đã giác ngộ và đầu tiên anh hoạt động cách mạng với nhà yêu nước Nguyễn Thái Học, bạn học của anh ở trường sư phạm Hà Nội.

Đời anh, đận nào cũng đầy những âu lo. Từ nhiều năm trước, đến những ngày Tổng khởi nghĩa 1945, trong gia đình, các em anh rồi đến các con anh lần lượt thoát li đi hoạt động, có người phải mang án chém, án tù đầy chung thân. Sáng tác của anh có quyền bị cấm lưu hành như tiểu thuyết Bước đường cùng, thời kỳ Mặt trận Bình dân. Đến khi phát xít Nhật sắp làm đảo chính, anh bị mật thám Tây cấm viết, anh phải viết ký tên khác, nhà xuất bản mới in. Những truyện viết cho thiếu nhi hồi này anh viết ký tên Ngọc Oanh (chữ Nguyễn Công Hoan viết tắt và xếp ngược), anh đi dạy học, nhưng thực dân Pháp không cho anh được ở đâu lâu. Ngót hai mươi năm làm nghề gõ đầu trẻ - anh đã viết thành tập tự truyện trào lộng có cái tên ngộ nghĩnh: Godautre, - chữ "gỗ đầu trẻ", viết liền và đọc theo kiểu chữ Tây.

Cách mạng tháng Tám thành công. Gia đình anh được niềm vui chung của đất nước. Rồi, bước vào hai cuộc kháng chiến ngót ba mươi năm, trải bao nhiêu gian khổ, nhà anh cũng trong những hy sinh gian khổ ấy. Mẹ anh và nhiều người trong gia đình đã bị bom giết hại. Em anh, con cả anh đã hy sinh trên đường công tác. Con trai anh vào chiến trường miền Nam.

Nhưng đầy nghị lực và tinh thần trách nhiệm trước cuộc sống, bao giờ anh cũng vượt lên. Những đức tính ấy ảnh hưởng quan trọng đến toàn bộ sự nghiệp văn học của anh về tư tưởng, về vốn sống và tài năng sáng tạo.

Tiểu thuyết Đồng rác cũ tập I, có nhiều chương miêu tả gia đình một nhà nho, một gia đình phong kiến điển hình với những thói tục hủ lậu, đã giam hãm và hành hạ người phụ nữ đến tàn

đời trong ngưỡng cửa gia đình. Thành công của anh trong biểu hiện và mổ xẻ tâm trạng với khung cảnh những nhân vật phong kiến ấy, tôi hiểu được, do bao nhiêu từng trải và cảm xúc, suy nghĩ của anh. Tôi có được nghe anh kể về người phụ nữ đau khổ có thật ở Hải Dương đã trở thành hình ảnh nhân vật phụ nữ xấu số trong truyện. Tâm sự và cuộc đời người trong truyện cũng là những rối bời trong tâm sự và cuộc đời người viết và xã hội.

Đời viết văn của tôi có nói một chút về cái chết thê thảm của người thiếu phụ đáng thương mà anh dựng thành nhân vật. Đối với nỗi lòng anh, tôi hiểu được sâu hơn những thâm lặng, những xót xa, những nguyên nhân nào khiến anh yêu văn Vũ Lang, văn Vũ Lang viết như thơ - một nhà văn lãng mạn mất rất trẻ hồi ấy.

Bạn đọc anh thường chú ý tính xã hội của nhân vật và tính trào lộng đặc biệt của anh. Tôi thấy ở anh, không phải chỉ có hài hước mà còn có thơ. Chất thơ ấy làm cho cái cười của anh buồn thăm thẳm hay bay bổng lên. Những truyện ngắn như Nghĩ người ăn gió nằm mưa, Dám xa xôi mặt mà thừa thốt lòng, và những tiểu thuyết *Tấm lòng vàng*, *Tắt lửa lòng*, *Lá ngọc cành vàng*, *Tơ hồng*. *Cô giáo Minh*, *Bước đường cùng* và những bài thơ mà đôi khi anh làm, có đăng báo *Tiểu thuyết thứ bảy* và cả cuộc đời lúc nào cũng nén đau thương - những điều tưởng không dính líu tới sáng tác, nhưng thật đã ảnh hưởng lớn tới tâm hồn sáng tác của anh. Những cái đẹp, những nét thơ và u uẩn đó ánh lên như hương thơm của chùm hoa mộc tinh khiết đưa thoang thoảng rất xa trong đêm hè.

Không phải chỉ do, tôi suy luận từ sáng tác tới cuộc đời anh, mà có những điều tôi trực tiếp hiểu được như thế. Chỉ một bài Người bạn đọc ấy của tôi đã gây ra giông bão trong sức mạnh sáng tạo của anh và anh đã tạo nên tiểu thuyết Con trai người bạn đọc ấy. Phải có cảm xúc thơ, tâm hồn bao la mới chấp cánh được cho ngòi bút mạnh mẽ được vậy.

Không, bao giờ anh trả lời cho tôi về những suy nghĩ của tôi, như thế, anh có cho là tôi nói đúng không, anh chỉ im lặng. Có khi gõ đầu thuốc. Có khi nhả khói thuốc. Đây là vẻ im lặng và thoáng buồn không bình thường ở một người vốn hồn nhiên như anh, anh Nguyễn Công Hoan đã kể lại trong hồi ký Đời viết văn của tôi: ngày trước anh đọc tuần báo *Hà Nội tân văn*, anh chú ý những truyện ngắn đầu tay của tôi.

Khi nhà xuất bản *Tân Dân* ra loại sách Truyền Bá cho thiếu nhi, anh mách ông Vũ Đình Long nên mời tôi cộng tác. Thế là tôi bắt đầu viết cho loại sách Truyền Bá. Những truyện đầu tiên cho thiếu nhi: Con đế mèn, Đế mèn phiêu lưu ký Mực tàu giấy bản, Chuyện cái đầu tôi. Anh nói anh không thích Con đế mèn như nhiều người trầm trồ. Mà anh khen truyện Mực tàu giấy bản, trong đó có nhiều đoạn dí dỏm, ngộ nghĩnh.

Tiểu thuyết Tranh tối tranh sáng, anh viết từ những ngày tháng tám 1945 ở Hà Nội, cùng loạt với tiểu thuyết Đồng chí Tơ của anh in trên báo Sao Vàng, cơ quan của Vệ quốc đoàn Nhà xuất bản Sự Thật đương in tiểu thuyết Tranh tối tranh sáng thì bùng nổ toàn quốc kháng chiến.

Anh Nguyễn Công Hoan không giữ được bản thảo viết tay, anh thường nhẹ nhàng, không chăm bẵm mấy với những cái đã viết ra. Vứt đi cái này, viết cái khác, có gì đâu, anh bảo thế. Ở Việt Bắc, một lần tôi lên nhà in Tiến Bộ sửa bài ở bến Chanh sông Lô trong vùng rừng Chiêm Hoá trên Tuyên Quang, thấy trong đám giấy lộn của nhà in từ Hà Nội mang đi có một tập ngót trăm trang tiểu thuyết Tranh tối tranh sáng đã dập bản in thử. Tôi đem về cho anh. Nhờ vậy, khi hoà bình lập lại, anh có cơ sở viết tiếp tiểu thuyết này.

Kể lại mấy việc trên, chỉ vì tôi nhớ có lần anh bảo:

- Tôi với anh có nhiều duyên nợ và hợp nhau.

Rồi anh lại nói:

- Tôi phải truyền nghề viết cho anh mới được.

Anh thường bảo nghề văn có những cách, những mẹo riêng mà ít người biết, anh hay nói là tôi xem ra bây giờ chỉ có anh, anh Quang Dũng và cô Vũ Thị Thường là có thể học được nghề, anh nói lý do là khi nói chuyện với chúng tôi - Quang Dũng và tôi, bao giờ anh cũng thấy dè dặt lý thú, nghĩ thêm ra được nhiều cái bất ngờ, thế thì anh giống tôi, anh có thể học tôi được. Không phải anh chỉ nói vui, mà nói nghiêm chỉnh.

Anh viết truyện cười, nhưng anh sống mực thước, chu đáo, kể cả trong câu nói, lời hứa và mọi sinh hoạt thường ngày.

Và anh Nguyễn Công Hoan đã làm việc truyền nghề cho tôi, anh không giảng như anh thường đi giảng các lớp bồi dưỡng sáng tác. Mà anh dặn: nghề viết phải học lỏm, học mót, học thế nhó lâu, người ta nói một, mình hiểu mười, phải tinh mới được. Nay tôi bảo anh... phải lấu mới được.

Lúc anh nói thế, hai bàn tay xoè thẳng, giơ ngang, khi mở rộng, khi thu hẹp, anh đương giảng giải làm ví dụ, hết như thầy đứng trước bảng đen. Nghề dạy học lâu năm đã làm anh có thói quen và cử chỉ nghề nghiệp ấy Năm trước, anh có sáng kiến khiêm tốn và chịu khó đi phỏng vấn nhiều nhà văn, nhà thơ: ở mỗi người anh hỏi một khía cạnh sở đắc nhất của cây bút ấy. Tôi cũng được anh hỏi riêng về ngôn ngữ và kinh nghiệm kiến trúc câu văn.

Anh mở máy ghi âm và chúng tôi cứ việc rôm rả chuyện lung tung quanh những câu văn và chữ nghĩa.

Ít hôm sau, anh đưa tôi xem bài anh viết theo máy ghi. Có nhiều đoạn anh đề là tôi nói, mà lại thật là của anh viết. Nhiều chỗ ví dụ cho rõ nghĩa hơn, cả những đoạn tôi tự nhận xét chất thơ trong câu văn của tôi như thế nào, cũng anh viết cả.

Anh nhìn tôi đọc bài anh. Vẻ ung dung, bằng lòng.

Anh đương đoán ý của tôi. Rồi anh nói như đinh đóng Tôi chắc anh phải đồng ý!

"Anh sẽ bằng lòng, anh sẽ thích, vì nhưng điều tôi viết đều như ý anh". Thầy giáo tôi sao dễ tính và chủ quan thế nhưng cũng đúng thế thật. Khi đăng bài ấy trên tạp chí Tác Phẩm Mới và rồi nhà xuất bản sửa soạn in thành sách[13], anh có đưa tôi đọc lần nữa. Tôi nghĩ lại, cũng không có ý gì thêm và khác anh.

Các bài báo, bài bút ký hay truyện ngắn, truyện dài tôi viết, anh đều đọc, khi bản thảo, khi sách in, anh đọc kỹ và bao giờ cũng khen chê rõ ràng như thầy giáo chấm bài. Phần nhiều anh chê, "yêu cho vọt mà"... anh bắt bẻ rồi cắt nghĩa, vẽ ra cách chữa. Nếu không định bảo ban tôi, "truyền nghề" cho tôi, chắc chẳng bao giờ anh bỏ công thế.

Những nhận xét của anh về hai cuốn sách tôi mới xuất bản, tiểu thuyết Đảo hoang và truyện ký Lăng Bác Hồ. Tất cả đều là những câu anh chê. Xin trích vài đoạn ý kiến anh về tiểu thuyết Đảo hoang... Giấy anh viết chi chít trên mặt trái trang bản in hàng ngày dính với nhau bằng hồ.

1 Dưa đỏ mọc ở đâu mà chim đưa hạt ra đảo? Cho rằng nó mọc ở một đảo hoang nào đó. Bố con An Tiên biết lấy hạt để trồng rồi thả cho quả trôi vào đất liền. Vậy sao từng ấy năm ăn dưa mà nhân dân không lấy được hạt để trồng? Linh Nam Chích Quái c chỗ sơ hở, nhưng "Đảo hoang" phải lấp chỗ hở ấy.

5. Giống chim trắng ở biển, các nhà thơ gọi là hải âu thì dân vùng biển gọi là con chim mồi.

Chim mồi chỉ ăn cướp cá của các thuyền đi khơi đánh cá. Nó rất bạo người. Nó đậu ngay ở mạn thuyền để rình cướp cá.

Người chỉ đuổi nó, chứ không giết để ăn thịt, vì thịt nó dai hơn thịt trâu. Nó không phải là loài chim ăn rau quả. Anh xem lại xem hải âu có biết ăn dưa đỏ không?

7. Ma-Li là người nước ngoài được cứu sống cho đến hôm nó nói được thì cứ im lặng không nói câu nào cả.

9. Chương 2, chương 3. Gấu được học như người có vẻ xiếc quá, không hợp.

Anh lại tìm ra những cái thiếu, cái sai từng câu từng dòng.

Trang 13 dòng 6 (dưới lên) "Tứ chiếng", tác giả nói tiếng này thì được, An Tiêm nói không được. Vì tiếng này mới có từ thời Lý. Bởi chữ tứ trấn nói kiêng. Tứ trấn là Thăng Long tứ trấn. Có bốn đền thờ bốn ông thần trấn thủ bốn phương thành Thăng Long; đông, đền Bạch Mã (Hàng Buồm), tây: đền Voi Phục, bắc, đền Trấn Võ; nam, đền Cao Sơn ở Kim Liên. Tứ chiêng là dân các nơi đến ở quanh kinh đô, ý nghĩa như khinh bỉ.

Trang 27 dòng 11 (dưới lên) - ở hội vật có cái cử chỉ mà tác giả gọi là "múa lên đình" thì theo tôi đã biết là hai đô vật "lễ" thần trước khi vào keo.

Trang 42 dòng 2 (dưới lên) và những trang khác, con cá nghiêng người... người con gấu... người con trấn phải viết "người" là "mình" mới chính xác.

*

* *

Có lúc, anh bảo tôi:

- Một năm trở lại đây, tôi tự nhiên thấy khác hẳn trước. Lên gác thư viện, mới được một tầng, đã phải vịn tường. Đi xe đạp thấy tay lái chập choạng, không dám đi nữa. Thường ngày tôi ghét nằm, bây giờ chỉ muốn nằm.

Anh đã cao tuổi, nhưng anh vốn có sức, anh em chúng tôi chỉ nghĩ như chúng tôi mong muốn: mong sao anh được mạnh khỏe, mong sao sức anh chỉ kém đi bình thường theo tuổi già mà thôi.

Có khi, dường như anh ngập ngừng:

- Này tôi bảo anh (anh hay gọi tôi thân mật, bắt đầu bằng: Này, tôi bảo anh...) tôi còn tồn kho một ít. Anh chữa cho tôi, thế nào cũng được.

Anh đương nghĩ xa. Rồi anh cười nhẹ nhàng:

- Bây giờ thì tôi còn cái thể dếch nào được anh.

Nhưng mà thôi...

Anh vốn không ưa nói điều gì buồn.

5. Nguyên Hồng

Tôi muốn giới thiệu với bạn đọc về nhà văn Nguyên Hồng, mà không biết nên bắt đầu từ đâu.

Ở sách giáo khoa, từ trung học đến đại học, học sinh các lứa tuổi đã học những đoạn trích giảng của Nguyên Hồng. Có những ai lơ đãng, ít chú ý đến văn học, nhất định cũng đã học văn và biết lý lịch Nguyên Hồng.

Tôi bạn với Nguyên Hồng, mấy chục năm đã qua.

Nhiều khi, đối với người thân, lại không hay chú ý nhau như thế nào. Cũng như lắm khi hay đến nhà, đến luôn, lại chẳng không để ý số nhà.

Có điều, có thể nói ngay là, nếu như những năm trước, nhiều lớp bạn đọc khác nhau của Nguyên Hồng, ai đã tình cờ gặp nhà văn - dẫu cho bạn có thói quen nhận xét tinh tế đến thế nào, cũng không thể ngờ ngợ một chút - một chút thôi, người vừa gặp ấy lại là một nhà văn. Không thể có một nét, một nét để ta bám lấy làm có cho nhận xét của ta, dù chỉ một nhận xét thoáng qua. Bởi ít ra, trong tưởng tượng mơ màng và sáng trong của bạn đọc, nhà văn ấy nhiều từng trải, khi còn ít tuổi đã viết hồi ký Những ngày thơ ấu hay cực, nhà văn ấy đã lặn lội xông pha khắp nơi, ở mặt trận và trong hầm lò. Và bất kể người như thế nào, trước trang bán thảo, theo cách nghĩ của bạn đọc, hình ảnh nhà văn phải liên quan đến bóng dáng bút mực, trang giấy, tập sách, với nét mặt hẳn những ưu tư, vừa dăm chiêu lại vừa thơ mộng, vân vân...

Đừng ai đợi như thế ở Nguyên Hồng.

Tưởng tượng như thế, không bao giờ trông thấy Nguyên Hồng.

Lần ấy, trong kháng chiến chống Pháp, ở một hàng cơm dọc đường, quãng Ba Giảng gần tới Đại Từ, đường đi thị xã Thái Nguyên trên Việt Bắc. Sáng ra, theo thói quen của phố kháng chiến, vách nữa, mái nữa ghép dựa nhau, lều tều, vừa bảnh mắt, nhà nào cũng đã dọn đồ đạc giấu vào bụi cây, bờ rào và khách trọ thì sớm năm đi sớm. Để tránh máy bay.

Thế mà trong góc cái giường giát nữa lách cách ở gian trong vẫn còn có một khách trọ nằm co quắp, run rẩy, rên rỉ. Khốn khổ, người đi đường ấy đương lên cơn bệnh sốt rét.

Một người khách khác cũng nghỉ đêm ở nhà hàng đang soạn ba lô, sắp bước ra cửa. Bỗng ngừng lại nhìn sang giường có tiếng rên trong bóng tối âm trầm.

- Anh làm sao thế? Sốt ngã nước à?

- Hừ... hừ...

- Tiêm nhé. *Ki-lô-phoóc*^[14] mạnh đấy. Nhưng mà dậy đi được ngay.

Người khách sốt sắng nọ hỏi nhà hàng lấy nồi đun nước luộc kim. Rồi trèo vào chỗ người ốm nằm, tiêm luôn.

Cái người tốt bụng ấy là nhà văn Nguyên Hồng.

Chúng tôi đã thuộc tính Nguyên Hồng, cạnh chiếc ba-lô con cóc trên lưng, trong cặp đúp^[15]

da bò nâu xỉn giữ gìn từ ngày trước cách mạng vẫn được tha đi bất cứ đâu, Nguyên Hồng xếp chồng bản thảo, lại còn lĩnh kính những hộp tiêm, kim tiêm, nhiều thứ thuốc tiêm, thuốc uống, thứ cho không, thứ bán, phân minh, ai nhờ tiêm, Nguyên Hồng tiêm ngay. Lại còn hỏi bệnh, đoán bệnh và bảo người ta phải để mình tiêm. Như một thầy thuốc, một y tá thực thụ.

Như thế, nhà văn đi đường lẫn vào đám đông. Cái quần nâu, tấm áo cánh mờ hôi muối ăn đã bạc cả hai vai, chiếc mũ lá cọ, đôi dép lốp chẳng khác chút nào với màu sắc, dáng nét những người đi chợ, người nghỉ quán hàng, người trên đường.

Nguyên Hồng chen vai giữa mọi người, như mọi người. Nét mặt lúc nào cũng dăm dăm - không phải khó dăm dăm, mà dăm dăm chăm chú, dường như ít khi rời rã, cả lúc đường đi. Người nhanh nhẩu trò chuyện hay có ý kiến với xung quanh. Cái bà này mắt để đâu, sao mà quang gánh nghênh ngang, sắp đâm vào người ta kia kìa. Nguyên Hồng giơ tay gạt gạt: đi cho ra hàng ra lối chứ. Một người xách bu vệt vào chợ. Vệt của nhà à, đúng rồi, vệt của nhà mới béo nần nần ra như thế chứ. Đám gì mà quần lại như ở sân chơi gà như kia. Sao? Trẻ con đánh nhau. Này các con ơi (các cháu ơi), quá tay mà rách áo rách quần thì rầy rà đấy. Thôi mỗi đứa nhìn nhau một tý.

Chúng tôi ngồi nhìn cửa sổ trên gác xuống đường Hàng Bài. Bỗng chốc, nhà thơ Thế Lữ đội mũ phớt, lưng thưng qua dưới bờ hè. Nguyên Hồng gọi to: "Thế Lữ! Thế Lữ". Rồi chạy sầm sầm ngay xuống, tay bắt mặt mừng chào anh Thế Lữ, vồ vập như lâu lắm mới gặp:

- Tôi nhớ suốt đời Tiếng sáo Thiên Thai, từ ngày xưa ở Hải Phòng kia.

Rồi cứ nắm tay ông Thế Lữ, Nguyên Hồng cất tiếng sang sảng đọc to một mạch bài thơ Tiếng sáo Thiên Thai, trong khi người đi trên hè phố và cả lũ trẻ con dần dần xúm lại quanh hai người.

Đã nhiều lần chúng tôi lên nhà anh ở Nhã Nam.

Một quả đồi cạnh chân rừng vùng Yên Thế. Đây là nơi tản cư khi kháng chiến, ở cùng chỗ với gia đình các nhà văn Ngô Tất Tố, Kim Lân, họa sĩ Trần Văn Cẩn và Tạ Thúc Bình... Đến khi hoà bình, mọi nhà về xuôi, Nguyên Hồng cũng dọn về Hà Nội ít lâu rồi bầu đoàn thể tử lại lên, thế là một mình nhà Nguyên Hồng ở đấy, thành quê.

Tôi xin nói về nơi làm việc và cung cách làm việc của nhà văn. Đây là gian nhà ngang vách đất cạnh bếp trống hốc. Đứng ngoài giọt gianh trông xuống chân đồi, thấy mặt ruộng liền vào đến viền rừng xanh sẫm.

Nguyên Hồng thường ngồi yên hàng giờ, lơ đãng nhìn thăm thẳm. Bàn làm việc là chiếc chõng tre, chập tối lại bê ra đầu hè, nhà văn và các con nhỏ nằm chơi xem sao, tìm con vệt boi trên sông Ngân Hà.

Mảnh chiếu trải xuống mặt đất thay ghế ngồi. Lúc nào mỏi, ngả lưng luôn xuống chiếu. Nguyên Hồng ngồi xếp bằng tròn trên chiếu. Mảnh ván gỗ che mặt chõng lổn nhổn những trang giấy học trò có kẻ xanh.

Và lọ mực tím, cái bút quản gỗ. Thứ giấy ấy, mực ấy có lẽ Nguyên Hồng đã dùng quen từ thời xa xưa Những ngày thơ ấu đến bây giờ. Cứ thế, ngoẻo người, trề kính, hí hoát viết một thôi một hồi. Đôi lúc, đứng dậy, ra cái sân trước mặt, khuê khoắng chân tay máy động tác thể dục. Có khi lấy chiếc thùng, xấm xấm xuống cái giếng chân đồi, xách lên mấy thùng nước giúp chị ấy chốc nữa thổi cơm.

Không phải Nguyên Hồng chỉ mới quen giản dị ở cái khi ai cũng ba lô trên lưng, thời kháng

chiến. Từ trước năm 1945, hồi vợ chồng Nguyên Hồng thuê nhà dưới bãi Phúc Xá, đã thế. Ở Hà Nội mà chui rúc ngoài bãi trong màn màn cửa, kê vừa một cái giường, còn hòm xiềng, nồi niêu và mấy cái hoá lò, mấy bó củi nhét cả dưới gầm. Đến bữa, chị ấy lôi các thứ ra nhóm bếp, Nguyên Hồng ngồi trên giường - ngồi xếp bằng từ ngày ấy, hai đầu gối vênh lên, và viết. Đọc Nguyên Hồng, bạn đọc hẳn đã được biết chiếc phản một cạnh vại nước trong gian nhà ọp ẹp với một thanh niên mê mãi cầm cúi ngồi viết, từ thuở ông kể mình đã viết Những ngày thơ ấu như thế nào.

Khi người viết say mê đưa xuống ngòi bút những điều mình ấp ủ, không hề biết đến xung quanh nữa, miễn sao có mực, có bút và chỗ kê được trang giấy lên.

Nghề nghiệp nhà văn bề bộn giữa mọi người, mọi nghề trong xã hội. Nỗi lo suốt đời của Nguyên Hồng là những tập bản thảo.

Hầu như những thú vui, cả những khó nhọc, khi có tiền cũng như xưa kia đói khó, miếng cơm manh áo, tâm hồn và tất cả, chỉ tận tụy gắn bó với những công việc sáng tác.

Những năm gần đây. Nguyên Hồng đã có tuổi, thỉnh thoảng lại khoanh tay dấm lưng thùm thụp.

Nguyên Hồng chữa đau lưng bằng rượu ngâm vỏ quít và cách dấm lưng như thế. Một người hay tiêm hô cho người ta, tiêm cả lúc đi trên xe hoả, mà không lấy y bạ, chẳng hề biết đến cửa bệnh viện. Thế nhưng, vẫn cộc cạch cái xe đạp thiếu nhi Liên Xô không phanh, màu xanh rờ thủng thỉnh Hà Nội - Nhã Nam. Ấy là nói chuyện gần đây đây.

Nguyên Hồng thường kể cách thức mình đi xe đạp từ Hà Nội lên. Không phải than thở, cũng không hẳn thích thú, nói vui bình thường thôi. Ngày trước đi một mạch không biết cả đêm tối, lúc nào về đến nhà cũng thế. Bây giờ không "hái hăng" thế được - tiếng nói rộn của Nguyên Hồng. Phải chia ra từng trạm. Nhà trọ ngả lưng, trạm số một ở dốc Vân. Cơm nước nhà hàng này khá. Vả lại đi lâu năm, hàng cơm đã quen khách. Đến Bắc Giang, có nhà thẳng con công tác ở đấy. Từ thị xã lên, còn trạm nữa, trạm nữa, cung đường dài, cung đường ngắn, tùy sức chân đạp và mình phải tính. Đấy, đấy... Cái xe đạp con con, lúc ở Nhã Nam xuống, thồ nào lạc, nào rượu ngâm vỏ quít, khi lên cũng trăm thứ bà rần. Ghé vào cửa hàng quốc tế phố Hàng Trống mua đôi chiếu. Xách ra, buộc dọc vào khung xe, lại lạch xạch thồ lên Nhã Nam. Lúc đạp, lúc dặt, vẫn vậy.

Đối với Nguyên Hồng, quần lành áo tốt hay áo quần lôi thôi, đều chỉ như vậy. Năm ấy, tình cờ gặp nhau, có cả Nguyễn Tuân, ở khách sạn Bắc Kinh trung tâm Mát-xơ-va. Chúng tôi chén một bữa linh đình, mời cả bạn nhà văn Liên Xô. Mừng thọ nhà văn Nguyễn Hồng sáu mươi tuổi. Nguyên Hồng, đôi giày mới chũm chạch, thắt cà-vạt cẩn thận. Nhưng, làm sao mà vẫn thấy trong cái bề ngoài tươm tất ấy, con người tất bật, luộm thuộm như mọi khi, ở chợ Bắc Qua, ở dọc đường lên Nhã Nam.

Nhà văn Pháp Pier Abraham (1892-1974) chủ nhiệm tạp chí Châu Âu đến Hà Nội, tiếp Nguyên Hồng ở khách sạn Thống Nhất. P. Abraham đã viết trong ký sự thăm Việt Nam về buổi gặp gỡ đó trên tạp chí Châu Âu "Như từ bờ bãi sông Hồng đỏ rực gió cuốn đến đây, nhà văn lớn này là người của đất, thật là người của đất".

Lại kể chuyện đùa về Nguyên Hồng. Như thế, mới hợp với anh ấy. Tính riêng tôi vốn ưa thầm lặng, vui mình vào một xó. Lắm khi, đột ngột, Nguyên Hồng can thiệp ồn ào vui vẻ với xung quanh, mà mình cứ ngượng sùng người. Cả những khi thông thả đi chơi cũng vậy. Chúng tôi hay uống bia ở một quán bia hơi gần phố Huế. Những năm ấy, các hàng bia chưa có cốc vại, người Hà Nội mới quen với cốc bia pha nước ngọt si-rô. Khách biết uống, chúng tôi đã thân ngay với nhà hàng. Mỗi lần xe bia về, người xích-lô đẩy những thùng bia xuống đường. Cứ tự

nhân, Nguyên Hồng ra ghé vai vác thùng bia vào. Bà hàng bia béo phịch, cũng cứ tự nhiên đứng nhìn, không cười không cảm ơn ông khách tốt bụng. Nguyên Hồng hì hục vác cả bốn thùng, lại còn cẩn thận kê một thùng lên bậc cửa, đặt vào chỗ cho bà ấy mở chốt rót cốc bia đầu tiên, chẳng bao lâu, mọi lần xe bia đến, thấy chúng tôi, người xích-lô đã quen mặt, lại gọi to:

- Ông khách ra đỡ một tay nào!

Thế là Nguyên Hồng lại ra tận xe khiêng thùng bia, người xích-lô khৌi đập thùng lăn xuống hè. Sau đó, người xích-lô và chúng tôi uống những cốc bia mới nhất vừa rót trong thùng ra. sáng khoái.

Bà hàng bia người đẩy đà ở cái phố khuất nẻo nọ không bao giờ biết bạn tôi là ông nhà văn. Cũng như năm trước, người đi đường được tiêm phát thuốc sốt rét và cũng nhiều người khác nữa, đâu biết cái ông dễ tính ấy là ai. Bà hàng nghĩ đấy cũng là bác xích-lô, bác xã viên hợp tác xã nghề mộc: nghề đan lát ở quanh đấy ra uống bia và cũng có ý bõm xòm bà và bà đã lợi dụng sự phải lòng đôi chút quá mùa ấy. Có lẽ Nguyên Hồng cũng nghĩ về mình chẳng khác bà hàng bia.

Nghề văn một nghề lương thiện như mọi nghề trong xã hội, có gì mà phải khoe với ai.

Nhất nghệ tinh... Đã gọi là nghề cơ mà. Sự quý trọng: công phu trau dồi, rèn luyện của Nguyên Hồng đối với nghề, những cái đó mới là điều đáng quan tâm cả đời. Nguyên Hồng giữ gìn từng trang bản thảo. Cẩn thận đến độ đi đâu cũng ôm đồm vác theo. Không yên tâm để chỗ nào. Sợ lạc, sợ mất, Nhà văn quá lo lắng về bản thảo còn hay tưởng ra những việc oái oăm bi đát nhất, không dễ gì xảy ra: để ở đấy, ngộ nhà nó cháy thì sao. Thôi, chịu khó đem theo. Cẩn tắc vô ấ náy...

Nghề văn cũng là trăm nghề lao lực, lao tâm như mọi nghề. Những bản thảo, sự sáng tạo, cái dáng ngồi nghiêng nghiêng vắt vẻo, thật quan trọng, thật nghiêm.

Cống hiến của tác phẩm Nguyên Hồng vào kho tàng văn học Việt Nam thế nào, nhà phê bình cực kỳ vô tư là thời gian đã lên tiếng và sẽ đánh giá. Nhưng tôi nghĩ thái độ, cách sống hàng ngày về nghề nghiệp, cho nghề nghiệp của Nguyên Hồng thật tỏ rõ trách nhiệm với ngời bút.

Làm sao mà quên được chợ Bắc Qua những năm ấy.

Chúng tôi đi chợ Bắc Qua đã bao nhiêu lần, nhưng khi nào nhớ lại cũng nhớ những đêm chợ vào mùa đông thời chống Mỹ. Người ta đi suốt đêm, chợ và phố xá suốt đêm, có lẽ đấy chỉ là tưởng tượng và còn lẫn lộn theo kỷ niệm. Mỗi khi Nguyên Hồng về Hà Nội, thế nào chúng tôi cũng đi Bắc Qua.

Bấy giờ lại đương độ máy bay Mỹ đánh phá vào Hà Nội. Suốt ngày, trời thành phố rả rích còi báo động.

Loa, đài báo "máy bay địch cách hai mươi, ba mươi ki-lô-mét... mười ki-lô-mét! rồi máy bay địch đã bay xa..." Hồi ấy, tôi cũng đương làm công tác khu phố. Đêm thường cùng ban bảo vệ đi tuần. Nguyên Hồng thích đi với tôi, đòi đeo băng đỏ cẩn thận. Chúng tôi la cà ra cửa ga - ga Hàng Cỏ thức suốt sáng. Làm cốc bia hơi mậu dịch rồi kéo bộ thẳng lên chợ Bắc Qua vào nửa đêm.

Chợ Bắc Qua đêm đông hơn cả ngày, nhất là từ quăng một hai giờ sáng đổ ra. Người các miền giáp ranh Bắc Ninh - Bắc Giang về chợ kìn kìn gồng gánh suốt đêm sang sông.

Nói theo tiếng chợ búa, chợ Bắc Qua, cái chợ đổi vai: Mọi vùng bên sông phía bắc thành phố, từ thật xa trên Cao Thượng, ở Quế võ bên kia bến Hồ, người buôn, người trồng tía đưa xuống thành phố mọi thứ rau quả, mùa nào thức ấy. Xe ba gác cải tiến và người gánh nào cà-rốt, su-hào, nào cải bắp, cải bẹ, cải Lạng Sơn, hoa lơ. Những bó hành hoa, củ trắng nõn xếp chặt cả hai bên thùng sau xe đạp.

Những xe đạp thồ gà, chim câu, chim sẻ. Áp tháng chạp dương lịch, tiếng gà tây kéc kéc kéc kéc loạn gầm cầu Long Biên. Vùng bến Hồ có nhiều hợp tác và nhiều nhà mới biết nuôi gà tây. Gà tây bên Bắc được thồ về, nhà Hoả Lò ra mua làm cỗ lễ Nô-en cho tù binh giặc lái Mỹ - phong tục nước Mỹ, tết năm mới nửa đêm nhà nào cũng chén thịt gà tây. Thế là chợ Bắc Qua mỗi cuối năm lại nẩy nòi ra mặt hàng mới. Và hầu khắp các chợ nội với các hàng bán rong phố từ trong cầu Giấy lên Bưởi xuống Ô cầu Dền đều ra chợ Bắc Qua đợi mua rau cỏ bên Bắc sang. Đổi vai đòn gánh bán cất bán mớ ở chợ ấy người ta quẩy vào các chợ trong, chợ đông vui suốt đêm, khắp các ngả. Đèn đường loáng thoáng và mỗi xó một đốm đèn con le lói, như hội làng ngày trước. Lúc còi báo động, chẳng còn một ánh lửa. Trong bóng tối, tiếng rào rào rầm rần. Chúng tôi len vào, kẻ mua người bán xúm xít quanh các hàng cơm bát, gánh cháo lòng tiết canh, thịt chó, thúng bánh cuốn và miến dong riềng. Hàng nào cũng sắp sẵn đôi quang, có báo động một cái, gọn ghẽ ngay.

Những lúc ấy mắt Nguyên Hồng ánh lên, gò má bóng nhẵn chòm râu hất ra như người ộp đồng lấp bắp sắp nói. Những đêm vui, đầm ấm, thú vị của Nguyên Hồng ở chợ. Quang cảnh ăn uống, lộn lộn quanh gánh với người nằm ngủ úp nón lên mặt, người đương bơm xe sắp sang cầu, một cái bu sắt nhốt chó với cả những thồ hành hoa vừa tới. Tiếng à ầm ầm không ngớt lúu túu bối rối mà lại như rẽ ràng, đầu ra đây, vẻ lộn xộn lẫn với nền nếp của cái chợ đêm làm thức mua bán.

Nguyên Hồng ngồi ngất ngưỡng, bắt chuyện với mọi người. Chốn hàng quán giữa chợ, ai cũng vui tính cả ồ, những người bán quán chợ Bắc Qua, chẳng ai buồn lưu tâm, chắc lại như cái bà bán bia dưới phố Huế, ước đoán già ra cũng chỉ ngỡ đấy là ông lão kỹ tính, theo con cháu xuống chợ. Đứa cháu mới đi thồ lần đầu, ông phải chịu khó đi theo bảo bạn chúng nó.

Ông lão ấy vào hàng ăn uống, vừa gắt với lũ cháu bướng bỉnh rồi lại cười xoà. Những ông lão trong làng ra chợ búa thành phố, nửa lăm cẩm, nửa cẩn thận, hay hỏi dớ dẩn như thế, ở chợ đêm Bắc Qua này chẳng thiếu.

Hồi ấy, Nguyên Hồng đã để râu. Bộ râu rìa lưa thưa mà chúng tôi thường đùa: bộ râu già nua của ông không hợp với hai con mắt lúng liếng nhanh như chớp còn tổng tình được của ông. Nguyên Hồng rung đùi, cười khơ khớ, nói: "Quái quỷ! Quái quỷ!". Chẳng hiểu tự cười mình hay thú vị vì câu nói đúng.

Vậy mà cả đến bộ râu hiếm hoi ấy cũng chẳng phải Nguyên Hồng cố ý điểm trang cho vẻ già của mình đâu. Nguyên Hồng để râu khoảng ngoài năm mươi. Nhưng nói Nguyên Hồng để râu, chữ nghĩa cùng sự việc chưa thật chính xác. Nguyên do là lắm khi Nguyên Hồng ở bên cả mấy tháng trên Nhã Nam, ngày đêm viết miệt mài. Mấy năm, xong cả bộ tiểu thuyết Cửa biển, vở kịch Thái hậu Dương Văn Nga, đôi khi cao hứng, làm bài thơ, hay viết cho thiếu nhi.

Ở nơi khuất nẻo, hết dao cạo râu. Hồi này, lưỡi dao cạo không dễ kiếm. Thế là mặc kệ, rồi đâm quen. Chỉ vậy thôi, thành "để râu".

Những đêm chợ Bắc Qua, những đêm chợ Bắc Qua. Chẳng mấy chốc, ông nhà văn đã như hàng xay hàng xáo với mọi người từ bao giờ. Giá hành, cà chua ra sao. Đem được mấy chục gà tây xuống, ở nhà còn lúá nào không. Đợi tuyển quân trên ấy đã xong chưa, à ra thế.

Lại nói lỡm, lại đùa nhả, cấu véo, đẩy vai nhau.

Chuyện cứ nổ ngô rang. Ông bên cạnh vừa nói choang choác đã đập mảnh ni-lông, gói đầu lên chiếc đòn gánh đặt ngang vành bánh sau xe đạp. Tiếng ngáy khò khò hoà tiếng rào rào không dứt của buổi chợ đêm đương đông.

Bỗng còi báo động trên đầu cầu Long Biên rú lên.

Đèn điện và các đóm đèn dầu lập loè, vụt tắt. Bóng Nguyên Hồng khom khom đứng lên.

Nguyên Hồng hét:

- Đâu ngồi đấy nhé, đâu cứ ngồi đấy nhé!

Hai tay Nguyên Hồng dang ra. Nhưng chẳng đợi có người quát lên như ra lệnh thế, cái chợ mới khỏi nhốn nháo. Chợ không vỡ đâu. Chợ đêm thời bom Mỹ có qui luật và nền nếp chợ thời chiến. Tiếng ồn vẫn tiếp tục đều đều mọi chỗ, nghe rõ cả tiếng cắt nem, tiếng kéo tanh tách của anh hàng đu đủ thịt bò khô và những lời lẽ ngã giá thúng cà chua. Đằng kia, bọn gà tây bị nhốt trong găm cầu vẫn khục hục, khếch khếch rộn rã. Và, ngẩng đầu, trên mệnh mông trời nhưng thẫm, rét ngọt, long lạnh những vì sao. Cái chợ không biết bóng tối và dường như không nghe tiếng còi báo động, nhưng đã ra một vé thích ứng tối mò mò.

Nguyên Hồng rất mê chợ. Chúng tôi cũng nghĩ giống nhau. Cái chợ giúp ta biết nhanh mà chính xác về sự thật tình hình trong vùng. Không phải chỉ những thứ đem ra chợ, mà chính trị, kinh tế, văn hoá, phong tục, đủ vẻ, đều có thể trông ra cái chợ mà luận ra.

Nguyên Hồng nói:

- Học đấy chứ đâu. Người ta nói bao nhiêu chữ cho mà học, mình biết cái mách gì. Cái bà hàng gọi lão nằm ngủ lúc còi báo động: trời, trời, đúng là người chợ Thắng. Trên ấy người ta nói: trời trời. Chữ không nói đầy đủ: trời dậy, trời dậy đâu nhé. Chữ nghĩa hình thức trong sách lại đâm ra thừa.

Từ những nhỏ nhặt bình thường trong ý ăn nhẽ ở hàng ngày, mọi lúc, đã hoà liền như dòng máu cùng trên cơ thể, với tư tưởng và nghệ thuật của ngòi bút.

Thực tế sâu sắc tự nhiên như đời sống con người đã góp phần tạo ra tâm hồn và phong cách sáng tác, một khi quan niệm được cốt cách một tác phẩm nhất thiết phải bắt nguồn từ mọi mặt của xã hội, từ tâm tư tình cảm cuộc sống con người, trong đó có người cầm bút.

Toàn bộ tác phẩm Nguyên Hồng, từ hồi ký Những ngày thơ ấu đến bộ tiểu thuyết lịch sử Núi rừng Yên Thế viết chưa xong, mỗi tình huống được sáng tạo, ở nhân vật nào, vấn đề nào, tinh thần nhân đạo của tư tưởng chủ thể thật đậm thẫm, thật thiết tha từ bắt đầu như thế.

Một đời chuyên cần, yêu thương, mãi mê...

Lại thấy ra bao nhiêu điều muốn nói nữa về Nguyên Hồng. Ngỡ như chưa biết đặt bút từ đâu, từ kỷ niệm nào.

Thường thường đêm Nô-en chúng tôi hay đi chơi quanh hồ Hoàn Kiếm rồi vòng vào nhà thờ Hàng Trống. Cả đêm Nô-en 1972, trận Điện Biên Phủ đương ác liệt trên trời Hà Nội. Và đêm Nô-en năm trước, ở hiệu cao lâu ông Khải 202 phố Huế ra.

Chúng tôi dừng lại trên hồ, chỗ ánh điện ngõ Bảo Khánh trông xuống.

Tôi kể với Nguyên Hồng:

- Nhà chị Vân Đài ngày trước ở đầu phố này trên hàng Trống. Chị bảo khi còn nhỏ, bờ hồ còn ăn sâu vào tận đây. Nhiều cầu ao nhà trong phố bắc ra hồ, tắm giặt, vo gạo, rửa rau.

Nghe thế, Nguyên Hồng bỗng sa nước mắt.

Nguyên Hồng vốn mau nước mắt. Chắc câu nói vừa rồi của tôi gợi điều gì Nguyên Hồng đương nghĩ.

6. Như Phong

Nhà Như Phong ở trước cửa chợ Đồng Xuân, anh thật cũng không rõ nhà mấy đời ra Hà Nội, ở vùng chợ Đồng Xuân. Chỉ biết ngày trước ở trên Yên Ninh, Hàng Than rồi chuyển dần xuống phố chợ búa buôn bán này.

Có thể nói, gốc gác anh người Hà Nội. Nhà anh nòi võ. Cụ nội anh đã từng đi thi võ - cụ bạn bè với cụ cử Tổn, cử võ mà thời chúng tôi cũng còn biết tiếng.

Nhưng rồi Tây sang, cái thuở Kẻ Chợ trên bến người dưới thuyền mảng vào đậu bến Nứa tự nhiên cũng không còn nữa.

Thời ấy, các phố cũ chật chội, nhưng để ý cũng phân biệt những khác nhau. Chỉ một dọc từ hàng Giấy xuống cuối hàng Đào thấy dần dà mọc lên những nhà giàu mới nổi: Cửa Nghi hàng Bồ, Lê Thuận Khoát hàng Ngang, nhà đồ Chấn Hưng hàng Bạc nhô ra những dinh cơ đồ sộ như những con trâu, con voi giữa đám tường so le dựa nhau của những nhà ở phường cùng nghề phố Hà Trung, hàng Quạt, hàng Mành, hàng Hòm... Vùng buôn bán sầm uất của người Tàu, hiệu thuốc và hiệu cao lâu, chè Chính Thái. Ninh Thái- dâu Đại Quang và hàng Buồm, phố Kiến (Phúc Kiến) Quảng hàng Đường, hàng Chiếu (phố Mới) vẫn có những nhà buôn cổ, nền nếp nhiều đời. Cửa hàng cũ kỹ, thập đường khay chè sơn then mà ngày nay vẫn còn có thể trông thấy những tấm ảnh chụp trong các sách của người Pháp thời kỳ ấy ở các thư viện khoa học. Và những nghìn giấy bản, giấy moi, cửa hàng kẹo bột, kẹo chà, nước hoa bưởi cất, hàng đường cát, đường phen, hàng chè búp, hàng thùng, hàng củ nâu...

Nhà Như Phong vốn nghề cất bán lẻ những thứ hàng cổ xưa ấy. Hai bên chen những dãy nhà như những bao diêm chồng cạnh nhau, nhà hẹp mà thấp sâu trông vào tối âm sâm, tun hút, không có gió lùa cửa ngách: hơi ẩm đất, ẩm gỗ, ẩm ngói lành lạnh đến gây người.

Những nhà, những phố những cửa hàng cũ kỹ già như tuổi của thành phố.

Những truyện ngắn đầu tiên của Như Phong viết về các mái nhà phố phường Kẻ Chợ, về mỗi căn nhà và mỗi con người ở đấy. Những truyện ngắn của anh đượm một hơi văn: một tinh thần và quang cảnh vừa trang trọng vừa lịch sự lại là thật hiện đại. Trông cái eo xèo thường ngày của đời sống thành phố, phảng phất một thoáng trông sáng, mới lạ. Đây là cảm tưởng tôi lần đầu đọc truyện ngắn của Như Phong ở Hà Nội, của Cao Thọ Ân ở Hải Phòng in trên tuần báo *Tiểu thuyết thứ bảy*, quãng năm 1936.

Có khi Như Phong nói vui: "Mình được sinh ra giữa những bức tường và mái nhà, cả đời chưa bao giờ trông thấy mặt trời mọc. Mỗi ngày nhìn lên đã gặp ánh nắng ở trên đầu tường rồi". Để

thường câu nói nhận xét ấy cũng phản ánh hình ảnh mơ ước của tuổi thơ, của tinh thần những sáng tác đầu tiên của chàng trai phường phố khi đưa xuống bút những ý nghĩ xa vời của mình. Tôi ngỡ như thế và thông cảm sự ham chuộng cái gì khác thường ngày trong những sáng tác đầu tay của Như Phong. Những suy nghĩ, những khắc khoải, những ước mơ, những tưởng tượng xanh trong như trời xanh trên kia của lứa tuổi nhìn ra cái ô cửa sổ cánh gỗ gạn sát mái nhà, mỗi khi mở then lại phải nhắc tấm màn, mà cũng chỉ thấy gờ lên những mái nhà, lại những mái quanh quẩn.

Ai từng ở những căn gác hẹp chật chội quanh co giữa thành phố mới nhìn ra được vùng sông quái lạ nhấp nhô những mái nhà, những đầu tường, những móm chuôi vồ nóc mái cứ xám mờ như làn sóng đất.

Sóng quẩn, cao thấp quanh quanh, phía nào cũng thấy thế, mái nghiêng, từng miếng chìa ra dưới cánh cửa mắt bỏ ti hí hé như con mắt ngái ngủ ngơ ngàng trước làn ngói lô xô vây bọc đời đời, cả đời.

Những mà ngẩng đầu lên trên làn sóng mái ngói u uất ấy, in một khoảng trời xanh. Trời thu thành phố xanh vô cùng xanh. Đây có phải là biểu tượng một khắc khoải một hy vọng trên cái tro troi tẻ ngắt nổi lên niềm mơ ước đến không cùng.

Trong những cây bút viết truyện ngắn thời kỳ này mà tôi thường đọc, tôi không thích những truyện ngắn nhẹ nhàng của Khái Hưng, Nhất Linh, mà trong lớp trẻ hơn viết truyện ngắn như Nguyên Hồng, Cao Thọ Ân, Nguyễn Xuân Huy, Ngọc Giao, Thanh Châu, Nguyễn Văn Xuân, Phan Du tôi yêu truyện ngắn Cao Thọ Ân và Như Phong hơn cả, mặc dù Như Phong viết không nhiều. Truyện ngắn Như Phong gọn thoáng, mới lạ, khơi gợi nhiều đối với một người đương tìm học và tìm lẽ sống như tôi.

Trong đời viết, Như Phong chỉ sáng tác có độ trên, dưới mười truyện ngắn đầu tay. Sau này, vào kháng chiến chống Pháp, khi ở Gia Điền (Phú Thọ), Như Phong cũng viết một tiểu thuyết, nhân vật chính tên là Tâm và Như Phong cũng định đặt tên tiểu thuyết là Tâm. Có lẽ là một tiểu thuyết tự truyện. Nhưng anh cũng chỉ mới viết được có mỗi một chương.

Những truyện ngắn của Như Phong mang tâm sự và khát vọng của một thanh niên mới lớn ngồi trong ô cửa sổ con con nhìn ra "thềm chân trời mà chưa hề thấy chân giời". Nỗi lòng cùng ý chí và ước muốn của người trai trẻ giữa chật hẹp, bức bối mà xa kia là trời xanh thăm thẳm.

Đây không chỉ là dáng nét quang cảnh bề ngoài, mà là những con người, những tâm sự. Trong truyện ngắn, Như Phong miêu tả một lớp nhân vật trẻ tuổi. Lớp người, có cả tác giả, có cả bạn đọc, cả lứa luôn chúng tôi lăm lăm quanh quẩn dưới những mái nhà hũ nút, bao nhiêu đời nay đã thế, có thể còn cứ thế mãi với cuộc sống vật lộn bon chen, nhưng mỗi lúc cực nhọc, u uất quá, trông ra, thấy được mảnh xanh phương trời hình như có đem lại một ý nghĩa khác. Đối với những ai trong khắc khoải, những gì làm cho thấu hiểu thêm nỗi đau khổ cùng lứa tuổi chúng tôi, nhân vật - người viết và người đọc cũng như nhau, tất cả đều cảm thương những người trẻ tuổi ấy cứ xám ngắt lại có cơ cọc cằn, tàn úa đi, nếu chỉ như thế nào ngày ngày...

Những cái như tưởng tượng đó chính lại là hình thù mọi mặt của sự thật cuộc sống và tư tưởng một lớp thanh niên vào quãng trên dưới thập niên 40 của thế kỷ này, những năm cao trào công khai Mặt trận Dân chủ Đông Dương, cờ đỏ được trưng lên giữa cuộc mít-tinh quần chúng ngày 1 tháng năm 1938 ở khu nhà Đấu Xảo với những đợt chúng tôi hô đến khản giọng, dả đảo tờ-rốt-kít. Tình thế đã khẩn trương thật đặc biệt.

Thế rồi, chiến tranh thế giới xảy ra. Đợt khủng bố ác liệt ập đến. Pháp, Nhật: thực dân và phát-xít đều vằn máu mắt, ra tay bắt và giết. Nhưng sức mạnh nổi dậy đã là một sự thật, như mảnh trời xanh nguyên rất Hà Nội kia, chàng thanh niên Như Phong, lớp tuổi trẻ Như Phong thời ấy,

đã có mặt và tham gia Tổng khởi nghĩa.

Dưới mái những nếp nhà cổ xưa ngói lượn lộn xộn, trong ô cửa mắt cáo tối om, những bàn tay con người giơ ra, đã vốc được trời xanh, trời xanh lồng lộng trong mắt, trên tay. Tiếng nói gửi gắm vào những truyện ngắn của Như Phong đã thành sự thật của hiện thực ước vọng của tuổi trẻ.

*

* *

Cuộc sống chẳng bao giờ đơn giản. Nhìn lại tình thế thời đó, tình thế ở mỗi người, dằng dặc, éo le những khủng khiếp mà người ta đã vượt qua hay đành chết chìm trong ấy. Một bên, đêm ngày khốc liệt những tàn sát đẫm máu của thực dân và phát xít. Một bên, những hoạt động cách mạng đưa từ âm ỉ tới thức tỉnh. Hai làn sóng sôi sục, lay động tất cả. Mỗi con người phải thế nào, sẽ thế nào. Không ai có thể đứng yên, ở yên.

Chúng tôi, những người đương quân quai trong sóng gió ấy, chúng tôi rã rời đi hay là tới được khoảng trời xanh vậy gọi kia.

Khi tôi bắt đầu cầm bút, các nhà lớp trước như Tản Đà, như Vũ Trọng Phụng đã mất, tôi không được biết mặt. Các đàn anh Nguyễn Công Hoan, Lê Văn Trương, Vũ Bằng, Nguyễn Tuân đều ở lứa tuổi trên. Các nhà văn trước kia đã từng sôi nổi hướng nghĩa như Trúc Khê, Như Phong cũng đã luống tuổi và sống yêu phận ngày ngày đi làm công việc dịch thuật, trước tác lĩnh lương tháng.

Hình ảnh lý tưởng về con người cầm bút khá hấp dẫn lúc ấy đối với tôi là Như Phong và Nguyên Hồng - những người viết gần gũi, xấp xỉ trên tuổi tôi một chút.

Chúng tôi thường gặp nhau tại phố Phạm Phú Thứ toà báo Thế giới, cơ quan Đoàn thanh niên Dân chủ. Ở đấy có Đào Duy Kỳ, giỏi lý luận, có Trần Mai Ninh viết lối văn vừa thơ mộng, vừa khác lạ, cực mới, có Thành Ngọc Quân biết bốc ăng-lê và chúng tôi say sưa bàn về một tờ báo phiêu lưu mà lý thú, toà soạn ở Hà Nội, nhưng in và phát hành ở Sài Gòn. Tôi còn nhớ, cái nhà báo Thế giới, mặc dầu chỉ là một gian hẹp, khác nào cái cửa sổ mở ra trên nóc những đợt sóng mái nhà trước cửa chợ Đồng Xuân. Giữa phòng kê tấm áp-phích to hơn chiếc chiếu liền dán lên cột ngăn đôi gian phòng. Áp-phích của Đoàn thanh niên Cộng sản Pháp: một đám trai gái giơ nắm đấm kiêu chào mặt trận Bình dân. Tờ tranh khuấy động không khí gian nhà âm thầm. Và ở đấy nhiều khi đã sôi nổi những cuộc tranh luận quanh những gói thịt chó, gói thịt vịt quay và cút rượu mua ở chợ hàng Da về.

Những người viết văn, viết báo ở Hà Nội thời kỳ này sống ồ ạt, phóng túng, làm ăn và chơi bời, không ai coi như thế là không bình thường. Nhưng chúng tôi cũng không hẳn là những tay ăn chơi đến vực mặt xuống. Sống và sáng tác, chúng tôi vừa ngoi ngóp, lại vừa tự vượt lên. Cuộc sống thời thượng, sa đoạ kề cạnh những hoạt động mải mê, hăng hái. Có khi thức trắng đêm viết một cái truyện ngắn trên gác một nhà ả đào ở dưới Ngã Tư Sở. Không cắt nghĩa mà chỉ thấy thế là ngang tàng, tối hôm trước ngủ xăm đầu phố Sinh Từ, sáng hôm sau xông đi gặp tờ-rốt-kít Nguyễn Tế Mỹ tranh luận một trận lôi đình. Ở một tiệm hút cuối phố hàng Chiếu, âm thầm nghi ngút như trong cửa điện đồng cô, cãi nhau rầm rĩ về H. Bác-buýt, về Phít-ni-ê...

Tôi ngỡ thế mới thật kiêu nghệ sĩ và cách mạng. Nhưng, thời thế biến chuyển hàng ngày, tình hình không phải lúc nào cũng đọng lại, phóng khoáng và miên man như vậy. Trên Hàng Giấy, những hiệu bán đối tượng Tùng Lâm, Tiến Cảnh- cơ quan liên lạc bí mật của Xứ uỷ Bắc Kỳ, đã biến mất. Ô tô mật thám lùng bắt người suốt ngày. Những người ở toà báo của Đảng không biết đã rút kịp hay đã bị bắt: Đoàn thể gọi Nguyên Hồng xuống Hải Phòng định đưa đi thoát ly,

nhưng rồi Nguyên Hồng bị bắt, bị đẩy lên cang Bắc Mê, Như Phong bị xích tay giam ở sở mật thám...

Thành phố đêm trong ánh đèn phòng thủ thụ động tối như hũ chum. Những người còn sót lại có cảm tưởng rỗng không.

Mật thám dung dưỡng cho mấy tay tò-rốt-kít đánh võ mồm mặc sức hò hét "giai tăng vô sản làm cách mạng thế giới". Cánh ấy ra báo, cũng in bí mật dưới tên báo Tranh đấu có dòng chữ "đệ tứ quốc tế phụng sự cách mạng thế giới!". Trên đường phố len lét mấy người mất tinh thần trước cơn khủng bố trắng. Bọn mật thám để yên cho những người ấy trước cũng hoạt động bây giờ đi lang thang. Có người gặp ai cũng xin tiền ăn, hút. Họ viết báo, sáng tác tầm phơ - mà trước đây đã có những bài rất cách mạng đã đi mít tinh đứng trước chi em tiểu thương chợ Đồng Xuân, tay cầm ba-toong, mặc vôi rỗng xả nước vào người, vẫn đứng.

Không còn ai nữa. Những sôi nổi đã qua. Chúng tôi bàng hoàng, lập ngụp giữa ngột ngạt, giữa bế tắc, giữa những tình huống quái ác ấy. Khác nào lại ngồi nhìn làn sóng quần các mái nhà, có trời xanh trên kia. Hoặc là ngạt trong tầm tối ấy, hoặc là mở cửa tới được.

Ở một tiệm thuốc phiện phố Mã Mây. Góc xép trong ngõ tối tăm, ướt át kiểu này, cứ nhô lên khỏi cái thang gỗ, chỗ nào cũng là tiệm hút. Những ổ rệp rải rác các góc ngách tối tăm. Mấy tấm phản kê đối đầu đối đuôi, vừa bằng hai cái áo quan ghép một, đã nhếch nhoáng mồ hôi lên nước nhả thín, với khúc gối gỗ trơ trọi.

Những hạng người nào lui tới đây? Ở tuổi tôi lúc ấy chưa đủ trải biết những lọc lõi đến thế. Tôi trông thấy chỗ nào cũng người ngả lưng âm thầm, lúc nhúc như nhau. Đám áp-phe. Du côn. Me tây. Con bạc.

Người sắp đi tự tử. Những đứa choai choai tập tọng ăn chơi. Đám nhà vắn, nhà báo với bọn đàn em để sai bảo. Quần áo, mặt mũi người nào cũng rầu rĩ u ám. Họ không phải những ông nghiên bóng môi lên như ông Thạch Lam hay ông Lê Văn Trương. Nhiều người còn thật trẻ cũng không đoán được tuổi tác thế nào. Lại những ông bị đoàn thể bỏ rơi, viết báo nhăng nhít và đi xin tiền. Sợ bọn này hơn cả, có khi họ đã muối mặt làm mật thám rồi.

Họ là ai? Có phải họ là những người bơ vơ sau cơn dịch khủng bố. Sự trống rỗng đến khủng khiếp. Không, ở Sở mật thám, Như Phong bị đánh, bị tra điện, bị dọa từ giờ phải "chừa làm cộng sản". Nhưng Như Phong vẫn nghiêm nghị và chững chạc thế. Như Phong vẫn như thế. Chúng tôi gặp nhau, kể lại những tin đồn anh nào, anh nào đã chạy thoát. Nghi ngờ anh nào trước hăng hái thế mà sao bây giờ không phải bắt? Tiếc Nguyên Hồng đã không đi thoát ly, lại bị. Chuyện huyền thoại Thành Ngọc Quán trốn xuống bãi Nghĩa Dũng, chập tối mật thám ập vào, Quán chơi miếng bốc hay quá, bọn chó chống kên, thế là Quán thoát.

Chẳng biết có thật vậy không, nhưng chuyện cứ rỉ tai mãi như sự tích thần kỳ. Chúng tôi không hết hoảng. Nhưng mà trống rỗng, buồn đến thâm thẳm.

Phản hút ở góc u ám ấy thật tĩnh, không còn biết mình ở đâu, ai cũng trầm ngâm im như chết. Cả cái gác lĩnh kính giường kê ngang kê dọc, những ngọn đèn dầu lạc trong khay thuốc, lui húi như ánh đèn bên bát cơm quả trứng cạnh những xác người còng queo. Cái chỗ chui lên gác đã được đây nắp gỗ xuống. Những cửa sổ đều kín mít, đến chỗ mảnh kính trên nóc đón chút ánh sáng vào, các ông khách bẹp tai cũng bắt chủ tiệm phải bịt mảnh giấy nhật trình lại. Cho đỡ hắt hơi thuốc. Trong nắm mồ lơ lửng giữa trời này cứ khói um lên, người như những cái bóng sợ gió và ánh sáng.

Không biết đương trưa, hay chiều, hay đã tối. Nghĩ gì, làm thế nào. Mỗi thời kỳ khi bước ngoặt lịch sử tiến tới ở từng con người đều tới lui những tâm trạng khác nhau, ai biết ở nơi tàn tạ

cùng cực đây, cả đến hai chữ “truy lạc” cũng ý nghĩa khác ở mỗi người.

Nghe có người kỳ cách trèo lên thang gác, rồi tiếng đội nắp cửa lên. Hẳn phải là khách quen. Rồi cũng chẳng ai để ý. Bóng tối vẫn âm u trầm lắng lặng.

Người ấy nhô đầu, nhìn quanh một lát cho khỏi quáng mắt rồi vịn phản đến chỗ chúng tôi. Chẳng rõ mặt mũi, nhưng thấy trên đầu trắng trắng vành khăn ngang. Biết rồi. Lại cái anh đã vùng ba-toong giờ nằm đấm hô ủng hộ đám biểu tình của chị em tiểu thương chống thuế, ở cửa chợ Đồng Xuân, mặc vôi rồng đội xếp phun nước vào mặt. Bây giờ thế này đây.

Như Phong “à” một cái, không nghe rõ là thở dài hay tiếng kêu nhận ra hẳn. Người chít khăn ngang ngả vào giường chúng tôi, anh cứ tự nhiên kéo một điều rồi nằm yên thưởng thức hơi thuốc ngấm vào mình. Nghe chừng một lát mới lại hơi, rồi nói rầu rầu nhỏ nhỏ:

- Bố tao chết đã được một tuần. Biết tin thế, mà chẳng cách nào về được.

Im lặng.

Như Phong mở ví, nói:

- Này, cầm tiền về mà làm ma cho bố mày.

Người ấy nhét tờ giấy bạc vào ngực áo, rồi lại ngóc cổ lên, tay đặt vào dọc tẩu, tay xoe tiêm trên đèn sắp sửa làm điều nữa. Cái môi thườn ra, nhầy lên một màu đỏ khát trong ánh đèn dầu lạc lờ mờ.

Như Phong dằng cái tẩu rồi thông thả nói từng tiếng:

- Mày xin tiền tao để làm ma bố mày đã mấy lần, quên rồi à? Tao bảo cho mày biết lần này là lần cuối tao thí cho, từ nay mà mày còn mở mồm ra xin tiền làm ma bố nữa, ông đập vỡ mặt, biết không!

Người ấy thần nhiên cầm lại cái tẩu, về điều thuốc, có lẽ là điều sái, anh ta vừa mới tự tiêm xong. Hút đoạn rồi chiêu một ngụm nước, nằm im, ngửa mặt lên.

Bỗng rền rĩ anh ta ngâm:

Tự quân chi xuất hỹ

Bất phục lý tàn ky

Tự quân như mãn nguyệt

Dạ dạ giảm thanh huy

(Thơ Trương Cửu Linh, đời Đường)

Dịch nghĩa: Từ khi chàng ra đi. Thiếp không còn lòng dạ nào sửa sang lại khung dệt dỏ. Nhớ chàng chẳng khác mặt trăng tròn. Từng đêm, từng đêm hao mòn vẻ trong sáng.

Tiếng ngâm thơ hay tiếng rên, tiếng khóc, tiếng ô hô bố chết mẹ chết đằng sau lưng. Hay là tiếng cái thằng chính trị vớ một thời viết báo lãng nhãng lại đến.

Không biết tiếng gì, và không liên quan đến câu Như Phong chửi thằng này. Chúng tôi mặc nó

đấy. Chúng tôi lật đặt xuống cái lỗ cửa thang dựng đứng.

Rồi có bao lần Như Phong trở lại cái tiệm hút phố Mã Mây ấy, không biết. Nhưng viết về Như Phong mà nhớ tôi không kể lại cái lúc anh đã nói như những câu tát vào mặt đau đớn khủng khiếp đến như thế với cái thẳng mắt tinh thần “bố chết không biết bao lần”, thì thật không phải với anh.

Đứng trên bờ sông, chỗ cột Đồng Hồ trông xuống bãi, Như Phong hỏi tôi:

- Mà có được tin tức gì không?

Những câu hỏi han như thế thường hay xảy ra sau những chuyện đau lòng tương tự vừa rồi. Chúng tôi vừa kinh rợn quanh mình, vừa mong ngóng, chờ đợi một cái gì, một khoảng trời xanh.

Một hôm, Như Phong lên nhà tìm tôi, anh lấy trong túi áo ra mấy tờ in litô bé bằng bao diêm, bìa đỏ nhạt “Chương trình và điều lệ Việt Minh”.

Chúng tôi nhìn nhau, không nói. Lời nào hơn được khoảng khắc im lặng này. Vẫn là mảnh trời xanh vô cùng chờ đợi ngoài cái cửa sổ gác xếp tù túng của một lớp trẻ trong một tình thế sôi lên giữa cuộc sống thật và cái chết tan rã.

Mùa thu 1944 Như Phong và tôi bị bắt. Bị bắt lần thứ hai, nhưng Như Phong vẫn thế. Bình tĩnh can đảm, không hoảng hốt, không khai. Được tha ra lại lao vào cơn lốc những ngày chuẩn bị Tổng khởi nghĩa ở Hà Nội.

Đêm 17 tháng 8 năm 1945, Như Phong cùng đội tuyên truyền xung phong Hoàng Diệu võ trang đột nhập ba nhà in báo hàng ngày, các tờ *Tin mới*, *Đông Pháp* và cả tờ *Bình minh* thân Nhật. Những đội công nhân cứu quốc các nhà in này đã sẵn sàng. Các báo đều phải in trang nhất bài tường thuật Như Phong viết về cuộc mít-tinh ban chiều của công chức biến thành mít tinh ủng hộ Việt Minh ở quảng trường Nhà hát Lớn.

Cũng trên trang nhất, Việt Minh thành Hoàng Diệu ra lời hiệu triệu toàn thành võ trang xuống đường ngày hôm sau: mười chín tháng tám.

7. Trúc Đường

Trúc Đường, tác giả chín kịch bản sân khấu về đề tài lịch sử: Nguyễn Trãi Hoàng Diệu, Bà đồ đốc áo đỏ, Khuôn mặt đời Trần, Tấm vóc đại hồng, Thái hậu Dương Vân Nga, Quang Trung đại phá quân Thanh...

Hơn bốn mươi năm về trước, khi anh Trúc Đường dạy học trường Hà Văn, một trường tư trong thị xã Hà Đông, đây là ông giáo còm, còm tiền và còm gù cả lưng mà lũ đàn em chúng tôi hay đến quấy nhiễu quá nhiều.

Ông giáo dạy tư Nguyễn Mạnh Phác lấy việc gõ đầu trẻ nuôi miệng. Nhưng rồi Nguyễn Bính từ quê lên ở hẳn với anh, sau khi được giải khuyến khích về thơ của Tự Lực văn đoàn. Cái vinh quang ảo ảnh xui chàng thanh niên bỏ làng lên "kinh thành gió bụi" chứ có ăn thua gì đâu. Bọn chết đói dở, Nguyễn Bính, Thâm Tâm, Trần Huyền Trân, lại còn cả một lũ cùng trường phái thơ văn với nhau, nào Trần Nhân Cư ký ga Đầu Cầu, nào Trần Hồi (làm thơ ký là Jeannine Lê Thuỷ!) vốn sống nhờ vợ bán thịt lợn chợ Hôm, nào các Tản diệt Nguyễn Tố, Nguyễn Tuất, Phan Như chạy hiệu xuất bản... Chúng tôi cứ đông dài đầu đầu đến lúc không đào ra được một tiếng tử tế lại mò về báo hại anh Trúc Đường.

Tất nhiên, thầy giáo trường tư hay ông ký công nhật nhà in Trúc Đường cũng chỉ có thể đãi được bữa cơm rau dưa hay mỗi người một bát phở trộn cơm nguội, chẳng hạn.

Ba năm trở lại đất Hà Đông

Người cũ cô Oanh má vẫn hồng

Tóc vẫn bỏ lơi răng vẫn trắng

Vẫn ngồi bên cửa liếc qua song

Mã vẫn vô tình với khách thơ...

Cái cô Oanh con cái nhà ai ở thị xã thật tình cũng chẳng quen thuộc và đáng đối gì với cuộc sống khó khăn từng ngày của bọn thất nghiệp dở này. Cả thơ, cả người cũng chỉ phất phơ bóng gió đầu đường mà thôi.

Thế mà như thật. Một hôm, vào lúc chập tối, đương đi ở phố hàng Bông, Nguyễn Bính bấm tôi: "Oanh đấy! Oanh đấy!". Tôi nhòm sang bên kia hè. Trời ơi! Oanh! Thiên tình sử *Ngậm miệng nào nùng* của Nguyễn Bính đăng nhiều kỳ trên báo *Tiểu thuyết thứ năm: Tâm hồn tôi chỉ là bình rượu nhỏ... Rót lần lần rót mãi xuống nàng Oanh... Bây giờ gặp Oanh đây...* Một cô con gái hình như mặt tròn như chiếc bánh đúc, chít khăn sa tanh đen, kiểu các cô bán cau khô, hàng xén chợ tỉnh, mà cái chàng "khách thơ" Nguyễn Bính đâu có quen người ta cho cam! Hình như chỉ biết là con ông ách, ông quản hay bà giáo, bà ký gì ở tỉnh lỵ. Thế mà cứ rối cả lên.

Đã có lần tôi có nhận xét trên Tạp chí Văn học về những sự việc và con số không đúng trong một cuốn từ điển các tác gia Việt Nam trong đó có chỗ về Nguyễn Bính. Sách nói Nguyễn Bính đi Nam tiến 1945 rồi tham gia kháng chiến ở Nam Bộ. Đúng, Nguyễn Bính tham gia kháng chiến ở Rạch Giá. Lờn bài nhạc *Tiểu đoàn ba lẻ bảy* thơ Nguyễn Bính mà Quốc Hương đã hát một cách hết sức trầm hùng, cả nước đều thuộc.

Rồi Nguyễn Bính ra tập kết. Nhưng không phải Nguyễn Bính đi Nam tiến thời kỳ Tổng khởi nghĩa, mà anh đã có mặt ở Cần Thơ rồi Rạch Giá và là một trong những nhà thơ kháng chiến có tiếng nhất ở Nam Bộ.

Và ở thời kỳ đầu, trên chiến trường Nam Bộ, thơ Nguyễn Bính có ảnh hưởng nhiều trong hơi

thơ Huỳnh Văn Nghệ, Bảo Định Giang, Xuân Miến, Hoàng Tố Nguyễn, Vũ Anh Khanh...

Quãng những năm 1940, đói rách cả rồi, ở lại Hà Nội ăn bám anh em mãi không còn được, đành phải kéo nhau đi kiếm ăn nơi xa xôi. Lúc đầu thì ba người: Nguyễn Bính, Vũ Trọng Can và tôi. Bạn bè lại phải làm một cuộc đưa các Kinh Kha sang Tần ở ga Hàng Cỏ lần nữa. Lần này những ba Kinh Kha! Anh Trúc Đường cũng đi tiễn chúng tôi.

Ghé xuống Thanh Hoá trước tiên. Ở Thanh, lại ăn vạ người ta, đến nỗi bạn bè không kham nổi, phải tổng tiền lo cho ba xuất vé tàu hoả vào Sài Gòn. Nhưng lại xuống Huế. Vào Huế cũng sống vật vờ như ở Thanh.

Thỉnh thoảng, Nguyễn Bính gửi thơ về Hà Nội. Những bài thơ *Xuân tha hương, Xuân vẫn tha hương*... Nguyễn Bính viết. Hồi ấy, Trúc Đường cho đăng báo *Đàn bà* rồi gửi liền nhuận bút vào. Nhưng thơ làm sao nuôi nổi người, huống chi lại những ba người. May nhờ có các bạn yêu thơ *Lữ bước sang ngang* mà chúng tôi vẫn thất thểu dưới nước và trên bờ sông Hương được. Rồi gặp may, có họa sĩ Nguyễn Đức Nùng đương dạy vẽ ở Huế.

Thời ấy, bất cứ ai đi làm cho nhà nước, đem so với nghề còm cõi khác, thì cũng gọi là ung dung hoặc có máu mặt đôi chút. Văn thơ là việc đông dài lông bông, không được gọi là một nghề. Thế là chúng tôi đến ăn báo cô nhà anh Nguyễn Đức Nùng ít lâu. Tôi cũng không nhớ được ai mách báo, một hôm lên chơi với sư chùa Trúc Lâm. Nhà sư trí thức Thích Mật Thể, tu tại đấy. Rồi lại không biết làm sao mà Vũ Trọng Can nảy ra sáng kiến đọc sách Phật rồi cặm cụi viết quyển *Tinh thần Phật giáo* (Nhà xuất bản *Đời Mới* ở Hà Nội đã in). Sư Thích Mật Thể nuôi Vũ Trọng Can ngồi tại chùa viết sách Phật. Thế là Nguyễn Bính và tôi cũng được nuôi lây. Chúng tôi ở yên chùa Trúc Lâm có đến hàng tháng, cũng đến ngày phải đi khỏi Huế. Nhưng lần này tôi đã thoái trí lang thang cầu bơ cầu bắt, tôi trở về Hà Nội.

Hai người ở lại Huế. Không biết có phải chuyến ấy Nguyễn Bính ghé Bình Định chơi với Yến Lan và hai anh đã cùng viết kịch thơ *Bóng giai nhân* không. Mới đây, tôi được Yến Lan nói là khi ấy Yến Lan đã ra Huế vở kịch thơ được viết và diễn lần đầu tiên ở Huế, đông người xem mà bị coi như thất bại vì nhiều nỗi.

Cuối năm 1943, lại gặp Nguyễn Bính ở Sài Gòn - chuyến này tôi lấy vé đi tàu suốt đường hoàng. Ngày ngày ăn cơm thối. Hôm nào có tiền đi uống rượu quán cháo cá Chợ Cũ. Nhưng xem ra Nguyễn Bính có vẻ ung dung. Chẳng cần đoán thì cũng biết bạn bè nuôi thôi.

Không biết bạn còn những ai nữa, nhưng Nguyễn Bính đưa tôi đến làm quen với nhà thơ Việt Châu, người có đạo Hoà Hảo- tác giả tập *Lông ngỗng gieo tình* mới in.

Người anh của Việt Châu đi làm cho hãng buôn Nhật, có tiền và sau này vào đảng thân Nhật.

Chúng tôi hẹn hụi nhau một chuyến đi Hà Tiên, rồi thôi, tôi lại trở ra Hà Nội.

Tôi phải lan man "chuyện ngày xưa" một chút về Nguyễn Bính. Bởi vì làm sao mà hai anh em ấy khác nhau và cũng giống nhau thế. Trúc Đường được học hết bậc trung học thời Pháp. Nguyễn Bính, chẳng biết có ngồi xong cái lớp bát trường huyện không. Mỗi người một tính, một nết, một hoàn cảnh khác nhau.

Trúc Đường đứng đắn, chăm chỉ, mực thước, nhũn nhặn. Nguyễn Bính hoang toàng, khinh bạc, tự cho "tài mình phải được cung phụng", mà đời (bạn) không nuôi thì chửi. Bởi vậy, với Nguyễn Bính chúng tôi thường cứ vừa mến vừa thương lại vừa giận, anh Trúc Đường thì thật bao dung và quý tài em. Không khi nào Trúc Đường đi chơi bôi hát xướng phá phách như em, nhưng bao giờ anh cũng thương yêu em. Vì thế nên khi ở Hà Nội chúng tôi mới theo được với Nguyễn Bính về ăn hại "phá nhà" anh được.

Cái hồi Trúc Đường thôi dạy học ở Hà Đông- tôi không nhớ năm nào, anh ra Hà Nội làm tuần báo Ích hữu của nhà xuất bản *Tân Dân* với Lê Văn Trương.

Làm báo ở ban biên tập có lương hẳn hoi, chứ không chỉ gửi lai cảo ăn tiền bài mà thôi, anh còn dạy thêm chữ Pháp cho một người bà con trên phố Bờ Sông. Bấy giờ, tôi cũng đương ham hồ viết văn. Thăng Đào Hanh ở Bờ Sông bảo tôi: "Ông Mạnh Phác làm báo Ích hữu đấy". Tôi đã phục lắm.

Ở báo Ích hữu giữ một mục, như kiểu mục "Lọng cụt cán" của Tam Lang báo Tin Mới. Mỗi kỳ anh phác họa chân dung châm biếm, cười cợt một nhân vật xã hội, anh ký tên thật là Mạnh Phác. Thỉnh thoảng, có in một truyện ngắn, kịch ngắn.

Ích hữu ra đời được ít lâu thì báo chết. Trúc Đường tìm được việc sửa bài nhà in tại nhà in Lê Cường phố Hàng Bồ. Hồi này anh thuê nhà ở Nam Tràng, chỗ những phố ngắn ngủi giữa cái bán đảo nhô ra hồ Trúc Bạch trong Ngũ Xã.

Tôi quen Nguyễn Bính thời kỳ ấy. Vì thế mới biết anh Trúc Đường.

Tôi nói tôi được biết anh Trúc Đường, tôi chỉ biết Trúc Đường, bởi cho tới khi anh đã về già và tôi cũng đã già, làm sao tôi vẫn cứ cảm như đối với nhau vẫn như ngày ấy, anh ấy bao giờ cũng là đàn anh bọn chúng tôi. Không bao giờ trong công việc trước tác, anh bàn một câu nào với chúng tôi. Chúng tôi cũng không hề hỏi. Chỉ biết với nhau là anh đi làm, có khi mình túng thiếu, cho mình nương nhờ được, anh là nhà báo, nhà văn, có "học cao", có nghề nghiệp. Bao giờ cũng nền nếp bậc anh, không kéo bè kéo lũ lông nhông chơi bời, chẳng khi nào "phùng trường tác hỉ" với chúng tôi cả Chúng tôi kính trọng anh từ cung cách ăn, ở, đi đứng. Đi làm đúng giờ giấc. Về nhà, ngồi vào bàn bật đèn sáng, đọc sách, viết văn.

Tôi chỉ biết có thế. Nhưng một điều tôi biết hơn là từ ngày ấy, anh đã viết kịch. Và viết nhiều. Tôi đã trông thấy bản thảo những vở kịch dài từng tập giấy trên bàn anh. Hồi này, Vũ Trọng Can đương viết truyện ngắn. Thấy Trúc Đường viết kịch, anh chàng này cũng học đòi. Nhưng rồi thế nào mà kịch *Biển lận* của Vũ Trọng Can được diễn ở nhiều nơi. Vũ Trọng Can lại có cả một cái kịch dài tên là *Cái va* in nhiều kỳ trên báo *Ngày nay* của Tự Lực văn đoàn. Bài được in báo *Ngày nay* là sang trọng lắm. Còn kịch Trúc Đường, chỉ xếp trên bàn, chẳng thấy tăm hơi ở đâu in, ở đâu diễn.

Trúc Đường kiếm sống bằng nghề sửa bài cho nhà in Lê Cường, anh còn kiêm làm báo *Đàn bà* của Thuý An. Cũng là tình cờ mà làm báo ấy. Chỉ vì báo *Đàn bà* in ở nhà in Lê Cường.

Nói về cái nghề làm báo ở Hà nội mấy năm rồi ren này thật phức tạp và mĩa mai. Phức tạp vì những âm mưu của Pháp, của Nhật, chúng nó chui vào làng báo, có tay chân có mưu đồ khác nhau. Mĩa mai, vì thời ấy phần nhiều làm báo cũng như đi buôn chạy hàng xách mà thôi.

Theo luật lệ của Pháp: có ra báo mới được mua giấy cung cấp theo giá nhà nước qui định (rẻ hơn giá chợ đen). Nhiều người xin giấy phép ra báo, mua được giấy, bán ngay giấy đi: chỉ tìm cách sắp chữ in vài tờ gởi lưu chiếu. Báo *Đàn bà* của Thuý An không hẳn làm như thế. Nhưng nó cũng chỉ in số lượng ít. Chủ báo đem giấy bán buôn cho lái. Trên báo *Đàn bà* còn có một mục lạ kiểu hơn tất cả các báo lúc ấy. Đó là mục nhắn tin mua hàng hộ bạn đọc. Các bà các cô đọc báo *Đàn bà* có thể là người phong lưu. Ở tỉnh xa, gặp thời buổi chiến tranh, cái gì cũng khan hiếm. Sơn phấn vải vóc và mọi thứ trang sức đều khó tìm khó mua. Báo *Đàn bà* đứng ra làm việc ấy, môi giới hoặc mua hộ rồi thiện tiền hoả hồng. Cái mục mua hàng giúp bạn đọc mỗi kỳ dài mấy cột chứ không ít!

Chủ báo *Đàn bà* thuê Trúc Đường cang hai trang văn thơ ở giữa báo. Vì vậy, thời kỳ này, ở Huế

hay ở Sài Gòn, nhiều thơ Nguyễn Bính gửi về báo *Đàn bà* ở Hà Nội. Trúc Đường viết truyện, nhà xuất bản Lê Cường đã xuất bản tiểu thuyết *Nhan sắc* của Trúc Đường.

Ngày, nay, Trúc Đường là một tác giả nổi tiếng kịch đề tài lịch sử của văn học Việt Nam. Nhưng thời ấy, kịch chỉ là một nghề chơi, dẫu rằng nghề chơi cũng lắm công phu. Ở thành phố, mà cũng chỉ Hà Nội là chính, người ta chơi kịch chứ đâu có nghề kịch, nghệ thuật kịch. Mà nghề chơi, thì đến tay chơi lọc lõi như Thế Lữ, Đoàn Phú Tứ còn chật vật, huống chi lại chân chỉ hạt bột như Trúc Đường thì mọc mũi sủi tăm làm sao.

Có người bây giờ cứ nghe mang máng ngày xưa mỗi năm, những đêm mở đầu mùa kịch (mùa thu, như bên Tây) các tác giả kịch mời bạn bè đi xem tổng diễn tập không khí huy hoàng, tung bừng làm sao? Có phải thế không? Tôi cũng là bạn bè một vài kịch gia như Vũ Hoàng Chương, Vũ Trọng Can, có được hưởng ít nhiều cái "hân hoan" ấy trong đêm mở đầu mùa kịch. Tôi cũng nghĩ bây giờ ta nên cải tiến sao cho những đêm duyệt kịch phải là những đêm làm việc mà vui, thật vui, như đêm chờ đợi đứa con ra đời.

Nhưng tôi cũng phải kể thêm là không phải "ngày xưa" mở màn mùa kịch chỉ có phần khởi rồi rủ nhau "xuống xóm" làm chầu hát kỷ niệm. Cái nao nức ấy phần nhiều cũng nằm trong ao ước và tấm lòng của tác giả và bạn bè. Còn phải kể đến một việc tày đình phải lo, đấy là Tây có nhòm ngó và có cho qua hay không, rồi diễn cho khách xem không, hay chỉ đông khách vì giấy mời như đêm *Bóng giai nhân* ở Huế.

Còn nhớ, năm ấy, anh em chúng tôi ở trong làng hay tổ chức những đêm kịch cón con ở sân đình. Tuy vậy cũng tự đặt tên cho oai là *Nghĩa Đô kịch đoàn*!

Kịch diễn sân khấu giữa trời người xem không mất tiền nên đứng chật cả cửa đình. Chúng tôi diễn *Toà án lương tâm* của Vũ Đình Long, *Không một tiếng vang* của Vũ Trọng Phụng, *Tấm lòng vàng* của Nguyễn Công Hoan. Năm trước, diễn *Biển lận* của Vũ Trọng Can và *Gái không chồng* của Đoàn Phú Tứ. Người xem đông và mọi sự đều ổn. Lần này, quan đồn Bưởi không để yên cho. Đêm ấy mà không buông phong sớm mà chuồn đi (vì có một chú lính khố xanh tốt bụng ra mách), nếu cái nhân vật ông già loà mắt lại ồm nặng của Vũ Trọng Phụng trong *Không một tiếng vang* mà thằng Điều đóng cứ nằm còng queo giữa sân khấu kêu khóc, chửi rửa lão chủ đến đòi tiền nhà thêm lúc nữa, thì chắc hẳn là bọn chúng tôi phải vào nhà giam trong đồn đêm ấy. Chỉ có một tên khố xanh đã có thể tóm cổ cả bọn được, còn đến mật thám duyệt vở, duyệt sách thì bỏ tù như bỡn chứ gì.

Ấy mặt nạ còn có mặt kia là thế.

Cái khó nghề kịch ngày nay đã không kiếm ăn nổi, lại còn nói người ta có để yên cho hay không, làm sao có Trúc Đường được. Mà chỉ đến ngày nay Trúc Đường mới trở lại viết kịch và thực sự trở thành kịch tác gia.

Trong kháng chiến, Trúc Đường về quê ở Nam Định, anh làm báo *Công dân* của Ủy ban kháng chiến tỉnh. Các bạn làm báo *Công dân* với Trúc Đường, các anh Lộng Chương, Phạm Lê Văn, Chu Hà, Trần Lê Văn, Bùi Hạnh Cẩn... đã gần gũi và cộng tác cùng anh ở Liên khu Ba.

Mặt trận lan rộng, cuộc kháng chiến trên vùng đồng bằng sông Hồng gay gắt dần lên. Theo đuổi kháng chiến hay trở về các thành phố bị chiếm: mỗi người công dân đương đứng trước một thử thách lớn.

Một số như Vũ Hoàng Chương. Đình Hùng đã về Hà Nội trong những giờ phút quyết liệt này.

Khi ấy, nghe tin Trúc Đường đã thoát khỏi vòng vây những cuộc càn quét của địch vào Thái Bình, anh đưa gia đình chạy lên ngược, vượt đường số 6 dày đặc đồn bốt, tới được Thái

Nguyên. Rồi Trúc Đường cùng vợ con vào cư ngụ trong Khe Mo vùng đồi huyện Đồng Hỷ. Sốt rét, rùng rã ốm cả năm trời.

Nhưng anh Trúc Đường đã ở Đồng Hỷ suốt cho tới kháng chiến thành công. Trúc Đường đã ở với gia đình một người em đã lên đây từ ngày trước cùng làm ruộng sinh sống. Thực sự, anh trở thành người nông dân.

Nhưng ở nơi đồng đất bán sơn địa, không thể mỗi chốc làm chơi ăn thật, như dưới xuôi. Ruộng trầm, ruộng dốc, đất hoang... Bà con trong làng nhường cho một phần, vợ chồng bỏ công khai phá. Nơi cấy lúa nước, lúa nương, nơi trồng chè, trồng thuốc lá.

Cuộc sống ruộng vườn chợ búa qua ngày, nhà tranh vách đất. Có lẽ hai chữ tên biệt hiệu "Trúc Đường" của anh lúc này mới thật đặc ý. Như mọi nhà trong cuộc kháng chiến, Trúc Đường đã gánh vác việc nhà việc nước bình thường, bền bỉ và kiên nhẫn của một người công dân chân chính, cũng như cả triệu triệu công dân từ Nam chí Bắc.

Kết thúc chiến dịch Điện Biên Phủ, Hà Nội được giải phóng, Trúc Đường trở về.

Hình ảnh một người anh chân chỉ, đức độ từ ngày nào ngày nào ở Ngũ Xá, tới hôm nay, tôi vẫn hình dung ra nguyên như thế.

Nhớ như thế, lại nhớ Trúc Đường đã đeo đuổi viết kịch từ thời trai trẻ. Có lẽ những vở kịch ấy, anh đã vứt đi cả rồi. Nhưng, không phải ngẫu nhiên khi có tuổi anh mới viết kịch, anh đã say mê kịch từ khi mới cầm bút. Cái thiết tha và tâm sự ấy ít anh em bạn trẻ bây giờ biết, và chỉ đến khi sân khấu cách mạng đã đưa nghệ thuật và thể loại kịch Việt Nam trở thành một bộ môn văn học và nghệ thuật không thể thiếu, Trúc Đường mới đạt được mơ ước của đời mình. Nếu như trước kia, kịch chỉ là chơi kịch - thật sự ngày ấy chúng tôi nói là "chơi kịch", Trúc Đường cũng chưa chơi nổi kịch.

Trúc Đường, con người với quyết tâm và sự dùi mài của anh và sân khấu đã tạo thành kịch tác gia Trúc Đường của đề tài lịch sử trong nghệ thuật sân khấu Việt Nam.

*
* *

Còn nhớ một đêm, vở Tấm vóc đại hồng của Trúc Đường diễn ở hội trường Ba Đình. Có lẽ đêm ấy tác giả hào hứng lắm, anh giục tôi phải đi xem.

Nửa đêm ra về, trên đường Điện Biên Phủ lá đa rụng xào xạc thành tiếng lẫn ánh điện và bóng trăng.

Tôi nhận ra sức mạnh sáng tạo của Trúc Đường, sở trường dựng những nhân vật lớn như Trần Thủ Độ, Lê Hoàn, Quang Trung... những quang cảnh lớn: Hội thề Đông Quan, cuộc tụ nghĩa Lam Sơn, điện Diên Hồng.

Đề tài và người viết như cá gặp nước. Trúc Đường đã đặt ra được nhiều giải pháp mới cho lịch sử, nổi bật như vấn đề Dương Vân Nga.

Và ở kịch Trúc Đường, lại còn thấy những vương vấn, băng khuâng, những thiết tha thấp thoáng trong bóng trúc, ngô tre, trên đò ngang bến nước. Một cô gái canh củi. Một ông tiều. Một quán bên đường. Những vai phụ, những nhân vật không có tên của Trúc Đường đều ý nghĩa lạ lùng. Chỉ một cảnh thoáng qua nhưng lại là một nét phước mây của người đàn bà họ Dương vốn tài sắc kiên nghị.

Tôi tưởng như đây cũng là, đây mới là, ở đây có tâm sự người viết. Người viết nào chẳng gửi gắm vào sáng tác niềm vui, nỗi hờn của tâm sự của tấm lòng vào một cảnh, một người, một vấn đề. Cái lớn của sự sáng tạo được góp lại từ mảnh trấu, một hạt kê, và từ những đam mê, những thương cảm đến không bao giờ nguôi của người nghệ sĩ. Với Trúc Đường là cái bóng của hình ảnh vách trúc nhà tranh đơn chiếc... những hoài vọng không bao giờ còn... Khóm trúc thêm tuôn dòng lệ cũ. Con thuyền đấy là Trúc Đường ư? Một hôm, tôi nói với anh như vậy, anh cười hiền lành như mọi lúc, rồi bảo tôi: "Thằng này thế mà quái". Tôi hiểu có thể là anh có ý khen.

8. Nguyễn Bính

Nhà thơ Thâm Tâm giới thiệu cho tôi quen với Nguyễn Bính. Những năm ấy Nguyễn Bính đã được giải thưởng thơ Tự Lực Văn Đoàn và đương đăng nhiều thơ trên tuần báo *Tiểu thuyết thứ năm*. Tôi chỉ mới viết vài truyện ngắn đầu tay.

Ở cái nghề báo, nghề văn bát nháo hội này, lắm người vừa cầm bút, lại làm áp-phe, làm du côn, vay chắt, chơi bửa, tổng tiền, ăn tiền mặt thám, người ở lẫn với ma, người nửa người nửa ma, không biết thế nào, cho nên cách người ta làm quen với nhau cũng lắm sự lạ. Có thể trông thấy thì quay mặt đi, lĩnh ngay. Có thể khệnh khạng không thèm giơ tay đáp lễ. Có thể xông luôn đến cho một cú "thôi sơn" quai hàm, mang mõ. Lại có thể sụp xuống, chắp tay "đại huynh mới là thiên tài, hân hạnh... hân hạnh...". Tôi biết như thế thôi. Chứ tôi mới cầm bút, được làm quen với một bạn viết nào cũng là điều mình mong mỏi. Và với Nguyễn Bính, cũng thấy dễ chịu ngay, anh nhà thơ này dường như cũng tàng tàng, cảnh mình.

Còn nhớ Nguyễn Bính mặc bộ quần áo tây trắng đã tã, gấu quần và ống tay áo lờm sờm như tóc tai, anh không cắp mấy quyển sách gì đó như một của những người viết trẻ lúc ấy. Nguyễn Bính lại còn cầm một hộp sắt tây màu đỏ lựu- cái hộp đựng bánh bích quy.

Nhưng đây là cái hộp không đựng bánh. Những chiếc hộp này và những cái vo chai thường thấy các bà "chai bao chè đồng nát" mua ở các nhà Tây vớt đi, bồi bếp nhật bán rồi người ta quảy đi bán rong ở các phố ta.

Tôi chưa hiểu Nguyễn Bính có cái hộp bích quy đựng gì.

Bắt tay rồi, Nguyễn Bính hỏi tôi.

- Này, có tiền không?

Như đã biết nhau từ bao giờ. Tôi cảm động được anh hỏi han thân tình như thế. Tôi mỉm cười. Thế là, cũng chẳng đợi tôi trả lời, có lẽ cái cười hiền lành của tôi đã khiến anh thấy tôi sẵn sàng, anh sai luôn:

- Vào nhà bánh giò "Đờ-măng" chỗ kia, mua dăm chiếc nhé, năm chiếc cũng không thừa đâu. Từ sáng, tớ chưa được miếng nào vào bụng.

Hàng bánh giò ngon có tiếng, ở xế cửa toà báo hàng ngày *Trung Bắc tân văn* gần vườn hoa Cửa Nam, bên cái nhà gì của Tây mà người ta gọi là nhà "Đờ-măng" và cũng thành tên hàng bánh giò cạnh đấy.

Nhưng cũng không phải Nguyễn Bính không có đồng nào trong túi. Buổi trưa oi nắng ấy, chúng tôi đem cả xôi bánh rúc vào một tiệm thuốc phiện đầu phố Nhà Hoả. Nguyễn Bính và Thâm Tâm không ai nghiện, nhưng đi hút, đua đòi đi hút cũng là một thói của thời thương. Chúng tôi đánh trần ra, ngồi chầu rìa quanh tấm phản gỗ trong bóng tối ẩm thấp trần nhà bọc nhật trình thấp gần đụng đầu của cái tiệm hút cà khố, vắng ngắt, thế mà dường như chẳng ai biết nóng bức thế nào. Kéo xong một điếu, Nguyễn Bính nằm gối đầu lên chiếc hộp bánh quy, mắt môi nháy lên, rợn như mắt mèo.

Chỉ một lát sau, tôi đã biết được sự tích cái hộp bánh quy, khi Nguyễn Bính ngồi lên, vuốt ve, xếp đặt lại các thứ trong ấy. Đây là bản thảo những bài thơ của anh và những bức thư tình, một hộp thư tình. Tờ trắng, tờ xanh, vết tay mồ hôi mờ đọc đi đọc lại đã về vệt cả. Bao nhiêu thư của một mối tình, của những mối tình, anh xếp chật cái hộp. Có điều chắc chắn đây là những cái thư cũ và những người ta ở những đâu đâu ấy đã "cho rơi" anh rồi. Chỉ còn lại những lá thư trong hộp. Cơ chừng, mỗi lúc canh tàn rượu tỉnh, lại lôi những cửa oan trái giới ời trong cái hộp gối đầu ra.

Bây giờ nghĩ lại những ngày ấy, đứng ở góc nào mà ngẫm, khi vui khi buồn cũng thế, chỉ rất một màu ảo não, mặc dầu khi đó chúng tôi đương vào lứa tuổi đôi mươi và mỗi bài thơ, cái truyện ngắn viết ra, các "thiên tài" lại bốc nhau lên mây, mặc dầu những cuộc chơi nghiêng lệch cả đêm ngày, bằng tiền của ai không biết, như lũ thiêu thân lao vào ánh đèn, chúng tôi đi, cứ đi, không biết đi đến đâu, bởi chẳng biết đi đến đâu cả. Không phải tôi nói bóng gió cao xa về sự nghiệp, về lý tưởng mà tuổi trẻ đi tìm. Tôi chỉ so sánh mọi việc bình, thường ở mỗi con người. Người ta tuổi đương độ, ai mà chẳng ao ước được sống tử tế, trai có vợ, gái có chồng. Nhưng, với biết bao người, đấy chỉ là cơn mộng. Không biết nhà thơ Nguyễn Bính tích được đến mấy chiếc hộp sắt đựng thư và thơ tình của những ai ai đã tơ vương với anh, để anh cặp nách cả, cái hộp kỷ niệm tha đi từ bắc vào nam, nhưng suốt một thời thanh xuân, tôi cũng chưa thấy anh một lần nào lấy vợ. Dẫu cho những bức thư tình kia là những bằng chứng sống về lời thề sông cạn đá mòn, có lúc dọa cắt tóc đi tu và uống thuốc phiện dấm thanh cho chết, nhưng chẳng có người con gái nào yêu thơ rồi say mê người làm thơ đến bỏ nhà đi theo không. Còn anh chàng thì không làm sao lo nổi tiền cưới, ở cái thời mà những thói tục phiến nhiễu và đồng tiền to hơn nghìn vạn lần tình cảm và tóc thề, trắng thề của con người.

Tôi nghĩ mãi cũng không ra được câu trả lời nào khác hơn là đem cái kết luận dung tục, phũ phàng kia mà phủ lên những mối tình xếp vào hộp gối đầu của kẻ si tình. Nhưng mà tuổi trẻ vẫn nhớn nhơ những gặp ai tìm ai. Chán nằm trong cái ngõ Sơn Nam tiểu thuyết *Sau ánh sáng* nhà Trần Huyền Trân chỗ Cổng Trắng Khâm Thiên, lại xuống ăn báo một người bạn chài lưới yêu thơ ở đầm Linh Đường, rồi đến nhà Chu Ngọc "mà ai cũng tá túc được" ở phố Hàng Đồng, rồi có khi kéo lên Nghĩa Đô. Những lúc ấy tưng bấn nhất. Chơi bởi có bao nhiêu, nhưng ở đâu cũng không vùng vẫy khỏi cái cảnh tương tự ngày ngày ra bờ sông Tô Lịch mua xu rau muống, có hôm xin được mớ rau của cô bơi thúng hái rau sinh hảo tâm bởi đã thuộc lòng cả bài *Lỡ bước sang ngang*.

Mà mãi mê đến thế. Tối đến, hình như mọi việc mới bắt đầu. Chúng tôi với Cương và Lập mấy anh em trai làng lại nhớn khắp vùng đến rạc cảng. Các làng Bưởi làm nghề giấy, từng dãy tàu seo đêm seo đèn, từ dọc bờ sông vào suốt dãy làng Đông sang Cầu Sau, ra hồ Tây. Ánh đèn quang treo giữa lều tàu, những cái đèn chai xách lúc hết seo, như đom đóm bay. Những chàng trai, những Cương. Lập và cả Nam Cao ló mặt ra trong ánh đèn thấp thoáng, tiếng cái khuôn liếm khua vào thành tàu đã kiệt nước đổ rả rích lẫn liếng cười canh khuya, như xé cơn buồn ngủ của những cô thợ seo. Chỉ có thế mà cứ sẵn đón nhau suốt, đêm nào cũng như đêm nào.

Lại nhớ những hôm rét mướt vào áp Tết, chúng tôi chen chúc ngồi đánh tam cúc trong ổ rơm. Đánh chơi ăn đẹt mũi, búng tai mà thôi. Những cô Tý, cô Mơ, cô Hứa - gái làng canh củi, thuộc Kiều lạ cũng thuộc cả quyển *Lỡ bước sang ngang*. Khi cười thì cười ngật nghẻo tí con mắt lá

dầm. Tưởng như dứt cơn cười, những cô gái đa tình ấy vút cả lồng tơ khung cử mà đi theo cái anh làm thơ tài đến thế. Nhưng cũng chỉ vậy thôi.

Những ngày lang thang, những thất vọng và vô vọng bất đắc dĩ. Ở đâu cũng thế. Lại cái lần đi Sài Gòn với Vũ Trọng Can tìm Nguyễn Bính - lại "*chữ* một đi không bao giờ về". Chẳng phải qua sông Dịch đâm chém ai đâu. Ấy mượn câu thơ xưa để nổi bóng cho đẹp và buồn cái nỗi chỉ xoay được tiền vé tàu hỏa đủ suất vào đến Sài Gòn mà thôi.

Có lẽ đây là một việc làm ngỗ ngược và ngây ngô nhớ đời, mà ý nghĩa của nó thật bao thâm thương.

Ở trên tàu bước chân xuống ga xe lửa Mỹ giữa thành phố. Chẳng có người quen đến mức phải ra ga đón và trong túi không đưa nào còn một xu. Chợ Bến Thành với cái bãi Bùng Binh trước mặt, người ăn uống rào rào như tắm ăn rồi. Làm thế nào được bây giờ? Rồi tìm được Nguyễn Bính. Nhưng cũng đương ăn nhờ ở đậu.

Vũ Trọng Can nghĩ ra một kế hay hay. Mắt anh trở ra, ngơ ngác một cách hồn nhiên.

- Ở mà phải như thế. Sẽ làm ra tiền, có tiền hẳn hoi. Chúng ta sẽ diễn thuyết thu tiền nhé. Đúng, diễn thuyết thu tiền. Cả ba thằng lần lượt sẽ diễn thuyết. Tổ chức diễn thuyết thu tiền người đến nghe. Được lắm chứ.

Nguyễn Bính hay cợt nhả, như thói quen của anh:

- Ừ, cũng được, như đi hát xẩm. Không phải xẩm mù, mà xẩm chợ. xẩm sáng. Còn thiếu cái nón, cái nón ngửa ra, hay là làm cái nong cho người ta ném tiền thưởng vào.

Vũ Trọng Can không chấp câu mỉa mai, lại hăng hái hơn:

- In vé, in vé. Ta sẽ bán vé. Có người bán vé cẩn thận. Một công việc lương thiện.

Vũ Trọng Can còn cắt nghĩa nhiều lần, trong khi chúng tôi không tỏ ra vồ vập, cũng không phải là ngãng ra. Viết sách, viết báo, bán chữ lấy tiền, thì người ta có thể bán nói. Thế rồi làm thật. Vũ Trọng Can đã tìm được một người bạn làng, anh Nguyễn Văn Tập. May mắn sao anh Tập đã sốt sắng tận tình lo liệu cho cuộc diễn thuyết kiếm ăn này. Một tập vé từng tờ con con như cái vé chợ, vé xe điện. Trong đó là những hàng chữ in: "Sáng ấy... sáng ấy... từ giờ... tại rạp Thành Xương, văn sĩ Vũ Trọng Can, tác giả truyện ngắn *Màu hoàng yến* đã đăng trên báo Ngày Nay của Tự Lực Văn đoàn, mới ở Hà Nội vào nói chuyện về... Kính mời... Giá vé...".

Nơi diễn thuyết tại rạp Thành Xương mới ghê! Tuy vậy, những rạp hát vào buổi sáng thường bỏ không. Giá thuê rạp chẳng bao nhiêu. Nhưng bởi vì chẳng có cách nào - nghĩa là không đào đâu thêm tiền, cho nên không thể thuê đăng báo hay in cáo bạch. Chỉ viết được hai tờ quảng cáo rồi thuê chỗ mà dán vào tấm bảng gỗ cổng rạp và ở Bùng Binh cửa chợ. Trước giờ sớm hôm ấy, mỗi người chúng tôi cầm một nắm vé, đi các phố xung quanh, từ đường Ga-li-ê-ni sang ga xe lửa, chợ Bến Thành, đường Ét-banh, hề thấy người nào ăn vận vé chững chạc dân thầy, bèn chìa xếp vé ra: "Mời thầy đi nghe diễn thuyết... Văn sĩ... Giá vé một cắc, có một cắc thôi mà... Xin mời..."

Tôi không thể hình dung lại được cái quang cảnh cuộc diễn thuyết lấy tiền có một không hai này ra thế nào. Cả đến hôm ấy Vũ Trọng Can nói những gì, cũng không nhớ. Nhưng tôi lại nhớ như nguyên vẹn lộn xộn từ hăng hái đến rầu rĩ của luôn mấy hôm. Chúng tôi chia ra, người đứng cửa bán vé, người soát vé, người mời khách vào. Diễn giả ra đứng ngay trước cửa, tóc chải bi-ăng-tin uốn lượn, thắt chiếc cà-vạt màu hoàng yến. Từ ngày Vũ Trọng Can có cái truyện *Màu hoàng yến* đăng báo, anh hay đeo cà-vạt màu hoàng yến, mỗi lần lại phải đi mượn, mà cũng cứ

cầu kỳ khó nhọc thế.

Diễn thuyết bán vé, kể cũng thật lạ và hình như chẳng mấy người, bước vào. Ở nách rạp Thành Xương có cái trường nữ học, Nhật đã đóng, có lính nguy Ân gác cổng mà người ta gọi là lính *oản Bô* [16]. Hai người lêu đêu mặt bồ hóng, đầu quấn khăn thừng, tay cầm chiếc côn gỗ, thờ thần nhìn người qua lại. Người đi chợ, người đi đường tò mò xúm xem mấy "anh chín" quấn thừng có phần đông hơn người vào rạp. Chỗ chỗ, hai cái đầu xe lửa kéo lữ toa ngược xuôi chạy rầm rầm ngoài kia.

Tôi chỉ nhớ bằng cái cảm tưởng nhộn nhạo buồn bã như thế. Không nhớ được hôm ấy đông hay vắng, vé còn ế một xấp hay mấy xấp. Nhưng không bao giờ có buổi diễn thuyết thứ hai, thứ ba mà chúng tôi cũng phải đăng đàn như Vũ Trọng Can đã dọa. Chỉ một buổi ấy thôi, một buổi ấy thôi. Đây cũng là một điều quả nhiên không vui vẻ như ý rồi.

Chỉ đi ăn vài bữa cơm thổ, bấy giờ cơm thổ còn là loại cơm hạt rẻ nhất như cơm đĩa bây giờ, lại đã hết tiền. Ngày ấy, cạn túi lắm mới phải đi quán cơm thổ của mấy chú chiếc Chợ Cũ. Cơm thổ chưa cầu kỳ lắm món. Có một xu cơm ca la thầu với nửa xu canh cải cúc - như hàng cơm đầu ghế ở các cổng chợ ngoài Hà Nội.

Thế rồi chúng tôi lại chia tay. May mà cũng êm ả, không có xô xát, cũng không cãi cọ to tiếng cấu xé nhau, đánh nhau như thường cái cảnh bè bạn mỗi người mỗi ngã khi đương cơn túng bấn.

Vũ Trọng Can và tôi lại trở ra Hà Nội.

Nguyễn Bính trôi nổi trong ấy cho tới 1945 rồi đi kháng chiến.

Năm 1976, tôi trở lại Sài Gòn. Năm ấy anh Nguyễn Văn Tập còn sống, anh vẫn nghèo, làm ăn nhè nhắng như ngày trước. Tình cờ, tôi đi nhậu với Nguyễn Quang Sáng và Đoàn Minh Tuấn. Gặp anh trong cái quán thịt chó gần chợ Đũi mỗi tuần chỉ bán có ba buổi ở hẻm đường xe lửa của một bà già người Bắc xưa kia làm ả đào, anh Tập ngồi ăn một mình, cái ô đen dựng cạnh bàn, anh móm hết răng, chỉ còn nhai bằng lợi được món ăn dựa mạn quá lửa. Tôi hỏi vui về cái ngày anh in vé giúp cho Vũ Trọng Can diễn thuyết tang thương ấy. Cũng là bên chén rượu, hoài cổ chơi thôi.

Anh lắc đầu, anh nói anh chẳng nhớ. Có lẽ anh vẫn nhớ - trí nhớ người ta khi trẻ thường nhớ dai, nhưng dường như anh không muốn nhớ; chẳng còn hào hứng nói lại nữa. Cũng như những chuyện bông lông chìm nổi như trên về Nguyễn Bính có thể kể hết đêm, trời sáng rồi trời lại tối, câu chuyện lại bắt đầu, những thương đau của đời người trong xã hội ấy bao giờ cạn được.

Chỉ biết cái thời ấy nó thế. Muốn có miếng cơm tử tế mà không được, muốn yên thân cũng không thể yên. Chứ đâu phải bệnh giang hồ - đấy là những lời đẹp tự trang trí hoa mỹ mà thôi. Chúng tôi chưa ai nghĩ có khi nào có thể có một cái xe đạp. Ôi chao?

*

**

Tất cả những điều ấy sống trong mộng mị và đã thành thơ. Từ cuộc đời phũ phàng đến thế, từ những ước ao thực như thế, đã thành thơ. Đây cũng là tâm sự, là mộng của vô vãn người trong xã hội lúc ấy. Điều đó nói được tại sao thơ Nguyễn Bính nhiều người đọc, nhiều người thuộc. Bạn đọc và người thơ đã gặp nhau, hai người cùng sống trong thơ, cái làng Thiện Vịnh trong thơ Nguyễn Bính cũng chỉ là một bóng mơ. Làng Thiện Vịnh thật có giữa vùng chiêm khô,

mùa thổi đất Nam Định, đầu đầu cũng xơ xác, nước trắng đồng, gió lửa sóng đồng cồn lên, quần lại, lật thuyền mảng, cả đến người ra cứu lúa cũng chết đuối. Mỗi năm, mỗi mùa, biết bao người đã bỏ làng đi tha phương. Nhà thơ bó gối nhìn vào trong đêm. Chỉ nghĩ lại cũng đã se lòng. Nhà thơ tưởng tượng, trên những khổ cực ấy, phấp phới những lúa tuổi đương tơ, hoa cải vàng thàng chạp, mưa dây mưa dợt, trang rằm sáng như ban ngày và những đêm chèo hát...

Thơ là niềm khát khao, là ước nguyện của con người. Khi chưa quen Nguyễn Bính, tôi cũng không thật hiểu được những bài thơ viết về đồng quê của Nguyễn Bính và cũng chưa phân biệt được đâu là chút lòng mộc mạc thiết tha của người làm thơ, đâu là cái hoa hoè hoa sỏi của chàng trai quê ra tỉnh. Rồi mỗi khi gặp chính trong cuộc sống khốn khó hàng ngày thàng như chẳng liên quan gì đến những bài thơ quê đẹp nồn như lụa của Nguyễn Bính, tôi lại rõ ra ý nghĩa sâu thẳm của mỗi câu thơ với quê hương. Chỉ có quê hương mới tạo nên được từng chữ, từng câu Nguyễn Bính. Trên chặng đường ngót nửa thế kỷ đời thơ, mỗi khi những gấn bó mồ hôi nước mắt kia đầm lên, ngầy ngất, day dứt không thể yên, khi ấy xuất hiện những bài thơ tình tuyệt vời của Nguyễn Bính.

Những lịch lãm, những trải biết con người tất bật giữa cuộc sống bon chen cùng với những lận lợi từ tấm bé đã làm cho Nguyễn Bính thành con người như mọi con người, con người của làng xóm cả đời trong lũy tre, nằm mơ có quyền sách ước gối đầu mà những điều to tát nhất cũng chỉ là ba gian nửa lá, giàn đỗ ván, cái chuôm, thàng chạp chuôm cạ nước thì cấy cần. Mộng đẹp nho nhỏ ấy cũng chưa bao giờ có được cho riêng mình.

Thì trong thơ có cả.

Nguyễn Bính chẳng khác một người tài kể chuyện, cứ nhẩn nha nói về mọi cái quen thuộc quanh mình mà khiến ta phải chú ý. Ở mỗi làng quê, thường thấy những bác thợ cày, thợ cối, thợ rèn, thợ ngoã, bà hàng nước nư với, nước chè tươi, hầu như vùng nào cũng có những người giỏi đặt vè, nói tiểu lâm, pha trò kể chuyện khéo đến đổi “con kiến trong lỗ cũng phải bò ra”, ai cũng thích nghe, ví như cuốn truyện hay, đọc chẳng bao giờ muốn thấy trang cuối, Nguyễn Bính là một người tương tự. Cái thần của sáng tạo chính là cũng ở một người ấy, việc ấy, cảnh ấy, ngòi bút đã tìm ra những dáng vẻ riêng biệt, trong khi ta trẻ nải nhác qua, chẳng thấy khơi gợi được điều gì mới mẻ khác lạ.

Con người Nguyễn Bính trông lôm lam lắm. Tay chân thô nhám, quềnh quàng, lúc nào cũng lừ đừ thủng thỉnh, như “ông từ vào đền”, như người thông thả đi giữa làng. Lại lam lũ như vừa lớt mướt từ đồng sâu mà lên, dầu cho anh đương mũ áo chững chạc trên đường phố. Khi nào anh cũng là người của xứ đồng, của cái điều bay, của dây hoa lý, của mưa thừa, mưa bụi giữa mọi công ăn việc làm vất vả sương nắng. Bởi đấy là cốt lõi cuộc đời và tâm hồn thơ Nguyễn Bính.

Quê hương là tất cả, mà cũng là nơi in đậm dấu vết đời mình. Ở Nguyễn Bính, tình quê là hình bóng đất nước, những nơi anh đã đặt chân với vô vắn kỷ niệm và quê anh cũng là vùng chiêm trũng mênh mông Phú Xuyên, Bình Lục, Ý Yên, Vụ Bản - cái rốn nước đồng bằng sông Hồng, ở đấy, nhà thơ thân thương của chúng ta đã lênh đênh thân con cò, con diệc đồng sâu.

Sức mạnh sáng tạo của Nguyễn Bính cũng từ nơi đồng đất trắng trời, trắng nước này. Làng Thiện Vịnh, làng quê chôn rau cắt rốn của anh, cái làng đồng trũng mà chắc đến mùa nước thì con đường, con đê lên huyện kia chỉ còn là một sợi chỉ mỏng manh bên làn nước giữa gò đất, bờ bụi, tre pheo. Sao mà cái lần tôi về Thiện Vịnh hôm ấy lắm gió thế, gió trên đồng đêm ngày giật lên, gào lên từng cơn. Làng nước xám ngất, quang cảnh tiêu điều lam lũ, ám đạm, neoh nhóc.

Thế mà:

Bữa ấy mưa xuân phơi phới bay,

Hoa xoan lớp lớp rụng rơi đầy.

Tầm vóc thật, tầm vóc mỗi câu thơ Nguyễn Bính.

Trong cuộc sống triền miên đồng trắng nước trong cả đời người ta vẫn đợi chờ mong ngóng những rộn ràng óng á của một *Hội chèo làng Đặng đi qua ngõ*. Tinh thần và triết lý ấy, nhìn suốt đáy thơ Nguyễn Bính - thấy được từ mỗi ước vọng hàng ngày của người ta. Tài năng và sức mạnh sáng tạo của nhà thơ là một với cội nguồn thơ. Từ những dẫn vật, những mơ tưởng nhỏ nhoi đọng lại. Mùa này mất trắng lại mong cho đến mùa sau được thấy mặt hạt thóc. Cái củi rêu trôi qua ngoài sông, không vớt được, cũng tiếc. Vợ chồng cãi nhau, người vợ ôm mặt, than thở: "Giá như ngày ấy tôi theo cái người dưới Đông thì chẳng đến nỗi nào, khổ cái thân tôi...". Hoa xoan và mưa bay giữa hội chèo làng Đặng đã sinh ra từ những chuyện như thế. Người ta than thân trách phận, nhớ tiếc, ước ao, ở giữa làng mà tưởng như quê mình tận đâu đâu kia.

Được như thế mới là Nguyễn Bính. Thơ và cuộc đời, những con người và cuộc đời. Nguyễn Bính biết làm thơ từ bé. Vừa thuộc mặt chữ đã đọc ra thơ, tài năng thơ bẩm sinh. Cho đến khi thành những bài thơ đầu tiên, những bài thơ hay nhất của. Nguyễn Bính.

Thật rõ ở Nguyễn Bính, năng khiếu trong thơ được khơi từ cuộc sống chân thực, lý trí và bản năng nhà thơ hoà một tấm lòng, khi ấy thơ Nguyễn Bính tuyệt trần.

Hôm nay dưới bến xuôi dòng

Thương nhau qua cửa tò vò nhìn nhau

Anh đi đấy, anh về đâu?

Cánh buồm nâu, cánh buồm nâu, cánh buồm...

Nguyễn Bính kể những câu thơ anh viết ở Thái Nguyên. Cũng chẳng ai chờ đợi, chẳng có đồ có bên, chỉ là tưởng tượng ra sự chờ đợi cho được có nỗi nhớ nào viết chuyển này rồi bỗng bênh đi đâu. Tình cảnh tang thương của một lớp người. Chuyển lang bạt kỳ hồ ấy cũng không khác mọi cuộc đi kiếm ăn. Nguyễn Bính có người anh em lên vỡ đất làm ruộng trên Thái Nguyên. Thuở ấy, lên đến vùng chè Đồng Hỷ, Tân Cương đã là vào đất đồng rừng xa xôi và người đồng chiêm tìm lên đường ngược vào ở đời như thế, làng nước xót xa cho con người phải bỏ làng đi quê người.

Thế mà lại còn phải đi theo những người tha phương, xem may ra kiếm được việc, có tìm được chỗ ngồi bảo học kiếm cái ăn. Nhưng mà cũng lỡ, lại đi.

Bỏ đất quê, lại nhớ đất quê, đi đâu cũng lẻo đẻo, thui thủi một nỗi buồn. Những cái gì không tới được thì nhớ. Những ước vọng thiết tha và xót xa ấy gắn bó trong tâm hồn người làm thơ.

Nguyễn Bính làm thơ thật nhiều. Và sinh sống bằng thơ. Dẫu gặp mọi khốn khó, phải long đong chạy vạy, nhưng Nguyễn Bính vẫn lần hồi có cái ăn do tiền bán thơ, chứ không chỉ nhờ bạn bè hoặc phải lấy tay khác nuôi thơ, trong khi nghề viết thời ấy chưa hề được coi như một công việc ngay ngắn, mực thước.

Tinh hoa của tài năng con người nẩy nở vào một khi sức lực nhất - có thể chỉ nổi lên ở một bài thơ, thậm chí ở một câu thơ. Một văn tài lỗi lạc đến mấy cũng không thể cả đời lúc nào quanh mình cũng lung linh hào quang những sáng tạo tầm cỡ. Sức mạnh sáng tác cũng ví như sức khoẻ con người, không phải và không thể lúc nào cũng sung sức nhất được.

Nguyễn Bính chỉ thật riêng một góc trời ở những bài thơ với những mảnh đất quê. Trong đời thơ của anh, đáng lẽ đến hết thời kỳ hồn nhiên năng khiếu phải được nâng cao hơn nữa - như bây giờ ta nhận xét hoặc nói cách khác, sự rèn luyện tâm hồn và ngòi bút phải được, cái tài trời phú lên hơn, mới bồi đắp được độ, bền và sức sống của sáng tạo. Nguyễn Bính không tới được cơ hội ấy. Dù trong kháng chiến và cho đến bài thơ cuối cùng, Nguyễn Bính vẫn thường viết về quê hương, nhưng tình hoa chỉ có một thời, và thời ấy đã qua rồi.

Nhưng thôi, chẳng nên nhận xét thơ và công việc làm thơ của Nguyễn Bính với con mắt sắp đặt trong sự việc hôm nay. Tìm ra cái tình hoa của Nguyễn Bính, hãy trở lại cuộc sống và thơ từ ngày ấy.

Khi tâm hồn và sự chân thực đi cùng thơ, Nguyễn Bính đạt tới sự toàn bích. Rồi Nguyễn Bính bốn ba đây đó Hà Nội và Sài Gòn, rồi cuộc sống tự nhiên thế nào, mà Nguyễn Bính trải biết đều phản ánh trong thơ anh.

Nguyễn Bính không cắt nghĩa được số phận đời người và đời mình ở những nơi đó. Nguyễn Bính cũng không bao giờ biết như thế, không bao giờ biết mình đã phí hoài những chân chất tình quê, thơ anh lạc vào những "bụi kinh thành", "vua nước Bướm", "hồn trinh", "mây Tần", "đốt đường sạn đạo". Anh ngỡ đấy là thiết tha, nhưng thật ra, lại là hời hợt. Ở Nguyễn Bính, mỗi khi thơ sa vào câu chữ sẵn lại chính ở những bài thơ tình yêu "một nghìn cửa sổ", "mười hai bến nước", những bài thơ "bụi bậm kinh thành". Tôi nhớ lại. Ở quảng phố gần vườn hoa Cửa Nam, lần đầu tiên gặp anh với chiếc hộp bích quy đựng thơ và những bức thư tình. Bao nhiêu cuộc tình tưởng nào nùng tê tái kia chẳng qua chỉ là hờ hững và nó đã đẩy thơ anh ngoi ngóp vào những đau thương hình thức mà thôi.

Thơ và cuộc đời ràng buộc nhà thơ. Trước sau và mãi mãi, Nguyễn Bính vốn là nhà thơ tình quê, chân quê, hồn quê.

*
* *

Thơ Nguyễn Bính, một trường thơ. Một khoanh tre trong lũy tre làng thơ. Có thể dễ dàng nhận thấy hiện tượng ấy ở thơ của anh và bè bạn anh trước cách mạng và thơ Nguyễn Bính trên sách báo những ngày đầu kháng chiến tại các chiến khu Nam Bộ.

Đây cũng là thực tế phong trào thơ mới phát triển đa dạng trước và sau những năm 1940. Thơ Việt Nam ở thời kỳ này hoàn toàn đổi mới. Các nhà thơ mới đã nhanh chóng chiếm được trận địa thơ với sự chấp nhận, cổ vũ và tin yêu của mọi người đọc thơ. Không phải bằng chiến công những cuộc tranh cãi, mà bằng sự ra đời những bài thơ dân tộc. Nghiễm nhiên, tức khắc "thơ mới" bay vào quỹ đạo thơ, thơ Việt Nam.

Thơ Nguyễn Bính là một nhánh hoa trong trào lưu cách tân thơ. Và cùng với Nguyễn Bính, xuất hiện một trường thơ, một phái thơ.

Còn nhớ, vào mùa sen, có khi cả phiên chợ Mơ, chúng tôi về ở trong cái lều canh sen trên hồ Linh Đường, phía nam thành phố. Chúng tôi đọc thơ rồi cãi nhau về thơ. Chúng tôi chế giễu cuộc thi thơ bát cú có đầu đề và hoa văn "Nghìn năm văn vật đất Thăng Long" mà rải rác còn có báo đăng, như những bài thơ chết đuối. Chúng tôi công kích những bài thơ son phấn màu mè cầu kỳ một câu cộc lốc và những bài bắt chước "mười hai chân" Tây của Nguyễn Vỹ.

Bài thơ *Chân quê* của Nguyễn Bính không phải chỉ là đôi lời than thở của anh ả gặp chị ả nào đó. Chan quê đã tuyên bố quan điểm của phái thơ này trong trào lưu thơ đương rầm rộ:

*Hoa chanh nở giữa vườn chanh,
Thầy u mình với chúng mình chân quê.
Hôm qua em đi tỉnh về,
Hương đồng gió nội bay đi ít nhiều.*

Tôi đã được thấy như thế ở thơ và hành động trong đời làm thơ của Thâm Tâm, của Trần Huyền Trân, các bạn thơ Nguyễn Bính. "Đưa người ta không đưa qua sông" ... và "Nhớ nhau vầy bút làm mưa gió" ... Những áng thơ phảng phất "thét roi cầu Vĩ" kỳ thực mang trong lòng hình ảnh tâm sự của người, cầm bút thời đại, giữa khi cả đất nước và dân tộc đương chuyển biến.

Ở trường thơ ấy, mỗi người thể hiện một phong cách. Thâm Tâm và Trần Huyền Trân sừng sững và cũng cô đơn như gốc đa, con đò một mình. Nhưng Nguyễn Bính in đậm ảnh hưởng vào thơ của các bạn bè, vang vọng dư âm trong lòng một lớp độc giả rộng rãi.

Không phải ngẫu nhiên mà Nguyễn Bính đi vào kháng chiến ở Nam Bộ. Bởi đấy là triển vọng của những điều mơ ước về quê hương.

9. Trần Huyền Trân

Có lần, trên hồ Tây, Nguyễn Huy Tưởng đã hỏi Trần Huyền Trân:

- Tại sao cậu lại dùng cái bút danh khăn yếm như thế, dấu cho đó là tên một tuyệt tác giai nhân?

Câu hỏi cũng là một nhận xét. Nhà tiểu thuyết lịch sử ấy đã thấy gọn gọn khi xem ra cái tên kiều diễm không hợp chút nào với dáng dấp con người nhà thơ

Trần Huyền Trân, nước da bánh mật, ánh mắt thăm thẳm và cặp này xếch, từ thuở nào tới giờ vẫn dường như khắc khổ, nhưng lại trang nhã và phảng phất vẻ gì giăng gió.

*
* *

Trần Huyền Trân chỉ lặng lẽ mỉm cười.

- Ô, cái nàng công chúa Huyền Trân nhất thực đa tình nọ nào có bận đất đến nhà thơ của chúng ta.

Người con gái tài sắc phải bán mình sang Chiêm để cho vua cha được người la dăng đất châu Ô, châu Ri. "Nước non ngàn dặm ra đi... Mượn màu son phấn, đến nợ Ô Ly... Thế rồi cái anh chàng tướng trẻ tài hoa Trần Khắc Chung kia phụng mệnh sang Chiêm cứu nàng khỏi bị nạn thiêu sống bởi phải chịu tang chồng, đã dùng mưu đưa được người đẹp từ giàn lửa ra bờ bể làm lễ chiêu hồn ở ven trời". Rồi lại cướp được Huyền Trân thoát xuống thuyền. Con thuyền trở về lênh dênh mãi ngoài khơi qua những cửa Thần Phù, Tuần Vương bao nhiêu tháng, bao nhiêu

lần mà cố tình vẫn chưa nhìn ra đường nước vào bến. Đôi trai gái đã để lại thế gian một trang tình sử cực nào nùng.

Ai đếm được, làm sao kể xiết biết bao nông nỗi đẹp và buồn trong đời tình của mỗi tuổi trẻ. Thuở ấy cố người mê thơ Trần Huyền Trân, nhiều năm ròng, bàn tay yêu kiều ở một thị trấn trung du ủ bóng đời cọ đã thêu những bài thơ Trần Huyền Trân trên lụa, chữ lụa. Năm tháng qua đi, "Mặt nhau chưa từng biết. Tiếng nhau chưa từng nghe" (Trần Huyền Trân) chẳng khi nào ai biết ai. Nhưng biết rằng thế là đã gặp những chiêm bao không gì sánh nổi, không bao giờ có được.

Ai còn nhớ những câu thơ "Trở lại vườn Thanh có một mình" quăng 1937 ở cái khi mà những người yêu của chúng tôi chắc chắn các cô còn vắt vẻo tóc bỏ đuôi gà và chưa biết tĩa lông mày.

Người ấy thường hay vuốt tóc tôi

Thở dài những lúc thấy tôi vui

Bảo rằng hoa giống như tim vỡ

Anh sợ tình ta cũng thế thôi!

Có lần tôi gắng hỏi Thâm Tâm, nhưng con người bé nhỏ âm thầm mà gai gạnh ấy chỉ nói: "Vườn Thanh là Thanh Giám, chứ không phải xứ Thanh đâu. Lại càng khó hiểu hơn.

Trên gác báo Bút Hà, - Trần Huyền Trân thuê lại báo của ông Bùi Đức Dậu, làm được mấy số - phố Cao Đắc Minh trông sang Thanh Giám Văn Miếu. Bãi cỏ bậc thềm bậc đá, tường gạch vữa, mái ngói rêu phong, những gốc đề, gốc muôm cổ thụ và sự vắng lặng. Câu chuyện tình u ẩn mà nhiều báo nhiều thời bàn tán nào Hai sắc hoa ti-gôn, nào T.T.Kh, nào Thâm Tâm và Khánh, là hai người ấy hay là ai. Những éo le mơ hồ, các anh Thanh Châu, Thâm Tâm, Trần Huyền Trân, Nguyễn Bính - những đồng tác giả câu chuyện tình huyền thoại ấy hôm nay cũng còn có bạn có thể kể lại rành rõ được (hay là người ta cứ muốn để mờ ảo mãi như thế), tôi không quan tâm, mà chỉ muốn mách các bạn: không phải chỉ Nguyễn Bính làm thơ về T.T.Kh, mà riêng nhà thơ Trần Huyền Trân có đến bốn bài thơ viết ở "vườn Thanh". Những bài *Thưa bà* - 1938 (Gửi một bà yêu thơ), *Tiếng đàn đôi ta* - 1938, *Có những mùa đông* - 1939 và *Trưa ấy qua rồi* - 1939, đều viết ở Thanh Giám.

Và bài thơ sau cùng *Trưa ấy qua rồi* miêu tả tâm sự "trở lại vườn Thanh" của Trần Huyền Trân có những câu:

Bây giờ năm tháng vô duyên quá

Em đã theo những bên cát xa

Đò đã sang sông, chèo lái mới

Sao còn khua bóng mãi thơ ta

Ai vẽ giùm tôi một buổi trưa

Bối, trời mây gió đến đem cho

Một hy vọng lao từ đâu lại

Giấu o trong lòng mấy tiếng thơ

Thanh Giám 1939

Bạn yêu thơ chắc, còn nhớ những "sang sông, sang ngang", "bốn trời", và "bến cát xa" không phải của riêng Trần Huyền Trân. Hình ảnh những chữ mệnh mang man mác ấy cũng thường thấy ở thời kỳ ấy trong thơ và tên bài thơ, tên truyện ngắn của Thâm Tâm, của Nguyễn Bính.

Đó là những câu chuyện thơ mộng có và không có của một thời, của một lứa tuổi, một lớp người.

Cái bút danh Trần Huyền Trân cũng thế, đây là sự tích một thiên trong những pho tình sử nào lòng người thơ. Huyền Trân không bận, không dính dáng chút nào đến cô công chúa nhà Trần đan díu với Trần Khắc Chung mà Nguyễn Huy Tưởng đã hỏi. Huyền Trân này là cái tên của những ngày khốc liệt, oan nghiệt.

Ơi hỡi! Đứa con không có tên

Nằm trong xác bụng mẹ vô duyên

Con lên mầm sống trong lòng chết...

(Cái thai hoang, 1942)

Ngày trước, Trần Huyền Trân có viết một tiểu thuyết tên là *Sau ánh sáng*. Những cảnh và người quanh phố Khâm Thiên trong tiểu thuyết được miêu tả như một tự truyện, những lều cá, những bè rau muống trên các ao chuôm, cổng rãnh khúc khuỷu cạnh ngõ Sơn Nam, ngõ Liên Hoa qua Cổng Trắng, sau ánh sáng của nơi ăn chơi nghiêng trời.

Thời ấy, những người cơ cực các nơi lên thành phố kiếm cái sống đều tìm chỗ trú ngụ ở vùng bãi sông Hồng và bám vào các rìa phố phường như thế. Sau lưng, phố Khâm Thiên đủ loại trác táng và bài bạc, những lầu xanh chỗ chơi của người phong lưu, nhà thổ đèn đỏ cho người kiết xác, các tiệm nhảy Pa-gốt, Ta-na-ka, thời Pháp - Nhật. Nhưng ngay ở nơi mà hai chữ Khâm Thiên dễ làm cho người ta ngày nay tưởng ở đây chỉ rất những cảnh đêm ngày ném tiền qua cửa sổ, không phải, còn vô số những con người lênh đênh giạt đến các nhà hát làm đào rượu, một loại gái điếm chuyên đứng quạt, hầu rượu, ăn ghe rồi mắc màn ngủ vùi tiền khách làng chơi, những gái nhảy bị đổ bệnh tim la, mọi số phận cùng đường.

Cô Hiền, cô Trần Nguyệt Hiền không phải gái giang hồ nhưng cũng ở trong cảnh lẽ mọn tương tự đám người có những cái tên hoa lá cảnh được khách làng chơi đặt cho, nào Mộng Điệp, Mộng Hồ, nào Tuyết Hấp, Tuyết Lành, Nguyệt Lìm, đại khái vậy.

Trần Huyền Trân gặp Hiền ở một nhà hát. Cũng không phải gốc gác "rằng xưa vốn là người Kẻ Chợ" mà Hiền đã trôi từ đồng quê ra, có lẽ đã có lần đứng ở phố Mới buôn người đợi kẻ có tiền đến giắt đi làm con sen, con nụ cho những nhà giàu bạc ác. Rồi người ta thản nhiên tổng khừ con ở ra khỏi cửa, Hiền ra khỏi kiếp tôi đòi ở một nhà quyền quý kia với cái thai trong bụng. Xót sa, những con người lặn lội, cơ nhỡ gặp nhau. Hiền trở dạ. Chỉ có anh chứng kiến, một mình anh lo cho Hiền được mẹ tròn con vuông với đủ mọi việc: niêu nước tắm chung, tiền đút nhà thương làm phúc, cái áo cũ xé làm tã và làm tờ khai sinh cho cháu bé. Chút thương đau chết đuối trong cảnh ngộ ấy của hai con người họ Trần giữa trầm luân đời người, đã khiến cho họ nghĩ ra cái dấu nổi đầm nước mắt. Trần nối với Trân bằng dấu huyền ở giữa là Trần Huyền Trân - cô bé con thiên hạ được khai sinh là con anh và tên là Trần Huyền Trân, đây là đứa trẻ tội nghiệp và là bút danh, tên thơ yêu dấu của anh.

Tên đứa trẻ và tên thơ tuyệt nhiên không ngẫu nhiên. Tính nhân đạo cao đẹp, Trần Huyền Trân

tiếp thu được do anh đã giác ngộ cách mạng. Cuộc đời luân lạc và ý chí, lý tưởng trong thời kỳ đất nước trải qua những hoàn cảnh hết sức lớn lao, mỗi người đứng trước cái sống cái chết trong giai đoạn khẩn trương cả nước, nhà thơ bất giác tự nhận ra mình và dặn đứa con không bao giờ gặp lại.

Rồi lớn lên con mở mắt nhìn

Khóc cùng bách tính sống như đêm

Nhưng không! Đừng khóc! Thán gân cốt

Ta bạc thang đời, con giẫm lên

(Cái thai hoang)

Tên thơ, ba chữ Trần Huyền Trân ra đời xiết bao tình nghĩa như thế.

Bây giờ cô bé Trần Huyền Trân năm xưa ở đâu nếu trời còn để cho chúng sống đến hôm nay, chắc đã nên bà.

Sau ánh sáng và Bóng người trên gác kinh là tên những tiểu thuyết của Trần Huyền Trân. Những "sau" những "bóng", những chau mày hồi hộp và tiếng thở dài não ruột, những ảo tưởng, ước muốn.

Bạn tôi được sinh ra giữa thành phố, thật giữa kinh thành - hai chữ "kinh thành" du dương một cách vu vơ của mấy người cầm bút đói khát và lãng mạn, bởi nếu tôi có kể lể một chút về cuộc đời của bạn tôi giữa Hà Nội thì người đọc cũng chỉ thấy như câu chuyện ngổn ngang vương vất heo hút đồng sâu nào chứ chẳng hề liên quan tới bóng dáng những kinh thành hoa lệ tượng tượng kia.

Mẹ ở cũ anh ở khu nhà thương thí trong bệnh viện Phủ Doãn. Kể ra, cái năm 1913 ấy, người khốn khó mà được đến để ở cái nhà thương làm phúc, không phải nằm ở trong xó buồng có bà già hàng xóm sang cầm chiếc que nứa soi đèn lên cật rốn cho đứa trẻ, kể cả như tôi, thì cũng là may. Được may, cũng bởi mẹ anh làm "cu ly san" nhà thương Phủ Doãn. Trần Huyền Trân được mười tuổi thì bố chết, mẹ anh một nách nhếch nhách bốn con mọn, trai có gái có, nhưng tất cả các em đã chết dần chết mòn hết. Làm thế nào lần hồi qua bước cơ hàn, người đàn bà "cu ly san" ngày ngày đi làm, tối tối đội cái thúng đi rao bán bánh khoai lang rán, mà khách ít tiền ăn quà gọi sang trọng là bánh dừa rán. Tiếng ời ời vào các ngõ phố quanh co đêm đông giá buốt sang đêm hè, quanh năm thế.

Nửa đêm kia, bà bị cảm giữa đường, tình cờ, một người đi làm khuya về nhìn thấy, vực bà lên, giúp tỉnh lại. Rồi bà lấy người đàn ông đã cứu bà. Nhưng oái oăm, cuộc đời vẫn chỉ như bước từ ngoài sân vào cái nhà dột, ông ấy vốn là cu ly khuân vác trên ga Hàng Cỏ, đã có vợ con. Cảnh đồ nát đụng nhau, làm không đủ ăn, lại eo sèo vợ lẽ con thêm, ông ấy đến dựng lều kéo vó kiếm thêm con tép com tôm ở Cổng Trắng sau lưng Khâm Thiên. Bà ở lều thả bè muống quanh cọc kiếm ăn bòn mót những chợ Hôm, chợ Đuối, đầu ô, anh sống lay lắt trên mặt nước với mẹ, cái lều kéo vó trong đầm nước cạnh Cổng Trắng đối với Trần Huyền Trân chẳng phải chỉ là kỷ niệm buồn tủi một thời thơ ấu, mà túp lều còn thực sự là nơi đi về sinh sống hằn hoi cả về sau này, khi anh đã biết đi kiếm ăn, đã làm thơ.

Đi đâu thì đi, rồi lại chui lủi rúc ráy về đây. Cái lều kéo vó, hình ảnh hiện thực cuộc sống rách nát đã vào Trần Huyền Trân suốt cả đời thơ.

Mưa bay trắng lá rau tần

Thuyền ai bốc khói xa dần bến mưa

(Thu 1939)

Ban bè đến với Trần Huyền Trân cũng tụ hội lên đèn mặt nước, trong cái lều trước mặt có bốn chiếc gong vó chông lên trời. Mỗi lúc đi về lều bám ngón chân vào vấu cọc tre, khoả chân rửa rồi chui vào cái sàn nữa, những ngày gió bắc gió nồm chúng tôi nghe óc ách nước khua bốn phía phen liếp.

Mưa lũ ao bèo mưa trắng đêm

Cây bờ ngơ ngác nước đang lên

Lều tôi kiến đã rời lên mái

Bà lão chài lo chữa có thuyền

Vó nghèo được nước đã lê thê

Đàn cá giang hồ nháy nhót đi

Cả cụm bèo xanh nằm cạn mãi

Cũng như cất cánh gọi không về

Tôi ở lều gianh Cổng Trắng này

Tranh lòng cá nhẩy với chim bat

Đêm sầu kéo kệt ngư bà thức

Dăng phải hồn tôi một lưới đầy

(Một đêm Lều vó, 1940)

Gió ngớt khua lau dưới gập cầu

Người về gió lạnh bước thôi mau

Ngõ hoang đã nở dăm màu bướm

Đây lúc đôi mùa tiến đưa nhau

Ấy lúc hồn hoa trở gót về

Thả đàn chim mộng xuống thâm khuê

Tôi nghe xa lắm làn mây trắng

Rời bóng kinh thành lững thững đi

(Đôi Mùa, 1940)

Hồi sau, anh thuê được một gác xếp ở ngõ cạnh đấy, cùng một lối trổ xuống bến. Các bạn gọi một cách khoa trương là gác Sơn Nam, không phải Sơn Nam hoài cổ, mà các nhà trong ngõ cho thuê là của ông chủ Bạch Sơn Nam, nhiều truyện ngắn và thơ được đề một cách hoa mỹ "Viết ở gác Sơn Nam", "ở đầm Liên Hoa" cũng chỉ là ở đấy. Những cái tên đẹp để chỉ là chiêm bao gửi mộng vậy, lẫn lộn, thực và mộng, cuộc sông gay gắt và hoạt động đời, đương đến với một lớp người.

Trong những năm Hà Nội dưng cảm và quyết liệt sửa soạn Tổng khởi nghĩa, chính ở cái gác "Giường ken chiếu nổi xoay ngang dọc. Xương gối vào xương chẳng đủ nằm" (Trần Huyền Trân, 1940) có những chuyển liên lạc của đoàn thể Việt Minh, mỗi giao thông đã đến gửi cán bộ trú tạm ở đấy. Ở mái lều vỏ ngoài hồ, Trần Huyền Trân đã gài báo và tài liệu bí mật mới nhận đợi chuyển đi. Đã có những lần anh Bé (một bí danh của Lê Quang Đạo, bí thư ban cán sự Đảng ở Hà Nội những năm ấy) đến với Trần Huyền Trân ở lều, ở gác Nam Sơn những ngày thành phố đen tối quần quai.

Thơ Trần Huyền Trân càng về sau càng gồ ghề sắc thái thời thế.

Thuở ấy ra quân lớp lớp dài

Mẹ già phẩy áo hẹn tương lai

Lòng con nắng giục mầm hoa lửa

Gió bốn phương lửa lộng chí trai.

(Lòng chiến sĩ, 1939).

Trông lên đèn cũng nở hoa,

Tưởng đâu trong ruột bắc già đượm hương.

Đèn soi giấy mực yêu thương,

Đón sang trang mới mở đường xuân đi

(Đêm trừ tịch, 1943)

Máu bốc lên! Hỡi anh em!

Chân trời đã rạng một nền tự do.

(Những người chưa chết, 1944)

Hiện tượng đó không phải bất chợt, mà đây là tâm hồn, sức sống và hành động đã quện làm một trong thơ Trần Huyền Trân, ở các bài trên báo chí công khai và báo chí bí mật. Trong giai đoạn Tổng bộ Việt Minh kêu gọi toàn dân "đánh Pháp, đuổi Nhật tiến tới Tổng khởi nghĩa", Trần Huyền Trân đã sáng tác nhiều thơ và ca dao ký bút danh Đỗ Quyên, hoặc không ký tên. Như Phong và Nguyễn Huy Tưởng đến liên lạc lấy các bài ca dao của Trần Huyền Trân đem in trên các báo *Cờ Giải phóng* của Đảng Cộng sản Đông Dương và báo Cứu Quốc của Mặt trận Việt Minh, phát hành bí mật.

Một vẻ nhọc nhằn vất vả mãnh liệt từ đất đấy lên, nhưng lúc nào cũng vẫn như dang dở. Ở con người cũng như trong sáng tạo. Đây là cảm tưởng mỗi lần tôi nghĩ về bạn, không phải chỉ bây giờ, mà từ những ngày tôi thường lui tới với anh và Thâm Tâm ở ngõ Sơn Nam.

Cuộc đời điều đứng tù trong trứng của con người lặn lội "từ buổi chân làm ngựa" (Trần Huyền Trân) để kiếm miếng sống, từ nghề gỗ đầu trẻ tư gia và các trường tư còm cõi quanh quần Khâm Thiên, Ô Chợ Dừa, rồi làm ét thợ chiếu bóng vác cái phim Người kẻ cắp thành Bát-đa đi hầu khắp các tỉnh, tới Sài Gòn, sang Phnom Pênh. Thay đổi công ăn việc làm trên bước đường luân lạc chẳng qua chỉ xoay xoả đến thế, mà cũng không đủ miếng cơm manh áo. Những gian truân ấy càng đưa anh đến với những khao khát đời. Trong đời văn của một người có nghị lực tự học, Trần Huyền Trân đã trải đủ bước và bước lên từ những chập chững. Lúc đầu, anh viết loại truyện kiếm hiệp "tiểu thuyết ba xu", viết lời ca cho "bài hát ta theo điệu Tây" ký Trần Kim thì cũng vẫn chẳng khác anh dạy trẻ học, làm thợ nguội, làm ét chiếu phim. Rồi dần dà anh viết truyện ngắn, tiểu thuyết, làm báo, làm thơ, hoạt động báo chí trên nhiều mặt.

Từ sau cách mạng cho tới nay, Trần Huyền Trân say mê sân khấu, viết vở và đạo diễn. sau cùng chuyên về nghệ thuật chèo mà tôi đã có duyên với anh trong vở chèo Giáng Kiều, Tô Hoài viết, Trần Huyền Trân chuyển thể.

Trong văn học, không thiếu những người có khả năng, dà thả sức vào hầu hết các lĩnh vực sáng tác. Khi đương xuân, phơi phới đi trong những thành quả, những nghênh đón, đôi khi chỉ một loạt vỗ tay cũng khiến được ta ngây ngất. Thế rồi, một lúc nào đấy nhìn lại mới chợt nhận ra dấu cho đâu cũng có mặt, nhưng không ở đâu đọng lại được thành tựu thực sự. Mà sức lực đầu óc với tinh hoa sáng tạo thì không phải lúc nào cũng như nhau và thì giờ lúc xế bóng cũng chẳng còn bao năm.

Ở Trần Huyền Trân không có những biểu hiện đến đôi giạt mình, như Cao Bá Quát xưa thở dài "một đời đã phụ cả năm xe sách". Trong thơ và sân khấu, Trần Huyền Trân có đường nét sắc thái riêng biệt và hấp dẫn.

Nhưng mà làm sao tôi vẫn thấy ở Trần Huyền Trân chỗ nào cũng tưởng như đương còn dở dang, chưa hẳn đã tỏ rõ đầy đủ khí thế lẫm liệt có thật của anh, nhất ở trong thơ. Nếu ai đã đọc thơ Trần Huyền Trân dễ thấy có lẽ những bước nhảy vọt trên đường phát triển mà anh chưa sửa soạn, chưa có khai phá mới, luôn luôn mới mà lại tưởng chừng như bị đứt quãng, trong khi thật sự tiềm lực sáng tạo của anh hơn thế nhiều.

Đường thơ Trần Huyền Trân, nhật ký thơ Trần Huyền Trân có thể gọi như thế, với một phong cách tung hoành của người thơ cùng với quá trình phát triển và hình thành bước đường tư tưởng Trần Huyền Trân.

Từ mọi tâm tư giằng xé giữa đời vươn lên thái độ và trách nhiệm của con người trước vận nước Rồi trải hai cuộc kháng chiến. Rồi sự nghiệp xây dựng đất nước. Rồi tình cảm với con người và đất nước bạn bè không biên giới, ở Mát-xcova, ở Xi-bê-ri, ở Beclin, từ những bài thơ đầu tiên 1938 đến bài mới viết năm 1980 ở Nam Đồng, vẫn một thái độ, một tấm lòng.

Đọc lại bản thảo thơ Trần Huyền Trân cảm thấy thật lạ lùng khi nhắm lại tưởng như mắt trông rõ được thơ anh quần quít với đời, từ đầu thế kỷ tới hôm nay.

Hầu hết cả đời anh đã đi về sinh sống ở một góc thành phố, từ khi lặn lội ao chuôm sau lưng Khâm Thiên sang Ô Chợ Dừa. Bao nhiêu năm rồi, bây giờ anh lại về ở Nam Đồng cũng trong vùng ấy. Ngoài song cửa hôm nay lưa thưa bóng trúc và xa kia nhấp nhô ánh nước ngát mùi hoa sen. Cụ bà sinh ra anh, "bà lão chài" xưa, tuổi ngót một trăm còn mạnh khỏe, cụ ngồi chiếc ghế đẩu ngoài hiên nhà.

Sự kiên nhẫn và thời gian không bao giờ phai mờ có thể là hình ảnh ví được với mạch thơ, hơi thơ Trần Huyền Trân gồ ghề, uy nghiêm. Như lời tựa thơ Trần Huyền Trân của Thâm Tâm:

Hôm nay

Thơ lên đường

Hồn chàng ra thiên hạ

Ta vừa nghe lũ chã dòng sương

Ngâm thôi

Quăng bút cười ha hả

Đây một loài hoa khác hải đường.

Những câu thơ Thâm Tâm viết 1942 đề đầu tập thơ Trần Huyền Trân chép tay, tới nay vẫn là bản thảo chép tay đã bốn mươi tư năm, lạ thay.

Nhưng nghe sáng khoái đến tận bây giờ...

Đây một loài hoa khác hải đường.

10. Vũ Ngọc Phan

Anh Phan, chị Phan

"Tôi viết thành cái truyện ngắn *Nước lên* hôm đi hộ đê ở Tứ Tổng về.

"Truyện ngắn này tôi gửi báo tuần *Hà Nội tân văn*.

Đây là tôi tả quang cảnh bi thảm của một năm sông Hồng nước lớn.

"Sau này, chị Hằng Phương kể cho biết truyện tôi viết vào giấy lèm nhèm, chữ tôi lại gãy nét rất khó xem. Chị tình cờ lấy trong đám truyện đã loại lên đọc và thấy đáng chú ý. Đây là truyện ngắn đầu tiên của tôi in trên báo mà được trả tiền nhuận bút. Hồi ấy không phải cứ có bài đăng báo thì toà báo đều trả tiền người viết như thể lệ bây giờ. Toà báo chỉ trả tiền người nào được toà báo mời, còn như mình gửi bài "lai cáo" thì người ta đăng đến bao nhiêu bài cũng thế thôi.

"Vì đây là anh gửi cho người ta, chứ người ta có mời anh viết đâu. Bởi vậy, đồng tiền báo *Hà Nội tân văn* mở hàng cho tôi vào nghề và những quyển tiểu thuyết Đỏ và đen của Stăngđan, tiểu thuyết của Panai Istrati mà anh Vũ Ngọc Phan khuyên tôi đọc, đó là cái duyên duyên tôi vào nghề văn "(*Tự truyện* - Nhà xuất bản Văn học (1976).

Bạn đọc hãy tưởng tượng lại quãng những năm 1940 - cách đây gần năm mươi năm. Tôi đương khoảng hai mươi tuổi, anh Vũ Ngọc Phan trạc tuổi bốn mươi - cái so le tuổi tác khá xa xa, nếu anh chị mau mắn, tôi chỉ xấp xỉ đứa con đầu lòng của anh chị. Mà tôi thì chấp chững cầm bút. Mà anh Phan thì làm nghề báo từ bao giờ, lâu lắm. Tôi chỉ biết, chỉ la lùng rằng cứ như thế mà tôi được làm bạn vong niên với anh và đấy là những năm tháng buổi đầu đời người, đời văn của tôi.

Tôi viết, tôi đọc, tôi lại viết đủ thứ thơ, truyện gửi đi, chẳng báo nào đăng nhưng, lại viết.

Không biết khó nhọc, mặc đầu ngày ngày phải đi làm, tối sẩm mới về đến nhà. Cũng không phải vì chăm chút, vì cay cú một cái tên. Nông nổi cầm bút của tôi gần như một thói thức tự nhiên. Bởi tôi không có nổi một mẩu cơ nào để có thể nuôi được mơ ước của mình - mà tôi cũng chẳng có mơ ước xa xôi gì. Bấy giờ tôi đương làm công nhật bán hàng cho hiệu giày Ba-ta bên số lẻ giữa phố hàng Đào rồi sau xuống cửa hàng hàng Khay.

Mấy truyện ngắn của tôi được đăng trên tuần báo *Hà Nội tân văn: Nước lên, Một đêm sáng giăng sông, Bụi ô tô...* Tranh minh họa của họa sĩ Ngô Thúc Dung, bạn của họa sĩ Nguyễn Đỗ Cung, họa sĩ vẽ cái bàn tay to gần bằng người. Tôi mê mãi ngắm bức tranh, lại đọc lại truyện không biết bao nhiêu lần, lần nào cũng ngỡ ngàng nhìn dòng chữ mình viết hoá ra chữ in, sờ tay mà vẫn thấy khác thường. Những truyện ngắn của tôi được trình bày trân trọng giữa báo, in cùng với những tiểu thuyết nhiều kỳ: *Chuyến tàu định mệnh* của Lưu Trọng Lư, *Thiếu quê hương* của Nguyễn Tuân.

Một hôm, tôi đến gặp anh Vũ Ngọc Phan ở nơi làm việc của báo tại một bộ phận nhà in Trung Bắc đầu phố Hàng Buồm. Không phải đến đưa bài, cũng không phải tìm người "đàm đạo văn chương". Tôi vốn đọc như ngón sách. Không mượn đâu được đủ sách cung đốn nổi cái đói sách của tôi. Trong thành phố có một thư viện lớn ở Tràng Thi. Nhưng thư viện này chỉ cấp thẻ đọc cho người đỗ bằng thành chung trở lên. Tôi muốn nhờ anh Phan giúp tôi được vào thư viện ấy, một giấy giới thiệu, hoặc anh quen ai, chẳng hạn.

Anh Phan đã kể lại cảm tưởng lần ấy gặp tôi, anh rất ngạc nhiên. *Một đêm sáng giăng sông* của tôi nói về một cô gái làng quê ra thành phố bị dụ dỗ thành gái điếm... *Bụi ô tô* tả vợ chồng nhà nghèo kia quẩy con đi chợ bán... Ít nhất anh tưởng tượng tôi cũng như một Tam Lang, một Nguyễn Công Hoan con con đeo bầu quẩy níp làng văn làng báo thế nào. Nhưng tôi chỉ là một cậu bé ngoại ô mặc áo dài thâm, quần vải ta, đi đôi guốc mộc.

Tôi nói:

- Thưa ông, tôi muốn ông làm ơn giúp cho tôi được vào đọc sách ở thư viện Tràng Thi.

Anh Phan người nhỏ nhắn, trắng trẻo, mặc bộ đồ tuýtxo lụa ngà hoa cau, đi đôi giày tây màu gan gà, đúng như tôi vẫn tưởng tượng thế, "nhà văn nhà báo phải gày gò, lịch sự, nho nhã". Bàn làm việc của anh ngay giữa nhà, đối mặt bàn chủ nhà in. Cái nhà in tối như hũ nút, chỉ có khoảng ngoài cùng áp hè không phải thấp đèn điện. Gian sắp chữ, gian máy, ầm ầm rậm rịch như tàu ngoài ga chuyển bánh. Luôn luôn, thợ chữ, người sửa bài đem bản in thử ra.

Anh Phan mời tôi ngồi xuống cái ghế đầu mà người sửa bài vừa đứng lên, anh ra nói nhỏ với bác loong toong ngoài cửa rồi lấy ví đưa tiền cho người ấy.

Trở vào, anh Phan nói:

- Bánh ngọt bên cao lầu Nhật Tân khá lắm. Nhà văn Nguyễn Tuân hay ăn trưa bên ấy.

Lát sau, bác loong toong cầm về một bọc giấy bóng mở ra, đặt bốn chiếc bánh xếp lên cái khay khảm, bên chén và ấm chè. Cả ông Khánh chủ nhà in cũng sang uống nước. Rồi anh hỏi tôi đủ mọi chuyện.

Thế là anh đã biết tôi là người đương bán hàng hiệu giày phố Hàng Đào gần đây. Nhà tôi trên Bưởi, đi làm tôi vẫn qua đầu phố này. Tôi thích viết văn. Tôi thích đọc truyện tiếng pháp, vừa đọc vừa học.

Tôi chỉ nhớ cảm tưởng anh đã biết thật rõ về tôi và có lẽ anh thương tôi. Bởi khi tôi ra về, anh nói:

- Anh đừng phải vào thư viện, nhà tôi có một thư viện nhỏ, nhỏ cũng đủ cho anh thừa sức đọc. Tôi sẽ bảo anh đọc cho có phương pháp. Chủ nhật này xuống nhà tôi nhé!

Nhà anh Phan ở dưới ấp. Xuống xe điện cổng chùa Đồng Quang rồi rẽ vào. Chỉ tạt vài bước ra đường Ngã Tư Sở ồn ào, vào đây đã ra quang cảnh thôn trang êm đềm. Những bụi tre, hàng rào ô rô dọc bên bờ kênh dài, nước phẳng lặng, cuối xa nhìn lúa cánh đồng Láng.

Ngôi nhà ngói cổ giữa khoảng vườn râm mát. Một tầng xép cửa sổ trông xuống vườn. Ngôi nhà hương hoả của cụ thân sinh anh để lại, anh kể trước kia đây là nhà tiến sĩ Dương Khuê, người Vân Đình. Chỉ một câu ấy, tôi đã mê... "Bác Dương thôi đã thôi rồi. Nước mây man mác ngậm ngùi lòng ta...". Những câu thơ mà lứa tuổi tôi cấp sách đến trường ai cũng thuộc lòng. Nơi đây, xưa kia cũng như bây giờ, liên quan đến ý tình, tâm sự các danh nhân. Riêng tưởng tượng như thế cũng đã cảm được một vẻ thơ mộng mơ màng thế nào rồi, mặc dầu cũng chỉ là ngôi nhà cũ kỹ, vườn cây nho nhỏ, nhiều lần anh Phan chị Phan chỉ cho tôi những cây hoa quỳnh, đỗ quỳnh, đỗ quỳnh Nhật cánh tím tím và những cây gì nữa, tôi không thể nhớ mà chỉ nhớ khoảng vườn và nếp nhà thanh bạch và ngay bên kia bờ rào ruối lúa thừa là nơi xưởng xe đạp, đập nữa, người ta lao lực cỏi trần đánh thùng đánh chảo bán đứng bên này thấy rõ mồn một.

Anh Phan chị Phan vốn hiếu khách. Chỉ để ý khách đến chơi cũng có thể thấy ra được bóng thời thế qua sổ đồng trong tầng lớp trí thức, nhà báo, nhà văn vào thời kỳ căng thang trước và sau đảo chính Nhật.

Những bè bạn nhà anh Phan, đến bây giờ, kẻ khuất người còn, nhưng hầu hết đã như anh chị, cùng nhau bước vào chặng đường sóng gió nhất của sự nghiệp đất nước trong thế kỷ. Các anh Nguyễn Công Hoan, Lưu Trọng Lư, Nguyễn Tuân, Mạnh Phú Tư. Đoàn Phú Tứ, Xuân Diệu, Huy Cận, Đỗ Đức Thu, chị Vân Đài, chị Lê Thị Xuyên... Một số tờ báo mà anh cộng tác đương lung lay, rồi đình bản như tạp chí Pháp Việt của E. Babuýt, một người Pháp có xu hướng Đờ Gôn, anh Phan đem về những quyển sách gáy dày cộp, nói của Babuýt gửi. Babuýt lo có thể bị Nhật bắt. Một hôm, anh nói nhỏ nhỏ: Babuýt bị Nhật bắt rồi. Tôi cũng đã biết mặt Babuýt ở một cuộc mít tinh trong nhà kỷ niệm Quốc khánh Pháp năm 1939. (Sắp chiến tranh thế giới lần thứ hai. Chính quyền thành phố không cho phép tổ chức mít tinh lớn như ở khu Đấu Xảo năm trước).

Babuýt đại diện chi nhánh đảng Xã hội Pháp ở Hà Nội.

Văn Tiến Dũng phát biểu (bằng tiếng Pháp) thay mặt các hội ái hữu thợ thuyền. Nhưng tôi im lặng nghe anh kể. Như chưa được trông thấy cái ông Babuýt râu tóc lụ khụ ấy bao giờ.

Khách đến nhà anh Phan hầu hết là nhà văn và các bạn của anh chị cũng lắm cung cách, lứa tuổi và kiểu sinh hoạt khác nhau. Nhưng với ai, anh Phan chị Phan cũng vui bạn đến nhà, anh Nguyễn Công Hoan dạy học ở Lào Cai, ở Móng Cái, ở Thái Bình, thỉnh thoảng về ở chơi cả tuần, anh Mạnh Phú Tư gặp khó khăn việc vợ con, anh chị giúp đỡ đến nơi đến chốn. Bạt tử như Lưu Trọng Lư vẫn là bạn đến nhà được. *Hà Nội tân văn* của anh Vũ Ngọc Phan in tiểu thuyết từng kỳ, truyện *Chuyến tàu định mệnh* của anh Lư. Hồi ấy, các nhà văn đã có tiếng khi viết truyện dài thường chỉ viết từng đoạn, đưa báo in dần, có lúc viết từng kỳ như *Thiếu quê hương* của anh Nguyễn Tuân. Báo *Hà Nội tân văn* in *Chuyến tàu định mệnh* được vài kỳ, tác giả viết nổi đoạn kết rồi bán cho Nhà xuất bản Cộng lực với cái tên tiểu thuyết *Em là gái bên song cửa*. Nhà Cộng lực kiện báo *Hà Nội tân văn* in quyển sách mà tác giả đã bán bản quyền cho mình. Tôi đã theo anh Vũ Ngọc Phan hôm phải ra toà. Trạng sư Phan Anh cãi cho báo *Hà Nội tân văn*, rất hăng.

Anh Phan thua kiện phải nộp phạt một đồng bạc và thôi không được đăng tiếp *Chuyến tàu định mệnh* nữa.

Anh Phan bảo: "Anh Lư nhắc tôi: cái thằng Cộng lực kiện láo, sợ gì nó. Đoạn cuối *Chuyến tàu*

định mệnh tôi viết cho báo của anh khác sách bán cho nó cơ mà.

"Nhưng thôi..." Giọng anh nhẹ nhàng, anh cũng chẳng để tâm giận anh Lưu Trọng Lư.

Ai người thế nào, một khi đã vào qua cái vườn xinh xắn, lên thềm ngôi nhà nền nếp, thì dầu cho áo quần lôi thôi lệch thếch, người bã ra vì rượu, thuốc phiện, vì bao nhiêu đêm thức trắng, thì những câu chuyện văn chương thanh lịch ở đây cũng đưa anh vào công việc nghề nghiệp và những ước mơ sạch sẽ trở lại.

Thế mà, anh Phan không phải là người hiền lành đâu nhé! Anh nói anh chưa thành nhân vật trong tiểu thuyết *Bức đồng* của Đỗ Đức Thu tả chân một số văn nghệ sĩ chơi bời, vì tác giả nể anh, mà ngại đấy, anh bảo cho tôi biết các nhân vật Tịnh là Nguyễn Tuân, Văn là Mạnh Phú Tư, và Đoàn Phú Tứ, Đỗ Đức Thu... là nhân vật nào trong *Bức đồng*. Tôi đến nhà in phố Hàng Buồm, anh bảo tôi: "Thiết Can vừa ở đây ra, bị Nguyễn Doãn Vương đón đánh. Tôi phải ra, nó mới thôi đuổi đánh Thiết Can. A đừng có đụng đến tôi. Mác sen Hàng Bạc, Hy Chả Cá bạn tôi cả. Tôi sẽ bảo chúng nó nện cho biết tay. Không hỗn được với tôi".

Có lần anh kể:

- Anh ạ, một đêm tôi đi hát cô đầu với mấy tướng ấy. Khuya về, thấy Hằng Phương vẫn đứng đợi cửa. Từ đấy, mình thôi.

Rồi anh cười, vẻ lịch lãm.

Thật ra, những câu chuyện làng văn, làng báo ở trên, phần nhiều tôi cũng chỉ nghe anh Phan chị Phan kể lại. Tôi chưa được quen các đấng ấy và chưa được có cơ hội để khoác lác với bạn: mình mới đứng nói chuyện với nhà văn Giáp, mình vừa bắt tay nhà văn Ất, con người tôi lúc ấy tương tự năm xưa. Ở Sài Gòn, Vũ Bằng viết hồi ký về nghề làm báo, khi chợt nhớ đến tôi anh đã chụp ảnh cho tôi một dòng - "cái anh chàng mặt non choẹt, uống nước lã cũng say".

Tôi cũng không đủ gan học đòi các cha Đình Hùng. "Giannin Lê Thuỷ" Trần Hồi, cả bọn thường ngày ngày cất công kéo kẹt đạp xe hàng một theo từ trường về nhà, thành cái đuôi dài dài sau xe của các nàng tiên Hằng em chị Phan. Bọn này muốn vào làm quen với nhà anh Phan bằng chết, mà không dám.

Chúng nó đâm ra tức tôi, chửi tôi, gán cho tôi...

Nhưng tôi đến với anh chị, là người trong nhà.

Lắm khi có khách anh chị xuống tiếp mình tôi ngồi lại giữa gian sách chất ngất. Tôi thường ăn cơm thêm dưa thêm bát, rau muống, đậu rán, tương ngon. Có gì đâu mà vẫn nhớ. Tôi cũng xấp xỉ bằng trà bằng lúa với những Bê những Tuân, những Hoàng và các em xinh xắn vừa hiền vừa hóm, nhiều em đã cùng cha mẹ lên chơi nhà tôi trên Nghĩa Đô. Khi anh Phan chị Phan làm nhà xuất bản Hà Nội, một trong những sách đầu tiên của nhà xuất bản in là tập hồi ký *Cỏ dại*, tôi đã đề trang đầu "Tặng đàn thỏ bạch trang Vũ gia" ấy.

Bởi vì, tôi đến nhà anh để học. Đầu tiên, anh Phan đưa cho tôi quyển *Đỏ và đen* của Stăngđan, anh bảo:

- *Đỏ và đen* là mẫu mực tiểu, thuyết Pháp thế kỷ 18. Anh phải đọc kỹ!

Tôi đọc chẳng hiểu mấy. Có lẽ vì nhiều chữ khó, phải tra từ điển luôn tay, mất thú, anh đưa tiếp theo kịch *Con chim xanh* của Mateclinh in khổ lớn trên tạp chí sân khấu Inluytxtraxiông. Tôi vừa đăng truyện ngắn *Mê con gái (Con gà mái rì)* trên báo Chủ nhật của Tự Lực Văn Đoàn, anh

bảo: "Có thể cái kịch thần tiên này gợi ý nhiều cho anh về viết truyện loài vật". Một hôm khác, anh cho tôi xem tiểu thuyết của Panai Istrati - nhà văn gốc Rumani, xuất thân làm cu li cảng, viết về những người cùng cực ở các cửa bể Địa Trung Hải, Hắc Hải... anh Phan dặn: "Truyện của tác giả này gần với truyện của anh. Phải đọc thật kỹ".

Năm này qua năm khác, tôi đến nhà đều đặn. Tôi trả sách, anh đưa sách mới. Dặn cách đọc, cách chú ý.

Anh chỉ kể cho nghe chuyện làng văn, làng báo. Mọi việc đọc và viết của tôi suốt thời gian ấy đều theo kiểu học trò cấp sách đi học như thế. Và đôi khi tôi giúp anh ghi "phích" cho anh soạn bộ *Nhà văn hiện đại*.

Anh Vũ Ngọc Phan in cho tôi liên tiếp nhiều truyện ngắn, truyện cổ tích, phóng sự lên báo *Hà Nội tân văn*. Anh đưa nhuận bút cho tôi. Những tờ giấy bạc quần băng, chữ viết cẩn thận, nắn nót ghi số tiền và tên tôi được viết có chữ "Ông" trên đầu. Truyện ngắn *Nước lên* được năm đồng. Năm đồng ấy là cây gậy thần của ông but Vũ Ngọc Phan cho tôi. Tôi hô thần chú, lập tức thấy nó hiện lên bộ "phô tuýtxo" thứ vải rẻ tiền may quần áo tây, nhưng bền. Lại đôi giày vải trắng. Mới chỉ hết có hơn ba đồng, mà tôi đã trút được cái áo dài chéo go thâm và đôi guốc mộc. Lại còn tiền mua cân kẹo sùu về chia cho cả nhà. Lại còn mua cho em gái tôi cái vòng huyền. Mà cũng vẫn còn tiền. Trời ơi!

Thế thì tôi còn đi bán hàng cho hiệu giày làm gì nữa? Ngày cuối bộ hai buổi từ trên Bưởi xuống, đến cửa hiệu, giờ giấc không chệch một phút, từ lúc rõ cánh cửa mở hàng. Tháng được lương sáu đồng, chia ra, một tuần lễ lĩnh hơn một đồng bạc, trong khi vào lúc bảy giờ mỗi đêm tôi có thể khoảng xong một cái truyện ngắn ngon ơ. Thế là tôi vào nghề văn.

Anh Vũ Ngọc Phan chủ bút *Hà Nội tân văn* cũng chỉ là người làm công cho nhà tư sản Vũ Đình Dy, chủ báo Éppho tiếng Pháp và tuần báo *Hà Nội tân văn*. Tới khi phát xít Nhật càng dính sâu vào Đông Dương, thì nhà trí thức cơ hội này đổi màu. Tờ *Hà Nội tân văn* anh Vũ Ngọc Phan cáng đáng không đáp ứng - có nghĩa là không tán thành chủ trương và thái độ Vũ Đình Dy. Thế là chủ báo không bỏ vốn ra nữa. Báo chết. Sau Vũ Đình Dy theo Nhật sang Chiêu Nam (Xingapo) với Trần Trọng Kim, Dương Bá Trạc.

Nhà anh Phan, chị Phan khó khăn nhất vào thời kỳ này. Nhưng trình độ nghề nghiệp, phong thái nền nếp, cách làm việc chu đáo của anh khiến một nhà xuất bản lớn, nhà *Tân Dân*, đã ký hợp đồng in trọn bộ 5 quyển *Nhà văn hiện đại* của anh. Cũng khi ấy, nhà *Tân Dân* chủ trương loại sách "Truyện bá" cho thiếu nhi, anh Vũ Ngọc Phan giới thiệu tôi viết. Có lần anh Nguyễn Công Hoan cũng kể anh mách nhà xuất bản mời tôi viết "Truyện bá", vì "tôi đọc thấy văn của cậu tinh nghịch, trẻ con chắc thích". Sinh thời hai anh, chưa bao giờ tôi hỏi lại việc đó. Bởi tôi tin là cả hai anh đã giới thiệu tôi, anh Phan tìm việc cho một bạn trẻ bấy lâu anh chán dặt, giúp đỡ, anh Hoan yêu văn tôi dĩ dỏm - khi ấy tôi cũng chưa được quen anh Hoan.

Bây giờ thoát nghe thấy nhuận bút một cái truyện ngắn hồi ấy mà mua được nhiều thứ như thế, có vẻ dễ dàng, dễ chịu quá, thế nhưng viết văn cho kiếm được miếng thời kỳ này chẳng dễ chút nào. Chợ búa buôn văn bán chữ theo luật cung cầu thị trường. Quyển sách in ra, mà cả năm vốn chưa quay vòng lại được, thì anh hãy lĩnh đi, chớ vác mặt lại nhà xuất bản ấy nữa. Bởi vì thế là anh đương làm sặt nghiệp người ta. Ngồi bút phải múa may thế nào cho có được người đọc bỏ tiền ra mua. Cả trăm nghìn người viết thời ấy, bây giờ còn lại mấy ai. Phải khác thường ngay lập tức, Nguyễn Công Hoan với những truyện ngắn có một không hai. Thanh Tịnh - Quê mẹ. Nguyên Hồng - Những ngày thơ ấu và Bỉ vỏ, Thạch Lam với Cô hàng xén, Đỗ Đức Thu truyện vừa: Ba, Bùi Hiên: Năm và... Và Nam Cao. Mở đầu đã phải có giọng điệu không lẫn với ai. Phải thế mới mọc mũi lên được ạ.

Anh Vũ Ngọc Phan giúp tôi hiểu cái vất vả và công phu ấy, anh làm cẩn thận mà hồn nhiên, tự

nhiên. Tập truyện ngắn *O Chuột* in trong tủ sách Những tác phẩm hay nhà *Tân Dân*, Vũ Ngọc Phan đề tựa, anh cầm bản thảo, và nói:

- Anh viết cả loạt truyện loài vật thế là được, phải viết hàng loạt cho nổi hản. Tôi đề tựa, tôi "lãng xê" anh.

Anh nói, thích thú, sáng khoái như một công trình của anh vừa xong. Khen chê của anh, cũng như sự kèm cặp, tình nghĩa và nghiêm, anh Phan bảo tôi đến học công việc làm báo với nhà in. Tôi được cái sẵn tính chịu khó, tỉ mỉ, anh chỉ tôi cách chữa bông bài, để ý những khâu nối tiếp của bản thảo với sắp chữ, với sửa bài. (Ngày trước, bài đưa thẳng nhà in, ít đánh máy, thợ chữ cầm trang bản thảo mặt sau tờ giấy bị bắn mực cho nên có thể lệ bản thảo viết một mặt). Cả chữ ký của tôi bây giờ cũng là tôi ký theo kiểu của anh. Thoạt đầu dấu chấm chữ i sau cùng, tôi đưa loăng quăng lên trời bắt chước "đài mây" của Xuân Diệu. Rồi tôi thấy anh ký rõ ba chữ Vũ Ngọc Phan nghiêng nghiêng với cái gạch dài ở dưới. Tôi cũng ký chân phương hệt thế cho đến ngày nay. Chỉ khác, tôi viết ngang dòng.

Mùa thu 1944, tôi bị bắt vì hoạt động *Văn hoá Cứu quốc* Được thả ở Nam Định về, tôi xuống nhà anh chị Phan. Trông thấy cái đầu trọc lốc của tôi, chị Hằng Phương rơm rớm nước mắt. Anh Phan thì lặng im. Tôi lại được ăn cơm trưa trên gác làm việc của anh chị như mọi khi. Cho đến lúc về, chị Hằng Phương hỏi nhỏ:

- Thế có nguy hiểm không?

Dễ thường anh chị muốn bảo tôi nên tránh ở đây ít lâu chẳng. Tôi cười và thưa:

- Tôi đã về nhà rồi, chẳng có gì lo anh chị ạ.

Tôi tự coi anh chị Phan như anh cả chị cả, như thầy cô giáo lớp vỡ lòng cho mình. Dường như anh chị cũng nhìn tôi như thế. Lúc vui, khi bảo ban, khi thương khi giận cho tới bây giờ - dần dà bây giờ tôi cũng đã là ông lão sáu bảy mươi rồi.

Nhưng bao giờ cũng vẫn thế.

Cái năm đi chiến dịch Tây Bắc 1952, về Tuyên Quang ít lâu, tôi gặp anh ở hội Văn nghệ, anh chị và cả nhà mới từ Thanh Hoá chuyển lên Việt Bắc. Có đến bảy năm mới được gặp lại. Tôi đưa anh xem tập ghi chép của tôi về thơ ca Mường, Thái, Mèo mà tôi đã sưu tầm được khi vào hậu địch Sơn La, Lai Châu vừa giải phóng, anh khen rất thầy giáo:

- Ừ! Anh đã biết làm việc có phương pháp khoa học.

Đến khi in *Tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam*, anh đã lấy nhiều bài trong tập ghi chép của tôi vào phần cuối, và với tính cẩn thận minh bạch xưa nay, anh chú thích rõ ràng: Trích sổ tay của...

Anh viết bài phê bình tập truyện *Vỡ tỉnh* của tôi trên *Tạp chí Văn học*. Gặp anh, tôi cảm ơn. Nhưng anh nghiêm mặt nói:

- Lâu lắm sao không đến chơi nhà? Hằng Phương rất không bằng lòng như thế.

Tôi chỉ biết lặng im. Tôi không dám nói với anh rằng người ta mỗi tuổi lại cứ thành nét những tính nết kỳ quặc, riêng biệt, dần dần về sau tôi đâm ra lười nhác giao thiệp, ưa lủi thủi. Tôi ngỡ ngỡ có thể anh chưa cần trò chuyện thêm, đã "có ý kiến ngay" rồi. Các thầy giáo thường thế. Quá nhiên; anh bảo tôi, vẫn nghiêm nghị:

- Cái khinh bạc của anh trong văn chương tôi nói ngày trước đã lây sang cả tính nết anh rồi đấy,

nặng đấy!

Tôi bỗng nhớ lại, khi đọc bản thảo tiểu thuyết *Xóm Giếng* với cái tựa *Xóm Giếng ngày xưa*, anh Phan báo tôi: "Anh viết có nhiều cái mới. Nhưng hơi văn anh có vẻ khinh bạc, mà khi anh mới viết không có. Không nên a dua thời thượng", anh cũng đã phê bình thành chữ nghĩa như thế, về tôi, trong tập *Nhà văn hiện đại*.

Đến bây giờ vẫn nhắc nhở vậy. Trước mắt anh bao giờ tôi cũng chỉ là anh chàng mới cầm bút, hôm ấy lần đầu tiên đến tuần báo *Hà Nội tân văn* ở phố Hàng Buồm.

Chao ôi, làm sao thành phố đã lên đèn, mà trời vẫn xanh trong tưởng tượng của tôi hôm nay nhìn lại vẫn trong xanh như thế.

11. Vũ Bằng

"Thương nhớ mười hai"

Vũ Bằng lớn hơn tôi khoảng trong ngoài một giáp.

Anh thuộc lứa các anh Thế Lữ và Nguyễn Tuân. Tôi quen anh lúc tôi viết tuần báo *Tiểu thuyết thứ bảy* khoảng năm 1940.

Đối với tôi lúc ấy tất cả là mọi công việc bắt đầu của nghề mới. Cái hiệu phở Tàu tái lặn Nghi Xuân góc hàng Nón hàng Thiếc mà Vũ Bằng hay dắt Nam Cao và tôi đi ăn, tưởng như cả đời chưa được thưởng thức phở ngon như thế. Một hôm Vũ Bằng cho tôi mượn một cuốn tiểu thuyết mà anh bảo là hiếm. Không hiểu vì sao anh đã cao hứng khoe với tôi. Người đọc chọn lọc ở Hà Nội bấy giờ hay có thói quen găm sách một mình. Để khoe, để dễ bề "thuổng" mà không ai biết chẳng, tôi không rõ. Vũ Bằng nói:

- Ba hôm phải trả nhé.

Ba hôm, anh xe nhà Vũ Bằng lên Nghĩa Đô tìm và đưa cho tôi mấy chữ đòi sách. Vóc vạc Vũ Bằng to béo phúc phịch, thể mà chữ của anh tròn như hòn bi, ngờ nghếch như chữ trẻ con. Biết sách quý không ai cho mượn lâu, chúng tôi đã truyền nhau đọc cả đêm. Đó là cuốn tiểu thuyết *Phố Mèo câu cá* của Gian Phônđet, một nhà văn nữ gốc Rumani.

Cái truyện *Phố Mèo câu cá* cừ thật. Sau này, thư viện Hội Nhà Văn cũng có một quyển, tôi đọc lại thấy vẫn một cảm tưởng thế. Năm mươi năm đã qua mà cảm hết như trước mắt đọc lần đầu đó. Chuyện xảy ra ở Pari, những năm sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất 1914-1918. Trên thế giới nhiều cái đảo lộn, nhất là ở Châu Âu. Bao nhiêu họ hàng hang hốc những ông vua mất ngai vàng ở các nơi mà còn sống sót, đều chạy cả về Pari. Họ không còn đâu quyền thế, chức tước, của cải. Các cô công chúa nước Ý ngày ngày đi làm công nhật đánh máy chữ thuê. Có cô sang hiệu thợ may đứng thay người gổ cho khách ngắm nghía một mốt váy, một chiếc cà vạt. Những chàng phò mã điển trai thành ra thẳng kẻ cắp, kẻ cướp. Mỗi sáng sớm, các ông lão anh em vua nước Đức, nước Lỗ lại lụ khụ chống gậy xách túi đã phải nổi quai, ra hàng bánh mì. Như thế còn là tử tế hơn đám họ hàng nhà Nga hoàng đi làm diêm, làm đi đực, đi tù thuê, đánh nhau thuê...

Những rác rưởi sau chiến tranh ấy đọng lại ở cái ngõ, có cái tên không biết tiếng lóng hay để chỉ di tích gì mà bây giờ không ai còn biết, *Phố Mèo câu cá*, nhưng đường vào không có đến

một vũng nước và chập tối chẳng thấy bóng một con mèo ra đứng gào trên góc nhà. Cái hẻm rất những nhà trọ tồi tàn, đi ra đi vào những ông hoàng bà chúa mặt bệch như giấy, lúc nào cũng bàn những chuyện trời biển đầu đầu. Ngõ phố hẻo lánh với cái tên *Mèo câu cá* bỗng trở thành nơi tin tức khắp thế giới dồn lại qua ăng ten thu phát cứ như ềnh ưong sau trận mưa. Tin chớ chết ngoài phố được nhặt vào cũng thành quan trọng và hình như hôm nào cũng có một cái gì mới về nước Ý, nước Nga mà dưới mắt những người này, các nơi ấy đương tan nát, hỗn loạn đâm chém nhau toại bởi vì ở đấy vắng mắt, không còn vua quan trị vì nữa.

Tiểu thuyết *Phố Mèo câu cá* phần nào là một tự truyện của Gian Phôn-đet. Sau đấy, bà cũng còn viết một số tác phẩm khác, nhưng không thành công như *Phố Mèo câu cá*. Giữa đám người đòi các cũ mà nay những cái phong lưu không còn đã thành nỗi đau hành hạ người ta, ở phố ấy lọt vào một nhà thợ giày quê ở thành phố Bucaret. Cái gia đình thợ thuyền này ra đi không phải vì chiến tranh. Người thợ giày không có số phận trùng với các ông hoàng bà chúa. Nỗi khổn khó ở đất quê đã đuổi người nghèo đi tha hương, thế nào mà rồi sa vào ngôi nhà trong hẻm *Mèo câu cá*, chui rúc ở một cái buồng bệ rạc tối om tương tự bóng mờ mọi nhà xung quanh.

Anh thợ giày kiết xác ấy vừa khâu giày, vá giày vừa đấu chuyện với các bộ lão thất thế, khỏi thuốc lá khét um cả phòng. Ngồi xổ Pari mà tin tức ở các nơi khắp Châu Âu cứ tràn đến, rồi câu chuyện biến hoá thành dài ngắn, tròn méo theo tâm trạng, ông thống chế nhớ cái gậy bịt vàng duyệt binh ở Rôm, bà gái già công chúa Nga mơ màng mùa thu thuở trẻ cưới ngựa chơi rừng Tula.

Vợ chồng người thợ giày cũng có tâm sự. Họ nhớ Bucaret, ngày đêm nhớ lại Bucaret thành phố quê hương. Trí nhớ và tình cảm, tưởng tượng bao giờ cũng đậm đà, phong phú, thiết tha hơn cái trước mắt. Càng ngày càng nhớ đến không thể chịu được.

Bao nhiêu năm về sau mới dành dụm được suất tiền tàu về Bucaret. Bấy giờ vợ chồng đã luống tuổi, những đứa con đã lớn rồi, chẳng biết đâu là quê quán, có đứa ở lại Pháp, có đứa bỏ đi Mỹ. Vợ chồng trở về với đứa con gái nhỏ nhất. Khi đoàn tàu dừng nghỉ ở cái ga đầu tiên vào nước Rumani, cả hai người bàng hoàng từ trên toa bước xuống. Người chồng nằm rúc đầu vào búi cỏ, nhìn ra khoảng trời quê xanh bồi hồi. Người vợ dằn dụa nước mắt. Rồi về Bucaret, lại khâu vá giày và vất vả, khổn khó. Một hôm, bỗng nhiên họ lại nhớ Bucarét, nhớ da diết, Bucaret ở đâu?

Những tác phẩm của Vũ Bằng, nhất là những quyển chính được viết thời kỳ ở Hà Nội và ở Sài Gòn, ngót ba mươi năm, thời Pháp và thời Mỹ, dù là bút ký, hay truyện ngắn hay truyện dài cũng đều thấy được đây là hơi hướng tự truyện. *Bốn mươi năm "nói láo"*, hồi ký về nghề báo và những tập bút ký *Miếng ngon Hà Nội*, *Thương nhớ mười hai*... một cái gì như là bóng gió hình ảnh cái câu mà chàng Vương Quan khéo mắng chị Thuý Kiều ở bãi tha ma chỗ mồ Đạm Tiên: "...chị nói hay sao. Một lời là một vận vào khó nghe" như thế nào đấy. Mà thật như thế, mỗi trang của Vũ Bằng là một u ẩn, một ước mong không nguôi không tới được, không bao giờ tới được không thể cầu được ước thấy, như *Thương nhớ mười hai* đương mở trước mắt ta đây. Tôi cũng đã có dịp đọc hồi ký viết về kỷ niệm Hà Nội của Hồ Hữu Tường, của Nguyễn Vỹ, của Bằng Bá Tân và một số cây bút khác. Nực cười, phần, nhiều người đọc và biết đều cảm thấy lỗi bịch đến ngượng cả mặt. Chắc người ta cho rằng chẳng bao giờ còn gặp lại và trông thấy Hà Nội nữa thì mới dám hạ bút vắng mạng như vậy. Ở Vũ Bằng thì khác, trân trọng và giản dị.

Trong phạm vi nhỏ, loáng thoáng đôi chỗ có những câu Vũ Bằng viết về tôi. Tôi không cùng chà cùng lưá bè bạn chơi bởi với anh. Nhưng anh đã nói lại thật như tôi bấy giờ ở độ ngọc nghêch "uống nước lã cũng đã say". Khi Hà Nội sắp được tiếp quản 1954, tôi có viết một thư cho Vũ Bằng. Nguyễn Bắc cán bộ hoạt động nội thành ra họp ở Việt Bắc rồi cầm thư vào.

Nguyễn Kế là đã cho một chú bé cơ sở đi đánh giày đặt thư ấy vào trong giày của nhà văn. Trên báo Bách Khoa ở Sài Gòn, Vũ Bằng đã viết về bức thư này của tôi, và đến khi in lại trong *Bốn*

mười năm “nói láo” sự việc còn được kể tỉ mỉ, kĩ lưỡng. Nhưng sau đó Vũ Bằng đã không ở lại, anh xuống Hải Phòng rồi đi Sài Gòn.

Thời kỳ ấy, chúng tôi - Nam Cao và tôi, rất yêu và rất lạ truyện ngắn Vũ Bằng. Giờ đây, xem hồi ký làm báo, làm văn của Vũ Bằng mới biết được khi cho in một loạt truyện ngắn với phong cách khác thường độc đáo đó là một chủ trương của Vũ Bằng. Vào những năm giữa thập kỷ 30, Vũ Bằng không còn là một cây bút mới. Tiêu Liêu Vũ Bằng viết nhiều báo, đã in tạp văn *Lọ văn*, tiểu thuyết *Một mình trong đêm tối*, thể loại văn xuôi của ta đã phát triển, khác hẳn tình hình khoảng mười năm về trước. Bên những tác giả có cá tính và phong cách, mỗi tuần, báo chí văn học từ nam chí bắc đã cho ra đời biết bao nhiêu sáng tác làm nền cho phong trào văn xuôi vào cơ hội nảy nở. Truyện dài, truyện ngắn của một văn đoàn có tổ chức và mạnh như văn đoàn Tự Lực đã vượt qua lối viết biền ngẫu, khoa trương hoặc nhẹ nhàng và bóng bẩy. Các sáng tác đã đi sâu phân tích cá tính và cuộc sống như những tác phẩm sau này của Khái Hưng, của Thạch Lam. Và những truyện mớ xẻ cái tôi tinh vi hơn, như của Đỗ Đức Thu rồi Đỗ Tổn. Và các nhà văn Vũ Trọng Phụng, Nguyễn Công Hoan, Nguyễn Tuân đều nghênh ngang một cõi, có riêng bạn đọc tâm đắc của mình. Vũ Bằng đã góp vào sự phát triển ấy một sức nặng quan trọng.

Những tạp văn và sáng tác đầu tay trước kia của Vũ Bằng chưa thành tiếng vang. Phải đến khi Vũ Bằng cho in liên tiếp một loạt truyện ngắn, truyện vừa trên tuần báo *Tiểu thuyết thứ bảy* mới nổi cái đặc biệt, cả đến những tên truyện cũng khác kiểu: *Có bốn đứa trẻ đi nghỉ mát; Hai nhát dao dưới một trời trăng sáng; Để cho không khỏi khổ...* Ở truyện nào, chỉ có hai nhân vật chính tên là Trâm và tên là Hải cứ trở đi trở lại, với hai tên ấy, vẫn cô Trâm vẫn anh Hải, dù là chuyện trong nhà hay một mối tình, Vũ Bằng miêu tả nhân vật hoạt động và nội tâm khăng khít với quang cảnh, có nghĩa là cuộc sống con người quấn quít, dằng co giữa tâm trạng và hình thức, giữa tất cả với xung quanh, đẩy gần hơn nữa nhân vật với sự thật và cuộc sống. Tác giả không chụp ảnh, không ghi lại, không chau chuốt đưa nhân vật ra. Hình như tự các nhân vật với vấn đề triết lý tư tưởng của mỗi số phận với xã hội tác động nhau, nghiêng ngã khi say khi tỉnh trong đau khổ và những niềm vui bé nhỏ của đời người.

So sánh kỹ thuật xây dựng nhân vật của Nguyễn Công Hoan càng thấy cái mới của Vũ Bằng. Mãi đến về sau này, Nguyễn Công Hoan vẫn tuân thủ nghiêm ngặt cách dựng nhân vật không lẫn lộn xen với tả cảnh; nhân vật nghỉ dứt rồi mới hành động; miêu tả nhân vật này nghỉ và làm xong mới miêu tả nhân vật khác... Vũ Bằng thì lẫn lộn, xuôi ngược như cuộc sống gần nhau không tách ra được.

Những năm ấy Nam Cao đương ở với tôi trên Nghĩa Đô. Chúng tôi mãi mê đọc Vũ Bằng. Bấy giờ tôi vừa viết được một số truyện về loài vật mà sau này in thành tập truyện *Ở Chuột*. Nam Cao thì đương loay hoay mỗi cái truyện ngắn, mỗi bài thơ lại đổi một bút danh, từ Xuân Du đến Nguyệt, mà vẫn long đong chưa biết đứng lại ở đâu. Nếu nhà nghiên cứu văn học nào lưu tâm đến những truyện ngắn Vũ Bằng thời kỳ ấy với truyện ngắn của Nam Cao và những truyện ngắn *Bụi ô tô, Một đêm sáng giăng sông....* của tôi trên báo *Hà Nội tân văn* có thể dễ dàng nhận thấy hai ngòi bút này hơi hướng Vũ Bằng. Chính chúng tôi cũng vẫn thường thành tâm tự nhận xét ảnh hưởng ấy với anh Vũ Bằng.

Văn xuôi Việt Nam thời kỳ này đã phát triển sang một giai đoạn mới. Bấy giờ xuất hiện nhiều truyện ngắn với những dáng vẻ khác nhau của từng nhóm tác giả. Vũ Trọng Phụng chua chát, dữ dội. Nguyễn Công Hoan cười cợt, mỉa mai, Nguyễn Tuân tài hoa và cầu chữ. Thanh Châu, Thâm Tâm, Ngọc Giao, Nguyễn Xuân Huy thì đẹp và buồn. Những truyện ngắn đầu tiên của tôi in trên tuần báo *Tiểu thuyết thứ bảy* đều do nhà văn Ngọc Giao biên tập. Nhưng ảnh hưởng có tính nội dung và cả hình thức tôi lại được gợi ý nhiều ở sáng tác Vũ Bằng. Nhân vật Vũ Bằng hún hoen không thật mình hẳn cũng không thể là ngơ ngẩn, không hẳn cốt cách Việt Nam nhưng cũng không Tây. Vũ Bằng mê Đôt-tôi-epsky và Sêkhốp, anh là một sách, chuyên tìm những tác giả xa lạ như Ch. Phitner với truyện Thông hành giả và Gian Phônđét, Phố Mèo câu cá.

Cái say mê người ta của Vũ Bằng cũng đặc biệt, như nhà phê bình văn học Vũ Ngọc Phan trong *Nhà văn hiện đại* đã phát hiện Vũ Bằng dùng nhiều từ nguyên si của các tác phẩm hay nước ngoài. Những câu ngồ ngồ về hai nhân vật Trâm và Hải trong các truyện ngắn Vũ Bằng; "bàn tay trắng như đường tây"; "khóc như cái vòi máy nước", "cổ em tròn như cuống huệ"; "ngã như cái tử đồ", cũng thường thấy ở truyện ngắn Những con bạc và Những đêm thức trắng của đại văn hào Đốt.

Ở tiểu thuyết *Truyện hai người*, viết lời tựa, Vũ Bằng nói ông đã đọc một tiểu thuyết hay quá của nhà văn nữ Bắc Âu- tôi quên mất tên, do đấy ông viết *Truyện hai người*. Không dịch, cũng không phỏng hay bắt chước mà chỉ bởi vì ông mê tiểu thuyết ấy. Kể cũng hiếm nhà văn nổi tiếng mà lại tự sự chẻ hoe như thế của nỗi niềm cầm bút. Ông không dấu diếm và cho thế là thường. Còn nhớ, khi đọc Vũ Ngọc Phan viết bảo mình đã "thuổng" văn của Đốt, Vũ Bằng cười xoa với chúng tôi: "Ồ, của người ta cừ quá, biết làm thế nào?"

Giá trị ảnh hưởng của Vũ Bằng với chúng tôi đã chốt lại ở sự gợi ý to lớn. Đọc cùng một lúc Chí Phèo của Nam Cao với những truyện ngắn Vũ Bằng thời kỳ ấy có thể nhận ra phong cách phảng phất nhau, nhưng không giống nhau. (Và cũng phong cách ấy, Vũ Bằng vẫn giữ được man mác cả trong tập bút ký *Thương nhớ mười hai*). Sự ảnh hưởng qua lại rồi nảy sinh những sáng tạo khác nhau thường thấy ở những tài năng.

Nhân vật trong truyện ngắn Vũ Bằng và Nam Cao dường như sáng láng, nhưng lại có phần ngẩn ngơ. Họ thường vừa đi vừa nghĩ, có trăng sáng, có tiếng giã gạo, có tiếng gió xào xạc lá ngô và cánh muỗi bay quanh ngọn đèn điện mờ nước mưa, đốm đèn hoa kỳ xanh như con đom đóm. Nhưng ở Vũ Bằng, cái ngẩn ngơ trở lại ngẩn ngơ bằng những nhát bút khinh bạc. Ở Nam Cao là cái gì bí phần, cái gì dằng xé. Điểm cuối cùng đi tới ở mỗi người một khác.

Một thời đã qua, những kỷ niệm.

Mỗi khi qua đầu phố Hàng Da từ Hàng Bông xuống, tôi vẫn nhớ như ngày ấy. Trên hè đường bây giờ, bóng những cây xà cừ lả lăm vẫn không che khuất được những cây nhồi mốc rêu lồi lõm, khiến cho quang phổ ngắn lúc nào cũng ẩm ướt u sầu thâm căn cố đế.

Không còn những quán ăn Anh Mỹ, quán Sầm Sơn xinh xinh như nụ tầm xuân bé bỏng so với các cao lâu tổ hảo hàng Buồm, hàng Gai, nhưng mà ấm cúng dễ chịu. Cái nhà Vũ Bằng ở đến bây giờ vẫn nguyên - cả hai cánh cửa vẫn thế. Tầng dưới nông lòng chỉ vừa chỗ kê bàn nước và bộ đồ chè. Trên gác, mà cửa sổ kê bên những cành nhồi hoa đỏ kạch dấm dớ. Ngoài chiếc giường lớn còn khắp phòng chồng đống các thứ báo tây báo ta mà khách vừa vượt thoát qua con chó bégiê to như con bê nhưng dữ dằn có số, nhô đầu lên gác lúc nào cũng thấy chủ nhân hí hoáy quì phục giữa nhà.

Như một ông thợ nấu cực kỳ thành thạo, tay dao tay thớt, mắt để vào món vừa chín, mắt nhìn món bung ra.

Những chồng báo ấy là thức ăn nuôi bài. Vũ Bằng làm báo, viết báo, thầu báo cai đầu dài ba bốn tờ một lúc: *Tiểu thuyết thứ bảy*, *Truyền Bá*, *Phổ Thông Bán Nguyệt San*, *Truing Bắc Chủ Nhật*... anh viết đủ thứ, thượng vàng hạ cám, từ cái hộp thư, cái tin vật, cái vui cười cái mục "*Biết ai tâm sự*" đến truyện ngắn, truyện dài đăng từng kỳ. Một nhà báo kiệt thiết, Vũ Bằng ký rất nhiều bút danh. Sau này, ở Sài Gòn, có lúc túng bấn, anh ký tên bác sĩ Lê Tâm viết cả những sách kích dục như *Gái dậy thì nên biết*... Cách làm việc khoẻ nhưng phân tán và tạp nham ấy đã huỷ hoại khả năng và khát vọng của người viết mà anh không tự biết. Cả đời viết của Vũ Bằng chỉ được một hai cái tiểu thuyết, tập truyện ngắn và ký, có lẽ vì thói ôm đồm trên.

Gác nhà Vũ Bằng cũng là nơi chúng tôi thường lui tới, tụ tập rồi mới đi bát phố. Hũ rượu rùa,

rượu rần của anh nó vật người uống, tôi không thể nào quên. Và chị ấy quả là một tài ba nấu nướng. Chị hơn tuổi anh. Thường chít khăn nhung, đeo chuỗi ngọc thạch và trang nhã kín đáo xoa phấn cả mu bàn tay. Mãi đến khi hoà bình lập lại, tôi mới gặp lại chị ấy ở Hà Nội khi Nhà xuất bản Hội Nhà Văn định in lại tiểu thuyết *Một mình trong đêm tối*. Trong kháng chiến chống Pháp, chuyển Nam Cao từ Hà Nam lên Việt Bắc, đã gặp vợ chồng Vũ Bằng đương tản cư ở vùng trung du Quế Quyền trên đường vào Chi Nê.

Nam Cao đã kể lại cho tôi nghe chuyện cuộc gặp gỡ này. Rồi truyện *Đôi mắt* Nam Cao viết đúng như câu chuyện gặp Vũ Bằng, chỉ có nhân vật chính được đặt tên là Hoàng. Mùa đông năm 1948, báo Cứu Quốc Việt Bắc chúng tôi đóng trên đỉnh Ích Cây núi Phía Biếc, bên kia Đèo Giàng, xe nhà binh Pháp lên Cao Bằng quét đèn ven sườn núi suốt đêm. Nam Cao viết truyện ngắn ấy ở xóm người Dao bên Vàng Kheo, thoát đầu đặt tên truyện là Tiên sư thằng Tào Tháo, nhưng rồi nghĩ lại - Nam Cao hay nghĩ lại. Khi nghĩ lại thì nhụt dần. Mặc dầu nhân vật Hoàng thốt lên câu chửi vì thích Tào Tháo quá, thích đến phải thốt lên câu chửi mới sướng. Trong câu chuyện thật, chị ấy đọc Tam Quốc cho cả nhà nghe khi trời tối cơm nước xong, vừa lên đèn. Chốc chốc, Hoàng lại gửi gắm ý tứ đẹp vào nhân vật Tào Tháo là câu chửi yêu. Nhưng rồi Nam Cao ngại, rồi đổi ra cái tên hiền lành là Đôi mắt.

Đọc hồi ký của Vũ Bằng viết, biết được Vũ Bằng ở Sài Gòn có nghe người ta kể truyện ngắn ấy của Nam Cao viết về anh và rồi Đôi mắt cũng đến tay anh. Vũ Bằng đã viết rằng anh bằng lòng Nam Cao đã miêu tả anh như nhân vật Hoàng, con người mơ màng bước vào trường kỳ kháng chiến, cái anh chàng nửa chán đời nửa yêu đời, nửa thông minh nửa dở hơi, vừa đi kháng chiến vừa sợ kháng chiến, cứ khật khưỡng trong nước sôi lửa bỏng như thế. Con người ấy bộc lộ tình cảm thức đồ cuộc sống cũng đánh giá mình như vậy. Ở với kháng chiến thì ngao ngán, xa đi thì thương nhớ, càng xa càng thương nhớ. *Thương nhớ mười hai* là một nét anh hoa của tấm lòng với cuộc đời. Vẫn quần quanh đeo đẳng cái Phố Mèo câu cá ngày ấy, ở Pari lại nhớ Bucarét mà thôi.

Người ngồi xó ở cái hẻm Mèo câu ca, nhà anh thợ giày nhớ thương Bucarét khác nào Vũ Bằng lạc lõng ở Sài Gòn quanh năm chói chang nắng nhớ thương bốn mùa Hà Nội. Tâm sự của Vũ Bằng, của người tha hương ám ảnh suốt đời anh. *Thương nhớ mười hai*, bàn tay giờ lên đếm một tháng, một ngày, một năm, một đời. Đây là cái thiết tha đầu tiên và cuối cùng. Tôi đã đọc những bài thương nhớ ấy từ ngày Vũ Bằng viết dần từng kỳ đăng trên các báo ở Sài Gòn. Đến khi in thành sách, xem ở đuôi sách thấy lời ghi biết được tác giả đã miệt mài ròng rã hơn mười năm trời mới viết xong được cái mười hai tháng thân phận một kiếp người.

Từng câu tha thiết với Hà Nội đã làm cho đến cả người đương ở giữa Hà Nội cũng phải thương lây yêu lây.

Sành sỏi và sắc sảo toát ra ngòi bút, sao mà nhớ đến nao nề. Tháng chín cơm mới, chim ngói. Tháng năm, quả nhót đỏ mọng đem xát vỏ phần trắng vào tay áo, ăn Tết giết sâu bọ. Đừng quên nắm lá móng nhuộm móng tay Tết mừng năm. Và mưa phùn, cái mưa tháng hai những khi rét mùa. Quá đi một chút thành mưa rươi, nhưng không. Bụi mưa giềng hai không ướt áo người đi giữa đường, tre pheo gió đánh ẽo ọt hai bên, ngựa mặt lên cho thấm được phần mưa thơm ướp gò má. Sành ăn chơi đến thế nào ở đâu rồi cũng qui tụ vào một nỗi nhớ đất chôn rau cắt rốn. Những ai đương ở phương trời, đọc *Thương nhớ mười hai*, ai mà không có một cái quê để nhớ.

Khi Sài Gòn giải phóng - mười bốn năm trước đây, tôi đã được dịp trở lại vài tháng sau. Một hôm, tôi đến chơi nhà Nguyễn Điều - tức Tô Hà, bên Khánh Hội - một bạn nối khố của tôi từ khi để chỏm còn ở Nghĩa Đô. Vũ Bằng tới. Tình cờ có người mách anh biết tôi đến đây và tôi cũng chưa biết nhà anh ở đâu. Thì ra nhà anh ngoài bờ sông gần đấy, anh lồm cồm lên gác.

Vẫn cái áo "tăng quát" và mũ phớt mưa thu Hà Nội loà xoà như năm nào. Bấy giờ chớm thu, mà

người Sài Gòn năm ấy đồn rằng giải phóng đã đem cả cái lạnh ngoài kia vào. Mấy người quê Bắc chỉ đợi được mặc áo ấm, đã nói đùa hơi mát mẻ đôi chút.

Đứng trước mặt tôi là một người đã luống tuổi, tôi chỉ nhận ra mang máng cái dáng quen. Khuôn mặt, ánh trể trắng, võ vàng, không còn béo mập như trước.

Vũ Bằng nắm vai tôi một lúc thật lâu rồi mới thốt lên:

- Ô này, thật mày đấy à? Chúng mày cứ chửi ông bơ sữa, vậy mà ông thì ốm thế này, bịnh thế này...

Rồi chẳng đợi ai mời, anh cởi áo khoác ngồi vào mâm đánh chén. Vẫn tính xuề xòa thế. Nhưng vừa bị một trận ốm nặng, đã phải bỏ rượu. Tối hôm sau, tôi đến nhà anh. Nhà một tầng, hai buồng rộng như đất bột, chẳng có tủ có đài gì cả. Chị hai đi họp tổ dân phố. Trẻ còn thì chơi đầu ngoài bờ sông.

Vũ Bằng lại xuýt xoa khen tôi béo khỏe. Cơ chừng có sự thêm muốn, sự ghét guồng mà thích thú và sự lạ lùng nữa, ở anh. Vì cái thằng "uống nước lã cũng đã say" bây giờ uống tốt, mà anh là cái hủ rượu thì phải kiêng.

Tôi nói:

- Khó khăn thì nhiều đến độ không đếm được, nhưng lòng người yên tĩnh. Có lẽ khỏe nhờ thế, anh ạ.

- Chí phải, chí phải. Ở cái đất loạn này, cứ nát óc ra hại người thật.

Tôi cười:

- Vả lại, những "Mười hai thương nhớ" nữa, còn gì là người!

Vũ Bằng nhếch miệng, mồm mím, băng khuâng:

- Ừ còn gì. Ông cũng đọc đấy à!

Rồi anh trầm ngâm nhìn ra sông Khánh Hội trong bóng trăng.

- Mấy năm nay tao yếu hẳn. Đã thiếu đói lại mới bị một chuyến kiết lỵ tưởng chết, như thằng Nguyễn Dân Giám xưa chết bệnh này ở trên Phú Thọ đấy, nhưng rồi chỉ ốm rộc người thôi. Chẳng phải chỉ có mười hai thương nhớ, đã hơn hai mươi năm ở cái hẻm Mèo câu cá này, còn gì là người. Mày có thương tao không?

12. Vân Đài

Đời chị Vân Đài

Nhà thơ Vân Đài sinh ngày 9 tháng giêng năm 1903 ở phố Hàng Trống. Tôi phải thêm một chi tiết. Trong bản tóm tắt lý lịch ở cơ quan Hội Nhà Văn, bút tích chị Vân Đài ghi: (theo CMT: ngày 15 tháng ba năm 1909) Nhưng đấy là công việc của các nhà nghiên cứu với con số, không bận

đến những nhớ lại này của tôi Ngày ấy, anh Nguyễn Cong Hoan học trường Bưởi có những năm trọ ở phố Hàng Trống. Khi đùa cợt, tôi hỏi: "Ông cùng tuổi với bà Vân Đài, mà khi mười tám đôi mươi ông cùng ở phố Hàng Trống, thế ông có lọt được vào mắt xanh của giai nhân không?", anh Nguyễn Công Hoan cười khơ khớ thật sáng khoái:

- Con Minh ấy mà (nhà thơ Vân Đài tên thật là Đào Thị Minh) ba chị em nhà nó đẹp nhất phố Hàng Trống, nhất cả Hà Nội cũng nên. Đuổi chúng nó dài lắm. Tớ có sắp hàng thì cũng phải đứng vào loại ngoài rìa hàng tá, ăn thua mẹ gì!

Phải rồi, cậu học trò trường huyện lên Kẻ Chợ thì làm sao hóp nổi cái liếng mắt của những con người nghiêng nước nghiêng thành. Bao nhiêu năm về sau, mỗi khi trò chuyện lông bông về những ngày ấy, nói đến chị Vân Đài, trong chỗ thân tình như tôi, khi nào anh Hoan cũng gọi là "cái" Minh, con Minh, "cái con" Minh và trước mặt mỹ nhân đầu thế kỷ thì anh Hoan thân mật, dịu dàng: cô Minh, tôi đề nghị cô Minh... chứ không gọi là Vân Đài.

Thế nhưng một cuộc tình éo le, cay đắng đã đến với con người hồng nhan mà bạc phận này. Một chàng sinh viên quê Trà Vinh ra Hà Nội học trường thuốc đã chiếm được trái tim người đẹp.

Chắc là các bạn trai gái thanh lịch hôm nay nghe câu chuyện giăng mắc tơ tình ngót trăm năm trước có thể thấy xa lạ như một huyền thoại.

Thời ấy, thông thường, trai gái đến thì đều được cha mẹ gả bán, con cái chỉ biết đặt đầu gối. Lễ thói là thế, vậy mà hai người ấy đã gặp nhau và yêu nhau. Dẫu thế nào, trước miệng tiếng thế gian, cũng là chuyện vụng trộm, xấu xa. Cái chàng sinh viên cao đẳng tân miền Nam ra đây học, dù đã đánh tiếng là công tử Bạc Liêu gia tư bậc triệu phú thì cũng không khác chuyện đầu đầu.

Bên nội bên ngoại không ai bằng lòng, lại còn nặng lời, nữa. Thế rồi hai người trốn đi, đem nhau về Trà Vinh. Một chuyện tày đình. Người sắc nước hương trời con nhà dòng dõi bỏ nhà đi theo trai đã chấn động cả một thành phố nền nếp nho phong. Họ Đào là một nhà gia thế lâu đời ở Hà Nội. Chẳng phải chỉ là điều xấu xa riêng cho một nhà, một họ, mà tai tiếng lan khắp. Gia đình đã ra trước pháp luật, từ bỏ đứa con bất hiếu.

Nhưng cuộc tình ấy cũng không hạnh phúc. Mười ba năm dang dở ở Trà Vinh rồi phải "*Anh đi đường anh, tôi đường tôi. Tình nghĩa đôi ta có thể thôi*" (Thế Lữ). Hai con lớn ở lại với cha. Một con trai thứ ba và cô gái út còn trứng nước với mẹ trở ra Hà Nội.

Nỗi đau mối tình tan vỡ đã chôn vùi mãi, nhưng cả đời thơ Vân Đài không khuây được nỗi niềm gắn bó với một phương trời mà người con gái ngót hai mươi tuổi đã lỡ bước tới - một day dứt ngược đời. Hình ảnh những "*Trà Vinh thương nhớ*", những địa danh xa lạ An Trường, Tiểu Cần Càng Long đã hiện hiện trong mỗi lời thơ. Nhớ thương ấy không chỉ là một trạnh nghĩ mà là nỗi đau đời người.

Năm 1954, khi hoà bình lập lại trên miền Bắc, chị Vân Đài nhận được đứa con thứ hai theo người ta từ miền Nam ra tập kết. Huỳnh Tấn Khanh năm ấy đã ngoài ba mươi tuổi. Khanh người nhỏ nhắn, thanh tú.

Khanh mắc bệnh đại bẩm sinh - một chứng điên hiền lành.

Tôi đã làm quen với Khanh. Tôi thường nhận thấy ở người bệnh thần kinh có một tư cách và suy nghĩ lạ, như sinh vật ở hành tinh khác tới. Tưởng như sự im lặng hay mỗi câu nói của họ đều ngoài hiểu biết của ta.

Như em Dũng đương học lớp 1 thì loạn óc, cả ngày đi tha thẩn. Hơn mười tuổi, em theo cả nhà về Quảng Ngãi. Em nhớ Hà Nội đến độ em cố học lại, viết được thư cho tôi. Tất nhiên, nguệch ngoạc vài dòng. Thư nào cũng hỏi thăm sức khỏe bác Nguyễn Hồng, dẫu cho mỗi lần trả lời thư Dũng tôi đều bảo cháu là bác Nguyễn Hồng mất rồi. Thư sau lại hỏi thăm bác Nguyễn Hồng! Có lẽ người điên được hạnh phúc có cái đình ninh vĩnh viễn. Nhiều năm, tôi quen Châu ở vùng ngã năm phố Bà Triệu. Tôi đã để ý cái anh ngớ ngẩn này từ hồi anh ta làm bung bê cho hiệu nem Cát Tàn.

Trẻ con các trường học quanh ngã năm vừa sợ lại vừa hay trêu "Trâu Diên". Ngày ngày Châu đun nước gội đầu cho các hiệu cắt tóc và rửa bát hàng phở, kiêm húp nước phở thừa. Lâu lâu không gặp tôi, Châu đi các hàng quán và hiệu cắt tóc quen, hỏi: Có thấy ông Tây đến không. Châu gọi tôi là "ông Tây" không phải vọc vạc tôi to như Tây, mà có lẽ vì đôi khi tôi cho Châu tiền. Thấy tôi, Châu chum chân giơ tay chào kiểu nhà binh. Có hỏi, chỉ trả lời dõng một - Đi đâu - Về, ăn cơm chưa? - Rồi. Lấy vợ chưa? - Chưa...

Vài năm nay không gặp, chắc đã chết ở bờ tường nào rồi.

Còn Khanh thì lúc nào cũng xách cái túi cói, trong có mấy cái lá cải bắp. Khanh không chào hỏi, hai con mắt dăm dăm nhìn. Tôi đưa tiền. Khanh lắc đầu. Đã biết tính, tôi mua cho mấy điều thuốc lá, Khanh cầm ngay, rút hút luôn một điều, rồi đi. Con mắt vẫn nhìn đằng trước, cũng lẳng lẳng như cái bóng lúc đến.

Chị Vân Đài thương đứa con thứ hai này lắm. Chị thường ao ước bao giờ để dành được đủ tiền chị sẽ sắm một cái máy khâu cho Khanh. Có việc làm vui tay thì thần kinh nó sẽ đỡ ốm, sẽ khỏi - chị Vân Đài thường tưởng tượng thế. Vậy mà, cho đến khi hai tay buông xuôi, chị vẫn chưa lo xong được việc ấy cho con.

Chị Vân Đài mất ngày 31 tháng mười hai 1964, thọ sáu mươi một tuổi. Tôi còn nhớ hôm đưa tang chị, Khanh cũng được đội mũ, đeo băng đen, như Hùng, như Tuyết, các con chị, nhưng Khanh không ngồi trong xe tang với mọi người trong gia đình. Khanh đứng bấu vào cửa xe rồi trèo lên ngồi bó gối trước mũi xe linh cữu mẹ. Chốc chốc, rít một hơi thuốc lá rồi lại gục đầu xuống, Khanh thương mẹ, Khanh khóc mẹ, Khanh đưa mẹ về nơi an nghỉ cuối cùng theo cách của Khanh. Rồi Khanh còn sống vất vưởng đến năm nào, tôi không biết.

Cái năm bỏ Trà Vinh về lại Hà Nội, chị Vân Đài ba mươi tuổi. Bốn năm sau, Vân Đài tái giá với Nguyễn Khắc Tường, một công chức chuyên viên ngành vô tuyến điện, anh Tường góa vợ. Cuộc tình duyên của anh chị đã toàn vẹn đến trọn đời.

Xưa nay, tôi hay để ý hồ Gươm, không phải đền chùa cũ, nhà máy điện, toà thị chính, bến xe điện Hà Đông ngày trước, mà những cái nhỏ nhặt, nếu người biết chẳng nói thì không mấy ai tỏ tường được. Đôi khi, những lật vạt ấy lại là điều mà các nhà nghiên cứu không thể bỏ qua.

Cụ Trần Huy Bá - Bờ hè các phố giữa Hà Nội nhiều quãng bọc thềm bằng đá núi Thầy, núi Trầm - thời ấy, xi măng và gạch ngói phải tải bên Pháp sang, những vỉa hè đá là vỉa hè đầu tiên ở Hà nội. Bây giờ, nếu có sửa các hè phố Tràng Tiền, phố Hàng Khay, mấy quãng phố Ngô Quyền và một số phố khác, xin thành phố đừng cho bỏ đá ộp xi măng với cát mà nên giữ vẻ đẹp và di tích của đá ban đầu.

Ngày trước, ở vườn hoa Cửa Nam có một pho tượng lớn. Tượng thu nhỏ hình thần Tự Do ở cửa cảng Nữ Ước bên Mỹ. Tác giả tượng là một nhà điêu khắc Pháp. Nước Pháp đã đưa niềm vinh dự của tài năng đất nước họ đi khoe với các nước thuộc địa và đặt tượng này vào một chỗ lộng lẫy nhất Hà Nội, thủ đô xứ Đông Pháp.

Cụ Hoàng Đạo Thuý - Đầu tiên, tượng được dựng trên mái Tháp Rùa. Có ý để cho bốn phía hồ

đều trông thấy. Nhưng rồi các báo Pháp ở Hà Nội và Hải Phòng đã kịch liệt phản đối. Họ bảo là: Tượng đặt trên cái tháp mỏng manh dễ bị đổ, vì xứ này hay có bão. Vả lại, tượng người đàn bà nà lại ngồi lên nóc cái chùa thì phạm vào phong tục phương Đông. Ông đốc lý Pháp đã phải dỡ pho tượng trên nóc tháp Rùa xuống, khiêng ra đặt ở vườn hoa Cửa Nam. Người qua đường gọi là tượng "bà đầm Xòe" - có ý mỉa mai làm vẻ đối với tượng đồng "Bên Be" chỗ vườn hoa Nhà Kèn.

Mặt nước hồ Gươm lặn lặn gợn sóng. Từ bên tháp Hoà Phong qua tháp Rùa sang bờ bên này, những đám sóng đỏ nhấp nhô. Mùa thu, cánh hoa lộc vùng rụng từng đám đỏ hây lững lờ rạt sang bên này hồ. Một con rùa ngoi đầu lên đón những cánh hoa.

Chúng tôi ngồi bên mép nước, dưới chân đã tụ lại từng làn cánh hoa lộc vùng đỏ. Chị Vân Đài ngoảnh nhìn quãng dốc lên phố Hàng Trống.

- Nhà tôi trước ở xế ngã ba đầu dốc ấy. Chị em chúng tôi thường rửa rau vo gạo, giặt giũ ở cái cầu ván bắc ra hồ đầu ngõ Bảo Khánh bây giờ. Những tối sáng trăng còn ra hồ tắm. Bây giờ, những bụi cúc tần phủ dây tơ hồng vàng rươi cả một mé bờ hồ bên này.

Thế ra chỗ ghế đá chúng tôi ngồi đây, ngày ấy còn lơ lửng trong lòng hồ. Người Pháp làm đường vòng quanh hồ Gươm đã ngang ngược cắt đôi sân đền Bà Kiêu khiến cho cái cổng vào đền phải đứng mồ côi một mình bên kia đường đến tận hôm nay. Nhưng cũng nhờ con đường mà từ đây về sau lòng hồ bớt bị lấp thêm.

Chị Vân Đài thông thuộc vùng hồ Gươm như người ta quen cái đầm nước y con đường làng. Những quang cảnh không bao giờ còn nữa, nhưng nghe chị kể thì tưởng như phảng phất chỗ cầu Gô vẫn cái lạch nước và từ bờ sông Cái vào, buổi trưa, những bãi dâu và cánh đồng ngô tràn nắng đến tận đầu cầu Thê Húc.

Ai mà nhớ được như chị! Những miếu âm hồn đầu Hàng Giò. Ở bờ hồ chỗ Hàng Trống trông xuống, vào những đầu mùa hạ và tháng bảy, hàng phố làm lễ kỳ yên, cúng chúng sinh, khói vàng mã bốc lên như cháy hồ. Trên mặt nước oan nghiệt vô tình kia, chẳng mấy hôm mà không có người ra trầm mình, người sảy chân, vợ vẫn biết bao nhiêu hồn oan.

- Anh có biết một cảnh thật là quê ngay giữa thành phố này. Chỗ bên kia hồ thôi.

Tôi theo chị đi men hồ đến nơi khác thường ấy và nghe chị nói chuyện về tháp Rùa. Cái gò cỏ nhô giữa hồ, vào những ngày đông hanh hao, từng đàn rùa - thật ra, đấy là một loại ba ba, những con rùa có con to bằng cái nia, lên mặt gò phơi nắng. Một nhà phú hộ, ông bá hộ Kim được phép làm công đức xây một tháp trên gò, tháp được người ta gọi nôm na là tháp Rùa.

Đại lộ Hai Bà Trưng quãng giữa ngã tư Hàng Bài và Bà Triệu, trên vỉa hè um tùm mấy cây nhãn, như lẽ đường các phố cũ, nhấp nhô ngôi nhà cổ rêu phong ẩm ướt. Chén với những toà biệt thự được xây dựng hồi giữa thế kỷ. Nếp nhà tựa ngôi đền ấy là từ đường ông bá hộ Kim, ngày nay con cháu vẫn đương ở. Quá vào trong, một khu vườn, cỏ loang và bóng cây um tùm sang tận bờ dậu các vườn dinh thự bên đại lộ Lý Thường Kiệt.

Bỗng nhiên, chúng tôi lạc vào giữa vắng lặng. Bao nhiêu nhộn nhịp phố phường đã chìm ngấm ngoài kia.

Giữa cái khoáng vắng thôn dã, một tiếng gà gáy trưa không biết trong các bụi cúc tần hay ở một gốc cây nhãn cổ thụ nào. Tiếng gà gáy trong im ắng, cảnh thôn dã thơ mộng vừa khác thường vừa gần gũi xiết bao.

Chị Vân Đài nói:

- Nghe tiếng gà gáy vang ra tận các ngách tường xung quanh, anh thấy thế nào? Tôi rất ưa những nơi như làng mạc mà bước ra cửa đã gặp thành phố. Trước kia, chúng tôi đã tậu một thửa đất khá rộng ở Xã Đàn, có ý định thực hiện điều mong ước ấy. Nhưng cứ nay đây mai đó, không lúc nào được ở lâu Hà Nội. Đến khi đi kháng chiến về, tôi đã hiến nhà nước chỗ đất ấy. Có gì đâu, chúng tôi đã cao tuổi, đứng trước mảnh đất hoang, thấy cái mơ ước xưa kia và thực tế của mình bây giờ, thật so le, chẳng còn hào hứng và sức lực nữa.

Tôi hỏi:

- Hình như ngày trước từ khi trở về Bắc, chị đã được đi và ở rất nhiều nơi. Tôi nhớ những bài thơ của chị đăng báo Dân bà hồi ấy, khi thì viết ở Luang Prabang, khi ở Cham Bát Xắc. Chị đã đăng ở báo nào những câu "Tiếng đêm":

Tưởng hồn thu theo trong khuya vắng

Rủ rỉ cùng hoa nói chuyện đời

Chị Vân Đài trầm ngâm rồi nói:

- Chúng tôi ở đảo Cát Hải bốn năm. Rồi nhà tôi phải đổi ba năm sang Lào, khi Thượng Lào khi Hạ Lào, có dạo ở trên cao nguyên Bôlaven.

Rồi chị lại nói:

- Nhưng mà những kỷ niệm buồn vui nhất đời đối với tôi vẫn là thời trẻ và những ngày kháng chiến. Trước kia được đi lắm nơi thật, như là con người trong cuộc sống nội trợ gia đình, tất nhiên là đường xa cảnh lạ được biết nhiều. Từ khi cách mạng thành công, nhà tôi tình nguyện nhập ngũ. Ông ấy vốn là chuyên môn vô tuyến điện.

"Thế là tôi cũng vào bộ đội. Bây giờ tôi mới có được một đời sống ý nghĩa với xã hội. Năm 1948, tôi gia nhập Đảng trong quân đội, tôi đã đi bộ đội hầu khắp Việt Bắc. Tôi ở trong Ban văn nghệ liên khu 1 và viết các báo: Xông pha, Bắc Sơn, Quân Tiên Phong. Về hoà bình, làm báo Phụ nữ Việt Nam, báo Văn Nghệ...

"Thôi, bao nhiêu gian khổ thì khỏi nói. Nhưng chưa bao giờ tôi có được những ngày sôi động, gây được ấn tượng nhớ mãi đến như thế. Ở thời kỳ này tôi làm được nhiều thơ nhất".

1954, những năm chúng tôi trở về Hà Nội.

Lại một mùa thu tới, mỗi khi nhớ chị, tôi cứ nghĩ đến mùa thu, không hiểu vì sao. Có lẽ vì bấy lâu chỉ nghe chị nói những chuyện buồn xưa và những xế chiều. Dạo ấy, cơ quan có sáng kiến lập một cái căng tin. Ngôi nhà trụ sở vốn là một biệt thự cả mặt bằng tầng trệt là nơi tiếp khách bây giờ, ghép bàn lại làm cái quầy trên bày một loại chai rượu mùi: chanh, mơ, si rô lựu đỏ bán pha với bia cho người Hà Nội đương tập uống bia. Và mấy tút thuốc lá D'rao rẻ tiền với Thăng Long bao bạc. Khi ấy, ngoài chợ, mậu dịch bán phân phối từng lạng muối, cân bột mì Liên Xô thay gạo phiếu và tôi đã công phu biết nhóm bếp thổi cơm bằng sách cũ giấy vụn, ngoài đường tuyệt nhiên không có hàng quán và ai mua bán gì, thì cái căng tin ú ở này cũng là một niềm an ủi cơn sầu nhiều lắm.

Người giữ căng tin là chị Vân Đài. Ừ, con người đã viết cả một quyển sách dạy ai muốn trở thành *Người thanh lịch* thì ít nhất ở chỗ này cũng là dịp cho người cầm bút thấy được sự thanh lịch và vang bóng.

Căng tin dập dùi mỗi chiều chiều.

Nguyễn Tuân và tôi hay đến ngồi bên thềm cái bồn nước, trên dàn rủ xuống những dây hoa ớt vàng nhòe.

Chúng tôi uống bia Hữu Nghị - một thứ bia đen quý hiếm hồi ấy có nhìn thấy ở quầy, khách sạn "Mê-tô-bôn Thống Nhất" mà chỉ khi nào cùng đi với khách nước ngoài mới được mua uống, thật như lá trong chiều thu mặt hồ yên sóng, người đàn bà thanh lịch ấy bước ra.

Cử chỉ và phong thái Hà nội thuở nào, con người của phòng khách, của các thứ salông dài các và sang trọng xưa kia. Mặc dầu vẫn bộ áo dài cán ka ki màu "be" may đồng loạt trên Thái Nguyên, nhưng quần áo là thẳng nếp. Mái tóc hoa râm, vẻ yếu điệu thanh xuân không còn nữa, nhưng cách thức nhấc, đặt chiếc phin và tách cà phê vừa như hững hờ lại thật như ý tứ. Ôi, điều thuốc lá - chỉ là điều thuốc lá mà nói là cầm thì không đủ nghĩa, điều thuốc lá như một búp ngọc lan chín trắng mịn giữa những ngón tay một thời ngà ngọc của chị.

Chị Vân Đài hút thuốc lá thơm. Chị không uống bia, chị chỉ "giúp đỡ" chúng tôi uống bằng cách đặt cái quyển sổ ghi nợ đã để sẵn đấy. Không biết có còn những ai thế nữa chẳng, còn chúng tôi hôm nào cũng uống biên sổ. Thiếu nợ nhà nước vài ba két bia uống chơi đã ăn nhằm gì, chưa khi nào chúng tôi tính đến chuyện trả. Rồi căng tin của chị Vân Đài vỡ nợ, đóng cửa.

13. Trọng Hứa

"Đây gió... đây trong rừng"

Năm 1950, Nam Cao và tôi được chuyển công tác từ báo Cứu Quốc về hội Văn Nghệ. Rừng Chiêm Hoá trên Tuyên Quang xuống huyện Đại Từ dưới Thái Nguyên. Gặp Trọng Hứa trong xóm Yên Dã, chân triền núi Tam Đảo, đã ở cơ quan trước khi chúng tôi về.

Hơn bốn mươi năm đã qua, vậy mà tưởng như vẫn thế. Nguyễn Trọng Hứa biệt hiệu là Phong Giang - tuổi trẻ mơ ước mây gió sông hồ, ai mà chẳng một thanh xuân như thế.

Bóng núi Tam Đảo âm u xanh ngắt trên đầu. Sau này, có lần trông ảnh Trọng Hứa, lần ấy đi công tác, chụp đứng ven tường Vạn Lý Trường thành ngoại ô Bắc Kinh, phương trời và thời gian khác nhau, nhưng vẫn ngỡ như ở xóm núi Yên Dã, Trọng Hứa ôm cây đàn ghi ta mốc thối - may mà mối dòi chưa xông đến.

Tiếng trầm tiếng thanh và câu hát ngân nga của một ca khúc Phần Lan, Đào Vũ dịch lời Trung Quốc: *Đây gió, đây trong rừng...*

Năm tháng vô tình và độc ác, chúng ta lụ khụ cả rồi. Nhưng lặng lẽ trong ta vẫn những muốn, những ước của mỗi người. Ngày ngày, chiếc bóng tha thui rẽ phải rẽ trái sang đường... Ngày ngày... chúng ta...

Trọng Hứa hay nói: Tôi lúc nào cũng đói sách. Tôi thèm phố phường. Tôi muốn viết. Tôi sẽ viết... Trên hè đường, chúng ta lút vào những ngổn ngang quanh mình. Kẻ quen nhận ra không phải ở cái mã người chẳng còn đáng vương đuôi mắt ai. Ông già từ tốn giơ tay phải ra cho xe đạp, xe máy biết có người làm hiệu sang đường. Xưa kia thì lướt phẳng phẳng trong cái đám nồm nợp quanh cơ ấy chứ!

Những ai mắt trắng, chớ tưởng mảnh giẻ lau bát này chưa khi nào đã là tấm lụa Trữ La. Thời ấy trai Hà Nội mê đến cuồng lên, tìm cách được đầu quân Nam tiến, ai đến huyện Gio Linh viếng nghĩa trang Trường Sơn của hai cuộc kháng chiến trên đồi chính giữa, cả nghìn tấm bia liệt sĩ Hà Nội hy sinh 1946-1947... 1953, 1965... 1979... Trọng Hứa cùng một lớp thanh niên sôi nổi và lãng mạn ấy. Chàng tuổi trẻ về quê ở Bắc Ninh rồi với chiếc đàn ghi ta nhập ngũ vào trung đoàn Bắc Bắc.

Tôi chưa công tác cùng Trọng Hứa thời kỳ đầu ở hội Văn Nghệ, khi cơ quan vất vả chạy giặc chiến dịch thu đông 1947, dịch nhảy dù Bắc Cạn, Cao Bằng, ngược sông Lô lên tàn phá Chiêm Hoá. Cơ quan hội văn Nghệ vượt sông Công, sông Thao, ở Thái Nguyên sang Phú Thọ, rồi Yên Dã sang Gia Viễn, Văn Lang, Đan Hà...

Sau mới đến những ngày cùng ở Tuyên Quang, qua đò bến Phao Lồ, chui vào rừng Thượng Yên. Khi lên cây số 7 ở làng Dao trong Động Móc chân núi Là.

Không quên được mấy chuyện tiểu lâm. Con tê tê ở đồi chạy ra thung lũng Yên Dã, ông Phan Khôi cuống quýt hò hét giục người ta đuổi bắt "thịt tê tê ngon hơn thịt gà" ở Thượng Yên, ông Ngô Tất Tố xơi thịt lợn rừng của cụ bếp Ban kho, tanh quá, ông Tố mửa ngay ra bếp. Nam Cao quá chén, chửi Sô lô khớp ầm lên "thằng ấy viết ra chó gì"... Nhưng ai nấy hầu như vương vấn nhiều về thị xã Tuyên Quang, cái Hà Nội tha hương của chúng tôi.

Thường ra thị xã chơi, ai đi những đâu, chiến dịch lên biên giới, chuyển công tác khu 3, khu 4, có khi vào tận miền Nam rồi trở lại đây, Trọng Hứa, Dương Bích Liên, Nguyễn Sáng, Nguyễn Huy Tưởng, Nguyễn Tuân và những trang hảo hán ngựa hồng súng còn bạt từ mặt trận về hậu phương, lạnh lùng làm điệu ném cương ngựa vắt lên cửa quán ven đường. Hơi hướng thành phố theo chúng tôi từ xuôi lên ngược, qua những bầm sáu phố phường tưởng tượng ở Thái Nguyên, ở Đại Từ, ở Phú Thọ, ở Thanh Cù, Vũ Yên tới Bắc Cạn rồi dừng lại thị xã Tuyên Quang *"Ngày nào trở lại cố đô. Ôi Thăng Long rợp bóng cờ vinh quang. Hẹn nhau ý thiếp lòng chàng. Xuân mười phương mộng tuổi vàng đêm nay"* (Đinh Hùng).

Nào những phở Đất, phở Dơi bờ sông Lô, cà phê, cô Pháo êm đêm, cô Hạ máy chém "Cây đa nước chảy", thế mà ai cũng muốn kể cổ vào, rồi cốc sữa dê tươi nóng cây số 3 đường Hà Giang, riêng Trọng Hứa và tôi hay lui tới. Bỗng dưng nửa đêm trắng sáng ấy giữa đường tôi gặp lại cổ nhân. Cầm tay mà không nói được nên lời... Quả thực, nhớ những giảng gió hẹn hò ngoài làng mạc, phố xá thị xã nhiều hơn ở trong rừng.

Thu đông chiến dịch Trung du, chiến dịch Đông Bắc, Tây Bắc, chiến thắng Điện Biên Phủ, ban ngày rồi cả ban đêm, máy bay Pháp lên bom bắn tới bời mà không đánh gãy nổi Cầu Chả, cái cầu sắt chơ vơ giữa thị xã. Thì chúng tôi vẫn thế thôi. Vẫn nhơn nhơ và đam mê thế.

Cứ như nô giỡn với sống chết, với mọi trang, nghiêm hàng ngày. Có phải tinh thần niềm vui và nghị lực? Bởi lại nhớ những lần lên bến Ngọc làm công tác thu xe đạp của người qua đường phục vụ mặt trận Điện Biên. Xe đạp sang bên, "mặt trận mượn" hết. Chiến trường trên biên giới đương khẩn trương. Mỗi người bị giữ xe được phát một biên lai chứng nhận. Thế là bằng lòng. Rồi lại đi các làng làm công tác vay thóc cho tiền tuyến - Nam Cao đã viết kịch *Đóng góp* và tôi viết truyện *Tạm vay* phát hành ngay trong chiến dịch. Lại những hôm xếp hàng một nghiêm chỉnh ra thị xã tham quan trại tù binh Pháp ốm sắp được thả mảng xuôi sông Lô về trao trả ở Việt Trì. Hai lần chi bộ họp kết nạp vào đảng Nguyễn Tuân và Xuân Diệu. Đảng tử Phong Giang đồng chí Trọng Hứa nhiệm kỳ ấy làm bí thư đã cùng chi uỷ quyết định kết nạp hai đảng viên mới. Tổ Hữu, một trong hai đảng viên cũ giới thiệu.

Bao nhiêu cái nghĩ trong hai buổi kết nạp ấy. Rồi chúng tôi liên hoan nhảy "sòn la sòn" trên sân nhà ông chánh Cuốn. Kim Lân búi vai áo Ngô Tất Tố nín vào nhau nổi theo dòng dài Nam Cao,

Nguyễn Huy Tường, Ngô Quang Châu, Nguyễn Văn Mãi, Nguyễn Hồng... có cô Bích Thuận bên hội phụ nữ đến chơi cùng nhảy góp vui. Đoàn rờn rần vắn vèo lạt xạt sàn nhà, ai nấy hò *sòn la sòn... sòn la sòn... và hát réo lên: Dân Liên xô vui hát trên đồng hoa... Dân Liên Xô vui hát trên đồng hoa...*

Tài tử Trọng Hứa một mình uốn éo ôm đàn đứng trước đoàn người hí hửng như trẻ con đồng quê làm trò chơi "rờn rần đi lấy thuốc cho con". Tiếng ghi ta réo rắt và: *Đây gió... đây trong rừng... Đây... cánh đồng...*

Rồi chiến thắng Điện Biên Phủ. Sắp trở về Hà Nội, Trọng Hứa bị ốm liệt giường. Bệnh sốt rét viêm gan hiện lên vàng lạnh tận mắt, hai tròng còn mắt như bôi nghệ. Trần Phương đạo diễn điện ảnh nghệ sĩ ưu tú bấy giờ, với Phùng Cung, hai cậu làm văn phòng, đã khiêng người sắp chết ra bệnh viện ngoài Lang Quán.

Thế nào mà Trọng Hứa mò về được, lại vào đoàn tiếp quản Hà Nội trước cả mọi người. Cái bệnh gan kinh niên không vật chết nổi người, nhưng đã thành cục trai gan dai dẳng hành hạ Trọng Hứa đến tận hôm nay.

Trọng Hứa được phân công sang phụ trách văn nghệ đài Tiếng nói Việt Nam. Tình hình mới, đài và các báo đương cần bổ sung. Nguyễn Văn Bổng ở khu 5 mới ra, cùng Bùi Hiến với tôi về phóng viên báo *Nhân Dân*. Từ Tuyên Quang, báo yêu cầu tôi xuống thẳng Phúc Nhạc, không qua Hà Nội. Dưới ấy, các vùng công giáo nhiều người di cư đương bối rối.

Giữa năm 1946, truyện ngắn *Thằng Bần* của Trọng Hứa đăng hai kỳ tạp chí Tiên Phong của hội *Văn hoá Cứu quốc* Việt Nam ở Hà Nội. Có lẽ vì cái duyên ấy mà vào kháng chiến, Nguyễn Huy Tường mời Trọng Hứa cộng tác và Trọng Hứa đương ở báo Bắc Sơn đã được bộ tư lệnh quân khu I cho về hội Văn Nghệ.

Trọng Hứa viết không nhiều. Nhưng đọc thì thiên kinh vạn quyển. Ngày nay vẫn miệt mài, cặm cụi đèn sách thế. Lắm lúc bức mình, tôi bảo: Đọc mãi làm gì?

Trọng Hứa hiền lành, nhỏ nhẹ: thành tật mất rồi.

Thường buổi sáng chỉ đàm bạc chén nước chè, phong lưu đôi chút thì tách cà phê. Nhưng không chịu được đói sách.

Trọng Hứa đọc la liệt. Kể chơi cho thấy màu sắc vài món chữ mà xưa và nay con người ấy đã nghiền.

Của nước ngoài và sách dịch: Đôtôiepsky, A. Môravia, K. Malapac, B. Patecnac, F. Sagăng. I. Ka phu, A. Ka bo, G. Simơnơng, H. Milơ, Kapka, Guê... Liều trai chí di, Hồng lâu mộng, Sử ký, Đông chu liệt quốc, Anh hùng náo, Hoàng Truyền tam pháp yếu, Đạo đức kinh, Nam hoa kinh, Ảnh lửa đăng trước, Thánh Tông di thảo, Khoá hư lục, Thiền học, Tuệ Tĩnh, Tuyển tập Mác (đọc có ghi chép hồi học trường Nguyễn Ái Quốc trung ương).

Của nước ta: Nguyễn Đỗ Mục, Đỗ Đức Thu, Vũ Bằng, Hồ Biểu Chánh, Hàn Mặc Tử, Đinh Hùng, Đỗ Tốn, Vũ Trọng Phụng (Trọng Hứa còn nhớ: Đông Dương tạp chí 1939, Nguyễn Giang chủ bút in truyện ngắn *Sáo mây không vỡ, nắp ơi* của Vũ Trọng Phụng), Nguyễn Bính, Vũ Quân Phương, Phạm Tiến Duật, Bằng Việt, Xuân Quỳnh, Hoàng Thị Ý Nhi. Vũ Thị Thường, Bùi Đức Ái, Võ Huy Tâm, Đoàn Giỏi, Nguyễn Quang Sáng, Ngô Ngọc Bội, Nguyễn Quang Thân, Nguyễn Văn Chuông, Chu Thiên (Trọng Hứa viết thư cho tôi "đọc được đến đâu, do mọi cách có sách trong tầm tay mà thôi. Nếu điều kiện đủ thì thích nhất nghe nhạc, ngồi chơi xơi nước và đọc lung tung, không phải làm việc, không viết, lúc nào muốn đi chơi phố thì đi, về lại đọc, nhưng...")

Trọng Hứa viết ít, mà kỹ. Và có những cái ao ước tưởng như không bao giờ viết được. Người ta thường theo đuổi những mong muốn, đôi khi cũng đơn sơ, nhưng làm được và tới được hay không lại là chuyện khác. Cái chẳng bao giờ lới được ấy đã trở nên khắc khoải suốt đời. Lúc nào Trọng Hứa cũng thiết tha yêu vùng Vĩnh Yên. Những trang sách phẳng phất Vĩnh Yên, từ Nhất Linh đến Đỗ Tôn và cho tới bây giờ dù chỉ hơi hướng khoáng khắc, một bóng dáng mơ hồ Vĩnh Yên đã khiến tâm sự anh bồi hồi rồi. Nhưng chưa khi nào Trọng Hứa viết được một chữ về Vĩnh Yên, nơi đã in hình ảnh tuổi thơ, mà dẫu cho đời người vui buồn thế nào cũng không phải mờ. Ở đấy, những chập chững, bi bô đã đến với thằng út thứ mười bốn trong gia đình, khi mẹ mới sinh đã "ốm thiếu tháng", đến độ đã nên người, nghe tiếng gió kéo kẹt chân tre cũng vẫn ngơ ngác. Ở Vĩnh Yên, năm Trọng Hứa tám tuổi, một chuyện không may trong gia đình đã xảy ra.

Ông thân sinh Trọng Hứa làm quản lý cho một chủ đất người Pháp ở Nam Kỳ. Đồn điền lớn, năm thoảng ba thì chủ mới ra Bắc. Người quản lý tay hòm chìa khoá nghiêm nhiên là một điền chủ giàu sang. Chuyện xa xưa ấy tôi chỉ được biết vang bóng. Năm trước, Trọng Hứa đưa tôi đến may, chữa quần áo ở hiệu Đông Hà phố Huế. Cụ Đông Hà lịch sự thưa gửi với Trọng Hứa một điều cậu, hai điều cậu. Ông phó may này ngày trước đã được thuê riêng may cắt xống áo mọi người trong nhà.

Một ngày kia, người đại diện chủ Tây ở Nam Kỳ ra thăm đồn điền. Không biết ông ta với người quản lý vấp chuyện vặt nhau thế nào, quản lý nóng mắt cầm khẩu súng săn bắn ông kia một phát chết tươi. Mấy năm theo kiện thoát được án thì nhà cũng khánh kiệt.

Đỗ thành chung rồi, Trọng Hứa ở lại Hà Nội, ăn cơm trọ chùa Bát Mẫu, học đàn nhạc sĩ Bùi Công Kỳ, sống nhờ vả bè bạn và lang thang.

Kháng chiến, Trọng Hứa vào bộ đội. Ông cụ làm chủ tịch Ủy ban kháng chiến xã rồi tản cư mất bệnh già trên Thái Nguyên.

Ở hội Văn Nghệ, Trọng Hứa chuyên trách công tác cơ quan. Quanh năm chạy gạo, chuyển địa điểm.

Những khi có chiến dịch, dù chiến trường tận Tây Bắc, Đông Bắc ở cơ quan vẫn phải sẵn sàng đề phòng. Bởi địch đã nhiều phen thành lĩnh nháy dù xuống đánh úp thị xã Bắc Cạn, chợ Mè Phú Thọ, trường đại học Y ở Liễu Sơn chân Tam Đảo.

Trọng Hứa đã biết truyện vừa *Gọi khố* (Nhà xuất bản Văn Nghệ) về cải cách ruộng đất và khi hoà bình, năm 1954 cho in tập truyện *Quê ta* (Nhà xuất bản Văn Nghệ), lấy tài liệu khu căn cứ du kích chợ Cháy, địa đầu vùng trung Hà Đông và Hà Nam. Quang cảnh đồng chiêm *Quê ta* của Trọng Hứa buồn man mác đến chân mây, như những cánh rừng căn taiga bạt ngàn trong truyện Đồng cỏ của Sêkhốp.

Khi ấy, những người có trách nhiệm đã đánh giá cao truyện *Gọi khố*, Nhà xuất bản Văn Nghệ in lần thứ hai hàng vạn quyển, nhưng tôi thì tôi thấy ruộng đất hay đồng chiêm không phải là Trọng Hứa. Trọng Hứa không a dua thời thượng được. Trọng Hứa chỉ viết cái gì Trọng Hứa. Hai tập truyện ngắn *Ngã ba cuối phố* (Nhà xuất bản Hà Nội) và *Ngã ba ngã tư* (Nhà xuất bản Tác phẩm mới) mới thật Trọng Hứa. Trọng Hứa, người phố phường.

Nhân vật của Trọng Hứa trong hành động, trong tư tưởng, trong triết lý, con người giữa phố xá, như tác giả, là tác giả. Có lúc nào bạn lại ngồi một quán hàng ngã ba, ngã năm mà trông ra. Các ngã đường đấy là những tác phẩm quyển rũ kỳ thú. Bạn dần dần thấy trước mắt đương phôi bày, đương chuyển động. Cái túi, cái cặp đến cơ quan. Chiếc làn đi chợ. Đôi giày, đôi dép hay đi chân đất. Người bước tất tả, người thì nhẩn nha. Một đám túm tóc chửi nhau. Những cuộc gặp gỡ tình cờ, những câu đầu Ngô mình Sở. Cái ô tô cứu thương ở ngoại thành vào đỗ ven hè,

người lái xe xuống lòi ra trong gầm xe máy bùi ni lông xanh Trung Quốc bọc bong bóng rượu lầu Phú Xuyên lên. Người kia đứng thần mặt là cán bộ thuế? Người vừa mất tiền? Hay người sắp định móc túi? Nếu bạn bắt chuyện mỗi người, mỗi kể lể bất chợt đều hồi hồi tràn vào tưởng tượng và trang giấy. Làm thế nào chúng ta chỉ biết bái phục cuộc sống sôi sục xoay vần. Vô vàn nhân vật con người ngoài đường không người nào biết người nào, nhưng tất cả là trời đất bao trùm sinh sôi ra sáng tạo.

Nhân vật ngã ba, ngã tư đầu phố, cuối phố của Trọng Hứa như vậy. Bóng mờ làn sương thu trôi trong lòng đường, mờ lung và đáng yêu. Đến cái lão xích lô ngái ngủ vừa đạp xe vừa đá xuống lòng đường, hai đầu gối khoắc loằng ngoằng cho kịp đón tàu đêm dưới Phòng lên cũng chẳng nên ghét guồng lão không nếp sống mới. Những hoàng hôn thành phố trong truyện Trọng Hứa mới khác thường sao. Cô hàng gạo nhà mậu chấp tối vừa xong công việc ở nơi sơ tán ngoại thành về. Còi báo động vẫn “máy bay gần... máy bay xa”. Chàng vạng tối rồi mà, cái bếp thổi nấu muộn còn chấp chờn. Tay đôi kia vừa dựng vội xe đạp vào gốc cây ven hồ. Sau xe treo buộc lĩnh kính cái nón, chiếc mũ lá, túi bột mỳ và chai dầu. Họ vội ôm nhau rồi tưởng đi hoá ra lại dừng lại. Chốc nữa, đạp ra đến làng tránh máy bay ngoài kia chắc cũng đã khuya.

Nhân vật truyện Trọng Hứa, những người trong nhà ngoài đường âm thầm nặng trĩu lo toan giữa thoáng chớp bom mà chỉ những năm tao loạn ấy mới thế. Mỗi con người không tên đã nhặt ký vào đời sống thành phố.

Giọng văn Trọng Hứa ngắn gọn một cách sáng trong, thâm thúy. Như những thằng ngốc, những ả gái điên, bọn cờ bạc cặn bã xã hội lại là những đầu óc minh mẫn, những người trong trắng và cao thượng nhất nước Nga, ở tiểu thuyết của Đôtôiepsky.

Một lần kia, tôi được thư Chế Lan Viên ở Sài Gòn kể vừa đọc xong tập truyện ngắn *Ngã ba ngã tư*. Những truyện ngắn phong cách rất riêng của Trọng Hứa đã khiến Chế Lan Viên khám phá được một mảng Hà Nội thực mà không thực, vừa mơ hồ vừa chi tiết đến cận kề, Chế Lan Viên chưa biết bao giờ.

Người viết có được vài ba bạn đọc hiểu thấu mình, tưởng cũng đủ.

Ít lâu sau, Trọng Hứa bỏ đài phát thanh về cơ quan cũ. Ngẫm nghĩ, chẳng khác sự tích và số phận các nhân vật Trọng Hứa. Trước mắt mọi người. sự chuyển đổi công việc ấy chỉ là câu chuyện hôm sớm bên hè đường, thờ ơ trôi qua.

Nhưng với cả cuộc đời Trọng Hứa lại là một ngạc nhiên đến không hiểu nổi. Năm ấy, Trọng Hứa muốn lập gia đình. Nhưng không được cơ quan bằng lòng. Bởi người đàn ông là trưởng ban văn nghệ một cơ quan quan trọng, người đàn bà thì lý lịch không rõ ràng.

Buồn quá không biết làm thế nào. Trọng Hứa giận dữ theo lối riêng của người yếu đuối. Trọng Hứa lẳng lặng trở về với chúng tôi.

Cái anh chàng lom đom như chiếc que đóm, bệnh gan vàng úa mặt, mỗi bước rút rè khễ khàng như đợi tránh trước người ta. Ấy thế mà những "chuẩn người trong mộng" lại kiêu sa, khắt khe đến kỳ quặc. Giai nhân của chàng phải là bồ liễu, không lệ liễu, phải là một nàng Kiều "khuôn trăng đầy đặn, nét ngài nở nang". Tôi cũng có căn vặn Trọng Hứa về những điều kiện oái oăm "hết ý" ấy, Trọng Hứa lại chỉ mỉm cười.

Nông nổi nhân duyên, làm thế nào! Cái gì bây giờ cũng đưa được vào máy tính, chỉ có tơ tình thì hình như chưa. Có giờ ngón tay bấm từng đốt chung quy rồi cũng lại qua nhịp cầu dải yếm ngang sông mà thôi.

Những nhớ thương xa vắng của anh chàng kiết xác nọ trong truyện của Đốt, ngồi bên cửa sổ

hầm rượu ẩm ướt, bồn thủy, rửa tiền uống đêm từng cốc bia lại ngỡ mình sắp đi làm phò mã lấy nàng công chúa con vua bên nước Ấn Độ. Điều kiện bên trai thách bên gái của Trọng Hứa là nàng công chúa nhất thiết phải gốc Trung Quốc. Tàu lai cũng tạm được, nhưng người đẹp phải béo tốt phẳng lừ như chiếc chăn bông phủ kín giường. Vậy mà Trọng Hứa đã gặp được như thế.

Cô ấy tên là Lầy, cô Lầy Tán Lầy, làm nhà bàn ở cao lầu Bôđêga phố Tràng Tiền. Nguồn cơn họ quen nhau và rồi dan díu đến nặng tình, tôi chỉ lảng máng.

Nhưng tôi biết Trọng Hứa thân quen với cả mẹ đẻ ra cô Lầy.

Tôi cũng hơi biết cô Lầy. Chỉ bởi cô ấy thì bụng bê, mà chúng tôi là khách quen nhà hàng. Nghĩ lại bây giờ cũng hay. Tiền nong lương soạn vét túi, mà tối tối vẫn la cà được quanh gánh cháo gà, cháo cá, hàng chè hạt sen vỉa hè các rạp Chuông Vàng, Kim Phụng, Lạc Việt chim quay Tứ Kỳ, óc đậu nhà Siêu Nhiên. Rượu Ý Chianti chai quần rơm ở Bôđêga, cơm rang bọc lá sen Tiểu Lạc Viên, cà phê Phúc Châu...

Cô Lầy làm nhà bàn tầng hai. Không phải vì cô đi đôi giày nhung thấp gót mà đoán được cô là người Thượng Hải. Mái tóc Hỷ Nhi xén la tha trước trán, vừa đi khuất vào góc phòng đã réo rất bài hát "Nhị lang sơn". Nét mặt, mái tóc và nụ cười, má tròn trắng, phúng phính mà Trọng Hứa thông tán vẽ thành thảo rằng người Tàu không để ý về nơi ở, chỉ trọng miếng ăn, cứ trông đôi môi hơi đậm của cô Lầy cũng biết.

Tôi đã làm việc chín năm với Trọng Hứa trên Việt Bắc. Bây giờ Trọng Hứa lại về giữa bề bộn công việc, anh tiếp tục những lo lắng ngày trước. Cơ quan sơ tán sang Quế võ, máy bay ném bom kho xăng Đức Giang, lại chuyển về qua sông Hồng, vào mạn chùa Hương.

Không phải tôi đã biết ngay mối tình dang dở ấy của Trọng Hứa. Anh chàng vốn e dè. Ít lâu sau, Trọng Hứa cho tôi tin không vui: mẹ con Lầy Tán Lầy đã về Thượng Hải.

Quán cà phê nhà Lý Hảo ở góc ngách hẻm Đào Duy Từ. Chỗ này không ai tơ vương ai. Chúng tôi lui tới Lý Hảo để cho anh hàn sĩ Trọng Hứa mê cái đẹp đất Trung Nguyên được dịp trải dài nỗi nhớ thương Hà Nội - Thượng Hải. Lý Hảo là một trong hai cô con gái đẹp của "xinh xáng" Lý Quảng, nhà buôn lớn ở hàng Buồm trước kia. Cứ ví quá đi cho sướng mắt, chị em Lý Hảo như Chiêu Quân, như Tây Thi, như Thuý Kiều, tài sắc lồ lộ ở khuôn mặt trái xoan và đôi má hồng kiêu diễm. Chỉ khác, người đẹp Lý Hảo này vừa sắc nước hương trời làm hoa cho quán cà phê, lại khỏe quá, tuyệt giỏi thể thao, thể dục. Hội thi lướt ván hồ Hoàn Kiếm năm nào danh thủ Lý Hảo cũng đứng quán quân.

Chao ôi, ngấm và mơ mộng. Bông hoa Lý Hảo nhơn nhơ, chồng là thằng Thái thì pha cà phê và thu tiền. Tách cà phê nhạt đường mà chúng tôi rất ưa, trò chuyện đôi ba câu, khi với nàng, khi với Thái. Tôi chẳng bận tâm đến khoảnh khắc chiêm bao của Trọng Hứa mà tôi thú vị tên Thái kia hơn. Có khách mà Thái vẫn mặc may ô trần, lông nách sum sê, dáng thấp lực lưỡng hết một thằng Nhật, vai vuông, mày chổi xể, mắt một mí, mặt lăm lỳ, cười nhếch mép.

Những tưởng cứ năm nào cũng đến hội lướt ván hồ Gươm và nhà thể thao nữ Lý Hảo lại chiếm giải nhất và tay Thái thì cứ đứng pha cà phê để cho các ông khách, người chiêm ngưỡng Bao Tự, người mê lại thời bài hát Hà nhật quân tái lai (Ngày nào chàng trở lại).

Không, đời dữ dằn hơn mọi suy nghĩ nhút nhát, trễ tràng của ta. Rồi thằng Thái ngủ với một nàng khác.

Lý Hảo lấy chồng mới. Cả Lý Hảo và Thái bây giờ đưa bên Mỹ, đưa sang Canada. Hôm rồi, Thái bên Canada mới về chơi. Tôi tò mò tìm nhưng không gặp. Thái bận lên ngược thăm người cô ruột vẫn còn ở thị xã Hà Giang. Lão Sắn đầu bếp nhà đặc sản Phương kể: "Ông ạ, thằng Thái bây

giờ béo bụng xệ, để ria Hoa Kỳ”.

Nhưng tất cả những chiếc bóng có thể làm khuây khoả cơn sầu Thượng Hải đưa con người thất tình bất đắc dĩ, phải kể về cà phê Sính. Cũng không hiểu làm thế nào Trọng Hứa am tường cả đến những nỗi khó khăn, ế ẩm khi quán Sính còn ở phố Hàng Da rồi mới dọn về đường Cột Cờ. Lại biết mỹ nhân đã từng là một trong hàng tá nhân tình của vua hộp đêm Bảo Đại. Sính đã có phen thuê người đi phục năm tóc, xé quần đánh ghen những con Mộng Hà, Lệ Hà nào đó của Bảo Đại.

Nàng chỉ hút "ba số" và quanh năm dù giữa mùa hạ, nàng đều tắm nước ấm pha nước hoa Mộng Vàng Rêve d'Or Pháp chính cống. Cho hay cái anh chàng bột mọc Trọng Hứa mới tỉnh tã và đa tình làm sao!

Mỗi lần đến quán Sính chúng tôi âm thầm xám xịt như cơn mưa rấp vào một xó khuất. Trọng Hứa im lìm tựa một khách lạ - hoặc bởi quá quen nên thân, như không có mình ở nơi khách khứa thiên hạ. Hay thực cũng là ngỗ ngoài mà những tọc mạch nơi thâm khuê kia chỉ nghe hơi cho phảng phất thêm một giọt nước hoa Mộng Vàng vào mây trời Thượng Hải. Tức rằng là chúng tôi không một chút kinh dịch, tình dịch, chẳng dám nhô ra khỏi cái bàn âm u để đối mặt với hiệp sĩ kiêu hùng Từ Chi và tổng binh chạy cờ rập hát Trần Quốc Vượng mỗi khi các "xénh xáng" này tung bùng vào chủ nhân nở nụ cười hàng quán ra thêm đón.

Nhưng mà tôi, tôi ấy, riêng tôi thôi, cũng đôi chút một mình biết tiểu thư Sính ngày xưa. Tôi nhấp lách cà phê pha rượu *rom* nhấm nháp lại những trang thơ ấy.

Cái mụ Sính đầy đà hôm nay - người trong mộng của Trọng Hứa, vẽ khoan thai dài các của mụ không dính dáng máy may đến cô Sính ngày xưa nhà ở phố Mỏi - phố Hàng Chiếu đông ngộn người bây giờ.

Sính chưa hẳn được điểm danh vào hạng người đẹp đầu số như cô con gái nhà thuốc lão Đông Mỹ cửa chợ Đồng Xuân mà các nhà thơ giờ đây Nguyễn Bính, Đinh Hùng đương mê mẩn. Ngày ngày viết lách, không thì đi nã liên, chè chén cơm rồi phát phơ phố xá xem đâu có cô nào đáng để mắt, thách nhau dám làm quen, chịu khó hơn thì cố vào trong một cái, hỏi một câu băng quơ cũng đã hách hơn thẳng khác.

Nguyễn Bính quê kệch nhưng lại mới in tập thơ Lỡ bước róc sang ngang, đi với Đinh Hùng trắng trẻo, nhỏ nhắn, lắm khi bị các nàng thoát đầu nhằm chàng công tử bột này là người đã làm ra những bài thơ nào lòng ai cũng thuộc. Không sao, họ cũng chẳng hơi đâu mà tức tối nhau. Các cha ném bao nhiêu đồng xu, đồng năm xu không cán trả lại vào cái thúng nhồi đựng tiền của cô hàng thuốc lão. Mỗi bận mua một phong, hai người hai phong, ngày mấy phong, hút thuốc đến tuôn khói ra đằng nách, vừa hút vừa vút đi rồi lại vào mua.

Để được hỏi "cho tôi phong thuốc" điểm theo đôi mắt ốc nhồi của Nguyễn Bính và cái liếc trai lơ của Đinh Hùng... cô Đông Mỹ vẫn đứng đưng. Mấy chàng suốt mùa rét mặc badòxuy môngtanhắc dạ trơ khổ tải cứ sớm tối mua phong thuốc lão, cũng bằng bỏ tiền xuống cống thôi. Rồi người đẹp cửa chợ Đồng Xuân lên xe hoa về với một quan tri huyện trẻ, với cô Sính thì khác. Nhà Sính không buôn thuốc lão, không bán chiếu, bán củ nậu như trong phố. Sính là con gái rượu tiên sinh Lý Ngọc Hưng, nhà dịch truyện kiếm hiệp. Chẳng biết ông dịch hay ông bịa, nhưng ông là người Tàu, chẳng hiểu Tàu nguyên chất hay Tàu lai, chỉ biết bạn đọc cho là người Tàu, thì các pho giang hồ mãi võ của ông được khách hơn. Tôi cũng còn đương tuổi mê *Thất kiếm thập tam hiệp*, *Hoả thiêu Hồng liên tự*, *Hoang giang nữ hiệp*, *bộ Bồng lai hiệp khách* nhà thuốc cao đan hoàn tán Lê Huy Phách hay thuốc đau mắt Từ Ngọc Liên in, mỗi tuần một quyển ba xu. Bồng lai hiệp khách của Lý Ngọc Hưng còn bán được hơn những truyện đơm đặt quá trời như *Người cá voi* của Văn Tuyền Phạm Cao Củng, *Người nhạn trắng* của Thanh Đình hay nặng mùi diễm tình bay bướm, *Người đẹp mài gương* của Tân Hiến.

Hồi ấy, Sính đã phây phây, phổng pháp, thường ra đứng cửa, thướt tha tấm áo dài màu hoàng yến. Bởi ông "vía" nhà cô chơi trội, nội thất toàn màu vàng. Hoành phi câu đối vàng chóa. Khăn bàn vàng. Con gái áo vàng, ông mặc sơ mi lụa chuối vàng. Hoạ mi vàng- hoàng yến lồng vàng, chim ăn gạo trộn lòng đỏ trắng gà và kê vàng.

Chỉ bởi vì trong bộ *Bồng lai hiệp khách* của Lý Ngọc Hưng có kiệt nữ kiệt Hồ Điệp tài sử dụng phi tiêu Phi tiêu Kim Hồ Điệp phóng đi, địch thủ mất vía ngã quay đờ. Kim Hồ Điệp cài vào ngực áo người vừa toi mạng một con bướm vàng - xưng danh Kim Hồ Điệp đã hạ thủ.

Vì thế cả nhà Lý tiên sinh chơi màu vàng. Nhưng vàng hay hồ lơ trứng sáo chúng tôi không để tâm.

Hiềm một nỗi, vào cô thuốc lào chỉ mất một xu một phong. Chẳng lẽ chốc chốc lại kiếm có mua một số *Bồng lai hiệp khách* ba xu. Mà ba xu, năm xu không nhỏ, chỉ vậy đã gọi được một đĩa phở xào giòn, xào mềm rồi.

Những chuyện xa xưa của tôi dừng lại đây, như mỗi lần đến thăm lý ngôi một góc thế này. Nhưng hẳn cái tên Sính, cũng như Lầy, như Sồi với khổ người phổng phao và cái sự Tàu ở người đàn bà nà dòng kia đã gợi nhớ cho ai. Còn tôi lơ đãng nhìn sang hiên nhà trên. Nghe nói ông Lý ở buồng ấy. Thỉnh thoảng vẫn trông thấy ra đầu tường tưới mấy chậu lan địa.

Nhưng những chuyện nghìn đêm lẻ ở cà phê Sính không phải chỉ có tráng men thế. Hãy sừng sốt dương mắt lên, những địch thủ của Trọng Hứa. Vợ chồng hoạ sĩ Linh Chi, anh chị của Trọng Hứa đã lên thăm hỏi nhà Sính. Có một bạn người Hoa đứng ra làm mối Sính cho Trọng Hứa.

Chẳng may, lại không đến đâu. Rồi nhà này cũng biến hết. Sang Tây Đức hay Canada, hay Menbuốc, Sít Nây bên Úc. Những giấc mộng kê vàng dài dài của Trọng Hứa có còn tiếp theo chương hồi chuyện Tàu nào nữa không. Chỉ thấy anh chàng vẫn e ấp, vẫn hồi hộp như vốn tính thế. Và con người đường phố vẫn ngày ngày thần thơ. Từng nhà, từng cửa hàng, chú ý nghe ngóng, quan sát, ngẫm nghĩ. Bà Lìn ngã năm Lò Đức xưng là con dâu quán phở tái lãn Nghi Xuân hàng Quạt. Lại bà Lìn người ta lấy chồng Tàu hiệu văn thần phố Huế. Trọng Hứa thuộc cả. Cái hồi văn thần nước, văn thần khô ở hàng Da, ở Cầu Gỗ, các nhà ấy bỏ đi, mấy ông ta cũng vờ đeo tạp dề xanh, cửa treo bảng hai chữ hán "hoành thánh" kèm dòng quốc ngữ: văn thần, sủi cảo Nhưng không qua mắt được Trọng Hứa. Tàu thật, Tàu lai, Tàu dỏm, biết ngay.

Gặp Trọng Hứa giữa phố, tôi hay trêu, hỏi bô bô:

- Thế nào, có con nào, con Nga, con nước đá, con nước mắt, chúng nó còn đến quấy ông không?

Trọng Hứa nghiêng mình chào lịch sự, thoáng nhìn quanh rồi thì thào:

- Khẽ... khẽ chứ...

Tôi vẫn cố ý nói to: "... Có con nào thì khai ra...!".

Chưa kịp hết câu Trọng Hứa đã giơ tay làm hiệu che miệng: "Khẽ... khẽ...". Ơ hay, cái ông cụ trai tơ còm nhom như con mèo ốm đã chẵn bảy mươi tuổi rồi mà vẫn còn giữ được nền nếp kín đáo tế nhị. Quý hoá thật.

*

**

Nhiều bác đến tuổi thì về hưu, Trọng Hứa cũng thế. Cái bình thường một đời cạo giấy hiền lành, lương thiện, thế mà đâm ra cũng khổ. Bác Vạn Lịch tính: bán cái xe máy Giava, gửi tiết kiệm. Lương hưu cùng với lãi tiết kiệm, làm con số cộng cũng đủ từng liệm hết đời. Tự nghĩ chẳng hơn ai kém ai, một đời chiến trận và công tác từ thuở tóc xanh đến nay đầu bạc, thế cũng là được. Nhưng rồi ngân hàng thành linh đỏi tiền. Một nghìn đồng hoá một, một đồng bạc còn ăn có vài tờ.

Bác Vạn Lịch mất cả xe, cả tiền lãi. Từ đấy, triền miên điều đứng, con người như cái rác quay cuồng giữa cơn lốc mưu sinh. Chẳng biết xoay xở ra sao. Mùa đông tới, đi tìm ông chữa giày, nhờ thăm lại cho những mép dây khâu đã ải. Bệnh áp huyết phải giữ chân ấm, thầy thuốc dặn thế. Nhưng mấy ông giày dép thường đóng đinh treo giày trên tường các góc phố, mỗi năm một vắng. Thời buổi mới, giày hỏng thì vứt xe rác, không vá víu lôi thôi. Chỉ mỗi việc tìm đâu ra ông chữa giày mà cũng loanh quanh ca cẩm cả đêm, thì còn làm nên nổi gì. Người có tuổi đâm mù mị lắm lắm lúc nào không biết.

Cụ Trọng Hứa về hưu, mỗi mùa đông lại tìm lão vá giày, chẳng có nổi cái xe Giava gửi tiết kiệm như cụ Vạn Lịch để được ngồi chửi cái thằng sinh ra chuyện đỏi tiền. Quá nghèo cũng làm cho người ta được đạo sống thanh thản vậy. Nhìn bề ngoài thế thôi, Trọng Hứa cũng lo, phải lo. Bà chủ rượu trước rạp xiếc và bà lão Có bán nước ở hẻm chợ Hôm. Chúng tôi uống nước và rượu suông ở hàng bà Có từ khi chồng bà còn hay chống gậy ra ngồi đầu ghế. Ông chủ cho thuê xe đò đám ma vẫn mặc áo lụa mỡ gà ngày xưa, cái thời trong nhà từng chen chúc vợ hai, vợ ba, vợ tư chứ chẳng vừa.

Làm sao mà hai bà già hàng nước lại một lúc cũng lo lắng giùm cho ông khách lâu năm đến thế.

- Thuốc lá cuốn hồi này bán được, ông ạ.

Chợ thuốc lá bao đương tàn. D'rao, Sông Cầu, Bắc Sơn... xuống dốc. Thuốc Thăng Long, người bên Đình Bảng, chợ Dầu mua tay trong tận nhà máy cả vỏ với giấy thuốc. Đầu lọc, giấy cuốn thuốc "ba số" chính cống được xe tải bên Thái Lan sang theo đường Lào.

Riêng ruột thuốc sợi vàng trộn lá đu đủ, từng mẹt phơi khắp các nhà hàng huyện Từ Sơn. Người hút đâm ra hãi của giá, chỉ còn điếu thuốc cuốn tay thì ngửi biết.

Nghe bà chủ rượu cửa rạp xiếc kể lại: Trọng Hứa đã thành nhà sản xuất thuốc lá cuốn. Cuốn thuốc lá, làm bánh ngọt đưa các quán nước, chuyện ngã ba ngã tư thường tình.

Ngày tám tiếng cơ quan rồi về nhà kiếm việc làm thêm. Người ta bây giờ soi tờ giấy bạc và chỉ vàng, cây vàng lên nhìn nhau, nguýt nhau, chửi nhau. Nhà kia bỗng dưng xe cúp, cát sét, cửa xếp, chó béc giê - không buôn lậu thì cũng ăn cắp, đi lừa. Người ta thương hại cô ấy hết giờ ở bệnh viện về, ra cửa ngồi quạt bánh đa. Lúc đầu, cô bác sĩ huyết học còn đội nón che mặt trước xoong than. Nhưng sau quạt vương, cũng bỏ nón. Xóm giềng cười buồn, thở dài khen cô chịu khó.

Cũng may, còn giữ sĩ diện, ông Trọng Hứa cuốn, dán, đóng gói thuốc lá trong buồng, chỗ vẫn ngồi đọc sách. Ông không biết làm thế, nhưng giá có thái kềm lá sẵn, lá đu đủ thì cũng chẳng sao. Lá sẵn vẫn để làm dưa và lá đu đủ, quả đu đủ xanh cho vào nồi sáo chó càng chóng nhừ.

Một hôm, bà hàng cửa rạp xiếc bảo tôi:

- Ông ấy thôi quán thuốc rồi.

- Sao thế?

- Chán quá.
- Ông ấy chán? Bà không bỏ mối giùm cho ạ?
- Vưỡn chứ.
- Thế mà ông ấy lại thôi.
- Chẳng thấy ra đưa.

Bà hàng chép miệng:

- Cũng vất vả. Chắc ông ấy không quen.

Một nhận xét phải và một câu nói khéo. Chúng tôi đã chót cả đời ngay xương dài lưng tổn vải rồi, không mỗi chốc khác đi được. Dù có mua giấy, mua sợi thuốc sẵn về thì cũng phải lăn, phải cuốn, hì hục, cặm cú, tay chân thoăn thoắt chứ đâu như nằm dài đọc sách và đi bắt phở.

Tôi cũng không nói lại, hỏi lại Trọng Hứa. Một lần nào đấy gặp nhau, chúng tôi ngồi quán bia phố Thiềng Cuồng. Trọng Hứa hỏi tôi:

- Anh có biết tôi đương làm gì không?
- Lại cuốn thuốc lá.
- Đẹp lâu rồi.
- Thế thì chịu.
- Gác đêm!

Đi gác đêm ôi cái việc gác đêm xa lạ mà chúng tôi thường đọc thấy trong tiểu thuyết phương Tây, Trọng Hứa làm gác đêm. Tôi hỏi lại, Trọng Hứa gật và kể hai hôm nay đi gác đêm cho một hợp tác xã làm vành xe. Ngồi ở chỗ này cũng trông thấy bên kia ngã ba đường cái bảng treo trên tường nhà xưởng "Quyết Thắng" hợp tác xã cấp cao sản xuất vành xe cải tiến. Ấy đấy.

Tôi chẳng biết thế là tốt lành hay cực chẳng đã, việc đi gác cho cái xưởng làm vành xe. Tất nhiên, chắc Trọng Hứa không dám nửa đêm trèo tường dỡ mái kho. Nhà văn đương làm việc tử tế. Như cô bác sĩ huyết học quạt bánh đa ở phố nọ.

Trọng Hứa cắt nghĩa:

- Tôi khó ngủ, ngủ ít, anh biết đấy. Việc này có thể khá hợp. Một cái gậy. Chiếc đèn tám pin. Mười giờ người ta tan ca, mình gác đến sáng. Sẽ viết được một cái gì cũng nên.

Trọng Hứa ra vẻ khoái. Tôi cũng vui lây như trông thấy bạn có đồng ra đồng vào thêm thắt. Ngày trước, tôi đã biết người Miên người Chà gác đêm ở rừng cao su Dầu Tiếng, ở nhà máy thuộc da Thụy Khuê, nhà bia Ô Mèn. Ông Tây đen quần thừng đặt cái tích nước trước mặt, cạnh chiếc đồng hồ chấm cầm gậy đàn báo giờ. Mảnh khố tải khoác cho sương xuống khỏi ẩm vai. Hai chân duỗi thẳng. Chiếc gậy để ngang đầu gối. Ông ngủ ngồi hay đang thức, trông vào cái mặt râu xồm tối sẫm, thánh cũng không thể biết. Đồng hồ đến giờ, cuộn gai đồng quay lên những tiếng tính tang. Ông đứng dậy, bỏ vào túi chiếc đồng hồ vẫn đương kêu. Xách tích nước, cầm gậy đi, dạo hai tua quanh tường nhà máy rồi lại về ngồi ngủ đúng cái chiếu chỗ lúc nãy. Trên Việt Bắc, Trọng Hứa và tôi cũng đã nhiều đêm gác cơ quan. Mới dạo trước, làm công tác

khối phố, đêm tôi cũng đi tuần tra với tổ dân phòng. Cái đèn pin, cái băng đỏ, cái còi và rà các ngõ hẻm chỗ tối đèn. Việc gác đêm chẳng lạ, nhưng chỉ từng giờ và chưa khi nào gác suốt đêm được trả lương, như Tây đen, như Trọng Hứa thế này, tôi tìm ra câu an ủi vuốt đuôi:

- Ừ, sẽ có cái để viết. Cũng hay!

- Chưa biết thế nào. Hồi đi thực tế vào đường sắt công phu thế, cũng chưa viết được. Nhưng cũng có thể hy vọng.

Nhất định rồi. Thành phố ban đêm, lâu lắm chúng mình không biết.

- Ờ, ờ...

Một ngày kia, tôi gặp lại Trọng Hứa.

Trọng Hứa nói nho nhỏ:

- Được một tuần, xin thôi rồi.

- Sao thế?

Trọng Hứa mỉm cười, rầu rĩ:

- Không phải cứ ai ít ngủ thì làm gác đêm được ông ạ.

Cũng lại chẳng hỏi thêm làm gì. Cái câu ngậm ngùi buồn thiu kia mang tính tổng kết và triết lý đã cắt nghĩa đủ.

Bây giờ, thỉnh thoảng vẫn gặp nhau ngoài phố.

Trọng Hứa nhẩn nha mấy phố quanh nhà. Chẳng đủ sức, đủ tiền đi qua hồ Gươm tung tẩy lên vùng cà phê Lý Hảo Phúc Châu xưa. Nghe biết những nơi ấy các hàng quán lại mở, cả người nước ngoài kéo đến chè chén, đông vui gấp mấy lần trước. Đành chịu.

Từ xa, đã nhận ra, dù trên vỉa hè, các lô quần áo cũ, mới Thái Lan, Đài Loan, Nhật treo bán lấp cả mặt người đi Nhưng thoáng trông đôi ống quần quá quen và cái mồm giầy da cóc đã đoán được Trọng Hứa đương đi tới.

Những mối tình hồ, những lo toan ký cốp, những dự định không bao giờ có, ấy vậy. Trọng Hứa vẫn đương cùng những nhân vật hiu quạnh không tên, đi lẫn vào mọi người. *Đây... gió... Đây... trong rừng...*

14. Võ Huy Tâm

Một hôm, Đức Lân đưa cho tôi một tập bản thảo: "Truyện này lạ lắm, anh đọc mà xem". Bấy giờ Đức Lân đánh máy chữ cho cơ quan Hội Văn Nghệ. Đức Lân hiểu biết văn học, đánh máy giỏi cực nhanh. Tôi hay nói đùa: "Ngày trước đây hằng năm mở cuộc thi đánh máy toàn Đông Dương- Cô Hoàng Thị Thế con cụ Đề Thám cũng thi đánh máy ở phủ Toàn Quyền đấy. Cậu mà thi ắt phải đỗ ngoại hạng". Nhưng làm văn phòng thời ở rừng thì linh tinh mọi nơi, việc văn thư chưa chắc đã chiếm nhiều thì giờ hơn hội ý *tổ tam tam*, chăm đòi rau cải, rau muống vườn,

nuôi bè cái xoong dưới suối và đêm đi săn con chồn, con gà rừng và thui chó. Tập bản thảo viết tay dày mấy trăm trang, không biết bằng đường nào: hình như giao thông bên công đoàn đem sang. Tiểu thuyết có đầu đề là *Làm reo* hay *Đình công* người viết là Võ Huy Tâm.

Chữ chân phương, không chốn néi gầy nét, vẽ cổ kính tựa tựa chữ các cụ thời cầm bút chấm mực, hoa tay một cái ướm làm đà rồi mới hạ ngòi bút xuống trang giấy. Lối chữ ngay ngắn ấy Võ Huy Tâm vẫn giữ như thế mãi về sau này. Tôi có đọc nhưng cũng biết vậy theo Đức Lân nói và không chú ý. Tuy chữ rõ, nhưng chữ loảng ngoảng rối mắt trên tờ giấy Hoàng Văn Thụ xốp đen mờ.

Nguyễn Huy Tưởng hỏi tôi:

- Đã đọc cái tiểu thuyết của Võ Huy Tâm chưa?

- Mới thấy. Đọc qua thôi.

- Đức Lân nó nói đúng. Lạ đấy.

Nguyễn Huy Tưởng thường trực cơ quan và chuyên lo công tác nhà xuất bản Văn nghệ. Rồi tôi cũng không cố gắng hơn, nhưng mỗi hôm Nguyễn Huy Tưởng lại kể về cái hay của bản thảo cây bút mới.

- Nó viết về công nhân, công nhân mỏ. Đề tài này chưa có trong văn học ta, tác giả như nghĩ đến đâu viết đến đấy, có cái hay sốt rỏ, nhưng phải chữa nhiều, chân chỉ hạt bột quá làm thế nào vẫn giữ được đặc sắc...

Nói "làm thế nào", nhưng Nguyễn Huy Tưởng lại nói: vẫn lựa là ấy, ta đem dõ ra khâu lại, làm thế.

- Mình đã liên lạc với bên công đoàn. Tác giả là cán bộ công đoàn hoạt động hậu địch Đông Bắc. Ra ngoài này chữa bệnh, đương ở Bắc Giang. Ta bàn với anh Lành cho gọi sang đây. Phải chữa kỳ được, không thì phí một tác phẩm có thể hay.

Ít lâu sau. Võ Huy Tâm đến cơ quan với chúng tôi. Người mảnh khảnh, mặt sốt rét tái tái hốc hác con mắt ngơ ngơ như nhìn đi đâu. Cái vóc dáng này ở Võ Huy Tâm cho đến bao nhiêu năm sau, khi sáu bảy mươi tuổi, đã già khô héo đi, tôi thấy Võ Huy Tâm vẫn tương tự thế. Lần ấy Võ Huy Tâm ở với chúng tôi có đến mấy tháng. Ngày ngày ngồi vào cái bàn mặt nữa ở góc gian nhà, như mọi người làm việc giờ hành chính.

Nhưng đây là cậu học trò mà thầy giáo Nguyễn Huy Tưởng chuyên kèm cặp. Nguyễn Huy Tưởng rì rầm nói. Võ Huy Tâm cầm bút, chốc lại hỏi. Hai người cứ nhẩn nha ngày rộng tháng dài như thế, không nghe to tiếng.

Cách làm của Nguyễn Huy Tưởng là thế này: từng đoạn một, nên cắt thế nào, nối chỗ nào, chữa chữ nào.

Cái chính là cắt, cắt, không thêm. Tất cả những việc ấy, Nguyễn Huy Tưởng chỉ bàn khi nào Võ Huy Tâm nghe vỡ ra rồi Võ Huy Tâm làm. Nguyễn Huy Tưởng không viết hộ Võ Huy Tâm một câu, một chữ. Võ Huy Tâm kỳ khu chép đi chép lại rồi đóng những quyển vở mới. Đến một hôm nào không biết, thành tập bản thảo tinh tươm, Nguyễn Huy Tưởng đưa cho quản lý Nguyễn Văn Mãi đem lên nhà in Tiến Bộ trên ngã ba sông Lô. Mấy trăm trang trước kia, cô lại còn ngót hai trăm trang, đấy là tiểu thuyết *Vùng mỏ* mà chúng ta đã được đọc.

Lúc rồi rãi, chập tối cơm nước xong hay khi cuộc xới tăng gia ngoài đồi, lồi dần dần làm quen

với Võ Huy Tâm. Tâm kém tôi nửa giáp - sáu tuổi, anh đã lang bat nhiều, vì miếng cơm manh áo thôi. Làm phu hồ, làm cu li bến bãi, làm thầy bói xem tướng, lắm khi đói dài ốm đứng, lẫn thần bắt con đẽ, con cào cào ăn như đũa dỏ người, cảm hấp, anh cười: "Ồm cái bụng móp thôi, chứ cảm oong cảm đơ đầu". Anh bảo anh chẳng đến trường bao giờ, cứ "khắc học khắc biết rồi được cái chữ". Có lẽ vì anh sáng dạ, nhanh trí, lại nhớ lâu và có hoa tay nên chữ viết được nắn nót thế. Cũng không phải anh làm phu mỏ đã lâu. Quê anh ở Nam Định, nhưng từ tấm bé đã lưu lạc ở Hải Dương, sang Bắc Giang. Năm 1945, 19 tuổi gặp tổng khởi nghĩa ở Bắc Giang, anh xin được đi hoạt động công nhân cứu quốc. Kháng chiến, công đoàn tỉnh đưa anh lên khu. Ở khu 12, anh được điều ra Hòn Gai, Cẩm Phả vùng địch chiếm. Cán bộ dùng giấy tờ giả công khai mà hoạt động bí mật. Trước kia anh cũng đã ra đây tìm việc, học việc, nhưng giai đoạn này mới là thợ chính cống.

Anh ở một xóm đạo, vận động bà con công giáo thợ mỏ, anh thuộc *Tân ước*, *Cựu ước* sách kinh chẳng khác người có đạo, anh lại đã thuộc lòng từ ấu thơ nhiều kinh Phật, cả kho kinh kệ với các truyện văn vần Bà Chúa Ba, Hoàng Trừu, anh nói thành vè, anh kể truyện *Kiều Liên Tắt Chánh* cả đêm, bà con bên đạo cũng thích nghe.

Tiểu thuyết *Vùng mỏ* là sự thật xưa và nay xảy ra ở Cẩm Phả mà anh đương là cán bộ cơ sở, hoạt động hết sức căng thẳng, nguy hiểm. Vùng bờ biển Đông Bắc, khu công nghiệp quan trọng lại là cảnh quân sự, nơi địch tiếp tế thuận lợi nhất cho cả Việt Bắc, các tỉnh Bắc Cạn, Cao Bằng, Lạng Sơn đương còn bị chiếm.

Cán bộ Võ Huy Tâm hàng ngày cật sức đi làm lấy cái nuôi thân, lại phụ trách một khu vực công tác, có khi đi suốt đêm. Chẳng bao lâu, Võ Huy Tâm bị ngã bệnh. Sốt rét đến phát điên, đoàn thể phải đưa ra vùng tự do ở Bắc Giang.

Cách Nguyễn Huy Tưởng giúp Võ Huy Tâm làm lại tiểu thuyết *Vùng mỏ* như thế thật tài tình. Chỉ khơi gợi cho đến khi Võ Huy Tâm nghe ra và làm. Học và thực tập cung cách vậy giúp được Võ Huy Tâm phát triển sau này.

Tôi trọng thị cho đến bây giờ những công phu bàn bạc kinh nghiệm viết của Nguyễn Huy Tưởng. Tôi cũng đã giúp đỡ cho một số cây bút. Nhưng chưa bao giờ tôi chịu khó và kỳ công được như Nguyễn Huy Tưởng - có khi cũng chịu khó nhưng ấy là tôi chữa hộ. Cho nên thường nếm thất bại và cũng làm hỏng người viết.

Làm thế tôi cho là tôi đúng. Nhưng cái đúng chẳng mấy ai để tai. Mạc Phi đã đưa tôi đọc bản thảo tiểu thuyết hai tập *Rừng động*. Tôi nói với Mạc Phi nên dồn lại một tập. Nhà văn nước ta thể lục và sức óc đều ngắn - không phải do người viết sinh ra thế, khó cang được những cái dài hơi. Ôi chao, bạn ấy đã khó nhọc viết cả nghìn trang rồi, mà tôi nói như chơi: bỏ đi một nửa. Tất nhiên, Mạc Phi chẳng tìm theo đề nghị hời hợt của tôi.

Một lần kia, tôi vào bệnh viện thăm Phan Tứ. Gặp anh ở cổng đi vào. Khi có rượu, mặt Phan Tứ trắng bệch, nhưng nói thì vui lắm. Phan Tứ ra uống rượu chui ngoài chợ gần đấy. Chúng tôi ngồi ngoài sân, Phan Tứ khoe với tôi Phan Tứ đương viết bộ tiểu thuyết nhiều quyển có tên khác nhau nhưng sự việc và nhân vật bao trùm cả các giai đoạn cách mạng từ Tổng khởi nghĩa 1945 lấy trung tâm là Quảng Nam, Đà Nẵng. Tôi biết Phan Tứ vốn kỹ tính, sửa soạn cho viết thật chặt chẽ, cẩn thận, anh học tiếng Nhật, vì tiểu thuyết của anh có đoạn tả về sau đảo chính Nhật, anh học tiếng Anh, vì tiểu thuyết của anh... Tôi nói ý tứ rằng người viết người đọc mỗi thời kỳ một khác. Những pho đồ sộ vừa tả cánh vừa biện luận của V. Hugo, thời nay chỉ vài chục trang đã xong. Nhà văn đương thời nổi tiếng của Pháp M. Druon có hai bộ tiểu thuyết *Gia đình lớn* và *Những ông vua bị nguyên rủa*, nếu vào tay Ban đả thảo trước chắc phải cả vạn trang *Tấn trò đời*. Nhưng M. Druon chỉ viết ba quyển mỗi quyển trên trăm trang, Phan Tứ hỏi tôi có các sách M. Druon, cho mượn xem, tôi đưa anh bộ *Gia đình lớn*, vài hôm sau, Phan Tứ trả sách tôi. Phan Tứ không lạng lẽ như Mạc Phi. Phan Tứ nói: "Tôi viết theo tôi đã chuẩn bị".

Tôi còn biết thế nào? Lại góp ý kiến với tiểu thuyết đương viết của Thái Lãng trên Đà Lạt. Nhưng bây giờ Thái Lãng đã đi ở nước ngoài, chuyện cũ kể lại mất vui, thôi chẳng dài dòng. Lù Dín Xiềng trên Lào Cai viết một tiểu thuyết về dân tộc Dáy quê anh dài cả chục vở viết. Tôi chưa gặp anh Lù Dín Xiềng bao giờ, nhà xuất bản nhờ tôi biên tập. Tôi cặm cụi cắt xén, rút lại còn khoảng một trăm trang. Cuốn sách được nhà xuất bản Tác Phẩm Mới in ra, tôi được nghe kể Lù Dín Xiềng bảo với bè bạn quyển truyện này "không phải của tôi mà của ông Tô Hoài". Nhưng Lù Dín Xiềng cũng chẳng gửi tặng tôi quyển nào và từ đấy không còn thư từ với tôi như trước kia.

Nhiều bạn khác nhờ, tôi cũng chữa, miệt mài chữa, thật mất công mà chẳng nên việc, thường chỉ nhận được im lặng. Có người rồi không viết tiếp được - bởi vì tôi đã làm quá đi, có phải bạn ấy viết thế đâu.

Nhưng cũng không phải chỉ gặp những thờ ơ, anh Nông Văn Lạc năm nay 82 tuổi. Tôi đã sửa giúp anh hai cuốn hồi ký *Ánh sáng đây rồi* và *Tiếng gọi miền Tây*. Hai tác phẩm đều được nhà xuất bản Văn Học, nhà xuất bản Văn Hoá Dân tộc in rồi tái bản. Không có gì khác, tôi vẫn làm như với Lù Dín Xiềng. Nhưng vì truyện vốn có chất, tôi đánh dấu câu cho mạch lạc rồi cắt và dán. Mới đây, Nông Văn Lạc ở Thái Nguyên về, hỏi: "Tôi có nên viết nữa không?". Tôi trả lời: "Còn có cái anh thấy cần viết thì cứ viết". "Rồi anh lại giúp tôi nhé" "Được, anh ạ.

Nhưng với những chuyện của Vi Hồng thì khác. Vi Hồng không như Nông Văn Lạc, "đi cách mạng rồi mới biết chữ". Vi Hồng là nhà giáo giảng dạy văn học dân gian trường đại học sư phạm Việt Bắc. Tôi cũng đề ra chạy chữa truyện *Vãi Đàng* của Vi Hồng như với Nông Văn Lạc. Vi Hồng lại lấy làm bằng lòng, nhưng tôi cũng chỉ làm thế với một bản thảo đầu tiên của Vi Hồng. Tới nay, Vi Hồng đã cho in cả chục tập truyện ngắn và tiểu thuyết. Nghĩa những là cái tôi sửa trong bản thảo ngày trước chắc là có điều hợp, Vi Hồng đã nhận nó và phát triển theo sức sáng tạo của riêng mình. Vậy là cũng có khi làm được. Nhưng mà trước tiên cũng như trong trò chuyện bên nói thì có bên nghe, nhất định phải có sự nghĩ lại và thấu đáo khác nhau. Những bản thảo có thể chữa được cũng ví như gánh phở sẵn thịt, bánh và gia vị chỉ có thái, nấu thế nào chứ không phải mọi thứ lúc ấy mới chạy mua. Tuy nhiên làm được như Nguyễn Huy Tưởng với Võ Huy Tâm, biết là chỉ có kết quả, nhưng mà ngại. Sau cùng, cuốn tiểu thuyết của Võ Huy Tâm được đặt tên là *Vùng mỏ*, tôi không biết Võ Huy Tâm hay Nguyễn Huy Tưởng đã nghĩ ra tên ấy.

Hơn bốn mươi năm qua, sau tiểu thuyết *Vùng mỏ*, Võ Huy Tâm đã in sáu tập truyện ngắn, truyện vừa, truyện dài. Trông vào đầu đề năm in sách thì có ba chỗ cách quãng thời gian xa nhau. Tiểu thuyết *Những người thợ mỏ* (quyển 1 - Không thấy in tiếp quyển 2) năm 1961 rồi mười năm sau mới ra đời truyện vừa *Đi lên* (1971), lại từ truyện *Rượu chát* (1981) tới nay, Võ Huy Tâm không in tác phẩm nào nữa.

Tiểu thuyết *Những người thợ mỏ* (quyển 1), Trịnh Xuân An (Tập chí Học Tập) và một số cây bút phê bình ở báo khác chỉ trích là có tư tưởng "chủ nghĩa công đoàn". Võ Huy Tâm cười hà hà nói: "Biết thế thì viết thế, tôi có sinh ra được cái chủ nghĩa gì đâu". Câu nói hồn nhiên mà thật. Cũng như hồi Nguyễn Công Hoan in tiểu thuyết *Đống rác cũ* tập 1 cũng bị Trịnh Xuân An cho là theo học thuyết Freud, Võ Huy Tâm còn băn khoăn mình biết thế thì viết thế, có nghĩ ra được đâu, còn Nguyễn Công Hoan thì bảo tôi: "Tớ biết thằng Phờ Rốt là thằng nào?" Nguyễn Công Hoan đã nổi tiếng là người ít đọc tác phẩm nước ngoài - còn Freud thì chắc ông không biết là ai thật. Và tiểu thuyết *Đống rác cũ* những tập sau mới in ra chỉ toàn tích cực và tích cực. Nếu hồi ấy được in tiếp ngay thì những cây bút đã phê bình chê bai sẽ bị lúng túng đến thế nào. Còn Võ Huy Tâm, không biết có viết tiếp *Những người thợ mỏ* không, chẳng khi nào anh nói đến nữa.

Có lẽ người vốn liếng viết văn trường khoán như Võ Huy Tâm, anh chả cần. Từ 1981 về sau Võ Huy Tâm vẫn viết, nhưng lại vừa viết vừa lên cày cuốc với đất vỡ hoang trên đồi rừng rồi làm

lều nương ở luôn đấy mà anh đặt cho nơi kinh tế mới khỉ ho cò gáy cái tên thơ mộng: Thạch Anh Trang. Thoạt nghe, cảm như Võ Huy Tâm nặng về lãng mạn và phiêu lưu. Có nhà ở phố hẳn hoi lại chui lên rừng, dẫu cho rừng và mỏ ở Hòn Gai, Cẩm Phả cũng chỉ lên qua cái dốc sau lưng phố.

Nhưng cái phiêu lưu lãng mạn của người lao động Võ Huy Tâm cũng có kiểu của nó, anh nói: "Hai vợ chồng đã về hưu mà các cháu còn đương tuổi ăn tuổi học. Củ sắn, quả dứa, cây chè sinh sôi ra cũng thêm được tí chút lương thực với đồng ra đồng vào". Chẳng biết mồ hôi đổ ra có được như mong mỏi thế không.

Hầu hết các tác phẩm Võ Huy Tâm cũng như tiểu thuyết *Vùng mỏ* đều khai thác một đề tài, một loại nhân vật: người công nhân mỏ hoặc người cơ nhỡ cổ cùng trong xã hội trước kia. Những tác phẩm ấy, giá trị nghệ thuật và trình độ biểu hiện đều na ná tiểu thuyết *Vùng mỏ*. Với người viết, tác phẩm nổi chìm khác nhau là thường tình, không phải cá biệt ở Võ Huy Tâm, nhưng tìm đến nguyên nhân thì Võ Huy Tâm có những biểu hiện riêng. Võ Huy Tâm không hẳn lặp lại, nhưng cũng chưa phải đã phát hiện và sáng tạo được những vỉa mới. Tại sao vậy? Võ Huy Tâm *chột* đi sau tiểu thuyết *Những người thợ mỏ*. Không phải. Cái người đã nói thật thà tôi chỉ viết được những điều tôi đã thấy thì chắc chắn anh ta cũng lơ đãng với những điều ổng tiếng ve, không thể mỗi chốc đã dễ dàng bỏ đi được những cái hiển nhiên đã biết đã sống, mà cuộc đời anh thì chỉ có lẩn lộn và mảy mò, chắc chắn với sự thực.

Một ngòi bút thấm sâu một thực tế dữ dội nhường ấy như Võ Huy Tâm sự sáng tạo đặt ra là những từng trải một đời được thể hiện thật mới mà lại cũng thật xưa, như thế mới thực sự Võ Huy Tâm và bước tiến của anh.

Nhưng Võ Huy Tâm đã không vượt lên được khác *Vùng mỏ*.

Anh chịu khó, cả lo, lại được nhiều điều kiện hỗ trợ, nhưng cũng chẳng nên. Khoảng năm 1954, cán bộ tại chức chưa đủ văn hoá so với công tác đều được đi học trường bổ túc công nông. Võ Huy Tâm đã đi ngay và dùi mài suốt niên khoá đến tốt nghiệp, anh biết cần một trình độ mọi mặt cho người cầm bút mà xưa nay anh mới chỉ học mót, học lỏm.

Nhưng học cũng không vào. Hay là học được, nhưng sự học không giúp cho nghệ thuật biến hoá được kho báu vốn liếng qua những hiểu biết mới. Thực tế trong sáng tác của Võ Huy Tâm có thể có một không hai, mỗi câu đều bề bộn, la liệt chi tiết đặc sắc. Nhưng chỉ vốn dĩ và ngôn ngang thế thôi.

Võ Huy Tâm cũng biết và băn khoăn về cái yếu ấy. Võ Huy Tâm lo, nhưng Võ Huy Tâm lại cũng tự hào - hay là bị tự hào, vì chữ nghĩa giàu có của anh ở mỗi trang viết. Thủa còn thơ dại và khi hoạt động ở cơ sở, khi chung đụng vất vả với mọi tầng lớp, Võ Huy Tâm hoá thân được với tất cả, là tất cả. Câu nói và chữ của anh tinh túy cô đúc như ca dao, tục ngữ. Tôi hay đùa chơi thách thức "đấu chữ" với Võ Huy Tâm - như chơi kéo tay xem ai được, lần nào tôi cũng chỉ có thua.

Trong khi không thấy ra những cái mới hơn - vô vàn cái mới được khai thác ra ở sự việc cũ, thì những kỷ niệm trong trí nhớ lại là sức cản khiến cho những cái hôm nay không thấm vào được. Trau dồi vốn sống cũng là yêu cầu khách quan của hai mặt như vậy.

Nhưng nói cho cùng, bí quyết này ở mỗi người viết chỉ dần dà tự gỡ, khó ai mách bảo tức khắc được.

Không tự biết, nhưng Võ Huy Tâm lại biết cái cũ và cái mới liên quan và cần thiết nhau đến thế nào trong sáng tạo, anh biết thích thú cái mới đến mức đặc biệt. Khi đất nước mới thống nhất, Võ Huy Tâm vào Sài Gòn. Võ Huy Tâm bảo:

- Tôi có một kế hoạch tìm hiểu miền Nam thật năng kỷ. Tôi sẽ đi một trăm nhà máy. Tôi lần lượt đi 100 nhà máy khắp các tỉnh. Sau chuyến đi thì mình có thực tế 100 nhà máy, anh thấy thế nào?

Tôi chỉ thấy ngồ ngổ. Không bài bác. Không vun vào, tôi nói đùa đùa: "Thế thì làm đi". Và hỏi thêm "Làm thế nào đi được?". Võ Huy Tâm cười hiền lành: "Không cần. Đến đâu lo đến đấy". Ôi chao, lúc này cả trăm cái nhà máy trong thành phố đang rối mù. Cái còn việc, cái đóng cửa, cái tư nhân, cái quốc doanh mới chuyển vào, tất cả như nghe ngóng. Tự dưng cha căng chú kiết ở đâu đến, chẳng ra cấp uỷ, loại cán bộ gì, đầu đội cái mũ tai bèo nhột nhột của anh bộ đội thải ra, lưng còng chiếc ba lô con cóc mua ở chợ giờ, mặt mũi vàng vọt, ngơ ngơ đưa cái giấy giới thiệu... Công đoàn thành phố... Nhà báo... Nhà văn... Rồi ai cho ăn, phải mất tiền hay được mời, ai đưa đi cái nơi rồi ra sao... ra sao... trăm thứ nhiều khê. Chỉ một khu công nghiệp Biên Hoà, liệu có nổi vài ba xưởng?

Chẳng bao giờ tôi hỏi lại cái kết quả "đi thực tế 100 nhà máy". Võ Huy Tâm cũng không kể lại. Có lẽ sau chuyến ấy thấu hiểu nỗi đời hơn là tích lũy vốn liếng, Võ Huy Tâm về rồi đi võ hoang. Ở trên rừng đồn về những chuyện kinh dị và khác thường, vừa đồn thổi vừa có thật: Võ Huy Tâm gọi trẻ con xóm núi đến anh dạy võ lòng. Võ Huy Tâm ăn sẵn luộc chấm muối cả tháng. Nằm sàn áp đất, có khi đương đêm rần bò vào màn. Có lần người ăn mày mò lên xin ăn, anh đãi cơm, cho ngủ nhờ, hôm sau lại tiễn cả một vác sắn... Âu cũng là tiếp tục kiểu mơ màng "*100 nhà máy*". Cái mở sống Võ Huy Tâm đã có, Võ Huy Tâm vẫn chăm chú làm giàu. Tuy nhiên vun đắp những hiểu biết xã hội mới, những ý thức hoà quyền và trái ngược mà thống nhất của những thực tế ấy trong sáng tạo đã thật mờ nhạt, do vậy ảo tưởng lẫn lộn đã thể hiện ngay trong tích lũy, Võ Huy Tâm đắm chiêu, đắm chiêu nhọc nhằn.

Ngôn ngữ văn anh thật lam lũ mà người đọc phải trân trọng. Và nếu văn cũng là người thì kể ra, trong giao du, Võ Huy Tâm và tôi khó có mặt nào hợp nhau. Ấy thế mà có sách in và bản thảo Võ Huy Tâm thường gửi cho tôi. Võ Huy Tâm tính toán dễ thương và thiết thực: "Anh hay viết bài "đọc sách", anh đọc tôi, có cao hứng thì cho vài chữ. Khen hay chê cũng được. Sách in mà chẳng ma nào để mắt đến thì cũng bằng cái rơm, cái rác người ta dừng dừng bước qua".

Không những thế, đôi khi chúng tôi cũng hay bù khú ăn uống, anh nặng về chén, cơm thì đánh đến no thật lực, tôi cảnh giả và uống nhiều hơn. Thế mà cứ vui. Có hôm nhận được mảnh giấy: Hôm nay tôi có tiền... Mời anh... chỗ... giờ...

Võ Huy Tâm ăn cũng khác người. Mặt mũi hom hem nhột nhột như người mới ốm dậy mới ăn mới ngủ. Hôm ấy, ở hồ Tây, có hàng chuối quẩy qua, Võ Huy Tâm mua một nải chuối tiêu. "Ở nhà sáng tác Quảng Bá, được quả chuối trứng quốc này trắng miệng thì tuyệt. Ta ăn thử một quả". Võ Huy Tâm bẻ một quả "Đương mùa tháng tám hồng cốm, chuối tiêu thơm quá". Rồi ăn quả nữa. Cứ vừa ăn vừa thử, vừa nói chuyện. Một chốc, cả nải chuối chỉ còn đồng vỏ và cái đài trơ long lóc. Chuyện ấy tôi chứng kiến. Còn được nghe kể có hôm, Võ Huy Tâm gọi hàng rượu nếp mua từng bát mà ăn sạch cả rá rượu nếp của cô hàng.

Hồi ấy, đầu phố Hàng Lọng còn nhà hàng Văn Phú. Nhà này được tiếng vì mấy món đặc biệt: ba ba tần, thịt sỏ và chân giò luộc. Võ Huy Tâm ngồi vào bàn trên gác, cửa sổ trông xuống đường vào ga hàng Cỏ táp nập.

- Cũng miếng thịt trong con lợn nhưng cái ngon chỗ này chỗ kia khác nhau, anh thấy thịt lợn thì chỗ nào ngon nhất?

Tôi đáp:

- Chủ quán sắp dọn cái ngon lên cho ta. Thịt sỏ hay chân giò...

- Nhưng cái thật là sướng kia?

- Mình thấy hai thứ cũng thế.

- Không, chỉ cái tai khoái nhất. Cái tai lợn nhá sướng răng đến không chịu được. Cái tai, vâng, cái tai lợn. Dứt khoát nó không phải là thịt, cũng không phải là sụn. Nó không gàu gấu, không sừn sựt... nó... sướng quá

Lát sau, Võ Huy Tâm lại hỏi tôi:

- Anh có bao giờ làm thơ không?

- Thuở trẻ, khi mình mới tập tọng viết.

Võ Huy Tâm cười hà hà:

- Tôi thích làm thơ. Làm thơ cũng như chén miếng tai lợn. Tiểu thuyết, truyện ngắn, văn xuôi là thịt lợn, ai cũng ăn thịt lợn. Kiêu kỳ một tý thì người ta ưa thịt lợn đen, ghét lợn lang, lợn trắng Móng Cái. Nhưng đều vẫn là thịt lợn. Văn xuôi thịt lợn. Còn nhắm cái tai lợn là người biết thưởng thức, đấy là thơ. Tôi... tôi...

- Thôi, thôi... Ông cứ đánh hết đĩa thịt sỏ đi.

- Tôi làm thơ... thơ là tai lợn, tuyệt cú...

Tôi cũng coi chuyện ba lợn ấy làm đùa. Trò chuyện với Võ Huy Tâm lúc nào cũng như ỡm ờ, anh có những tiếng à... ờ... ờ... cười hà hà. Võ Huy Tâm như một nhân vật ngồi trước mặt cho mình ngắm, ngộ nghĩnh, thú vị.

Rồi những năm gần đây, tôi được đọc rải rác thơ Võ Huy Tâm trên báo. Có bài bốn câu, tám câu, anh nằm nhìn lên trần nhà và gằm trờ tối suy nghĩ thành triết lý thơ đêm trông ra vịnh Cẩm Phả. Tôi buồn cười. À thơ tai lợn. Có lẽ báo người ta thấy tên Võ Huy Tâm thì nể đăng mà thôi. Nhưng rồi đọc lại - tôi có thói quen khùng khùng không hề ngán những bài thơ dở, thấy thơ Võ Huy Tâm lại có cái là lạ.

Võ Huy Tâm viết không mạch lạc. Rõ ràng dòng nghĩ có đứt quãng, có khoảng cách được chấp nối lại. Ở văn xuôi Võ Huy Tâm dễ thấy, trong thơ thì khó phân biệt. Thật thế, hay tôi bị định kiến về cái năm anh ở hậu dịch, bệnh hoảng loạn phảng phất di căn, cũng có thể.

Năm ấy, tôi đương nằm bệnh viện. Bệnh thống phong mãn tính, khi trở trời sang thu thì các khớp gối tôi lại như rã ra. Một buổi sáng, cô y tá bảo tôi:

- Nhà văn Võ Huy Tâm vừa vào bệnh viện, bác ạ.

- Ông ấy bệnh gì thế?

- Cháu không biết. Xe cấp cứu đưa vào.

- Ông ấy nằm ở đâu?

- Tầng dưới nhà này, khoa thần kinh.

Tôi xuống tầng dưới. Người bệnh đương trong phòng cấp cứu, không được vào. Nhưng hỏi ngoài trực khoa được biết chuyển xe khách Quảng Ninh lên sớm, có ông khách bị ngất. Người

ta xem giấy tờ rồi gọi xe cấp cứu đưa về bệnh viện này. Rồi, tôi cũng ghé, nhìn được vào cánh cửa hé. Đúng Võ Huy Tâm, anh nằm thiêm thiếp, mặt xanh lét, nhưng không phải vẻ người hấp hối.

Tôi vẫn lo. Tôi dạo loăng quăng ra ngoài sân. Hay Võ Huy Tâm bị trở lại chứng tâm thần. Hay ngồi trên xe thành linh bị "động kinh". Thì cũng những bệnh tương tự. Có thể anh không chết, nhưng mà cứ ngại. Càng buồn hơn khi tôi trông chỗ cái ghế đá kia năm trước, những hôm trời ấm, ông Ba Du lão nghệ sỹ cải lương lừng danh hay ra ngồi sưởi nắng chỗ ấy. Người bị trọng bệnh, biết mình không qua khỏi, hai con mắt chẳng ra đại, chẳng ra dữ dằn, cứ nhìn, mà không nhìn ai. Có hôm tôi chào ông rồi ngồi ghé vào ghế, ông cũng chẳng buồn nhúc nhích người...

Buổi trưa, trông thấy bà kể cầm bộ quần áo đại cán còn gấp nếp tất tả qua sân. Thấy tôi, bà nói:

- Ông ấy bảo tôi về lấy quần áo...

Tôi theo bà vào phòng cấp cứu. Thì ông Ba đã đi rồi. Trong buồng không có một ai. Bác sĩ ra phòng giấy ký biên bản. Hai cô y tá xuống nhà xác, lấy xe.

Cái xe tải thương trên có cái xác phủ vải, trắng được đẩy xuống nhà lạnh. Không phải người ốm nằm trên, cái bánh xe xác lăn chồm chồm, bần bật, sao trông ai oán thế. Rồi sau tôi kể cho Đoàn Giỏi chuyện ấy, Đoàn Giỏi thở dài.: "Tài tình chi lắm cho trời đất ghen..."

Thuở tiếng tăm vang dậy sóng cồn, mỗi đêm hàng nghìn người hồi hộp xem, ngắm, nghe từng một câu hát, một cái nheo mắt, thì khi, chết, bị cô quạnh thế"...

Tôi không, nghĩ Võ Huy Tâm lại đi như ông Ba Du

Nhưng mà cứ vẫn vơ. Tôi trở vào, giật mình: Cửa buồng cấp cứu mở toang, không thấy Võ Huy Tâm.

May quá, cô y tá mau miệng:

- Bác ấy về buồng rồi, buồng số 6...

Võ Huy Tâm ngồi nhòm nhòm trên giường. Thấy tôi Võ Huy Tâm nhoẻn miệng, cái cái hiền hiền nhợt nhạt như mọi khi, anh, kể lại chuyện bị ngất phải khiêng vào đây. Võ Huy Tâm đáp chuyển xe sớm Quảng Ninh - Hà nội đến ga Gia Lâm, trời còn mờ mờ. Mấy thằng đầu gấu, đầu chó bất thần nhảy lên ca bin kề dao vào cổ anh tài, anh lơ rồi đi lần lưng từng người. Chúng nó chưa trấn đến, Võ Huy Tâm đã xỉu. Thế mà cũng bị mất cái mũ cà khổ, không biết mũ rơi hay chúng nó lấy.

Võ Huy Tâm cười:

- Thôi, của đi thay người.

- Thế bây giờ thế nào?

- Bác sĩ hỏi: Bây giờ anh đã ăn sáng chưa? Tôi trả lời: Chưa. Bác sĩ bảo: Anh ngất đi vì bụng rỗng thôi. Tôi bảo: Thế thì cho tôi mua bát phở, ăn rồi xuất viện chứ gì? - Phải ở vài hôm cho lại người đã. Hôm nào về, nhỡ xe lại bị trấn thì có sức dự trữ, không ngất được nữa. Tôi đáp: Cảm ơn bác sĩ. Yên trí lớn.

Sự tình Võ Huy Tâm nằm bệnh viện là vậy. Rồi Võ Huy Tâm ra trước tôi. Võ Huy Tâm lên buồng tôi.

Anh cầm cái túi giấy bóng bọc bốn quả táo, nửa cân đường.

- Mai tôi được ra. Tôi biểu anh, để anh bồi dưỡng.

Lạ nhỉ. Võ Huy Tâm với tôi cũng không phải kiểu bè bạn đãi nhau bát phở rồi áy náy cố tìm dịp trả nợ miệng bằng được. Cũng không phải bạn cần quà cáp nghiêm chỉnh. Thế này là thế nào. Quả nhiên, sự lạ đã tới Võ Huy Tâm ngồi xuống, nói:

- Này ông...

- Gì thế?

- Ông nghe tôi đọc bài thơ: Tôi tính giờ rồi chỉ nửa tiếng.

- Anh còn nhớ cái hôm chén thịt sỏ ở nhà Văn Phú tôi đã nói anh có rồi mà cao hứng thì làm vài câu thơ chơi, còn thì phải để thì giờ lo văn xuôi, anh là nhà văn xuôi.

- Nhưng mà...

- Tôi không nghe thơ anh đâu!

Võ Huy Tâm đứng dậy. Tôi nói:

- Cái này...

- Không, biết anh để bồi dưỡng mà.

Rồi Võ Huy Tâm bước ra. Võ Huy Tâm đã không bằng lòng tôi một cách lặng lẽ, nhưng tôi còn băn khoăn lâu về hôm ấy. Vì định kiến không tin Võ Huy Tâm làm thơ, nên bất chợt sỗ sàng thế chứ tôi vốn mát tính, khi còn trẻ thì rụt rè, bây giờ thì nhẹ nhàng dừng dừng chẳng phũ mấy khi.

Nhưng rồi tôi nhận được một cái truyện 56 trang viết tay của Võ Huy Tâm - như mọi khi anh thường gửi cho tôi. Vẫn thế, và muốn thế nào không rõ, không bao giờ anh có thư kèm "nhờ đọc hộ" hay "gửi đăng báo giúp". Chỉ biết, thế là Võ Huy Tâm đã không để ý giận tôi.

Cái truyện này Võ Huy Tâm viết 1993, cũng lạ lùng. Đọc nó, hình như tôi đã trông lại tất cả Võ Huy Tâm, từ cái tiểu thuyết còn tên là *Làm reo*, là *Đình công* đến khi bề thế thành tiểu thuyết *Vùng mở* - một tác phẩm góp giá trị vào buổi đầu văn học cách mạng và kháng chiến sau 1945. Và cả Võ Huy Tâm trong những tác phẩm đã in ra sau này, có thể nói là thấy được *Võ Huy Tâm toàn tập*. Những đoạn văn sắc sảo, cả xa xưa và cả nay, chen lẫn sự ngẫm nghĩ cách quãng của bộ óc kinh dị không bình thường - cái không bình thường hài hoà với những ngời ngời thông minh.

Chẳng rõ đâu là nhân vật, đâu là tác giả, cái truyện và nhân vật xuyên suốt chủ đề đã định hướng: nạn tham nhũng và đứga gian tà phải bị tiêu diệt.

Võ Huy Tâm có đưa truyện này cho báo nào, tôi không biết, nhưng tôi không gửi báo hộ Võ Huy Tâm.

Tôi chắc là báo sẽ yêu cầu Võ Huy Tâm chữa, nhiều nhà xuất bản những năm gần đây thường đòi anh phải chữa bản thảo. Võ Huy Tâm không kiêu kỳ nhưng mà cứ bị bắt bẻ lòng vòng thì tiếc thì giờ. - Võ Huy Tâm bảo thế. Hơn bốn mươi năm trước Võ Huy Tâm đã được Nguyễn Huy

Tưởng chỉ vẽ cho cử soát lại bản thảo từng chữ, nhưng bấy giờ chưa phải là nhà văn Võ Huy Tâm. Mà không chữa thì nhà xuất bản không in.

Chỉ có nhà Kim Đồng biết tôi hay đọc Võ Huy Tâm - hoặc Võ Huy Tâm đề nghị nhà xuất bản thế, các anh ấy hay nhờ tôi đọc và biên tập giúp bản thảo Võ Huy Tâm còn đương bị phân vân - tất nhiên, cái nào của Võ Huy Tâm tôi thấy cũng là in được.

Tôi trích dưới đây một đoạn dài dài về truyện ngắn này. Để chứng minh - nếu có thể được, những điều tôi đã cắt nghĩa ở trên. Một sáng tác thật rõ trạng thái người viết, trạng thái Võ Huy Tâm. Cái tuyệt vời đi đôi với cái ngắn gọn, có lúc thật tinh tế, thật mới, có lúc lại như ông lão nông ề à nói chính sách ở cuộc họp xóm, có lúc lại hăng cách quãng...

Nhân vật chính của truyện tên là Ủi, có trình độ chung cấp kỹ thuật, Ủi là ổi, cô Ổi. Nguyên âm "o", nhưng người miền Đông nói chệch thành "u", quả ổi, cái chửi. Ủi là con gái nhà làm ruộng. Không hiểu sao, tác giả đã tả lý lịch cô Ủi là hậu duệ tám đời của một võ tướng. Trong cô có hơi hướng máu Bồ Đào Nha. Vì một bà vợ lẽ con hầu ông tướng nọ đã ngủ bụi với một cô đạo người Bồ.

Khi việc trong truyện xảy ra, Ủi đương công tác thanh niên ở nhà máy. Cô phụ trách tờ báo tường lên là *Tiếng thợ*.

"Lão Bang đã điều tra nghiên cứu ra hệ của Ủi từ thời các giáo sĩ phương Tây chưa sang thì đi đời. Mà đã đi đời thì các gia đình đại nho cũng có phần theo đạo Phật, mà đã theo đạo Phật thì dù không nói ra được, cái ý thức chống ba nghiệp chứng là thâm, sân, si (trong si có kiêu ngạo và ganh ghét) cũng như giới luật là 5 điều răn về sắc, dâm, đạo, vọng, tửu, đã ăn sâu vào tiềm thức của từng người. Sau này, gia đình Ủi mới tiếp thu nguồn văn minh Do Thái trong đó có mười điều răn của đạo đức chúa Lời. Lý lịch Ủi khai là không tôn giáo, nhưng điều răn "chớ làm sự dâm dục" và "chớ muốn vợ người, chồng người" đã trở thành máu thịt của Ủi.

Tùng là gái công trường, cô thường ngủ rất say và hể ngủ thì ngáy vang như sấm, có chàng trai nào đến sờ lưng, bóp vú thì còn có thể được chứ, đụng đến "cổng thành La Mã" là cô kêu văng lên. Thời này nghiêm lắm. Hãy chuẩn bị giấy bút mà làm bản tự kiểm thảo. Phải tả rõ động cơ tư tưởng và hành động.

Sau khi ra trường, Ủi được gửi về một nhà máy sửa chữa và chế tạo ra các thứ máy. Tư tưởng cô chỉ thích làm văn hoá chứ không là một nhà chính trị chuyên nghiệp. Nhưng cô lại có tham vọng trước khi sáng tạo ra một nhà máy kiểu mẫu trong tác phẩm thì hãy góp phần xây dựng một xí nghiệp tiên tiến trong hiện thực. Cô được phân công sửa chữa công cụ, rồi máy nổ, rồi đứng tiện hàng loạt chi tiết máy. Cô khỏe và tính lại sáng dạ. Các bác thợ bậc cao có tay nghề giỏi rất thích cô làm cho những việc nặng nhọc. Cô vận động anh chị em góp tiền mua cái máy giặt nhãn hiệu "Yêu vợ" của Nhật để giặt những bộ quần áo lao động. Người ta thì thảo về nhà ở, về cách sinh hoạt nhất là những bữa tiệc của Phật, cô muốn tìm hiểu về thực chất trong bữa tiệc này.

Giá thử xuất hiện ở bữa tiệc thì cô cứ như ngôi sao sáng trên màn ảnh. Nhưng trên đường đi đến gần cửa hàng đặc sản, nghe tiếng nhạc giặt gân, quan khách đến đã đông đủ, thức ăn đã được bưng ra bàn, Phật chỉ còn chờ Ủi đến. Thì Ủi bỗng ngoặt trở lại. Cô nghĩ mình đến chỉ để làm cảnh cho họ. Để mua thế. Đứng hòng.

"Tiệc tùng hát xướng quanh năm. Hối tiền đó lấy ở đâu ra? Trời lại sắp mưa rồi. Những viên ngói kiểu Pháp đóng ầu bằng cát, xi măng: hòn nào cũng vênh vênh vào vào. Nhà không trần. Trời nắng thì người ở trong đó như trong cái bếp tập thể. Còn trời mưa thì nước cứ giọt như rỏ xáo. Mình cứ lui tới những bàn tiệc như thế này thì công nhân họ sẽ ghét đổ nọc. Đảng viên mà xa rời quần chúng thì Đảng sẽ bị tiêu diệt. Gương tầy liếp ra rồi đó.

Cô phải lườn lách trong bóng tối để trở về nhà mình. Hệ chiếu sáng của thị xã chưa được tốt lắm. Trong lúc này mình không phải là bọn trộm cắp hay dĩ thoã mà lại thích bóng tối ư? "Sự vật cái gì cũng tiềm tàng những mâu thuẫn bên trong".

Đúng quá. Sáng hôm sau, một anh công nhân hỏi:

- Tối hôm qua cái Mão nó bảo không thấy chị Ủi đi ăn tiệc. Những con tôm hùm to bằng cái này này - Anh ta giơ cái cổ tay như cái dùi đục gỗ kiêng lên - Lòng đỏ trứng gà đánh thành kem, trộn với dầu, xà lách với muối với hạt tiêu để làm nước sốt chấm tôm hùm. Sấm banh nổ bom bốp. Đòi người ta có sướng không?

- Tôi nghĩ họ ăn mặc lòng - Ông thợ tiện già nói, nhưng họ phải làm thế nào cho nhà máy phát triển, công nhân không khổ là ở được rồi...

"Hồi này công nhân thiếu việc. Hàng xấu quá, người ta không mua. Nhưng Phật nói: "Làm kinh tế phải tính đến hiệu quả cuối cùng". Phật có lý của Phật.

Độc lập, thống nhất rồi, không còn ai bóc lột của ai nữa, thế thì anh nào nghèo là anh ấy dần, nếu chưa phải là đầu óc ngu si!

Nguyên trước anh ta có cái tên là Dương Thanh Danh. Cái tên đó, ba tiếng đầu là thanh bằng, nghe nó thế nào ấy. Vả lại nó lại là một câu trong sách vỡ lòng của bọn hủ nho. Có người bạn biết Hán Nôm nó bảo thế, anh phải đổi tên mới được. Khi vào Đảng, Danh lấy cái tên (bí danh) là Phạm Bần Phật. Dịch mỗ cò là nếu phạm vào cảnh nghèo khổ thì phải phạt.

"*Tiếng thơ* là một tờ báo lớn, nó lớn đến chiếm gần hết một bức tường của nhà máy. Mới số đầu người ta đã đến xem đông như kiến mà phần lớn là các cô con gái xứ Đông.

"Lúc đầu, tờ báo như không nói về chính trị mà bàn về thời trang. Nguyễn Thị Ủi nêu vấn đề các cô gái xứ Đông nhất là các cô con gái thành Đông có quyền mặc váy ngắn, váy rất ngắn. Các bà, các cụ nhà mình, các mẹ, các cô mình đã từng mặc váy rất ngắn.

Cô lần lượt chứng minh. Váy quai cồng là một thứ mini giuyp! Ngắn đến độ các bà, các mẹ khi đi cấy, đi gặt thường phải lấy rơm buộc giùm gấu váy lại. Đó là phương pháp tuyệt vời biến cái "quần một ống" thành hai ống. Cái gì cũng có tính lịch sử của nó. Chính vì thế cho nên rằng thì là... Ủi kết luận bài báo bằng một khúc "vĩnh cửu ngâm" đọc hết ngày này đến ngày khác cũng không hết: "*Lạ gì con gái xứ Đông. Cái váy thì ngắn cái lông thì dài. lạ gì con gái xứ Đoài. Cái vú bên ngoài, cái váy bên trong. lạ gì con gái xứ Đông...*".

Người từ đâu kéo đến xem báo *Tiếng thơ* đông quá. Không có tủ ảnh của đại sứ quán nào ở Hà Nội lại người đến xem đông như thế. Rồi người ta cũng phải xem đến những quảng cáo. Nhà máy có bán và sửa chữa các loại máy làm đất, bơm nước, phun thuốc trừ sâu, đập lúa, tách hạt ngô có bảo hành do kỹ sư tài năng Phạm Bần Phật trực tiếp săn sóc, bạn đọc thông cảm, văn kẹo kéo thì thường dùng những khẩu ngữ đưa đẩy ề à như hát chèo ấy mà.

Ủi nhìn bằng con mắt của trái tim. Nhu cầu của chị em hiện nay là chưa cao. Xã hội chủ nghĩa đối với chị em là cái gì? Cơm cá và nước chè! Sự ở và sự mặc cũng như nhu cầu văn hoá khác cũng chỉ cần tương xứng với sự ăn. Nếu không mất cân đối (với sự ăn) thì các nhu cầu khác càng nhiều càng tốt. Các chị đã có con, thì tí son, tí phấn, tí nước hoa không xén vào quà sáng (ở thành thị), vào cơm nguội (ở nông thôn) của các con thì đều có thể chấp nhận được. Càng chấp nhận được, nếu là tối biểu diễn văn công. Mà đã văn công thì phải thật hay, nếu không thì bốp vù đàn ông còn hơn. Thừa các bạn văn hoá nghệ thuật Hải Hưng kính mến ạ.

"Ủi có lập trường giai cấp công nhân của mình.

Bây giờ nói đến "lập trường" thì người ta ngán hơn là phó mát "*Bò cái cười*". Nhưng đây là lương tri, là tấm lòng như bánh đúc bày sàng của Ủi. Là một đảng viên của đảng cầm quyền sống như thế nào đây? Riêng đối với Ủi thì không ngại vì Ủi chỉ thích làm thơ, làm thơ.

Làm thơ lương sản phẩm, có năng xuất, chất lượng thì mới có lương. Bài thơ nào hay thì được in, không hay thì thôi. Tiền nhuận bút một bài thơ đăng báo, nếu tác giả ngã vào hàng chè chén thì phải bù lỗ! Vụ này có lẽ không cần nhân chứng.

Ta đang theo dõi về báo tường *Tiếng thơ*. Hãy ước lệ với nhau: *Tiếng thơ* đương đưa ta vào một thế giới trong thí dụ *Tiếng thơ* mà không có tinh thần quốc tế thì nó còn ra cái hệ thống cố gắng gì nữa. Không có bài bình luận thời sự thì phải đi đặt. Đi đặt không có người viết thì phải tự viết lấy. Cái loại hình thức nó là như vậy. Vả lại, viết báo tường như văn tế. Người viết, người đọc, thần nghe, người nghe xong rồi đốt vào đi, nó có như văn bia đâu mà sợ. Vậy Ủi phải viết bài thơ xã luận:

Lại nhuốn nhơ nữa ư

Lá cờ cao quý

và

thiên liêng

của Liên Hiệp Quốc

đã được tẩy uế chưa?

Mà còn định nhuộm nước cống ở Li Bi

Bu triệu người dân thích dòng sông nhân tạo

đe dọa nền hoà bình của siêu cường quốc nào

Lá cờ của Liên Hiệp Quốc

Đang định nhuộm cả nước cống và cả máu

Hỡi những người Châu Phi

Hỡi nhân loại

Chúng ta đang nghĩ gì

Về lá cờ cao quý đó?

Về Li Bi

Li Bi

Ký tên: Người đàn bà Ả Rập"

Sau đây là phần cuối truyện, như có đoạn Võ Huy Tâm đã dẫn "Nhiều chi tiết trong giai đoạn

sinh động hơn trong hiện thực dù người viết luôn luôn nhắc nhở bạn đọc đang sống trong ví dụ. Nó vẫn chưa hoàn toàn trở thành huyền thoại, nếu cái Ủi không đang quét nhà như lên đồng chùi, như ngày còn bé, cô chèo đò bằng tay".

Truyện tiếp theo là nhà máy làm ăn ngày càng thua lỗ, ban thanh tra về phát hiện những tội lỗi và bịp bợm của phó giám đốc kinh doanh "Dương Thanh Danh - Phạm Bần Phạt".

Võ Huy Tâm kết thúc truyện như sau:

"Phạt xuất hiện trong bộ quần áo bảo hiểm lao động ủ rũ như con cò phải bão đứng trước mặt "lệnh tướng" tay đang cầm cái chổi, không phải cái chổi mới được buộc mà cái chổi mòn bởi lưng còn một cái đai. Trong phong trào chống tham nhũng sẽ để ra những vị tướng chống tham nhũng. Vị tướng đó có thể là ngài thanh tra tài chính có trình độ khoa học và nhất là toán học rất cao và cũng có thể có những vị tướng bình thường như cái Ủi.

- Em có tin trên đời này... - Phạt ủ rũ như người thất vọng vì tình giờ lâu mới mở miệng - có tình yêu cao thượng, tình yêu thuần túy về tinh thần không?

- Có thể lắm chứ. - Ủi trả lời - Nếu không có nó thì con người ăn ở với nhau ra cái giống gì được?

- Như thế thì anh đã tham ô, đã hủ hoá và cũng đã yêu em bằng một tình yêu cao thượng.

Nói được câu đó, Phạt không ôm hôn, không áp má như đối với những "bồ" tầm thường khác, mà ông quỳ xuống để "chiêm ngưỡng" Ủi. Ông cứ thế bé dần, dần biến thành con cò bão, biến thành rác công nghiệp, rác thương nghiệp, biến thành cọng rác phổ thông rồi tan biến vào trong không gian.

Trước mặt cái Ủi

Chỉ có một cái chổi

Như bức tranh minh hoạ một bài thơ

Mà người ta bảo của

Lê Thánh Tông

Rồi bản thảo truyện này Võ Huy Tâm có gửi cho ai, cho nhà xuất bản nào, cũng chẳng thấy Võ Huy Tâm kể lại với tôi. Nhớ lại nó, tôi chỉ ngấm ngợi, và mong ngóng vu vơ như cái cảm tưởng mọi khi đọc Võ Huy Tâm. Ý chính, chủ đề, cái tâm của người viết rõ ràng mà lại không rõ ràng vì sự thể hiện cứ loăng quăng như thế nào và tinh hoa hé ra, ánh lên rồi lại mờ đi từng chỗ. Làng văn thể giới cũng chẳng thiếu người như Võ Huy Tâm. Như tác phẩm tự truyện người tù khổ sai đã thành biệt danh, phổ biến là *Papiông*. Câu chuyện kể một người bị án oan và những cuộc vượt ngục ly kỳ. Tác giả, nhân vật chính trong truyện khi về già và đã viết lại đời mình. Nhưng ông viết tác phẩm thứ hai đòi hỏi nhiều tưởng tượng và sáng tạo thì nhạt hần. Nhưng Võ Huy Tâm không phải, không giống ngòi bút Papiông. Võ Huy Tâm tràn đầy cái để viết xưa cũ đã có và những nóng bỏng thời nay cũng không thiếu. Nhưng Võ Huy Tâm đã cuốn vào những vẩn vơ mà tưởng là đương cất công khám phá. Mỗi người viết đều có thời không phải là lúc nào cũng tinh hoa và sức lực nhất, tôi thường nghĩ.

Và Võ Huy Tâm lại làm thơ! Các bạn ở Quảng Ninh nói anh làm thơ nhiều lắm. Võ Huy Tâm không bức tôi đã can anh đừng có thơ thần, nhưng Võ Huy Tâm cũng chẳng để ý lời tôi nói. Võ Huy Tâm vẫn làm thơ, càng làm thơ. Lại viết cả truyện ngắn bằng thơ.

Bài thơ dài đầu đề là "*Nhựa sống cây trí tuệ* - truyện ngắn có vần của Võ Huy Tâm" đăng trên tạp chí Diễn đàn gần đây. Một đoạn mở đầu:

Tổ kiến! Kiến tổ!

Vừa đổ vừa giáng

Đổ bạn

Quả gì to nhất

Không kể quả chuông

Quả núi

và quả đất

Hoặc trứng của động vật như trứng chim khổng lồ

Cây của nó chính là cây trí tuệ phương Đông

Người Ấn Độ gọi là bla mít sa

Cây đó được trồng từ đời ông đời cha

Người Trung Hoa phiên Bà la mật.

Ta gọi nôm na là cây mít

Đời con ăn quả

đời cháu làm nhà

Gỗ của nó người ta có thể tạo ra toà sen, tượng Phật

Đóng bàn thờ và tiện đồ thờ

Cả giá nển, cây đèn, bình hương bình hoa

Cả những cái lồng oản có đáy rời

Những cái đài có nắp sơn

sơn thếp vàng

như đồ mỹ nghệ

Dùng để đựng chén khi tế lễ

dẫn rượu

dâng trà

Lá của nó thường được lót dưới đáy phẩm oản

hoặc gấp cuộn bồ đài đựng cháo hoa

đem phát cho thập loại chúng sinh

Hơn nữa lõi của nó được dẻo thành cái mõ

(Tinh tinh - cúm!)

Rồi những đoạn sau chẳng bận gì đến cái dài dòng mở đầu này. Ấy thế nhưng ở "*Nhựa sống cây trí tuệ phương Đông*" cũng bật ra vô khối câu chữ đặc biệt Võ Huy Tâm, những câu chữ dân gian được lấy ra từ cuộc sống. Cách nói như hát đố cổ "*Tổ kiến! Kiến tổ! Vừa đố vừa giảng*". Tục ngữ sinh hoạt và nhận xét "*Đời con ăn quả, đời cháu làm nhà*". Những chữ hay, chữ chính xác (giá nển, cây cây đèn, cái đài, bồ đài, tiện đồ thờ, lồng oản có đáy rời, dẫn rượu...). Và lối kể câu chuyện thật nôm na, lôm lam.

Nhưng thôi, còn đông dài nữa mà chi!

1997

-- Hết --

[1] Tiểu thuyết *Sống mòn*, đầu tiên, Nam Cao đặt tên là *Chết mòn*.

[2] *Bảy bông lúa lép*, truyện của Nam Cao, Nhà xuất bản *Cộng Lực* 1941.

[3] Nhà sẫm (do chữ Pháp chambre), nhà chứa trọ, phòng cho thuê, thường có gái điếm

[4] *Tự truyện*, hồi ký của Tô Hoài, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1976 (tái bản 1984, 1997)

[5] Những đoạn văn ngắn của Trần Đăng, in trên tạp chí *Độc Lập*

[6] Một đồn của Pháp trên một quả đồi tên là Dóm ở bờ sông Thao địa phận tỉnh Yên Bái.

[7] Nam Cao hy sinh ngày 1-10-1951.

[8] Sau tháng tám 1945, Trần Kim Xuyên công tác tại đài Tiếng nói Việt Nam. Đầu 1947, đã hy sinh trong trận Pháp tấn công vào nơi phát thanh của đài trong núi Tử Trầm gần thị xã Hà Đông

[9] Đô đốc Bảo, một dũng tướng của Tây Sơn. Những phát hiện mới đây được biết Đô đốc Bảo là Đông Lĩnh hầu Đô đốc Đặng Tiến Đông, người xã Lam Điền, huyện Chương Mỹ, hiện có tượng thờ ở chùa Trăm Gian: huyện Hoài Đức (Hà Tây)

[10] Tháng giêng 1963

[11] Nhà xuất bản Văn Học 1971

[12] Xú-vơ-nia (tiếng Pháp) có nghĩa là kỷ niệm. Nguyễn Công Hoan
nhại đùa: Xú-vơ-lia.

[13] Hỏi chuyện các nhà văn, Nhà xuất bản Tác Phẩm Mới, 1977

[14] Một thứ thuốc chữa sốt rét

[15] Cặp hai ngăn

[16] Sanda Bô, bù nhìn Ấn Độ theo phát xít Nhật

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>